8°
INDO-CHINOIS
25 F

I

TRẦN-TRUNG-VIÊN

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
RF

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº H30

文壇寶鑑

VĂN-ĐÀN BẢO-GIÁM

Tập thơ cổ đủ các lối văn

QUYỂN THỨ NHẤT

IN LẦN THỨ NHẤT

1926

NGHIÊM-HÀM ẤN QUÁN
58, Phố Hàng Bông **HANOI**

Giá bán: **0$70**

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Pio M. Cavalieri

TRẦN-TRUNG-VIÊN

文壇寶鑑

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 1430

VĂN-ĐÀN BẢO-GIÁM

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
RF

Tập thơ cổ đủ các lối văn

QUYỂN THỨ NHẤT

IN LẦN THỨ NHẤT

HANOI
IMPRIMERIE NGHIÊM-HÀM
58, Rue du Coton, 58
1926

8° Ind-Ch-
255

TỰA

Văn-chương là tinh-hoa của giời đất, phát-tiết ra ở những người tài-chí; cho nên những văn-chương tuyệt-tác không tiền tuyệt hậu phần nhiều ở những tay người tài-tuấn mô-tả ra. Nước ta là một nước văn-hiến, có tiếng ở cõi Á-Đông, mà các lối quốc-văn mới thực là các tinh-hoa của tổ-quốc.

Xét gốc rễ về phần quốc-văn phát-hiện ra từ Nguyễn-sĩ-Cố nhà Trần, nhưng thủ-trọng bất thường, triều-đình ít khi lấy quốc-văn làm đường thủ-sĩ, nên quốc-dân cũng không khuynh-hướng cho lắm. Còn như các bậc hưu-quan dật-sĩ, nhiều khi chán văn Hán dùng văn nôm, để di-dưỡng tính tình, chứ cũng không công-bố cho quốc-dân đồng lãm, nên những nhời châu ngọc của các bậc tiền-chiết mai-một ở chỗ nhà cỏ lều ranh, ngày một hao-mòn, khó mà tìm lại được.

Gia chi dĩ, chữ nôm của ta thực không chuẩn-đích, ai viết ra người ấy đọc được, dẫu sách có ấn hành, nhưng ít người ham đọc, vì chữ nôm chắp-chảnh, khó mà đọc thông, nói đến những nông-nỗi quốc-văn của ta, vì những lẽ ấy mà không được phát-đạt.

Bây giờ lấy quốc-ngữ làm sơ học đồ triệt, lấy quốc-văn liệt vào các giáo-khoa, khác nào một cây lão-thụ, lại hưởng-thụ được hơi dương đầm ấm, mưa móc dồi-dào, mà chả đâm chồi nẩy lộc, phát-dương sinh-sắc hơn trước dư? Vậy thì quốc-văn

của ta lại càng phải bảo-tồn lắm, vì tinh thần văn-chương của nước ta ký-ngụ ở đó ; người có lòng sốt-sắng với quốc-văn mà lại đạm-bạc vô tình ru ?

Bỉ-nhân nghĩ đến đều đó, bèn biên-tập các văn cổ, chia làm từng đoạn, từng lối, nào : thất ngôn. ngũ ngôn, phú sách, hát nói, vân vân.., nhan đề là VĂN-ĐÀN-BẢO-GIÁM, trước là lưu-trữ các thơ văn của nước nhà, sau là hiến các bậc cao minh trong lúc thanh nhàn vô sự, thì cái việc sưu-tập này, thực là một mảnh chân tâm của bỉ-nhân đối với quốc-văn phải nên như vậy.

Sau này quốc-văn của ta một ngày một thịnh, kêu như gió thổi, dật như sấm vang, cũng là nhờ về các bậc danh nhân đưa đường chỉ nẻo cho. Phương ngôn có câu : phi cồ bất thành kim, thế đủ biết các lối quốc-văn của ta thực là một tấm gương trong rất báu, để lại cho bọn thiếu-niên ta đang phấn-khích ở lúc học giới tân cựu này vậy.

Tháng chạp năm Ất-Sửu
(Février 1926)
TRẦN-TRUNG-VIÊN

MỤC LỤC

	Số trang
Bát cú.	9 đến 93
Tứ tuyệt.	94 » 102
Ngũ ngôn	103 » 108
Hát nói	109 » 176
Văn tế Phú, Kinh-nghĩa.	175 » 234
Sầm	235 » 238
Song thất lục bát	239 » 273
Lục bát	274 » 280

CẢI CHÍNH

Trang thứ	13	dòng thứ	10	dù đuoc	đổi là	dù được
—	23	—	18	lẫn sự đời	—	lẫn sự đời
—	30	—	25	tử-thanh thầy	—	thử-thanh thầy
—	47	—	2	giả ơn ông	—	dã ơn ông
—	70	—	10	quá khách	—	quán khách
—	71	—	17	phồn hon	—	phồn hoa
—	71	—	25	ruồi song song	—	ruỗi song song
—	73	—	1	tự tình	—	qua sông phụ sóng
—	79	—	5	toét-tòe-loe	—	tóe-tòe-loe
—	97	—	6	Tú-Xương	—	Lê-Thánh-[illegible]n
—	98	—	2	đổi là	—	nói là
—	113	—	9	cờ con	—	cơ con
—	161	—	28	cơ-mầu	—	cơ-cầu
—	177	—	(cuối cùng)	mấy lan	—	mấy lần
—	180	—	26	vỗ về	—	vỗ vế
—	181	—	26	hết nương	—	hết lương
—	184	—	9	lữ-xã	—	lữ-xá
—	193	—	7	thượng chi	—	thượng chí
—	193	—	24	chung chinh	—	chung chi
—	196	—	5	giỏi y bát	—	giỗi y bát
—	201	—	6	quá lúc	—	quá lứa
—	204	—	15	bể ân-ái	—	bể ân-ái
—	219	—	20	miền viên-thú	—	niềm viễn-thú
—	222	—	3	xuống lỗng	—	xưởng lóng
—	229	—	23	Lội nội Tầu	—	Lội nội Tần
—	242	—	2	chưa dành	—	chưa đành
—	243	—	26	lựa mây câu	—	lựa mấy câu
—	246	—	3	từ dây	—	từ đây
—	247	—	6	đối lời	—	dối lời

Thơ cụ NUYỄN-BỈNH-KHIÊM (*Trạng-Trình*)

1. — Giầu chễnh-chện, khó lơi thơi,
Vận chuyển lưu-thông há của ai.
Vũng nọ ghê khi làm bãi cát,
Chồi kia có thuở lọt hòn thai.
Khôn-ngoan mới biết thăng rồi dáng,
Dại-dột nào hay tiều có đài.
Đã khuất bao nhiêu thì lại tủi,
Đạo giời lồng-lộng chẳng hề sai.

2. — Giầu ba bữa, khó hai niêu,
Yên phận thì hơn hết mọi điều.
Khát uống chè mai hơi ngọt-ngọt,
Sốt kề hiên nguyệt gió hiu-hiu.
Giang sơn tám bức là tranh vẽ,
Hoa cỏ tứ mùa ấy gấm thêu.
Thong-thả hôm, khuya nằm, sớm thức,
Muôn vàn đã đội đức giời Nghiêu.

3. — Giầu sang người trọng khó ai nhìn,
Mấy dạ yêu-vì kẻ nhỡ-nhàng.
Thuở khó dẫu chào, chào cũng lảng,
Khi giầu chẳng hỏi, hỏi thì quen.
Quen hiềm dan-díu đều làm bạn,
Lảng kẻo lân-la nỗi bạ men.
Đạo nọ nghĩa này trăm tiếng,
Nghe lui thinh-thỉnh lại đồng tiền.

4. — Thấy dậm thanh vân bước ngại chen,
Được nhàn ta xá dưỡng thân nhàn.
Ba gian am-quán lòng hằng mến,
Đòi chốn sơn hà mặt đã quen.
Thanh vắng thú quê giầu bao ná,
Dữ lành miệng thế mặc chê khen.
Mai kia chửa dễ thu nên muộn,
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

5. — Tháng mảng đã qua ngày đã rồi,
Hay yên thửa phận mới nên vui.
Bóng hoa lay động am chư phật,
Măng chúc còn tươi bếp mới sôi.
Hội đám công danh nhiều thỏa chí,
Thư-nhàn sơn giã mới hay mùi.
Làm người chớ thấy tài mà cậy,
Có nhuệ bao nhiêu lại có đồi.

6. — Trải gian-nguy đã mấy phen,
Thân nhàn phúc lại được về nhàn.
Niềm xưa trung ái thề không phụ.
Cảnh cũ điền viên thú đã quen.
Ba quyển đồ-thư thu nặng túi,
Một thuyền phong-nguyệt chở đầy then.
Giời cũng biết nơi lành giữ,
Họa phúc không dong cái tóc chen.

7. — Được thua thấy đã ít nhiều phen,
Để rẻ công-danh đổi lấy nhàn.
Am Bạch-Vân rồi nhàn hứng,
Dặm hồng-trần vắng ngại chen.
Ngày chầy họp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chớ chớ thờ-ơ nhìn mới biết,
Đỏ thì son đỏ mực thì đen.

8. — Học ít thì thêm lại bất tài,
Già mà luống phụ chí con giai.
Quân thân thề hết lòng thờ một,
Xuất sử cầu chưa đạo được hai.
Mầm phúc vun giồng đừng ngại nẩy,
Cửa nho ngỏ kẻo phải then cài.
Yêu-đời phận dầu tự-tại,
Lành dữ khen chê cũng mặc ai.

9 — Buồn về biếng thấy cái đao binh,
Yên phận thì lành ở một mình.
Nghĩa cả luống quen tôi chúa cũ,
Thề xưa nỡ phụ nước non xanh.
Rồi nhàn thời ấy tiên vô sự,
Ngâm-ngợi cho nên cảnh hữu tình.
Hai chữ mãn-doanh này khá ngẫm,
Mấy người chọn được chữ thân-danh.

10. — Tuổi đà ngoại tám mươi già,
Thấm-thoắt xem bằng bóng ngựa qua.
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết,
Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa.
Giầu có phận là ơn chúa,
Được làm người bởi đức cha.
Am-quán ngày nhàn rồi mọi việc,
Dầu ta tự-tại mặc dầu ta.

11. — Mệnh ở giời há phải cầu,
Đòi thời đi đỗ mặc ta dầu.
Kìa ai ải bắc lưng đeo ấn,
Nọ kẻ miền đông tay rủ câu.
Chửa dám công danh đi phải lụy,
Trong nơi ẩn-dật mới nên mầu.
Thưa nơi doanh-mãn (1) là nơi tồn,
Hãy ngẫm cho hay kẻo nữa âu.

12 — Cầy mây cuốc nguyệt gánh yên-hà,
Nào của nào chăng phải của ta.
Đêm đợi giăng lồng bóng trúc,
Ngày chờ gió thổi tin hoa.
Thấy cơ doanh-mãn cho hay chửa,
Phải đạo chung-thường chớ có qua.
Dẫu lấy thánh kinh nơi thửa học,
Vì chưng xuất-sử đạo thờ cha.

---

(1) Doanh-mãn : đầy-đủ.

13. — Tuổi già mới tám mươi hai,
Mọi của nhưng-nhưng thấy đã ngoài.
Yên phận ta nhàn được thú,
Có dùng người trọng vì tài.
Chim kêu hoa động thời xuân muộn,
Nguyệt bạc đêm thanh hứng khách giải.
Ân chúa đã nhiều chưa báo,
Lòng còn canh cánh ắt khôn nài.

14. — Tóc đã thưa, răng đã mòn,
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ cuộc rượu vầy hoa trúc,
Bó củi cần câu chốn nước non.
Nhàn được thú vui hay bao nả,
Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon.
Chín mươi thì kể xuân đã muộn,
Xuân ấy qua thì xuân khác còn.

15. — Lấy chăng ai cấm mặc ai dùng,
Hễ của tự-nhiên ấy của chung.
Non nước có mùi lòng khách nhớ,
Trúc mai làm bạn hứng thơ nồng.
Chốn điền viên cũ dầu thong-thả,
Đạo thánh hiền xưa luống chốc mòng.
Lòng thử hỏi lòng không nỗ-thẹn,
Đến đâu thì cũng có xuân-phong.

16. — Chửa dễ ai là bụt Thích-Ca,
Mọi niềm nhân ngã nhẫn thì qua.
Lòng vô-sự trăng in nước,
Của thảng-lai (1) gió thổi hoa.
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già.
Thanh-nhàn ấy ắt là tiên khách,
Được thú ta đà có thú ta.

---

(1) Thảng lại : của vụt lại, còn hết không chừng.

17. — Mảng chê người ngắn cậy ta giài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai.
Mùi nọ có bùi không có ngọt,
Thức kia chầy thắm lại chầy phai.
Dù hay phận mới yên phận,
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài.
Quân tử ngẫm hay nơi xuất-sử,
Ắt là khôn hết cả hòa hai.

18. — Nhưng-nhưng mọi sự gác bên ngoài,
Dù được dù thua ai mặc ai.
Mùi thế gian nhiều mặn nhạt,
Đường danh lợi có chông gai.
Mấy người phú-qui hay yên phận,
Hễ kẻ anh-hùng những cậy tài.
Dù thấy hậu sinh thời dễ sợ,
Sừng kia chẳng mọc, mọc hơn tai.

19. — Vụng khéo nào ai chả có nghề,
Khó khăn ai lụy đến thê nhi.
Được thì thân-thích đem chân đến,
Thất thế hương-lư (1) ngảnh mặt đi.
Thớt có tanh tao ruồi đỗ đến,
Gang không mật mỡ kiến bò chi.
Đời nay những trọng người nhiều của,
Bằng đến tay không ai kẻ vì.

20, — Thế gian biến cải vũng nên đồi,
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc còn tiền còn đệ tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thực,
Ai nấy nào ưa kẻ đãi-bôi.
Ở thế mới hay người bạc ác.
Giầu thì tìm đến khó tìm lui.

---

(1) Hương lư: làng sóm.

21. — Ở thế đừng tranh đứng trượng-phu,
Làm chi cho có sự đòi-co.
Đây cậy đây khôn đây chẳng nhịn,
Đấy rằng đấy phải đấy không thua.
Ác nọ hãi còn đua đến bạng,
Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
Chữ rằng : nhân dĩ hòa vi qui,
Vô sự thời hơn kẻo phải lo.

22. — Dữ lành miệng thế mặc chê khen,
Tuổi đã già thì mọi sự hèn.
Lộc nặng há quên ơn chúa nặng,
May nên những lệ thuở công nên.
Đồng-triều quan cũ hay lòng ít,
Bạn sĩ quê xưa họp mặt quen.
Vinh nhục một cơ hằng đắp-đổi,
Ắt là từng thấy một đôi phen.

23. — Đạo đức hiền hay mến khó khăn,
Quyền môn chốn ấy biếng chen chân.
Hứng phong nguyệt chè ba chén,
Thú thanh nhàn lều một ngăn.
Quét cửa nho chờ khách đến,
Trồng cây đức để con ăn.
Được thua phú—qui dầu thiên mệnh,
Chen-chóc làm chi cho nhọc-nhằn.

24. — Khó thì mặc khó có nài bao,
Càng khó bao càng chí anh hào.
Đại địa đắp nam-nhạc khỏe,
Cửu-tiêu thẳm bắc-thuần cao.
Lấy khi đầm-ấm bù khi lạnh,
Nhớ thuở khô-khan có thuở rào.
Kìa nếu Tô-Tần nghèo thuở trước,
Chưa đeo tướng ấn có ai chào.

25. — Lọ là thành thị lọ lâm-toàn,
Được thú thì hơn miễn phận nhàn.
Vụng bất tài nên kém bạn,
Già vô-sự ấy là tiên.
Đồ-thư một quyển nhà làm của,
Phong-nguyệt năm hồ khách nổi thuyền.
Dẫu nhẫn chê khen đầu miệng thế,
Cơ mầu tạo hóa mặc tự nhiên.

26. — Người ba đấng của ba loài,
Khôn biết chiều hoa nỗi thắm phai.
Tiệc ngọc còn chờ người qui giá,
Mâm son hãy đợi khách cao-tài.
Gươm trời nỡ để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt chi cho đứa độc mài.
Ơn nghiêm liếc soi thăm-thẳm,
Vàng mười đứng giá nọ trêu ai.

27. — Nói nên hoang, lại nói rằng thì,
Sang trọng người yêu khó chẳng vì.
Nhị kết hoa thơm ong đến đỗ,
Mỡ bùi mật ngọt kiến nào đi.
Thanh-tao của có thanh-tao mấy,
Náo-nức tay không náo-nức gì ?
Mặc rủi mặc may khi gặp dịp,
Khen chi chê biếng cợt mà chi.

28. — Nép mình qua trước chốn sôn-sao,
Mấy sự, bên tai gió thoảng ào.
Cửa trúc vỗ tay cười khúc-khích,
Hiên mai vẫn đứng hát nghêu-ngao.
Lo-le đã vậy thời dầu vậy,
Vật-vãnh màng bao xá quản bao.
Chẳng hết trung cần hai chữ ấy,
Nhờ ơn đất rộng cậy trời cao.

29. — Giầu khó đành hay chỉn phận mình,
Mấy đường gai-góc biếng đua-tranh.
Cơm ăn chẳng quản mùi xa bạc,
Áo mặc nề chi tấm rách lành.
Đạp gối mong nhiều người ẩn-dật,
Bận lòng lại tưởng cái công danh.
Cho nên nấn-ná trong lều cỏ,
Nhân mát ngồi xem thuở thái-bình.

30. — Biết đạo thì công giời có tư,
Thuở nơi xuất sử ngẫm cho hay.
Bầu cơ-sơn nhẹ nào ai phụ,
Bút ngọc-đường thanh họa kẻ hay.
Ở thế nhiều người giại lỡ,
Làm giai mấy kẻ khôn ngay.
Nhưng-nhưng mọi việc đà ngoài hết,
Nhàn một ngày là tiên một ngày.

THAN THÂN CHƯA ĐẠT *(Tú Xương)*

Ta chửa trang xong cái nợ ta,
Lễ đâu chịu nợ mãi rư mà.
Đường con bu nó một năm một,
Luống tuổi nhà thầy ba lẻ ba.
Mở mặt quyết cho vua chúa biết,
Mua danh kẻo nữa mẹ cha già.
Khoa này ta học khoa sau đỗ,
Chẳng những Lương-Đường (1) có thủ-khoa.

TỰ-VỊNH

Mặc ai xe ngựa mặc ai hèo,
Ngồi tựa hiên mai vẫn chéo-kheo.
Bầu rót rượu tiên mời bạn cũ,
Tay nâng thuốc thánh chữa dân nghèo.

---

(1) Lương-Đường: làng Lương-Đường thuộc tỉnh Hảidương là làng văn-vật.

Thơ ngâm Lương-phủ người ngoài núi,
Đàn gẩy cao-sơn khách ngọn đèo.
Mấy thuở thái-bình nay lại gặp,
Vỗ tay đưa dịp tỉnh tình cao.

ĐÁNH-CỜ

Hây-hẩy giời xuân lúc mới trưa,
Anh hùng đua chí hội mây mưa.
Ngựa xe rong-ruổi quân hùng-hổ,
Tượng sĩ nghênh-ngang tướng thần-thơ.
Trên tiệc tiếng tăm lừng bốn bể,
Trong quân mưu trí tót muôn kỳ.
Cảnh hay trước mắt nào khôn biết,
Thú-vị thanh-thơi đệ nhất cờ.

TIỄN SỨ-THẦN

Danh thơm lương-sứ nẻo xưa còn,
Cừu-đái (1) nay nên tạc tấc son.
Khiển-khuyển (2) tư-ân lòng thế-thái,
Ân-cần công-nghĩa đạo tôi-con.
Phượng-tiên (3) năm-nắm niềm khuya sớm,
Long-tiết (4) chăm-chăm trải nước non.
Tế-sự (5) một mai ca Tứ-mẫu (6),
Công-danh hai chữ vẹn vuông tròn.

ĐỀ RỒNG ĐÁ *(Phạm-Thẩu)*

Qua cửa ngũ-môn, trông thấy con rồng đá, cảm-hứng ngâm rằng:

Chợt qua năm cửa động lòng thơ,
Rồng đá sao rầy gọi biếng thưa.

---

(1) Cừu-đái: áo cừu, dải mũ là nói ông quan.— (2) Khiển-khuyển: gần bó.— (3) Phượng-tiên: giấy vẽ phượng nhà vua, đây ý nói sứ-điệp. — (4) Long-tiết: cờ nhà vua ban. — (5) Tế-sự: nên việc. — (6) — Tứ-mẫu: thơ Tứ-mẫu trong kinh Thi, ý nói vua tiễn quan sứ thần.

Nền-nếp vẫn còn nền-nếp cũ,
Lễ-văn sao khác lễ-văn xưa ?
Ý nhân thiên-tử thôi chầu sớm,
Hay bởi đình-thần mới thức trưa ?
Nào kẻ mây mưa duyên khế-trước,
Tôn Chu (1) nghĩa cả khéo thờ-ơ.

ĐĨ GIÀ ĐI TU (*Tôn-Thọ-Tường*)

Chầy kình dóng tỉnh giấc vu-san (2),
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng.
Đài cảnh biếng soi mầu phấn nhạt,
Cửa không đành gửi cái xuân tàn.
Chạnh niềm hoa liễu vài câu kệ,
An giấc tang-du (3) một chữ nhàn.
Ngảnh lại lầu xanh thương những kẻ,
Trầm-luân chưa khỏi kiếp hồng-nhan.

VỊNH NÚI NGŨ-HÀNH (*Bà Bang-nhỡn*)

Cảnh-chi nào hơn cảnh chi này,
Bồng-Lai âu cũng hẳn là đây !
Núi chen sắc đá mầu phơi gấm,
Chùa nực hơi hương khói lộn mây.
Ngư-phủ gác cần ngơ mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.
Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách,
Khen bấy thợ giời khéo đắp sây !

VỊNH NÚI NGŨ-HÀNH (*Thái-duy-Thanh*)

Hay là ông Lý Khổng-Lồ xây ?
Mới có non non nước nước này.

---

(1) Tôn chu : ý nói là tôn vua. — (2) Vu-sơn : núi Vu-sơn bên Tầu, ngày xưa vua Tống-Tương-Vương chơi ở núi Vu có tưởng nhớ người thần-nữ ở đấy. — (3) Tang du : là hai tên cây, ý nói cảnh già.

Ngó lại ngó qua năm đống đá,
Tu lêu tu xuống mấy ông thầy,
Lên đài Vọng-Hải trông xa mụ,
Vào động Huyền-Không thấy trống quầy !
Lếu-láo ngâm đưa đôi chén rượu,
Cõi trần khi cũng có tiên đây.

Vịnh sử bà PHAN-THỊ-THUẦN

(Trẫm mình theo chồng ở sông Thuý-Ái).

Mặc ai chê trách mặc ai cười,
Dạ đá gan vàng sẽ sẽ nguôi.
Chín xuối cũng tìm cho đến mặt,
Trăm năm chót hẹn dám sai lời.
Riêng nhau nhà nước đường đôi nẻo,
Chung lại non sông mả một người.
Thuý-Ái nghìn đời ròng nước biếc,
Làm gương cho khách thế gian coi.

II

Giọt lệ đôi hàng tưởng mấy thăng,
Sầu đong muôn hộc gạt cho bằng.
Nào hay gái Việt anh-hùng thế,
Muốn để thày Ngô sợ-hãi chăng ?
Những kẻ trông sau giương bốn mắt,
Mấy người cười trước hở mười răng.
Xanh xanh Thúy-Ái vừng giăng bạc,
Soi xuống lòng sông xuốt mấy trùng !

CÁI NÓN

Dáng tròn vành-vạnh dáng không hư,
Che-chở bao-la khắp bốn bờ.

Khi để tưởng nên dù với tán,
Nếu ra thời nhạt nắng cùng mưa.
Che dân bao quản lòng tư-túi,
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.
Vòi-vọi ngồi trên ngôi thượng-đỉnh,
Ai ai nhớn nhỏ đội ơn nhờ.

CON CHÓ ĐÁ

Quyền trọng ơn trên chấn cõi ngoài,
Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi.
Quản bao xương-tuyết nào chi kể,
Khéo dử cao-lương cũng chẳng nài.
Mặc khách thị phi giương cháo mắt,
Những lời trần-tục biếng vào tai.
Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,
Bền-vững ai lay cũng chẳng rời.

TRÁCH HÈ

Cùng thời đất chở cũng giời che,
Nồng-nã làm chi mấy hỡi hè ?
Khắc-khoải đã đau lòng cái quốc,
Băn-khoăn thêm tức cật con ve.
Người ngồi trưởng gấm mồ hôi chã,
Kẻ hái rau tần nước bọt se.
Nào khúc Nam-huân (1) sao biếng gẩy ?
Chẳng thương bồ liễu phận le te !

THĂNG-LONG HOÀI CỔ

Chạm ngất từng mây một ngọn cờ,
Kinh thành ngày trước, tỉnh bây giờ.

---

(1) Nam-huân : khúc hát của vua Thuấn.

Tượng đồng Trấn-Võ hơi còn ngát,
Bia đá Hoa-Văn nét chửa mờ.
Bảo tháp lơ-thơ chùm cỏ mới,
Doành Tô lai-láng bóng giăng xưa.
Gặp ai cố-lão ra đây hỏi :
Chốn cũ phồn-hoa đã phải chưa ?

THAN THỜI LOẠN

Lửa hồng từ rậy mái Thành-Đô.
Đòi chốn lầm-than thủa được thua.
Xanh biếc thú vui người ẩn-dật,
Bạc đen đường vẫn khách bôn-xu.
Xuy lường hỡi hỡi đau lòng trí,
Tinh quẩn trần trần nát dạ ngu.
Mong tới Vị-Xuyên mà hỏi Lã (1) :
Rằng Thương (2) xưa cũng thế này ru ?

TỰ-ĐẮC

Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay,
Trời nam ngất ngưởng một thằng này.
Thơ thần ít vận ngâm rồi đọc,
Rượu thánh vài chung tỉnh lại say.
Hầu gái một hai cô buổi tối,
Tớ giai ba bốn cậu ban ngày.
Hỏi ai hơn thế thì ta học,
Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay.

TỨC CẢNH (*Ông giáo Thượng-Du*)

Bốn bề nhà giáo vắng teo-teo,
Quan giáo ăn xong lại ngủ khèo.
Một mụ vú-già đi sốc-sếch,
Hai thằng lính sác đứng leo-kheo.

---

(1) Lã : ông Lã-Vọng. — (2) Thương : đời nhà Thương bên tầu.

Khách vào đãi rượu bầu hôi rích,
Quan tới pha trà ấm mốc meo.
Bà giáo xin về buôn bán đỡ,
Bao giờ phủ huyện lại xin theo.

THƠ ĐÙA (*Trạng Quỳnh*)

(Ông cống-sinh làm giáo-thụ Bắc-Ninh là bạn thân Trạng. Một khi viết thơ ngỗ sai học trò đem về Nam-Định hỏi thăm vợ. Trạng chơi tinh đổi cháo thơ khác).

Này lời giáo–thụ gửi về quê,
Nhắn-nhủ bà bay chớ ngứa nghề.
Cõi bắc anh mang thằng củ-lẳng,
Miền nam em giữ cái chai he.
Hẳn còn vướng-vít như hang thỏ,
Hay đã tò–ho quá lỗ chê ?
Dù có thế nào thì chịu vậy,
Một hai ngày nữa đợi anh về.

Giả làm nhời mẹ Vương-Lăng (1) tiễn sứ-giả

(*Lê-thánh-Tôn*)

Đình-phô đẳng-đẵng ngựa rời chân,
Nỗi mẹ con này gửi sứ-quân.
Nhớ Hán niềm còn đan một tấm,
Thương Lăng tóc đã bạc mười phân.

---

(1) Bà Lăng-mẫu, khuyên con một lòng theo vua Hán Cao-Tổ, đừng lấy cớ mẹ bị Sở bắt mà mất lòng trung. Bà liền tự-tử cho Lăng quyết chí theo Hán.

Mệnh mẹ lá vàng dầu mỏng mỏng,
Về thời nhận kỹ nghĩa quân thần.

Vua có bảo quan Thám-Hoa Nguyễn-quí-Đức vịnh bổ thêm vào. Ông vịnh rằng :

Chăm bề chung hiếu khôn hai vẹn,
Gặp hội công danh dễ mấy lần.

ĐỀ CHÙA BÀ-ĐANH.

Vua Lê Thánh-Tôn ngự chơi chùa Bà-Đanh, nghe trong chùa có tiếng tiểu-nữ tụng kinh vang lanh-lảnh. Vua ngự vào đề lên vách một câu :

Tới nơi thấy cảnh thấy người,
Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần.

Vua lấy 2 câu ấy làm đầu đề, bắt các quan tụng thần vịnh ra thơ. Quan Phó-nguyên-soái Nhân vịnh rằng :

Ngẫm sự trần-duyên khéo nực cười,
Sắc không tuy bụt, hãy lòng người.
Chầy kềnh một tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.
Bể ái nghìn chùng mong tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng chửa khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu nữa,
Cực-lạc là đây chín rõ mười.

Vua đưa cho tiểu-nữ xem, tiểu-nữ chê hai câu 3, 4, thiếu ý cảnh bèn sửa lại:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Vua khen hay bèn đưa nàng về cung, đi đến cửa Đại-Hưng chợt biến mất. Vua lấy làm lạ, bèn sai dựng một cái lầu gọi là Vọng-tiên-lâu, để làm di-tích.

THƠ HÀ-TIỆN (*Tiến-sĩ Nguyễn-Minh-Chiết*)

Giầu thời ba bữa khó thì hai.
Lần đổi cho qua tháng thiếu đầy.
Nón đổi lá ngoài, quần đổi ống.
Dép thay da mặt, túi thay quai.
Dặn vợ có cà đừng gắp mắm,
Bảo con bớt gạo bỏ thêm khoai.
Thế-gian mặc kẻ cười hà-tiện,
Ta chẳng phiền ai chẳng lụy ai.

NĂM MỚI KHAI BÚT (*Quan Hiệp Đào*)

Năm mới mấy tuổi biết chi chưa ?
Ngắm-nghía mày râu cũng đã vừa.
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước,
Cung đàn quên phắt ngọn ngày xưa.
Mẹ già tám kỷ trông khuya sớm,
Vua trẻ nhiều năm gội móc mưa.
Mấy dặm quan-san xa gián-cách,
Bụi tùng khóm cúc hãi còn chơ.

HỒ TRÚC-BẠCH

Một chiếc thuyền nan một mái chèo,
Đáy hồ lặng sóng nước trong veo.
Quanh-co thành cỏ đường lai-láng,
Chen-chóc nhà thôn cảnh gấm thêu.
Ngũ-xã kiều giải đường khách thẳng,
Long-châu thềm rộng nóc chùa cao.
Đồn rằng Trúc-Bạch vui từ trước,
Nay mới hay rằng lắm thú yêu.

BÁN THAN (*Trần-khánh-Dư*)

Một gánh kiền khôn quẩy xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy gởi rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan.
Nghĩ mình điên-đảo toan nghề khác,
Nhưng lẹ giời kia lắm kẻ hàn. (1)

TRÁCH MÌNH KHÔNG HỌC RẮN ĐẦU RẮN CỔ

(*Lê-quý-Đôn*)

(mỗi câu có tên một thứ rắn)

Chẳng phải *liu-điu* vẫn giống nhà,
Rắn mà chẳng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn *hổ-lửa* đau lòng mẹ,
Nay thét *mai-gầm* rát cổ cha.
Chém-mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lằn-lưng cam chịu tiếng roi tra.
Từ rầy *Châu*, *Lỗ* (2) trăm nghề học,
Kẻo *hổ-mang* danh tiếng thế gia.

VẤN-THÂN-VÔ-QUÁ (*Tú Xương*)

Sao mãi mười năm vẫn thế ru ?
Rằng khôn rằng dại lại rằng ngu.
Những là thương cả cho đời bạc,
Nào có căm đâu đến kẻ thù.
No ấm chưa qua vòng mẹ-đĩ,
Đỗ-đành may khỏi tiếng cha-cu.
Phen này có dễ giời xoay lại,
Thằng bé con con đã tán cù.

---

(1) Lắm kẻ hàn : lắm kẻ rét. — (2) Châu, là quê thầy Mạnh-Tử. Lỗ, là quê đức Khổng-Tử.

TỰ THÁN (*Tú Xương*)

Giời không chớp bể chẳng mưa nguồn,
Đêm nảo đêm nao tớ cũng buồn.
Bối-rối tình-duyên cơn gió thoảng,
Nhạt-nhèo quang-cảnh bóng giăng xuông.
Khăn khăn áo áo thêm rầy truyện,
Bút bút nghiên nghiên khéo giở tuồng.
Ngủ quách sự đời thây kẻ thức,
Chùa đâu sang sảng đã hồi chuông.

MƯA THÁNG BẢY (*Tú Xương*)

Sang tuần tháng bảy tiết mưa ngâu,
Nắng mãi thì mưa hẳn phải lâu.
Vẹt nọ cắm canh thay chống mõ,
Rồng kia phun nước xuống hoa mầu.
Ỷ-èo trẻ học nghe không thấy,
Êm-ái nhà ai ngủ hẳn lâu.
Ông lão nhà quê tang tảng dậy,
Bảo con đem đó chớ đem gầu.

BẮT ĐƯỢC ĐỒNG TIỀN (*Tú Xương*)

Đầu năm ra cửa được đồng tiền,
Nào có cầu đâu, được tự-nhiên.
Ý hẳn nhà nho sang vận đỏ,
Hay là ông Tạo thử người tiên.
Cũng toan giả nợ mua nhà lại,
Hay để làm lương giúp chúa hiền.
Của-cải nhà vua đâu sẵn thế,
Chữ đề Tự-Đức hãi còn nguyên.

GỬI CHO CÔ ĐẦU (*Tứ Xương*)

Nếu có khôn-ngoan đã vợ nhờ,
Dại mà nhờ vợ vợ làm ngơ.
Sáng nem, bữa tối đòi ăn chả,
Nay kiệu, ngày mai lại dở cờ.
Ngồi đấy chả hơn gì chú cuội,
Nói ra thì thẹn với ông tơ.
Nhắn-nhe chốn ấy tìm nơi khác,
Ta chẳng ra chi chớ đợi chờ.

PHÒNG KHÔNG (*Tứ Xương*)

Em giận rằng em chửa có chồng,
Ngày năm, bẩy mối tội nằm không.
Thiếu gì chốn nọ sắp giầu vỏ,
Mà lại nơi kia tết cốm hồng.
Hầu-tố khách đà ba, bẩy chú,
Mét-xì tây cũng bốn, năm ông.
Ép dầu ép mỡ duyên ai ép,
Có mắn thì ra đã bế-bồng.

TÁI GIÁ (*Tứ Xương*)

Cái quả phù-trang khéo chuyển-vần,
Khi thì quan lớn lúc thì dân.
Nhà em thách cưới chừng hai lượt,
Làng tớ thu cheo mới một lần.
Thiên-hạ đừng nên thương-tiếc dễ,
Cô-hầu có lúc vẻ-vang thân.
Nay mai ông ấy lên ông cụ,
Ai dám chêu ông vạn thế thần.

GÁI HÓA LẤY CHỒNG QUAN (*Tú Xương*)

Gái hóa đem mình tựa cửa quan,
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang.
Yêu con toan lấy giây tơ buộc,
Kén dễ vì tham cái lọng tàn.
Nào có ra gì phường khố lụa,
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng nhan.
Ông này ắt hẳn hay nghề sáo,
Giây vũ giây văn vụng ngón đàn.

TẶNG NGƯỜI QUEN (*Tú Xương*)

Em gửi cho anh tấm lụa đào,
Phất-phơ tươi–tốt đẹp làm sao.
Của này ý-hẳn trong nhà có,
Hay mượn người mua ở nước nào ?
May áo hẹp gì cho cái giải,
Thắt lưng không ngại chẳng đầy tao.
Muốn lên hỏi giá mua vài tấm,
Không biết rằng cô bán thế nào ?

XUÂN NHẬT TỰ-VỊNH (*Tú Xương*)

Sắm-sửa năm nay khéo thực là,
Một mâm mứt-dận mới bầy ra.
Sanh đồng thắng lại đen rưng-rức,
Áo vải bò ra béo thực-thà.
Kẹo chú Thiều-châu đâu đọ được,
Bánh bà Hanh-tụ cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại tưới thêm vào tí nước hoa.

CHÀO BÀ HAI, NGƯỜI CÙNG TỈNH *(Tú Xương)*

I

Ai đấy ai ơi khéo hợm mình,
Giầu thì ai trọng khó ai khinh.
Thằng ngô mất gánh say câu truyện,
Bác lái nghiêng thoi mắc giọng tình.
Có khéo có khôn thì có của,
Càng giầu càng trẻ lại càng sinh.
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ,
Chẳng biết rằng dơ dáng dại hình.

II

Nước buôn như chị muốn ăn người,
Chị thấy ai mua chị cũng cười.
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
Đắt hàng như thể mở tôm tươi.
Tiền hàng kẻ thiếu mi thường đủ,
Giá gạo đâu năm đấy vẫn mười.
Thả quít nhiều anh mong mắm ngấu,
Lên rừng mà hỏi cái đười-ươi.

III

Mình ơi, ơi mình, thực gớm-ghê,
Lòng son vẫn giữ nước non thề.
Giở trò gái hóa khi còn trẻ,
Ra sự chồng xa lúc chửa về.
Nói nói cười cười theo tục phố,
Khăn khăn áo áo giữ mầu quê.
Nhện còn cứ việc vương tơ mãi,
Tớ chẳng như ai vẽ mặt hề.

GỬI CHO ÔNG THỦ-KHOA PHAN (*Tú Xương*)

Mấy ngày vượt bể lại chèo non,
Ướm hỏi thăm qua bác hẳn còn,
Mái tóc giáp-thìn đà nhuộm tuyết,
Điềm đầu canh-tí chửa phai son.
Vá giời gặp hội mây năm vẻ,
Lấp bể ra công đất một hòn.
Có phải như ai mà chẳng chết,
Giương tay chống vững cột càn khôn.

NGŨ-THẬP-NGŨ TỰ-THỌ (*cụ Thượng-Dương Văn-Trì*)

Năm mươi nhăm tuổi hãy mừng ta,
Còn bốn mươi năm nữa đó mà.
Đội đức hải-sơn ngày tháng rộng,
Ngẫm mình râu tóc tuyết sương pha.
Cung đàn chị nguyệt dù yêu trẻ,
Chén rượu làng quê vẫn kính già.
Xiêm áo cũng chung nhờ lộc nước,
Được riêng mạnh-khỏe phúc riêng nhà.

ĐỀ BÀ BANH (*Trạng-Quỳnh*)

Khen ai đẽo đá tạc nên mày,
Khéo đứng du mà đứng mãi đây ?
Trên cổ đếm đeo trăm chuỗi hạt,
Dưới chân đứng chéo một đôi giầy.
Ấy đã phất cờ (1) trêu-ghẹo tiểu,
Hay là bốc gạo (2) thử-thanh thầy ?
Có ngứa gần đây nhiều gốc rứa,
Phô-phang chi ở đám quân này.

(1-2) Ngạn ngữ có câu : cỗi váy phất cờ ; ngửa s.... bốc gạo.

CỐI SAY (*Yên-Đổ*)

Khen con Tạo-Hóa cũng tài thay,
Khéo tạc nên hình cái cối say.
Tiếng nói ầm-ầm như sấm động,
Miệng cười răng-rắc tợ mưa bay.
Lưng đeo đai bạc trăm vành nặng,
Dạ chứa lòng vàng một ngõng ngay.
Lại có hai tai thông sáng cả,
Gác ngoài danh lợi lắc đầu quay.

CẢM HỨNG (*Yên-Đổ*)

Tháng ngày thấm-thoắt tợ chim bay,
Ông ngẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ ?
Răng long ngày trước hãy còn đây.
Câu thơ được chửa, thua rằng được,
Chén rượu say rồi, nói chửa say.
Kẻ ở trên đời lo-lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

CHỌC ĐẦU (*Yên-Đổ*)

Trải gió rầm mưa đã lắm rồi,
Phen này cắt tóc để làm tôi.
Chơn-chu chẳng có còn ai cứ,
Lông-lốc tha hồ mặc mẹ bôi.
Cái lược từ đây khôn lối gỡ.
Con đen thôi cũng hết đường chui,
Cũng toan rắp tiếng làm sư cụ,
Nghĩ lại song mà chửa chính ngôi.

CẢM HỨNG *(Yên-Đổ)*

Cũng chẳng giầu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy chẳng béo chỉ nhàng nhàng.
Cờ đương dở cuộc toan lầm nước,
Bạc gặp canh thua phải chạy làng.
Hé miệng nói ra gàn bát-sách,
Mềm môi chén mãi tít cung–thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh cũng bảng vàng.

LỤT *(Yên-Đổ)*

Tị trước tị này chục lẻ ba,
Thuận giòng nước cũ lại bao-la.
Bóng thuyền thấp--thoáng dờn trên vách,
Tiếng sóng long-bong lượn trước nhà.
Bắc bậc người còn chờ chúa đến,
Dong bè ta phải rước vua ra.
Sửa-sang việc nước cho yên-ổn,
Trời đất sinh ta ắt có ta.

THAN NỢ *(Yên-Đổ)*

Quản chi công nợ có là bao,
Nay đã nên to đến thế nào.
Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,
Chục ba chục bầy tính nhiều sao.
Ra đường kẻ cả dừng chân hỏi,
Vào cửa người sang ngửa mặt chào.
Quyết chí phen này trang-trải nợ,
Cho đời rõ mặt cái thằng tao.

PHÚ ĐẮC (*Yên-Đổ*)

Bà già đã bảy mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.

Đã chót sinh ra kiếp má đào,
Bầy mươi tư tuổi có là bao.
Xuân-xanh xấp-xỉ hàm răng rụng,
Ngày tháng ân-cần mảnh giấy chao.
Chữ nhất-nhi-chung (1) đành đã vậy,
Câu tam-bất-hiếu (2) nữa làm sao ?
May mà chim được ông chồng trẻ,
Họa có sinh ra được chút nào.

CON VỊT (*Yên-Đổ*)

Cũng đủ lông xương cũng đủ da,
Chẳng ra ngan ngỗng chẳng ra gà.
Co chân vùng-vẫy miền giăng bạc,
Nghểnh cổ ăn-chơi chốn hải-hà.
Đội đức càn khôn sinh trứng mãi,
Nhờ lò tạo-hóa nở con ra.
Tiếng tuy rằng thấp gan không bé,
Sấm sét ù-ầm cũng chẳng xa.

MUA QUAN TÀI (*Yên-Đổ*)

Ba vua bốn chú bẩy thằng con,
Thấm-thoắt xuân thu bẩy chục tròn.
Ơn nước chưa đền danh cũng hổ,
Quan-tài sẵn có chết thì chôn.
Giăng hồ làng miếu giời đôi ngả,
Bị gậy cân đai đất một hòn.

---

(1) Sách có chữ: tòng nhất nhi chung nghĩa là người đàn bà không lấy hai chồng. — (2) Sách Mạnh-Tử có câu: bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại; nghĩa là có ba điều bất hiếu, không có con là bất hiếu hơn cả.

Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa,
Sợ ông Bành-Tổ tống đồng–môn.

THƠ LẤY 5 VẦN : KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG-LÔNG (*Yên-Đổ*)

Bực gì bằng gái chực phòng không,
Tơ-tưởng ai chung một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao-ngán nhẽ,
Bên giời cá nước ngẩn-ngơ trông.
Mua vui lắm lúc cười cười gượng,
Bán dại nhiều khi nói nói bông.
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.

THAN GIÀ (*Yên-Đổ*)

Người đời thấm-thoắt tợ chim bay,
Ông ngẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Mái tóc chòm râm chòm lốm-đốm,
Hàm răng chiếc rụng chiếc long-lay.
Nhập-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp-khểnh ba chân giở tỉnh say.
Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi,
Đi đâu dở những cối cùng chầy.

THAN LỤT (*Yên-Đổ*)

Con Tạo ghen chi với má hồng,
Mà đem nước đến vỗ tầm-vông.
Gió lùa cửa cống bèo man-mác,
Giăng tỏ buồng trai sóng phập-phồng.
Những sợ anh kình luồn dưới dốn,
Lại lo chú chuối lộn bên hông.
Quản chi điểm phấn trang hồng nữa,
Cho biết nơi sâu với chốn nông.

TẶNG HÀ-NAM TỔNG ĐỐC TRẦN (*Yên-Đổ*)

Ai rằng ông dại với ông điên,
Ông dại sao ông biết lấy tiền.
Cậy cái bảng vàng treo nhị-giáp,
Khiếp thằng mặt trắng lấy tam-nguyên.
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen.
Chỉ cốt túi mình cho nặng chật,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

CẢNH LÊN LÃO (*Yên-Đổ*)

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
Năm nhăm ông cũng lão đây mà.
Anh em làng xóm xin mời cả,
Sôi bánh trâu heo cũng gọi là.
Chú Đáo bên người lên với tớ,
Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.
Bây giờ đến bực ăn dưng nhỉ,
Có rượu thời ông chống gậy ra.

CẢNH MÙA HÈ (*Yên-Đổ*)

Biếng trông giời hạ nước non xa,
Ý-khi ngày thường nghĩ đã chơ.
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,
Bướm len lá chúc lượn rèm thưa.
Thơ Đào (1) cất bút đưa câu rượu,
Xóm Liễu quanh khe chịu tiếng khà.
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Sấm đông rầm-rập gió nồm đưa.

---

(1) Đào: ông Đào-Tiềm đời nhà Tấn.

NGUYÊN-ĐÁN NGẪU HỨNG (*Yên-Đổ*)

Nghĩ ta ta cũng xướng ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà.
Năm mới lệ thường thêm một tuổi,
Cỗ bầy ngôi đã chốc bàn ba.
Chén men đến bữa nghiêng bầu đốc,
Chữ dại đầy năm sồ nút ra.
Một củ thủy-tiên năm bẩy khóm,
Xanh xanh như sắp thập-thò hoa.

DỰNG NHÀ TẾ-ĐƯỜNG (*Yên-Đổ*)

Mừng ta con cái thực tài lo.
Nhà dẫu không to thế cũng to.
Mực thước vuông tròn sau cửa thánh,
Lửa hương ngào-ngạt trước làng nho.
Chim oanh đường cũ đương bay nhẩy,
Chồi quế sân trong muốn thập-thò.
Con có cha như nhà có nóc,
Được giờ cất nóc tớ lên cho.

CÁO QUAN Ở NHÀ (*Yên-Đổ*)

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi đồng nhỉ,
Ngọn gió không nhường tóc bạc a ?
Thửa mạ rạch-ròi chân xấu tốt,
Đấu lương đo-đắn tuổi non già.
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lờ-mờ ngọn núi xa.

THU ẤM (*Yên-Đổ*)

Năm gian lều cỏ thấp le-te,
Ngõ tối đêm khuya đóm lập-lòe.
Lưng giậu phất-phơ mầu khói nhạt,
Làn ao lóng-lánh bóng giăng loe.
Áo giời ai nhuộm mà xanh ngắt,
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy,
Độ năm ba chén đã say nhè !

THU ĐIẾU (*Yên-Đổ*)

Ao thu lạnh-lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ-lửng giời xanh ngắt,
Ngõ chúc quanh-co khách vắng teo.
Dựa bóng buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

THU VỊNH (*Yên-Đổ*)

Giời thu xanh ngắt mấy từng cao,
Cần chúc lơ-phơ gió hắt-hiu.
Nước biếc coi như từng khói phủ,
Song thu để mặc bóng giăng vào.
Năm chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào ?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (1)

---

(1) ông Đào-Tiềm đời nhà Tấn.

MỪNG ÔNG NGŨ-SƠN LÀM ĐỐC-HỌC HƯNG-YÊN (*Yên-Đổ*)

Lâu nay không gặp ngỡ xa đàng,
Ai biết rằng ra giữ mõ làng.
In sáo vẽ cho thằng mặt trắng.
Bẻ cò tính lại cái lương vàng.
Truyện đời hãi đắp tai cài chốc,
Lộc thánh đừng lừa nạc bỏ xương.
Cũng muốn ra chơi chơi chửa được,
Gió thu hiu-hắt đậm mầu xương.

VỊNH KIỀU (*Yên-Đổ*)

Kiều-nhi giấc mộng bật như cười,
Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận-đận,
Sắc tài cho lắm cũng lôi-thôi.
Cành hoa vườn Thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chửa xuôi.
Không trách chàng Kim đeo-đuổi mãi,
Khăng-khăng vớt lấy một phần đuôi.

VIẾNG ĐẠM-TIÊN GẶP KIM-TRỌNG (*Yên-Đổ*)

Vì chẳng đua chơi hội Đạp-Thanh,
Làm sao mang lấy nợ ba sinh.
Kẻ còn người khuất hai hàng lệ,
Trước lạ sau quen một chữ tình.
Nghĩ đến xuối vàng thương phận bạc,
Nỡ đem lá thắm phụ xuân-xanh.
Trong đoàn tài sắc giời hay ghét,
Giăng gió xưa nay chẳng một mình.

MẮC TAY HOẠN-THƯ (*Yên-Đổ*)

Chị Hoạn ghen tuông khéo giở đời,
Cơ-duyên lỏng-lẻo buộc chân người.
Cánh buồm mặt bể vừa êm sóng,
Vó ký (1) chân đèo bỗng đến nơi.
Con ở ngần-ngơ nhìn mặt cũ,
Nhà thầy tưng-hửng mất đồ chơi.
Ông giời cũng khéo chua cay nhỉ ?
Một cuộc bầy ra cũng nực cười.

KIỀU KHUYÊN TỪ-HẢI HÀNG (*Yên-Đổ*)

Phút chốc đem thân bỏ chiến trường,
Ba quân sơ-sác ngọn cờ hàng.
Sá chi thân phận tôi vì nước,
Thẹn với non sông thiếp phụ chàng.
Phận tủi nỉ-non đàn bạc-mệnh,
Duyên may run-rủi lưới Tiền-Đường.
Mười lăm năm ấy người trong mộng,
Há những là đây mới đoạn trường.

BỠN CÔ TIỀU NGỦ NGÀY (*Yên-Đổ*)

Ôm tiu gối mõ ngày khò khò,
Gió lọt buồng thuyền mát-mẻ cô.
Then cửa từ-bi cài lỏng-lảnh,
Nén hương tế-độ đốt đầy lò.
Cá khe lắng kệ đầu ngơ-ngáo,
Chim núi nghe kinh cổ gật-gù.
Nhắn bảo chúng sinh như muốn độ,
Sẽ qùy, sẽ niệm, sẽ nam vô.

---

(1) vó ký là vó ngựa.

THAN GIÀ *(Yên-Đổ)*

Người đời thấm-thoắt tợ chim bay,
Ông gẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Mái tóc phần râm phần lốm-đốm,
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung-lay.
Nhập-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp-khểnh ba chân giở tỉnh say.
Ông gẫm mình ông thêm nỗi chán,
Đi đâu dở những cối cùng chầy.

TẠ LẠI NGƯỜI CHO HOA TRÀ *(Yên-Đổ)*

(Khi cụ đã lòa rồi)

Có khách cho ta một chậu trà,
Ta say, say chẳng biết rằng hoa.
Da mồi tóc bạc ta già nhỉ ?
Áo tía đai vàng bác đấy a ?
Mưa nhỏ những kinh phường sỏ-lá,
Gió to luống sợ lúc rơi già.
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy hơi hương một tiếng khà.

TIẾN-SĨ GIẤY *(Yên-Đổ)*

Khéo chú hoa-man (1) khéo vẽ trò,
Bỡn ông mà lại dứ thằng cu.
Mày-râu vẽ mặt vang trong nước,
Giấy-má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng mua danh thây lũ trẻ,
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu ?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

---

(1) hoa man : anh thợ mã.

CHƠI CHỢ GIỜI HƯƠNG-TÍCH (*Yên-Đổ*)

Ai đi Hương-Tích chợ giời đi,
Chợ họp quanh năm cả bốn thì.
Đồi-chác người tiên cùng khách bụt,
Họp hàng gió chị lại giăng gì.
Yến-anh chào khách nhà mây tỏa,
Hoa-cỏ bầy hàng điếm cỏ che.
Giá-áo, lợn, tầm, tiền, gạo đủ,
Bán mua mặc ý muốn chi chi.

VỊNH KIỀU (*Yên-Đổ*)

Thằng bán tơ kia gỡ mối ra,
Làm cho bận đến cụ viên già.
Muốn xong thì phải ba trăm lạng,
Không có sau này một chiếc thoa.
Nổi tiếng mượn mầu son phấn mụ,
Đem thân chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ,
Đời trước làm quan cũng thế a ?

NƯỚC LỤT HÀ-NAM (*Yên-Đổ*)

Quai mễ Thanh-liêm đã lở rồi,
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi.
Gạo năm ba bát cơ còn kém,
Thuế một hai nguyên dáng chửa đòi.
Tiếng sáo vo-ve chiều nước vọng,
Chiếc thuyền len-lỏi bóng giăng chôi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói :
Mười chín năm nay lại cát bồi.

NƯỚC LỤT THĂM BẠN (*Yên-Đổ*)

Ai lên nhắn hỏi bác Châu-cầu,
Lụt-lội năm nay bác ở đâu ?

Mấy ổ lợn con mua đắt rẻ ?
Vài dan thóc nếp ngập nông sâu ?
Phận thua suy-tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi-bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Thung-thăng chiếc lá rượu lưng bầu.

TẶNG ÔNG NGÚ-SƠN LÀM ĐỐC-HỌC HƯNG-YÊN

(*Yên-Đổ*)

Ông làm đốc-học mấy năm nay,
Gần đó thế mà tôi chửa hay.
Tóc bạc răng long chừng bực cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.
Học trò kẻ chợ giầu năm miếng,
Khảo khóa ngày xưa quyền một chầy. (1)
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ,
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương tây.

VỀ NGHỈ NHÀ (*Yên-Đổ*)

Tóc bạc răng long chửa dám già,
Ơn vua nhờ được nghỉ về nhà.
Nước non cây cỏ còn như cũ,
Ghế gậy cân đai thế cũng là.
Đất rộng biết thêm đường gốc sậy,
Ngày rồi nghe hết truyện la-ga.
Ông giời có ý cho ta nhỉ,
Có ý sinh ta phải có ta.

CẢM HỨNG (*Yên-Đổ*)

Năm nay tớ đã bầy mươi tư,
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ.

---

(1) một chầy là một tiền

Lúc hứng đánh thêm ba chén rượu,
Ngồi buồn ngâm láo một câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy,
Truyện cũ mười phân chin chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa,
Thử xem mãi mãi thế này ư ?

ĐỀ ẢNH (*Yên-Đổ*)

Cũng chẳng giầu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy chẳng béo chỉ làng-nhàng.
Cờ đương giở cuộc toan lầm nước,
Bạc gặp canh đen phải chạy làng.
Mở miệng nói ra gàn bát-sách,
Mềm môi chén mãi tít cung-thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh cũng bảng vàng.

CHƠI NÚI AN-LÃO (*Yên-Đổ*)

Mặt nước mênh-mông nổi một hòn,
Núi già nhưng tiếng vẫn là non.
Mảnh cây thơ-thớt dầu như chọc,
Ghềnh đá long-lay ngấn chửa mòn.
Một lá về đâu xa thẳm-thẳm ?
Nghìn làng trông xuống bé con-con.
Dẫu già đã hẳn hơn ta chửa ?
Chống gậy lên cao bước chửa chồn.

TẶNG BẠN RA LÀM QUAN (*Yên-Đổ*)

Đầu non chân sóng những phôi-pha,
Túi đẫy năm nay mới gọi là.
Hầu vợ mấy người, con cái nhỏ,
Bò-bê một cặp, ruộng vườn ba.

Dở quan dở khách đâu mà gọi,
Không tóc không râu thế chửa già.
Bữa trước nghe rằng ông muốn nghỉ,
Vội vàng trống gậy dục ông ra.

NGẪU HỨNG (*Yên-Đổ*)

Nghĩ đời mà cũng chán cho đời,
Câu-cóp làm sao được với giời.
Chép miệng lớn đầu to cái dại,
Phờ râu chịu đấm mất phần sôi.
Được thua hơn kém lưng hồ rượu,
Hay giở khen chê một trận cười.
Dựa gối bên mành toan hóa bướm,
Gió thu lạnh -lẽo lá vông rơi,

GỬI BÁC CHÂU CẦU (*Yên-Đổ*)

Kim lan từ thuở nhỏ chơi bời,
Đôi lứa như ta được mấy người.
Trời hẹn ngày cho ba vạn sáu,
Ta chung tuổi mới một trăm hai.
Kẻ già nét bút trăm cũng trẻ,
Người khỏe tay đao độ lấy đời.
Từ trước bảng vàng nhà sẵn có,
Chẳng qua trong bác với ngoài tôi.

SUÔNG TÌNH (*Yên-Đổ*)

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thì đi vắng chợ thì xa.
Ao xâu sóng cả khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.
Cải chưa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách giầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

CHỐN QUÊ (*Yên-Đổ*)

Năm nay cầy cấy vẫn chơn thua,
Chiêm mất đàng chiêm mùa mất mùa.
Phần thuế quan thu phần giả nợ,
Nửa công đứa ở nửa sưu bò.
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa dầu cau cũng chẳng mua.
Tần tiện thế mà sao chưa khá,
Nhờ giời rồi cũng mấy gian kho.

NHẤT VỢ NHÌ GIỜI (*Yên-Đổ*)

Nghĩ truyện trần gian cũng nực cười,
Trời khôn hơn vợ vợ hơn giời.
Khôn đến mẹ mày là có một,
Khéo như con Tạo cũng là hai.
Trời dẫu yêu-vì nhưng có phận,
Vợ mà vụng-dại đếch ăn ai.
Cớ sao vợ lại hơn giời nhỉ ?
Vợ chỉ hơn giời có cái chai.

CHƠI NÚI LONG-ĐỘI (*Yên-Đổ*)

Hai mươi năm cũ lại lên đây,
Phong-cảnh nhà chiền vẫn chửa khuây.
Chiếc bóng lưng giời am các quạnh,
Mảnh bia thủa trước bể dâu đầy.
Le-te nghìn sóm quanh ba mặt,
Lố-nhố muôn ông lẫn một thầy.
Nghĩ lại bực cho ròng nước chảy,
Đi đâu mà chảy cả đêm ngày ?

HỘI TÂY (*Yên-Đổ*)

Kìa hội thăng bình tiếng pháo reo,
Bao nhiêu cờ kéo với đèn cheo.
Bà quan tênh-nghếch xem bơi chải,
Thằng bé lom-khom nghé hát chèo.

Cậy sức cây đu nhiều chị rún,
Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ cho vui thế,
Vui thế bao nhiêu sướng bấy nhiêu.

QUỐC KÊU CẢM HỨNG (*Yên-Đổ*)

Khắc-khoái sầu đưa giọng lẳng lơ,
Đấy hồn Thục-Đế (1) thác bao giờ.
Năm canh máu chẩy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi ?
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?
Ban đêm ròng-rã kêu ai đó ?
Giục khách giang hồ dạ ngẩn-ngơ.

MỪNG CON LÀ ÔNG BẢNG HOAN DỰNG NHÀ (*Yên Đổ*)

Vợ chồng thẳng Bảng thực tài lo,
Nhà dẫu không to thế cũng to.
Mực thước vuông tròn sau cửa thánh,
Lửa hương ngào-ngạt trước làng nho.
Chim oanh vườn cũ đương bay nhảy,
Chồi quế sân sau muốn thập-thò.
Con có cha như nhà có nóc,
Được giờ cất nóc tớ lên cho.

HỎI THĂM QUAN THƯỢNG BÁO MẤT CƯỚP (*Yên-Đổ*)

Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông,
Nó lại lôi ông đến giữa đồng;
Lấy của, đánh người, quân tệ nhỉ?
Xương già da cọp có đau không?
Bây giời chót đã sầy da chán,
Ngày trước đi đâu mất mầy lông.
Thôi cũng đừng nên ky-cóp nữa,
Kẻo mang tiếng dại với phường ngông.

---

(1) xưa Thục-Đế mất nước hóa làm con quốc than tiếc kêu xuốt đêm ngày.

QUAN THƯỢNG BÁO HOẠ LẠI

Ông thăm tôi cũng giả ơn ông,
Nó có lôi tôi đến giữa đồng.
Cũng tưởng vun-thu phòng lúc thiếu,
Nào ngờ ky-cóp lại như không.
Chém cha thằng quỉ đen tai mắt,
Chẳng nể ông già bạc tóc lông.
Ông hỏi thăm tôi tôi có biết,
Thương ông tuổi-tác, cháu thì ngông.

TẬP KIỀU KIẾN CHÍ (*Yên-Đỗ*)

Rõ nền phú quý bậc tài danh,
Lần bước hài-văn bước dặm xanh.
Trên gác Quan-Âm mây phủ tán,
Trước lầu Ngưng-Bích gió lay mành.
Khen tài nhả ngọc thơ lưng túi,
Sánh giọng quỳnh-tương rượu một bình.
Gặp hội trường-văn xuân bảng chiếm,
Làm cho đồ quán lại xiêu đình.

LÝ-NGƯ BẠT HỔ (*Yên-Đỗ*)

Cá thần vùng-vẫy vượt qua đăng,
Được nước nào ai dám dỉ răng.
Cưỡi gió dương vây lên cửa Vũ, (1)
Xông mây rẽ sóng động vừng giăng.
Diếc, dô, ngứa vầy khôn tìm lối,
Trê, chuối, theo đuôi dễ mấy thằng.
Gặp hội hoá rồng này rút ruột,
Đã lên lên bổng tít bao chừng.

VỊNH LÃO-NGƯU (*Yên-Đỗ*)

Một nắm xương khô một nắm da,
Bao nhiêu cái ách đã từng qua.

---

1) cửa vũ-môn ý nói thi đỗ.

Đuôi kia biếng vẫy Điền-Đan (1) hỏa,
Tai nọ buồn nghe Nịnh-Tử (2) ca.
Sớm thả đồng đào ăn đủng-đỉnh,
Tối về chuồng quế thở nghi-nga.
Có người đem dắt tô chuông mới,
Ơn đức vua Tề lại được tha.

CHỢ ĐỒNG *(Yên-Đổ)*

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,
Năm nay chợ họp có đông không?
Giở giời mưa bụi còn hơi rét,
Nếm rượu trường-đình (3) được mấy ông?
Hàng quán người về nghe xáo-xác,
Nợ-nần năm trước hỏi lung-tung.
Năm ba ngày nữa tin xuân tới,
Pháo chúc nhà ai một tiếng đùng.

QUAN TẠI GIA *(Tú-Xương)*

Một ngọn đèn xanh một quyển vàng,
Bốn con làm linh bố làm quan.
Câu thơ câu phú sưu cùng thuế,
Nghiên mực nghiên son tiếng với làng.
Nước quạt chưa xong con nhảy ngược,
Chống chầu chưa rứt bố lên thang.
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ,
Đem truyện trăm năm dở lại bàn.

---

(1) Điền-Đan hỏa : lửa Điền-Đan, Điền-Đan tướng nước Tề, khi phá quân Yên dùng 1000 trâu, ngoài khoác gấm năm sắc, sừng buộc gươm dáo, lấy cỏ buộc vào đuôi, đốt lên, trâu bị nóng xông vào trận, chém giết quân Yên rất hại.

(2) Nịnh-Tử ca : ông Nịnh-Thích lúc hàn-vi, gõ sừng trâu mà ca câu rằng : « Nam sơn sán bạch thạch lạn, sinh bất phùng thời Nghiêu dữ Thuấn. » Nghĩa là : Núi lở, đá mòn, tiếc không sinh vào đời Nghiêu Thuấn. 南山燦白石爛生不逢辰堯與舜.

(3) Trường-đình : chỗ quán chạm tiễn-biệt

MÙA NỰC MẶC ÁO BÔNG *(Tú-Xương)*

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,
Tưởng rằng ốm dậy hóa ra không ?
Một tuồng rách-rưới con như bố,
Ba chữ nghêu-ngao vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ sang vận đỏ,
Giời làm cho bõ lúc chơi ngông.
Gần chùa gần cảnh ta tu quách,
Cửa phật quanh năm vẫn áo sòng.

ĐI THI *(Tú-Xương)*

Tấp-tểnh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chiếu cũng vô thi.
Tiễn chân cô mất hai tiền lẻ,
Sờ bụng thầy không một chữ gì,
Lộc nước cũng nhờ thêm giải-ngạch (1),
Phúc nhà may được sạch tràng-quy. (2)
Bốn kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa,
Á ớ u ơ ngọn bút chì.

ỐM VÀ ĐAU MẮT *(Tú-Xương)*

Ai ốm riêng ai, ốm một mình,
Hỏi ai ai cũng chỉ mần-thinh.
Vừa đồng bạc lớn ông Lang Sán,
Lại mấy hào con chú Ích-Sinh.
Hỏi vợ vợ còn đi chay gạo,
Gọi con con còn mải chơi đình.
Muốn mù giời chẳng cho mù nhỉ,
Giương mắt làm chi buổi bạc tình.

THAN CÙNG *(Tú Xương)*

Khi túng toan lên bán cả giời,
Giời cười thằng bé nó hay chơi.
Cho hay công nợ là như thế,
Mà vẫn phong-lưu suốt cả đời.

---

(1) giải ngạch : số học trò lấy đỗ. -- (2) Tràng-Quy : thể-lệ trường thi.

Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.
Còn năm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi.

THAN NGHÈO (*Tú-Xương*)

I

Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi,
Bấm đốt hai mươi lẻ bốn rồi.
Ngày giữ lệ thường hai bữa một,
Vợ quen thói cũ ba năm đôi.
Hai khoa hương-thi không đậu cả,
Mấy thước vườn-hoang bán sạch rồi.
Trời đất ghen riêng ai mãi mãi,
Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi.

II

Chẳng khôn cũng biết một hai điều,
Chẳng truyện gì hơn cái truyện nghèo.
Danh-giá nhường này không lẽ bán,
Nhân-duyên đến thế hãi còn theo.
Tấm lòng nhi-nữ không là mấy,
Bực chí anh hùng lúc túng tiêu.
Có lẽ phong-trần đâu thế mãi,
Chốn này tình phụ chốn kia yêu.

TỰ-TỰ (*Tú-Xương*)

Ở phố hàng Nâu có phỗng xành.
Mặt thì lơ-láo mắt thì nhanh.
Vuốt râu nịnh vợ con bu nó,
Quắc mắt khinh đời cái bộ anh.
Bài bạc kiệu cờ cao nhất sứ,
Rượu chè giai gái đã tam khoanh.
Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi,
Cứ việc dong chơi chẳng học hành.

THI HỎNG (*Tú Xương*)

Mai không tên tớ tớ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày.
Học đã xôi cơm nhưng chửa chín,
Thi không ăn ớt thế mà cay.
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng đấu nhờ tay một mẹ mày.
Cống-hỉ, mét-xì, đây thuộc cả,
Chẳng sang Tầu tớ cũng sang Tây.

II

Bụng buồn còn muốn nói-năng chi,
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi.
Một việc văn-chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân-thế có ra gì.
Được gần trường ốc vùng Nam-Định,
Thua mãi anh em cánh Bắc-Kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ rốt,
Tám khoa chưa khỏi phạm tràng-quy.

III

Trách mình phận hẩm lại duyên ôi !
Đỗ suốt hai trường hỏng một tôi.
Tế đối làm cao nên sự thế,
Kiên trông ra tiệp hỡi giời ơi !
Mong gì nhà-nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Vi phỏng còn thi mà học mãi,
Tai cơm tốn vải hại mà thôi.

TỰ TÍCH (*Tú Xương*)

Vẫn thấy người ta vẫn bảo rằng,
Bảo rằng : Thằng cuội ở cung giăng,
Cõi đời cũng lắm nơi thanh-qui,
Chị nguyệt dung chi đứa cục-cằn.
Mình tựa vào cây cây chó ỉa,
Chân thò xuống giếng giếng người ăn.
Con người như thế mà như thế,
Như thế thì ra nghĩ cũng sằng.

GẦN TẾT THAN VIỆC NHÀ (*Tú Xương*)

Bố ở một nơi, con một nơi,
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn-chương ngoại-hạn quan không chấm,
Nhà-cửa giao-canh nợ phải bồi.
Tin bạn hóa ra người thất-thổ,
Vì ai nên nỗi chịu lầm vôi.
Ba mươi mốt tuổi đà bao chốc,
Lận xuối chèo non đã mấy hồi.

NGẪU HỨNG (*Tú-Xương*)

Xấp-xỉ ba mươi mấy tuổi đầu,
Trăm năm tính đốt hẳn còn lâu.
Vi dù thi đỗ làm quan lớn,
Thì cũng nhỏ to cưới chị hầu.
Đất nọ vẫn thường hay có trạch,
Bể kia nhiều lúc cũng giồng dâu.
Hôm nay rồi-rãi buồn tình nhỉ,
Thử xuống hàng Thao đập ngón chầu.

ĐI LẠC ĐƯỜNG (*Tú-Xương*)

Một mình đứng giữa quãng chơ-vơ,
Có gặp ai không để đợi chờ ?
Nước biếc non xanh coi vắng-vẻ,
Kẻ đi người lại dáng bơ-vơ.
Hỏi người chỉ thấy non xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ.
Đường đất xa khơi ai mách bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

THAN NƯỚC LỤT (*Tú-Xương*)

Thử xem một tháng mấy lần mưa,
Ruộng hóa ra sông nước trắng bừa.
Bát gạo Đồng-nai câu truyện cũ,
Mái chèo Qúi-Tị nhớ năm xưa.
Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ ?
Tôm-tép khoe mình đã xướng chưa ?
Đại-hạn Quảng-Bình năm bẩy tháng,
Trời không san-sẻ nước cho vừa.

ĐẠI HẠN (*Tú-Xương*)

Ngày nay đá nát với vàng phai,
Thiên-hạ mong mưa đứng lại ngồi.
Ngày trước biết gì ăn với ngủ,
Bây giờ lo cả nước cùng nôi.
Trâu mừng ruộng nẻ cầy không được,
Cá sợ ao khô vượt cả rồi.
Tình-cảnh nhà ai nông nỗi ấy,
Quạt mo phe-phẩy một mình tôi.

CƯỜI MÌNH (*Tú-Xương*)

Nước muốn cho trong phải đánh phèn,
Cớ sao lại giữ thói bon-chen.
Sá chi người thế lòng xanh trắng,
Chỉ tại người ta vận đỏ đen.
Đề bụng phải đeo điều nhẹ nặng,
Ỏm tai mặc quách tiếng chê khen.
Làm chi việc ấy mà lo liệu,
Ai nghĩ như ai chả cũng hèn.

THAN NGHÈO (*Tú-Xương*)

I

Chẳng phải rằng ngu chẳng phải đần,
Chỉ vì lúng-túng phải bần-thần.
Cũng mong giầu có thời chưa gặp,
Vẫn muốn phong-lưu ngộ lúc bần.
Gương nọ toan soi cho đẹp mặt,
Phấn kia có lẽ nỡ dồi chân.
Cao giầy sao chẳng soi cho khắp,
Vì nề chi mà ở chẳng cân.

II

Cũng ròng tai mắt cũng đầu đen,
Bởi kém giờ sinh số-phận hèn.
Gặp dịp may nhờ khi có của,
Sa cơ vị bởi lúc không tiền.
Đói no đành chịu không ai biết,
Lành rách cho thơm lắm kẻ khen.
Hễ hết bĩ rồi thời lại thái,
Nọ là kèn cựa với bon-chen.

III

Vì chưng chẳng có hóa thân hèn,
Hồ với anh em chúng bạn quen.
Thuở trước chơi bời còn quyến-luyến,
Bây giờ đi lại dám mon-men.
Giầu sang âu-yếm tình quen thuộc.
Bần-tiện thờ-ơ dạ bạc đen.
Vì khiến trong tay tiền bạc có,
Nói rơi chuột cũng có người khen.

TỰ ĐẮC (*Tú-Xương*)

Ta nghĩ như ta có dại gì,
Ai chơi chơi với chẳng cần chi.
Kìa thơ tri-kỷ đàn anh nhất,
Nọ khách phong-tao bậc thứ nhì.
Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế,
Giang-hồ cho biết bạn tương tri.
Gặp thời gặp vận nên bay nhẩy,
Cho thoả rằng sinh chẳng lỗi thì.

GÁI Ở CHÙA (*Tú-Xương*)

Con gái nhà ai dáng thị thành,
Cớ chi nỡ phụ cái xuân xanh.
Nhạt mầu son phấn say mầu đạo,
Mở cánh từ-bi khép cánh tình.
Miệng đọc nam-vô quen chín chữ,
Tay lần bồ-tát phụ ba sinh.
Tiếc thay thục-nữ hồng nhan thế,
Nỡ cắt tóc thề với quyển kinh.

THƯƠNG TIẾC AI (*Tú-Xương*)

Thương ai mà lại tiếc cho ai,
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài.
Kìa cái giạ-chàng se cát bể,
Mà con chim cú đỗ cành mai.
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,
Nào chắc ba sinh với chữ bài.
Non nước thề-bồi thôi xí-xóa,
Quỷ thần nào chứng ở hai vai.

GỬI TÌNH NHÂN (*Tú-Xương*)

Vướng-vít tơ vương biết mấy vòng,
Mối tình này quyết gỡ cho xong.
Vẻ người thanh-lịch khi đưa mắt,
Câu truyện phong-tao lúc tỏ lòng.
Bình tước mặc tranh cheo trước án (1).
Cầu ô sẵn dịp bắc ngang sông (2).
Sắc tài đôi lứa nên dan-díu,
Dan-díu thì xin chớ ngại-ngùng.

II

Thấp-thoáng xa trông đám cúc tàn,
Thênh-thang đường rộng bước thanh vân.
Cỏ hoa hớn-hở khoe mầu lạ,
Mai liễu rườm-rà đượm vẻ xuân.
Bên miếu nhởn-nhơ người thục-nữ,
Trên cầu gặp gỡ khách văn-nhân.
Các Đằng (3) mượn gió đưa xuân lại,
Tần Tấn đôi nơi rút lại gần.

---

(1) Bình tước : Xưa Đậu-Nghị kén rể cho con, vẽ 2 con khổng-tước trên bình-phong, hễ ai bắn chúng sẽ gả con, sau Lý-Uyên bắn chúng -- (2) cầu ô-thước bắc ngang sông Ngân để Ngưu-Lang chức-nữ gặp nhau. -- (3) gác vua Đằng-Vương Cổ thi có câu : « Thời lai phong tống Đằng-Vương các » 辰來風送滕王閣 nghĩa là : vận đến gió đưa lại gác vua Đằng.

CƯỜI MÌNH (*Tú-Xương*)

Chẳng phải quan mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn hóa ra đần.
Hầu con chè rượu ngày sai vặt,
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần.
Có lúc vểnh râu vai phụ-lão,
Cũng khi lên mặt dáng văn-nhân.
Sống lâu lâu để làm gì nhỉ ?
Lâu để mà xem cuộc truyền-vần.

RƯỢU SAY (*Tú-Xương*)

Đời này thức tỉnh những ai đây ?
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say.
Buồn ruột cho nên men phải nhắp,
Đỡ mồm nào biết giọng là cay.
Bạn cùng quỷ dẫy chi cho bận,
Vui với ma men thế cũng hay.
Ngất ngưởng hai tay vơ đũa chén,
Đố ai đã được cái say này.

ĐƯA CHO BẠN TRONG NHÀ PHA (*Tú-Xương*)

Cái cách phong-lưu lọ phải cầu,
Bỗng đâu gặp những truyện đâu đâu.
Một ngày hai bữa cơm kề cửa,
Nửa bước đi ra linh phải hầu.
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt,
Ban công (1) ba chữ gác trên đầu.
Nhà vuông thong-thả nằm chơi mát,
Vùng-vẫy tha-hồ thế cũng âu.

---

(1) Ban công là ban công hầu ; đây nói bóng là cái gông.

VỊNH CÔ ĐẦU (*Tú-Xương*)

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan-díu mấy đêm nay.
Năm canh tò nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ-màng truyện nước mây.
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát,
La-đà kẻ tỉnh dắt người say.
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô-tận kho giời hết lại vay.

HỰU CẢM (*Tú-Xương*)

Người bảo ông điên ông chẳng điên,
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền.
Kẻ yêu người ghét hay chi chữ,
Đứa trọng thằng khinh cũng vị tiền.
Ở bể gập-ghềnh cơn gió thoảng,
Được voi ngỏng-nghảnh muốn đòi tiên.
Khi ngồi, khi khóc, khi than-thở,
Muốn bỏ văn-chương học võ-viền.

KHÓC BẠN TÚ-TÀI QUÊ Ở PHONG-CHÂU (*Tú-Xương*)

Quả núi Châu-Phong mới bắc cầu,
Thương anh về trước chị về sau.
Tên đề bảng phấn ai không hám,
Tiếng khóc non xanh vượn cũng sầu.
Có mẹ cũng là vui gượng lại,
Không chồng ai dễ sống chi lâu.
Bắc thang lên hỏi ông cầm sổ,
Cao-tít mù xanh ngắt một mầu.

XUÂN NHẬT NGẪU HỨNG (*Tú-Xương*)

Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đì-đẹt ngoài sân tràng pháo chuột,
Om-thòm trên vách bức tranh gà.
Chí-cha chí-chát khua giầy dép,
Đen-thủi đen-thui cũng lượt-là.
Dám hỏi những nơi nơi cố-quận :
Rằng xuân xuân vẫn thế ru mà ?

NĂM MỚI (*Tú-Xương*)

Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tầy dế,
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công đức tu hành sư có lọng,
Su hào đủng-đỉnh mán ngồi xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày tết,
Kiết-cú như ai cũng rượu chè.

BUỒN ĐÊM DÀI (*Tú-Xương*)

Sực tỉnh trông ra ngỡ sáng òa,
Đêm sao đêm mãi thế ru mà ?
Lạnh-lùng bốn bề ba phần tuyết,
Xao-sác năm canh một tiếng gà.
Chim chóc hãy còn nương cửa tổ,
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
Dù ai có muốn tìm ta đó,
Đốt đuốc soi lên kẻo lẫn nhà.

NHỚ BẠN THÂN (*Tú-Xương*)

Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa xa có nhớ hay không?
Sao đương vui-vẻ ra buồn-bã ?
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng.
Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Khi riêng riêng cả đến tình chung.
Tương-tư chẳng lọ là mưa gió,
Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng.

HỎI THĂM ÔNG ẤM (*Tú-Xương*)

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà,
Trước nhà có miếu có cây đa.
Vườn ao đất cát chừng ba thước,
Nứa lá che pheo đủ mọi toà.
Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
Trong hai dinh ở đủ hai bà.
Lưng ông mốc-thếch như chăn-gió,
Ông được phong-lưu tại nước da.

CÔ TÂY ĐI TU (*Tú-Xương*)

Dứt cái mề-đay ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng mét-xì ông,
Âu đành chùa đó, âu đành bụt,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,
Ai ngờ chữ sắc hoá ra không.
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ ?
Cái nợ trần duyên gỡ chửa xong.

VAY NỢ SƯ KHÔNG ĐƯỢC (*Tú-Xương*)

Ông bám ông ăn đứa chọc đầu,
Đầu không có tóc bám vào đâu ?
Nghĩ mình nghiện nặng cho nên kiết,
Đành nó ăn chay ý hẳn giầu.
Một vốn bốn lời mong có lãi,
Năm liều bảy lĩnh cũng không câu.
Thế mà không được buồn cười nhỉ,
Không được thì ông lại xuống tầu.

GIỜI HÔM (*Tú-Xương*)

Mặt giời đã gác quãng đường xa,
Lững-thững non sông chửa đến nhà.
Muốn bước xa chân toàn đất khách,
Hỏi thăm lạ mặt những người ta.
Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,
Tiếng rế vo-ve giọng thiết-tha.
Ngảnh lại thử xem giời đất tỉ,
Tối lâu lâu cũng sáng lần ra.

ÔNG LÃO (*Tú-Xương*)

Ông lão này xưa tính thực hiền,
Bây-ba vui-vẻ việc điền-viên.
Sách đèn học-tập năm Minh-Mệnh,
Áo mũ ăn ngồi xã Vị-Xuyên.
Ví phỏng còn thi may cũng đỗ,
Thôi thì không lụy thế là tiên.
Đầu râu tóc bạc như mua được,
Thầy bá nhà-quê chán vạn tiền.

CHÊ ÔNG HÀN SỢ VỢ BỎ (*Tú-Xương*)

Ông đã ơn vua một chữ vàng,
Nay lành mai lỗ khéo đa đoan.
Được thua hai ngả ba câu nói,
Khôn dại trăm năm một tiếng đồn.
Chim chuột sau này nên gắng sức,
Lợn gà trước ấy đã riêng oan.
Có ai lành thủng ông không biết,
Còn phải mang điều với gái ngoan.

TÁT NƯỚC (*Tú-Xương*)

Giấc mộng Nam-kha khéo chập-chờn,
Giữa giời riêng một cảnh giang sơn.
Cỏ cây vui mắt nằm quên ngủ,
Sấm sét bên tai dạ chẳng chồn.
Trênh-trếch đèn giăng soi trước bóng,
Hiu-hiu chiếc gió phẩy bên sườn.
Bởi vì nỗi nước nên ra sức,
Bao quản phong-trần mảnh áo đơn.

GỬI CHO CỐ NHÂN (*Tú-Xương*)

Yêu nhau chẳng được lấy nhau nào,
Mình nghĩ làm sao tớ nghĩ sao?
Trai gái bởi chưng bà mụ nặn,
Vợ chồng như thể sợi tơ chao.
Xa-xôi nên nỗi lòng thương nhớ,
Gần-gựa cho nên dạ khát-khao.
Muốn chắp tơ đào chao chỉ Tấn,
Bắc thang lên hỏi sổ thiên-tào.

VỊ-HOÀNG HOÀI CỔ (*Tú-Xương*

Nô-nức đi chơi đất Vị-Hoàng,
Ấy nơi phong-vận chốn nhiều quan.
Trời kia xui khiến sông nên bãi,
Người khéo xoay ra phố cả làng.
Khua-vỗ trống chuông chùa vẫn vắng,
Xì-xào tôm tép chợ gần tan.
Việc làng quan lớn đi đâu cả ?
Chỉ thấy năm ba bác khán bàn.

MỪNG ÔNG CỬ BÙI LẤY VỢ KẾ (*Tú-Xương*)

Một sớm ơn vua chiếm bảng vàng,
Lam-kiều lối cũ lại lần sang.
Câu văn Hán, Tống hay ghê-gớm,
Quyển truyện Phan-Trần thuộc cháo-chan.
Gỗ tốt nỡ đem giồng cột giậu,
Chim khôn sáo khéo đỗ nhà quan.
Làng nho ai lại hơn ông nhỉ ?
Có lẽ ông nay xướng nhất làng.

BUỔI CHIỀU ĐI ĐÒ NHỚ NHÀ (*Bà huyện Thanh Quan*

Chiều giời bảng-lảng bóng hoàng-hôn,
Tiếng ốc xa đưa tiếng trống dồn.
Gác mái ngư-ông về viễn-phố, (1)
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn. (2)
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước trồn.
Kẻ chốn chương-đài người lữ-thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn-ôn ? (3)

---

(1) Viễn-phố : bến xa — (2) Cô-thôn : sóm tẻ. — (3) Hàn-ôn : ấm lạnh.

QUA ĐÈO NGANG (*Bà huyện Thanh-Quan*)

Qua đỉnh đèo Ngang bóng sế tà,
Cỏ cây chen đá lá chen hoa.
Lom-khom dưới núi tiều vài chú,
Lác-đác bên sông chợ mấy nhà.
Luyến chúa đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cai gia-gia.
Dừng chân đứng lại giời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

HOÀI CỔ (*Bà huyện Thanh-Quan*)

Tạo-hoá gây chi cuộc hi-trường, (1)
Đến nay thấm-thoắt mấy tinh xương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo, (2)
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch-dương. (3)
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn chau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

CHƠI CHÙA TRẤN-QUỐC (*Bà Huyện Thanh-Quan*)

Ngoài cửa hành cung cỏ rãi rầu,
Trạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.
Một tòa xen tỏa hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu.
Sóng lớp phế hưng (4) coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá ?
Khéo ngẩn-ngơ thay lũ trọc đầu.

---

(1) Hí trường : rạp hát, ý nói cuộc đời. — (2) Thu-thảo : cỏ mùa thu. — (3) Tịch dương : bóng sế chiều. — (4) Phế hưng : uy thịnh.

CHƠI ĐÀI KHÁN-XUÂN CHẤN-VÕ *(Bà huyện Thanh-Quan)*

Êm-ái chiều xuân tới khán-đài,
Lâng-lâng chẳng bợn chút trần ai
Ba hồi chiêu mộ (1) chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương nước lộn giời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu tá ?
Cực-lạc là đây chin rõ mười.

TỨC CẢNH CHIỀU THU *(Bà huyện Thanh-Quan)*

Thảnh-thót tầu tiêu (2) mấy hạt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ. (3)
Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Cho hay cảnh cũng ưa người nhỉ,
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn-ngơ.

KHÔNG CHỒNG MÀ CHỬA *(Xuân Hương)*

Cả nể cho nên sự giở-giang,
Nỗi-niềm chàng có biết chăng chàng ?
Duyên thiên (天) chưa thấy nhô đầu dọc (夫),
Phận liễu (了) sao đành nẩy nét ngang (子) ?
Cái nghĩa trăm năm chàng biết chửa ?
Mảnh tình một mối thiếp xin mang.
Quản bao miệng thế nhời chênh-lệch,
Những kẻ không, mà có mới ngoan.

---

(1) Chiêu mộ : sớm tối. — (2) Tầu tiêu : tầu chuối. — (3) Tiêu-sơ : cảnh buồn rầu.

VỊNH QUẠT *(Xuân Hương)*

I

Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính gián tự ngày xưa.
Vành ra ba góc da còn méo,
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh hùng khi tắt gió,
Che đầu quân tử lúc xa mưa.
Nưng-niu ướm hỏi người trong trướng,
Phì-phạch trong lòng đã chán chưa ?

II

Mười bẩy hay là mười tám đây ?
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.
Mỏng giầy chừng ấy, chành ba góc,
Rộng hẹp dường nào, cắm một cay. (1)
Càng nóng bao nhiêu thời càng mát,
Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cậy,
Chúa dấu vua yêu một cái này.

VỊNH TRANH TỐ NỮ *(Xuân Hương)*

Hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình ?
Chị cũng sinh mà em cũng sinh.
Đôi lứa như in tờ giấy trắng,
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.
Siếu-mai (2) chi dám tình giăng gió,
Bồ-liễu thôi đành phận mỏng-manh.
Còn thú vui kia sao chẳng vẽ ?
Trách người thợ vẽ khéo vô tình.

---

(1) Cay : là cái suốt ở đầu quạt. — (2) Siếu-mai : mơ rụng. Thơ Siếu-mai trong kinh Thi rằng : « Siếu hữu mai. kỳ thực tam hề, cầu ngã thứ sĩ, đại kỳ kim hề Siếu hữu mai, kỳ thực thất hề, cầu ngã thứ sĩ, đại kỳ cát hề. » Nghĩa là : quả mai đã rụng ba bẩy phần, ai cầu ta thì đến ngay đi. 標有梅其實三兮求我庶士迨其今兮標有梅其實七兮求我庶士迨其吉兮.

TÁT NƯỚC GẦU SÒNG (*Xuân Hương*)

Đương cơn nắng cực chửa mưa tè,
Dủ chị em ra tát nước khe.
Lẽo-đẽo chiếc gầu ba góc đụm,
Lênh-đênh một ruộng bốn bờ be.
Xì-xòm đáy nước, mình nghiêng-ngửa,
Nhấp-nhỏm bên ghềnh, đít vắt-ve.
Ham việc làm ăn quên cả mệt,
Dạng hang một lúc đã đầy phè.

DỆT CỬI (*Xuân Hương*)

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau,
Con cò mấp-máy xuốt đêm thâu.
Hai chân đạp xuống năng-năng nhắc,
Một xuốt đâm ngang thích-thích mau.
Rộng hẹp nhỏ to vừa-vặn cả,
Ngắn dài khuôn khổ vẫn như nhau.
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ,
Chờ đến ba thu mới dãi mầu.

THƠ GIẾNG (*Xuân Hương*)

Ngõ ngay thăm-thẳm tới nhà ông,
Giếng tốt thanh-thơi giếng lạ lùng.
Cầu trắng phau-phau đôi ván ghép,
Nước trong leo-lẻo một dòng thông.
Cỏ gà lún-phún leo quanh mép,
Cá diếc le-te lách giữa ròng.
Giếng ấy thảnh-thơi ai đã biết,
Đố ai dám thả nạ dòng dòng.

THƠ HÒN ĐÁ ÔNG CHỒNG BÀ CHỒNG (*Xuân-Hương*)

Khéo khéo bầy trò Tạo-hóa công,
Ông chồng đã vậy lại bà chồng.
Từng trên tuyết điểm phơ đầu bạc,
Thớt dưới xương pha đượm má hồng.
Gan nghĩa rãi ra cùng chị nguyệt,
Khối tình cọ mãi với non sông,
Đá kia còn biết xuân già-dặn,
Chả trách người ta lúc trẻ-chung.

TỰ TÌNH (*Xuân-Hương*)

Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom,
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mõ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om?
Trước nghe những tiếng thêm rầu-rĩ,
Sau giận vì duyên để mõm-mòm!
Tài tử văn nhân ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom.

BỠN BÀ LANG KHÓC CHỒNG (*Xuân-Hương*)

Văng-vẳng tai nghe tiếng khóc gì?
Thương chồng nên nỗi khóc ti ti.
Ngọt bùi thiếp nhớ mùi cam-thảo,
Cay đắng chàng ơi vị quế-chi.
Thạch-nhũ, trần-bì sao để lại?
Qui-thân liên-nhục tẩm mang đi.
Giao cầu thiếp biết chao ai nhỉ?
Sinh kỳ chàng ôi tử tắc quy.

NÊN CÂU TUYỆT-DIỆU NGỤ TRONG TÍNH TÌNH (*Xuân-Hương*)

Canh khuya văng-vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng-nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vừng giăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san-sẻ tí con con.

CHƠI HANG THÁNH-HÓA SÀI-SƠN (*Xuân-Hương*)

Khen thay con Tạo khéo khôn phàm,
Một đố dương ra biết mấy ngoàm.
Lườn đá cỏ leo sờ rậm-rạp,
Lách khe nước rỉ mó lam-nham.
Một sư đầu chọc ngồi khua mõ,
Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am.
Đến mới biết rằng hang Thánh-Hóa,
Chồn chân mỏi gối hãi còn ham.

QUA KẼM TRỐNG (*Xuân-Hương*)

Hai bên thì núi giữa thì sông,
Có phải đây là Kẽm-Trống không ?
Gió đập cành cây khua lắc-cắc,
Sóng rồn mặt nước vỗ long-bong.
Ở trong hang đá hơi còn hẹp,
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.
Qua cửa-mình ơi, nên ngắm lại,
Nào ai có biết nỗi bưng bồng. (1)

---

(1) Bưng bồng : Hai câu này có hai ý : một ý thực là : qua Kẽm-Trống trông lại thấy tối ; còn ý bóng là : qua cửa mình nên nghĩ lạ nỗi đeo bồng

HANG CẮC-CỚ (*Xuân-Hương*)

Giời đất sinh ra đá một chòm,
Nứt làm hai mảnh hỏm-hòm-hom.
Kẽ hầm rêu mốc chơ toen–hoẻn,
Luồng gió thông reo vỗ phập–phòm.
Rọt nước hữu-tình rơi lõm–bõm,
Con đường vô-ngạn (1) tối om-om.
Khen ai đẽo đá tài xuyên-tạc,
Khéo hớ-hênh ra lắm kẻ dòm.

PHONG CẢNH QUÁ KHÁCH VÀO THANH-HÓA (*Xuân-Hương*)

Đứng chéo trông theo cảnh hắt-heo,
Đường đi thiên-thẹo quán cheo-leo.
Lợp lều mái cỏ danh sơ-sác,
Xỏ kẽ kèo che đốt ngẳng-ngiu.
Ba chạc cây xanh hình uốn–éo,
Một dòng nước biếc cảnh leo-teo.
Thú vui quên cả niềm lo cũ,
Kìa cái diều ai nó lộn lèo.

QUA ĐÈO NGANG (*Xuân-Hương*)

Một đèo, một đèo, lại một đèo,
Khen ai khéo vẽ cảnh cheo-leo.
Cửa son đỏ loét tùm-bum nóc,
Hòn đá xanh rì lún-phún rêu.
Lắt-léo cành thông cơn gió thốc,
Đầm-đìa lá liễu hạt xương reo.
Hiền-nhân quân-tử ai là chẳng,
Mỏi gối chồn chân cũng phải chèo.

---

(1) Vô ngạn : con đường không bờ.

CHƠI CHÙA QUÁN-SỨ (*Xuân-Hương*)

Quán-Sứ sao mà cảnh vắng teo ?
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo ?
Chầy kềnh tiểu đệ xuông không đấm,
Chàng hạt vãi lần đếm lại đeo.
Sáng banh không kẻ khua tang mít,
Chưa chật nào người móc kẽ rêu.
Cửa kiếp đường tu sao lắt-léo ?
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo.

CHƠI CHÙA HƯƠNG (*Xuân-Hương*)

Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm,
Nứt ra một lỗ hỏm hòm-hom.
Người quen cõi phật chen chân xọc,
Kẻ lạ bầu Tiên mỏi mắt dòm.
Rọt nước hữu tình rơi thảnh-thót.
Con thuyền vô chạo cúi lom-khom.
Lâm-tuyền quyến cả phồn hon lại,
Rõ khéo giời già đến dở dom !

CÂY ĐU (*XuânHương*)

Tám cột khen ai khéo khéo giồng,
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông.
Giai du gối hạc khom khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp-phới,
Hai hàng chân ngọc ruổi song-song.
Chơi xuân đã biết xuân chăng tá ?
Cọc nhổ đi rồi lỗ bỏ không.

NGÁN NỖI CHỒNG CHUNG *(Xuân Hương)*

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh-lùng.
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
Năm thì mười họa nên chăng chớ,
Một tháng đôi lần có cũng không.
Cố đấm ăn xôi xôi lại hẩm,
Cầm bằng làm mướn mướn không công.
Thân này vì biết dường này nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

KHÓC ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG *(Xuân Hương)*

Trăm năm ông phủ Vĩnh-Tường ôi !
Cái nợ ba sinh đã giả rồi.
Chôn chặt văn-chương ba thước đất,
Tung-bê hồ-thủy bốn phương giời.
Cán cân tạo hóa rơi đâu mất,
Miệng túi càn-khôn thắt lại rồi,
Hăm bảy tháng giời là mấy chốc,
Trăm năm ông phủ Vĩnh-Tường ôi !

VẤN NGUYỆT *(Xuân Hương)*

Một chái giăng thu chín mõm-mòm,
Nầy vừng quế đỏ đỏ lòm lom.
Giữa in chiếc bích khuôn còn méo,
Ngoài khép đôi cung cánh vẫn khòm.
Ghét mặt kẻ trần đua sói-móc,
Ngứa gan thằng cuội đứng lom-khom.
Hỡi người bẻ quế rằng ai đó ?
Đó có Hằng-nga ghẻ mắt ròm.

TỰ TÌNH (*Xnân-Hương*)

Chú lái kia ơi, biết chú rồi,
Qua sông rồi lại đấm ngay bòi.
Chèo ghe vừa khỏi ròng sông ngược.
Đấm cặc ngay vào ngấn nước xuôi.
Mới biết lên bờ đà vỗ đít,
Nào khi giữa khúc phải so vòi.
Chuyến đò nên nghĩa sao không nhớ ?
Sang nữa hay là một chuyến thôi ?

TỰ-TÌNH (*Xuân-Hương*)

Chiếc bách buồn vì phận nổi–nênh,
Giữa ròng ngao-ngán nỗi lênh-đênh.
Lưng khoang tình nghĩa nhường lai–láng,
Nửa mạn phong-ba luống bập-bềnh.
Cầm lái mặc ai lăm đỗ bến,
Rong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.
Ấy ai thăm ván cam lòng vậy,
Ngán nỗi ôm đàn những tấp-tênh.

BỒ NHÌN (*Lê-Thánh-Tôn*)

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước há vì dưa.
Xét-soi trước mặt đôi vừng ngọc,
Vùng-vẫy trong tay một lá cờ.
Dẹp giống muông chim xa phải lánh,
Dễ quân cầy quốc gọi không thưa.
Mặc ai nhẩy-nhót đường danh lợi,
Ơn nước đầm-đìa hạt móc mưa.

NGƯỜI ĐI XIN (*Lê-Thánh-Tôn*)

Chẳng phải ăn đong chẳng phải vay,
Khắp hòa thiên-hạ đến ăn mày.
Hạt châu chúa cất chao ngang miệng,
Bệ ngọc tôi từng đứng chắp tay.
Nam bắc đông tây đều đến cửa,
Trẻ già giai gái cũng kiềng thầy.
Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,
Bốn bể thu về một túi đầy.

THẰNG MÕ (*Lê Thánh-Tôn*)

Gớm thay nhớn tiếng lại dài hơi.
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi.
Mộc-đạc (1) vang lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh rền-rĩ khắp đòi nơi.
Đâu đâu đấy đấy đều nghe lịnh,
Xã xã dân dân phải cứ lời,
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi.

ĐỀ MIẾU BÀ TRƯƠNG HÀ-NAM (*Lê-Thánh-Tôn*)

Bà Trương lấy chồng, nửa năm có mang, chồng đi lính, ở nhà sinh một con giai đặt tên là Đản. Ba năm sau chồng mãn-khóa về, đứa bé đã biết nói, bập-bẹ rằng : « Ông cũng là cha ư ? nhưng sao nay lại biết nói ? trước không nói, cứ mẹ tôi ngồi thì ngồi, đi thì đi tối lại thấy đến ». Chàng Trương nghe con nói, nổi ghen, đánh-đập sỉ-vả vợ, đến nỗi vợ phải gieo mình ở sông Hoàng-Giang, một hôm chàng bế con, ngồi thơ-thẩn, đứa bé oà lên chỉ vào vách nói rằng : « Kìa cha Đản lại đến kia». Vì ngày trước bà Trương thường chỉ bóng mình mà bảo là cha mày đấy, nên nó nhận lầm. Bấy giờ chàng mới biết vợ oan, lập đàn bên sông giải-oan. Sau vua Lê-Thánh-Tôn qua chơi đề bài thơ này.

---

(1) Mộc đạc : mõ gỗ.

Nghi-ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương ?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chi cho lụy đến nàng.
Chứng-quả có đôi vừng nhật nguyệt,
Giải-oan chi mượn đến đàn-tràng ?
Qua đây mới biết nguồn-cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ-phàng.

THƠ SÁCH HỌA LẤY CHỒNG

(Truyền rằng bài này của bà Sư chùa Non-nước. Bà là em gái đức Minh-Mệnh, ra tu ở chùa Non-nước. Đức Minh-Mệnh có dụ bà về lấy chồng, bà không về mà làm bài này, hễ ai họa được hay thì bà lấy, song không ai họa nổi)

Thế-sự nhìn xem rối cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngắm lại càng rơ.
Đánh tan tục-niệm (1) hồi chuông sớm,
Gõ vỡ trần-tâm tiếng mõ trưa.
Chu-tử (2) ngán mùi nên vải ấm.
Đỉnh-chung (3) lợm dọng hóa chay ưa.
Lên đàn cứu-khổ toan quay lại,
Bể ái trông ra nước đục lờ.

VỊNH NÚI NGŨ-HÀNH *(Bà Bang Nhỡn)*

Cảnh-trí nào hơn cảnh-trí này ?
Bồng-lai (4) thôi cũng hẳn là đây,
Núi len sắc đá mầu phơi gấm,
Chùa nực hơi hương khói lộn mây.
Ngư-phủ (5) gác cần ngơ mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.
Nhìn xem phong-cảnh ưa lòng khách,
Khen bấy thợ giời khéo đắp xây.

---

(1) Tục-niệm : lòng tục. — (2) Chu tử : đỗ tía ý nói vinh hoa phú quý. — (3) Đỉnh-chung : lộc nước. — (4) Bồng-lai : nơi tiên ở. — (5) Ngư-phủ : người đánh cá.

KHÓC BẰNG-PHI (*Đức Dực-tôn Hoàng-đế*)

Ới Thị-Bằng ơi ? đã mất rồi !
Ớ tình, ớ nghĩa, ớ duyên ôi !
Mưa hè nắng chái oanh ăn nói.
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi,
Đập cổ-kính (1) ra tìm lấy bóng,
Sếp tàn-y (2) lại dễ rành hơi.
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

GIÃ VỢ NHÀ ĐI LÀM QUAN (*Tiến sĩ Phan-thanh-Giảng*)

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi-tạc có non sông.
Đàng mây cười tớ ham rong-ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước nợ giai đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng ?

CẢNH GIÀ (*Quan Thượng Võ-Khoa*)

Giật mình nay đã chẵn năm mươi,
Lần-thần nào hay tuổi-tác rồi.
Mái tuyết phất-phơ già dễ tới,
Đàng mây khắc-khoải bước khôn lui.
Lá thâu tan-tác thương bè-bạn.
Ngành gấm đua-chen thẹn trẻ giai.
Vườn cũ lần về thăm cụm cúc,
Vài thằng cháu trẻ lượm hoa rơi.

---

(1) Cổ kinh : gương cũ. — (2) Tàn y : áo nát

PHONG-CẢNH LINH-GIANG *(Quan Thượng Võ Khoa)*

Bước tới Linh-Giang bóng dã chiều,
Linh-Giang phong-cảnh biết bao nhiêu.
Miếu nghè lúp-súp nhà quanh núi,
Hàng quán lao xao chợ dưới đèo.
Ngoài biển lắng tai cơn sóng vỗ,
Trong mây dấp-dưởng tiếng chuông reo.
Ơi đồng ! ta hỏi sư đâu tá ?
Rằng mới chơi đâu đã mấy chiều.

VỊNH KIỀU *(Phạm Lập-Trai Tiên-sinh)*

Giọt nước Tiền-Đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng,
Gót ngọc khôn đành giấc thủy quan.
Nửa giấc đoạn trường tan giấc điệp,
Một giây bạc mệnh rứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Giời bắt làm gương để thế-gian.

NGHÈO NẰM CO *(Nguyễn-văn-Giai triều Lê)*

Ba gian lều cỏ dãi che xương,
Rét phải nằm co há phải cuồng ?
Cá cả nép vây miền Bắc-Hải,
Rồng thiêng uốn khúc chốn Nam-Dương.
Một lòng chung hiếu bo còn giữ,
Hai chữ công danh uốn chửa vuông.
Có khuất bao nhiêu thời có ruỗi,
Ra xuân đầm-ấm sẽ xuênh-xoang.

NÓI KHOÁC *(Nguyễn-văn-Giai triều Lê)*

Tớ con ông Trạng cháu ông Nghè,
Nói khoác trên giời dưới đất nghe.
So sức Hạng-Vương tầy nửa đấm,
Đánh cờ Đế-Thích chấp hai xe.

Vượt ngay ra biển dằng tầu lại,
Tốc thẳng lên non bắt cọp về.
Mai mốt đem quân vào phủ chúa,
Ra tay riệt Mạc để phù Lê.

CHÊ GÁI LẤY CHỒNG GIÀ

Tội chi hơn tội lấy chồng già?
Duyên nợ mô mà mãi thế a ?
Ngán nỗi giăng tà lồng bóng liễu,
Buồn tình ong quyện rút bông hoa ;
Thường-thường tuy có mà không mãi,
Thoáng-thoáng nên chăng mới họa là.
Đầu bạc tóc xanh dang-dở quá,
Ra đường ai biết bạn hay cha.

TÌNH KHỨ LƯU

Tình chung kẻ ở với người về,
Cạn chén quan-hà biết mấy be·
Cá nước rồng mây cùng một hội,
Áo xiêm xe ngựa bỗng đôi bề.
Trời Nam sực-nức hương đưa quế,
Đường bắc xênh-xang gió thổi hòe.
Nhắn với non sông đà thỏa chửa ?
Ơn vua đến thế mới là ghê !

TỰ GIÁC (*Cụ huyện Thư-Điền*)

(Bài này quan Hoàng-La-Ngạn có họa, nhưng không được vần ba nào cập-díp, chỉ được 2 câu vận hai :

« Mõ gỗ chưa hề khua lốc-cốc,
Kèn than âu vẫn thổi tò-loe. »

còn đàng vần một cả.) Bài nguyên sướng như sau này :

Tiếng gà bên gối tẻ-tè-te,
Bóng ác trông ra hé-hẻ-hè.
Núi một tòa cao chon-chót-vót,
Hoa năm sắc nở toét-tòe-loe.
Chim tình bằng-hữu kia-kìa-kịa,
Ong nghĩa quân-thần nhé-nhẻ-nhe.
Danh lợi chưa hề ti-tí-tị,
Ngủ chừa chưa dậy khỏe-khòe-khoe.

CHIM BỒ CÂU (*Quan cử 1uệ*)

Đen trắng coi ra nghĩ cũng mầu,
Trăm chim hồ dễ vi bồ-câu.
Len mình cửa nguyệt không tên đạn,
Dán cánh cung mây có bạn bầu.
No đói chẳng khuây lòng cố-chủ,
Lứa đôi cho tỏ nghĩa hà-châu.
Gật-gù sánh lễ con cùng cháu,
Còn lối lên giời muốn bảo nhau.

NỢ PHONG-LƯU (*Cụ mền Quán-Vinh*)

Đố biết bao nhiêu vốn lãi lời,
Phong lưu thôi mắc nợ to rồi !
Gió giăng mượn cả kho vô-tận,
Ngày tháng tiêu chàn của cánh-lai.
Văn-tự viết cho thiên-hạ giữ,
Tinh-danh ghi để thế gian coi.
Hãi xin giời đất cho sinh-tức,
Thề có van ai có chịu ai.

---

(1) Hà châu : bãi sông. Kinh Thi có thơ rằng. «Quan quan thư cưu, tại hà chi châu » 關關雎鳩在河之洲 nghĩa là : con chim thư cưu ríu-rít ở bãi sông Hà, ý nói vợ chồng hòa thuận

(2) Của cánh lai : của đi rồi lại lại.

TUYÊN-QUANG QUÂN-THỨ TỨC SỰ

(Quan Bố-chính Nguyễn-hữu-Tạo)

Mở địa-đồ xem xuốt tối mai,
Bàn tay như vẽ khúc sông dài.
Miệng ngòi thét ngược đôi cầu Ngựa,
Lưng núi càn ngang nửa dốc Nai.
Mái cọ tuyết dầm tro lẫn khói,
Bới trông bùn ngậm rễ chồi gai.
Ta đi nó lại, đi rồi lại,
Lẩn-quất ma rừng ấy bởi ai ?

TẶNG BẠN MỞ TI RƯỢU

Rầy xem bác đã thỏa lòng chưa?
Chớp mắt làm nên biển với cờ.
Mùi thế thử chơi không chếnh-choáng,
Giọng tình mới nhắp chửa say-xưa.
Chen vòng tranh-cạnh xoay đương tit,
Rỏng cuộc ăn-chơi thế cũng vừa.
Qua đất Hoài-Châu tôi mới biết,
Mừng ông đọc bỡn mấy câu thơ.

CẬY CHI NGHỀ

(Mỗi câu có một tên thú-vật)

Có nghề những chắc cậy chi *nghề*,
Chẳng hóa ra nghề lại hóa *nghẻ*.
Vạn sự bất như danh cũng *hổ*,
Nhất văn vô hữu (1) nợ còn *bê*.
Ngựa xe những rắp phô trò *mã*,
Võng giá làm chi chở ướt *sề*.
Giò ngược giò xuôi chi rách *gấu*,
Thà rằng ngồi tốt vuốt râu *dê*.

---

(1) Nhất văn vô hữu ; một đồng không có.

NHỚ CÔ ĐÀO

Thân thế trăm năm một cuộc cờ,
Tao phùng (1) dễ mấy hội mây mưa,
Mặt đường quan-tái (2) người đi lại,
Đầu ngựa tang-bồng (3) kẻ đón đưa.
Ngán phận bềnh-bồng như chềnh-mảng,
Quen mùi chung-đỉnh những say-xưa.
Trách thay con Tạo ghen chi nữa,
Nỡ để duyên kia những đợi-chờ.

CHỬA HOANG

Ai về nhắn bảo việc này cho,
Nhắn bảo cho rằng việc nhỡ to.
Chép miệng bà nuôi to cái dại,
Phờ râu ông rể ẫm con so.
Cắm sâu sào quá nên thêm khó,
Néo riết giây vào hóa phải lo.
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ,
Tử-qui thắt lại một con cò.

SƯ ÔNG CHẦU VĂN CHO HAI Ả LÊN ĐỒNG

Chẳng bực gì hơn cái nợ chồng !
Thà rằng bạn quách với sư xong.
Một thằng chọc tếch ngồi khua mõ.
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp-thoáng dưới đèn len bóng cậu,
Thướt-tha dưới ánh nguyệt sư ông.
Chị em thỏ-thẻ đêm khuya vắng :
Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng.

---

(1) Tao-phùng : gặp gỡ. — (2) Quan-tái : đường đất nơi biên-viễn. — (3) Tang-bồng : cung tên, nói tri khí người nam-nhi.

TẾT NGUYÊN-ĐÁN XUỐNG TỈNH

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo,
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu.
Rượu cúc nhắn đem hàng biếng quẩy,
Chè sen mượn hỏi giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói e nồm chẩy,
Giò lụa toan làm sợ nắng thiu.
Thôi thế thì thôi dành tết khác,
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

GỬI VỀ QUÊ THĂM VỢ

Con Tạo ghen ai những quấy-rầy,
Quan-hà (1) muôn dặm kẻ riêng tây.
Gương thiềm ngắm bóng năm hầu nửa,
Thư nhạn trông tin tháng đã đầy.
Xuân vắng vườn đào mầu phấn nhạt,
Thu qua bờ liễu vóc xương gầy.
Chung-tình hai chữ khen ai đặt,
Một giấc phần-giu (2) tỉnh lại say.

VỊNH VŨNG BÌNH-THAN

Một vũng Bình-Than vạnh vạnh tròn,
Bốn mùa nước chẩy chẳng hơi mòn.
Le-te vó cất bên kia xuối,
Thủng-thẳng chài buông mái nọ non.
Cắm đỗ đầu ghềnh sào một cột,
Lênh-đênh mặt nước đá hai hòn.
Ngư-ông chèo khiến khoan rồi nhặt,
Thủng-thẳng chèo lên đã dựng con.

---

(1) Quan hà : cửa ải và sông, ý nói đường đất xa-xôi tiễn-biệt. — (2) Phần-đu : là hai tên cây, ý nói quê hương nhà.

ĐỀ NÚI LÃ-VỌNG

I

Ông xuống chi đây mới lạ đời ?
Hay là ông xuống thử trần chơi ?
Mình chen giời đất so gan đá,
Bạn với non sông giả kiếp người.
Nhật nguyệt hai vừng soi trước mặt,
Càn-khôn một gánh sẵn hai vai.
Có ai hỏi lão đà bao tuổi ?
Từ thuở ta ra đã có giời.

II

Lão được như ông mấy lão sù ?
Biếng đường danh-lợi chẳng bôn-xu.
Vững cùng giời đất giầy niên-kỷ,
Bền với non sông giải phát-phu. (1)
Chốn ẩn chẳng màng đôi Hứa, Phủ, (2)
Cuộc cờ từng trải mấy Thương, Chu.
Có ai hỏi lão đà bao tuổi ?
Kể tự Hồng Mông (3) trải mấy thu.

VẤN NGUYỆT

Trải mấy thu nay vẫn hãi còn,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn ?
Hỡi con bạch-thỏ đà bao nả ?
Chớ chị Hằng-Nga đã mấy con ?
Đêm thẳm cớ chi soi gác tia?
Ngày xanh còn thẹn với vừng son.
Năm canh lơ-lửng chờ ai đó ?
Hay có tình chung với nước non ?

---

(1) Phát phu : tóc da. — (2) Hứa, Phủ : Hứa-Do. Sào-Phủ là hai người ẩn-dật. — (3) Hồng Mông : đời thượng cổ.

CÙNG SANG CHUYẾN ĐÒ SÔNG TAM-KỲ

(*Lương-hữu-Khánh.*)

(Ông khi còn nhỏ, nhà nghèo, thường bị đói. Một hôm cùng sang đò với mấy vị Hoà-thượng, ông nói là học trò bị đói xin oản, nhà chùa bắt làm bài thơ hễ qua sông xong thì cho cả oản. Chưa tới bến, thơ đã xong, các hoà-thượng có bảy mươi phẩm oản cho cả, ông ngồi dưới thuyền ăn chốc hết, ai cũng lấy làm lạ! Sau ra giúp nhà Lê nên nghiệp trung-hưng.).

Một hòm kinh sử, níp kim-cương,
Ngươi tớ cùng sang một chuyến dương.
Đám hội đàn chay ngươi đủng-đỉnh,
Ngôi cao chức trọng tớ nghênh-ngang.
Sao ngươi chả nhớ thời Hàn-Dũ ? (1)
Đây tớ còn căm truyện Thủy-Hoàng. (2)
Phút chốc lên bờ rồi tiễn-biệt,
Ngươi thì nên Phật, tớ nên sang.

THƠ HOẠ VẦN «KHOAI» (*Tuy-Lý-vương*)

Cũng phải sơi-ngơi cũng phải chơi,
Làm người nào phải phật lo đời.
Ngày dài dễ đặng ba muôn sáu,
Tháng chẳng lần qua một chục hai.
Việc phủ vua quan giờ có phép,
Tiệc thơ hầu hạ dám dường ai.
Mua vui ngàn lượng xin đừng tiếc,
Đã thấy co-ro cất củ khoai.

ĐỀ NHÀ MÁT (*Tuy-Lý-Vương*)

Cửa cỏ rèm lau mặt tả-tơi,
Sông Hương nội Lách ấy là nơi.
Dầu cơn mưa gió ta cũng thích,
E nỗi giăng ba khách khó chơi.

---

(1) Ông Hàn-Dũ xưa tâu vua Tống xin phá đền chùa và hủy tượng Phật. -- (2) Tần Thủy-Hoàng đốt sách chôn học trò.

Ghế đá giường che không chút bợn,
Quần là áo lượt chẳng màng thơi.
Dầu ai tưởng tới qua mà dõi,
Thiếu-thốn tôi đâu dám rước mời.

HỒI-VĂN VỊNH CÚC

(Bài này đọc xuôi và đọc ngược cũng vẫn hay)

Đọc xuôi. — Thanh thu cảnh chiếm thú điền viên,
Cúc não người thay vẻ lạ nhìn.
Mành lọt gió đưa hương nức cửa,
Trạo kề giăng rãi ngọc lồng hiên.
Cành phô gấm rệt hoa cao thấp,
Đóa dãi vàng thưa nụ dưới trên.
Tình khách nức sôn đào với mận,
Sinh sinh sắc cúc đậm-đà duyên.

Đọc ngược. — Duyên đà-đậm cúc sắc sinh sinh,
Mận với đào sôn nức khách tình.
Trên dưới nụ thưa vàng dãi đoá,
Thấp cao hoa rệt gấm phô cành.
Hiên lồng ngọc rãi giăng kề trạo,
Cửa nức hương đưa gió lọt mành.
Nhìn lạ vẻ thay người não cúc,
Viên điền thú chiếm cảnh thu-thanh.

VỊNH HÁT BỘI *(Tú-Qui)*

Nhỏ mà không học nhớn làm ngang,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan.
Ra rạp ngồi trên ba đứa hiệu,
Vô buồng đứng dưới mấy ông làng.
Mượn mầu son phấn ông kia nọ,
Cồi lốt cân-đai chú điếm-đàng.
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,
Đã từng trợn mắt lại phùng mang.

VỊNH CON DẾ-DUỒI BÊN ĐÈN (*Tú-Qui*)

Kiến chẳng phải kiến voi chẳng voi,
Giời sinh dế-duồi cũng choi-choi.
Ngắn cánh lên giời bay chẳng thấu,
Có tay vạch đất cũng khoe tài.
Mưa sa nước chầy lên cao ở,
Lửa đỏ dầu sôi nhầy tới chơi.
Quân-tử có thương xin chớ phụ,
Lăm-xăm bay nhầy đề mà coi.

QUỐC BIẾN NĂM ẤT-DẬU (*Hoàng-giáp Phạm-như-Xương*).

Vỗng lọng nghênh-ngang giữa cõi trần,
Biết ai là chúa biết ai thần.
Ngu-thiều (1) tâu hết khôn nghe phụng,
Lỗ-sã (2) tu rồi chẳng thấy lân.
Mỏi mắt Hi-Di (3) trời ngũ-quí. (4)
Nhọc lòng Gia-Cát đất tam phân. (5)
Thôi thôi đã thế thì hay thế,
Nhờ lượng cao giầy cứu lấy dân.

THƠ BÈO

(Khi Mạc-Đăng-Dung tiếm quốc, bên Tầu sai Lưu-bá-Ôn sang định úp nước ta. Bá-Ôn đến Nam-Quan làm bài thơ bèo này, đưa sang trước, xem ai họa nổi không. Mạc-Đăng-Dung sai cụ Trạng Giáp-Hải họa lại. Bá-Ôn xem bài thơ họa, biết nước Nam có người tài, không dám đánh, rút quân về. Thực là ngọn bút lông mà đuổi được quân trăm vạn. Bài thơ này của Tầu có ý nói Annam như cánh bèo, chỉ một trận gió là tan).

隨田逐水冒秧針
Tùy điền chục thủy mạo ương châm,
到處看來植不深
Đáo sứ khan lai thực bất thâm.

---

(1) Ngu thiều : nhạc thiều nhà Ngu. — (2) Lỗ-xã : nền xã nước Lỗ — (3) Hi-Di : là ông Trần-Đoàn, ông tiên. — (4) Ngũ-quý : năm đời cuối, nhà Lương, Đường, Tần, Hán Chu. — (5) Tam phân : đời Tam-quốc, Ngụy, Thục, Ngô, tranh vạc nhà Hán.

空 有 根 苗 空 有 葉
Không hữu căn miêu không hữu diệp,
敢 生 枝 節 敢 生 心
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm.
徒 知 聚 處 寧 知 散
Đồ chi tụ sứ ninh chi tán,
但 識 浮 辰 那 識 沈
Đãn thức phù thời ná thức trầm ;
大 抵 中 天 風 氣 惡
Đại để trung thiên phong khi ác,
掃 歸 湖 海 便 難 尋
Tảo quy hồ hải tiện nan tầm.

GIẢI NGHĨA *(Nam-Phong dịch)*

Mọc theo ruộng nước nhỏ như châm,
Rễ bám nơi nao cũng chẳng thâm.
Nào có căn miêu nào có diệp,
Dám sinh chi tiết dám sinh tâm.
Tụ rồi đã chắc không khi tán,
Nổi đó nào hay có lúc trầm.
Đến độ chiều giời phong khí ác,
Quét về hồ bể hẳn khôn tìm.

BÀI CỤ TRẠNG GIÁP–HẢI HỌA LẠI

錦 鱗 密 密 不 容 針
Cẩm lân mật mật bất dung châm,
帶 葉 連 根 豈 計 深
Đái diệp liên căn khởi kế thâm.
常 與 白 雲 爭 水 面
Thường dữ bạch vân tranh thủy diện,

肯 教 紅 日 墮 波 心
Khẳng giao hồng nhật trụy ba tâm.
千 重 浪 打 誠 難 破
Thiên chùng lãng đả thành nan phá,
萬 陣 風 吹 永 不 沉
Vạn trận phong suy vĩnh bất trầm.
多 少 魚 龍 藏 這 裏
Đa thiểu ngư long tàng nghiễn lý.
太 公 無 計 下 鉤 尋
Thái công vô kế hạ câu tầm.

GIẢI NGHĨA *(Nam Phong dịch)*

Mau ken vầy gấm khó luồn châm,
Cành rễ liền nhau mọc rất thâm.
Tranh với bóng mây trên thủy diện,
Há dung vừng nhật lọt ba tâm.
Nghìn trùng sóng dánh thường không vỡ,
Muôn trận phong suy cũng chẳng trầm.
Nào cá nào rồng trong ấy ẩn,
Cần câu Lã-Vọng biết đâu tầm.

THƠ CỤ NGUYỄN-CÔNG-CHỨ

1. -- Đương cơn khổ nhục lắm người khinh,
Hễ vốn làm người nhục có vinh.
Vận đỏ nghe người cho muối cá,
Hồi đen lắm kẻ sóc xương kình.
Đại-nhân bao quản đường trênh-lệch,
Quân-tử khôn nài chốn đá đanh.
Thôi hãi đợi chờ bình trị đã,
Gặp thời vỗ cánh mới ra danh.

2. — Đi không hà lại giở về không,
Cái nợ trần-hoàn phải tính xong.
Rắp mượn điền viên vui tuế-nguyệt,
Nỡ đem thân thế hẹn tang bồng.
Đã mang tiếng ở trong giời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Đương lúc trần-ai ai dễ biết,
Xưa nay đâu chẳng có anh—hùng.

3. — Vốn dễ anh-hùng mới biết nhau,
Sao mà ta đã trải trăm chiều.
Trái mùa nghiệp cũ nên không bỏ,
Ế chợ nghề nhà cũng phải theo.
Những giữ miệng đà không muốn nói,
Làm sao bụng vẫn cứ thường kêu.
Suy ra mới biết rằng ta dở,
Kẻ trước như ta cũng đã nhiều.

4. — Chửa chán ru mà quấy mãi đây ?
Nợ-nần dan-díu mấy năm nay.
Mang danh tài-sắc cho nên nợ,
Quen thói phong-lưu hóa phải vay.
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay.
Còn giời còn đất còn non nước,
Có nhẽ ta đâu mãi thế này.

5. — Có nhẽ ta đâu mãi thế này,
Non sông lẩn-thẩn mấy thu chầy.
Đã từng tắm gội ơn mưa móc,
Cũng phải sẽnh-sang hội gió mây.
Hãi quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay xuất sử thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

6. — Mãi thế rồi ta sẽ tỉnh đây,
Điền-viên thú nọ vẫn xưa nay.
Giang hồ bạn hữu câu tan hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say.
Tòa đá Khương-công (1) hai khóm cúc,
Áo xuân Nghiêm-tử (2) một vai cầy.
Thái-bình vũ-trụ càng thong-thả,
Chẳng lợi danh chi lại hóa hay.

7. — Chẳng lợi danh chi lại hóa hay,
Chẳng ai phiền-lụy chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,
Trong túi yên hà mặt tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người nhớn bé,
Vểnh râu bàn những truyện xưa nay.
Của giời giăng gió kho vô-tận,
Cầm hạc tiêu dao đất nước này.

8. — Hai mươi năm lẻ những mơ màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-trường.
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận-mệnh,
Khi cùng chớ cậy có văn-chương.
Nghèo thời cũng rắp tìm nghề khác,
Vốn tính đã quen giữ nết ương.
Hễ truyện rủi may thời chẳng trách,
Khéo dư nước mắt khóc giầu sang.

9. — Cho hay thiên-hạ khéo xem gương,
Hễ khó thì thôi mấy kẻ màng.
Miệng nói đã toan mua truyện ghét,
Tay không dễ dám ép người thương.
Khéo khôn ai dễ chen phần được,
Trong sạch ta nhưng giữ mực thường.

---

(1) Khương-Công : là ông Lã-Vọng. — (2) Nghiêm-Tử : ông Nghiêm-Quang nhà Hán ẩn cầy ở núi Xuân-Sơn.

Đi lại chẳng qua thời với mệnh,
Cũng đừng thắc-mắc chẳng lo-lường.

10. — Ăn ở sao cho trải sự đời,
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận dẫu căm gan miệng mỉm cười.
Bởi số đi đâu cho khỏi số,
Lụy người nên nỗi phải chiều người.
Mặc ai chớ để điều ân-oán,
Chung-cục thì chi cũng tại giời.

11. — Những điều chắc-chở đã xem từng,
Song lẽ rút dây sợ động rừng.
Người thế những tuồng trông trước mặt,
Ở đời mấy kẻ gẫm sau lưng.
Tính-toan luống đổ mồ hôi muối,
Thương-sót đà no nước mắt gừng.
Đã thế thì thôi thôi mặc thế,
Công đâu cho nhọc giận người dưng.

12. — Vận chuyển huyền cơ nghĩ cũng mau,
Chắc rằng ai khổ chắc ai giầu.
Nghĩ đâu miệng thế khi yêu ghét,
Được mấy lòng người có trước sau.
Cuối tiết mới hay rằng sớm muộn,
Trong vời sao đã biết nông sâu.
Ai suy giời đất thì liền tỏ,
Mưa mãi đâu mà nắng mãi đâu.

13. — Nghĩ-ngợi gần xa khéo nghiệm thay !
Sự đời chắc-chở giống bàn tay.
Hãy xem gương trước to bằng liếp,
Mà biết lòng người mỏng tợ mây.

Những tiếng bấc chì nghe đã chán,
Nghĩ đâu cạnh-khóe nói thêm ngây.
Ở ăn cũng tưởng về sau mãi,
Trời hãi còn cao đất hãi giầy.

14. — Chẳng phải rằng ngây chẳng phải đần,
Bởi vì nhà khó phải bần-thần.
Mấy đời thầy kiện mà thuả mẹo,
Nghĩ phận thằng nghèo phải biết thân.
Số cả bĩ thôi thời lại thái,
Cơ thường đông hết lại sang xuân.
Giời đâu riêng đói cho ta mãi,
Vinh nhục dù ai cũng một lần.

15. — Vì chữ cho nên mực phải mòn,
Những tuồng nông-nổi khéo là buồn.
Bởi mình hay nhịn cho nên dại,
Thấy đứa nhiều điều cũng hết khôn.
Lúc giận dệt-thêu ngay hóa vẹo,
Khi ưa tô-vẽ méo nên tròn.
Dù ai cũng nghĩ cho mình với,
Thực giống sen thì chẳng sợ bùn.

16. — No thời ra bụt đói ra ma,
Chẳng lạ nhân tình đất kẻ ta.
Khôn-khéo lại ra thằng lắm của,
Yêu-vì đâu đến đứa không nhà.
Ngẫm đời mới biết không thời dễ,
Muôn việc cho hay nhịn cũng qua.
Con Tạo có đi thời có lại,
Vạch vôi lấy mãi thế ru mà.

17. — Kẻ ghét song còn có kẻ ưa,
Biết đâu mà uốn được cho vừa.
Khó giầu đã định nơi không oán,
Khôn dại đành hay há dám từ.

Bể học đào nguồn cho chúng trẻ,
Ngày nhàn vui truyện với người xưa.
Lâng-lâng rũ sạch niềm nhân ngã,
Ngắm thú phồn-hoa được thế chưa ?

18. — Trời đất cho ta một cái tài,
Dắt lưng dành để tháng ngày chơi.
Dở duyên với rượu khôn từ chén,
Trót nợ cùng thơ phải chuốt bài.
Có sẵn bàn son xe ngựa đó,
Đàn còn phiếm chúc tính tình đây.
Ai say ai tỉnh ai thua được,
Ta mặc ta mà ai mặc ai.

16. — Chẳng phải sương sa chẳng phải mù,
Ào ào một trận kéo dần vô.
Tưởng là gió cuốn màn mây lại,
Ai biết giời tuôn lộc nước cho.
Khi ấy não-nùng thì lỡ đã,
Bây giờ chua-sót biết chừng mô.
Ai ơi ướt-át đừng lo luống,
Có lỡ năm nay có được mùa.

TỨ TUYỆT

CHỪA RƯỢU (*Yên-Đổ*)

Những lúc say sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa.
Hay ưa nên nỗi không chừa được,
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.

HỎI ĐÁ (*Yên-Đổ*)

Bao nả giang sơn một gánh tròn,
Nghìn thu sương tuyết vẫn không mòn.
Biết chăng chỉ có ông Hà-Bá,
Mỉm mép cười thầm với nước non.

GIỜI NÓI (*Yên-Đổ*)

Cao cao xanh ngắt ấy là tao,
Dẫu pháo thăng thiên đã tới nào.
Nhắn bảo trần gian cho nó biết,
Tháng hai tháng tám tớ mưa rào.

THƠ PHÁO (*Yên-Đổ*)

Giấy xanh giấy trắng ở tay người,
Bao nả công-trình tạch cái thôi.
Cao lắm lại càng sơ-sác lắm,
Cũng mang một tiếng ở trên đời.

NĂM MỚI CHÚC NHAU (*Tú-Xương*)

1. – Lẳng-lặng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Năm nay có dễ ông buôn cối,
Thiên hạ bao nhiêu đứa giã giầu.

2. – Nó lại chúc nhau cái sự sang,
Người thì bán tước kẻ mua quan.
Năm nay ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

3. — Nó lại mừng nhau cái sự giầu,
Trăm nghìn vạn ức chẳng vào đâu.
Năm nay có lẽ gà ăn bạc,
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.

4. — Nó lại mừng nhau sự lắm con,
Sinh năm đẻ bảy được vuôn tròn.
Phố phường chật hẹp người đông đúc,
Bồng bế nhau lên ở núi non,

NGẪU HỨNG (*Tú-Xương*)

Lại có làm chi cái chữ nho,
Ông Hoàng ông Bảng cũng nằm co.
Sao bằng đi học làm thầy phán,
Tối rượu sâm-banh sáng sữa bò.

TỰ PHỤ (*Tú-Xương*)

Trời đất sinh ra chán vạn nghề,
Làm thầy làm thợ với làm thuê.
Bác này ấy mới thái vô-tích,
Sáng vác ô đi tối vác về.

NHÀ HÁT TUỒNG (*Tú-Xương*)

Nào có ra chi một lũ tuồng,
Cũng hò cũng hét cũng y-uông.
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ,
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.

CHIÊM BAO (*Tú-Xương*)

1. — Bỗng thấy chiêm bao thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng,
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi.

2. — Nằm nghe tiếng chống chống canh ba,
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra,
Thiên-hạ có khi đương ngủ cả,
Việc gì mà thức một mình ta,

TÀI NGÓN CHÂU (*Tú-Xương*)

Có phải rằng ông chẳng học đâu,
Mỗi năm ông học một vài câu.
Ví dù vua mở khoa thi trống,
Lạc-nhạn xuyên-tâm đủ ngón chầu.

ĐỔI THI (*Tú-Xương*)

Nghe nói khoa sau sắp đổi thi,
Các thầy đồ cổ đỗ mau đi.
Dẫu không bia đá còn bia miệng,
Vất bút lông đi, giắt bút chì.

CỘ KÝ MẤT NGÀY MÙNG HAI TẾT (*Tú-Xương*)

Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa xong được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ,
Ông chồng thương đến cái xe tay.

GỬI BẠN THÂN (*Tú-Xương*)

Ông có đi thi ký-lục không ?
Nghe ông quốc-ngữ học chưa thông.
Ví dù nhà-nước cho ông đỗ,
Thì hạng lương ông được mấy đồng ?

KẾT PHÁO

Tượng tượng xe xe xé lẻ rồi,
Sĩ đen sĩ đỏ chẳng thành đôi.
Đố ai biết ngỏ quân gì kết ?
Mã cũng chui rồi tốt cũng chui.

DỆT CỬI (*Lê-Thánh-Tôn*)

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vậy phải lên ngôi gỡ mối dường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật-nguyệt,
Gót vàng dận đạp máy âm-dương.

CON CÓC (*Tú-Xương*)

Bác mẹ sinh ra vốn áo chồi,
Chốn nghiêm thăm-thẳm một mình ngồi.
Tép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển-động bốn phương giời.

THƠ NÓI LÁI (*Tự-Đức*)

(Đức Tự-Đức khi rảnh chiều thường hay hội các quan ngâm họa thơ từ, và hỏi những câu lắt-léo truyện cổ để thử tài các quan. Một hôm có ông quan viện Hàn-Lâm kể truyện đức thánh Trèm Lý-Ông-Trọng, ông kia nói khác là Lý-Trọng-Ông, có ý làm ra truyện ly-kỳ, bảo người làm sách chép sai, có lẽ là Lý-Trọng-Ông chớ không phải Lý-Ông-Trọng. Vua nghe vậy liền đọc bài thơ tứ-tuyệt này, dùng tuyền chữ lái để mắng và đuổi ra ngoài viện Hàn-Lâm)

翁仲如何唤仲翁
Ông-Trọng như hà hoán Trọng-Ông?

只因學問少夫功
Chỉ nhân học vấn thiểu phu-công.

斯人安得居林翰
Tư nhân an đắc cư lâm-hãn,

宜黜內河作判通
Nghi truất Nội-Hà tác phán thông.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
IMPRIMÉS

GIẢI NGHĨA :

Ông-Trọng sao lại đổi là Trọng-Ông ?
Chỉ vì học vấn chưa công-phu.
Người này sao ở tòa Hàn-Lâm được,
Nên đuổi ra Hà-nội làm thông-phán.

XIN LÚA *(Trạng-Quỳnh)*

Trạng người huyện Hoằng-Hóa một hôm đi chơi thấy cô con gái Tuyên-Quang, đang đứng trông gặt lúa, cô ta có tính chua-ngoa, Trạng giả anh đồ kiết đến xin lúa, cô ta bảo làm bài thơ mới cho.

Tuyên-Quang Hoằng-Hóa cũng thì vua.
Nắng cực cho nên phải mất mùa.
Lại đứng đầu bờ xin-sỏ chị,
Chị nỡ lòng nào chị chẳng cho.

THƠ BÁNH CHÔI *(Xuân-Hương)*

Thân em thì trắng phận em tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

KHÓC TỔNG CÓC *(Xuân-Hương)*

Hỡi chàng ôi ! ới hỡi chàng ôi !
Thiếp bén duyên chàng có thế thôi.
Nòng-nọc đứt đuôi từ đây nhé,
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.

SƯ BỊ ONG CHÂM *(Xuân-Hương)*

Nào mũ ni nào áo thâm,
Đi đâu không đội để ong châm ?
Đầu sư há phải gì bà-cốt,
Bá-ngọ con ong bé cái lầm.

RIỄU HAI ANH ĐỒ (*Xuân-Hương*)

Dắt-díu nhau lên đến cửa chiền.
Cũng đòi học nói nói không nên.
Ai về nhắn bảo phường lòi-tói,
Muốn sống đem vôi quét giả đền.

THƠ ỐC NHỒI (*Xuân-Hương*)

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi,
Đêm ngày lăn-lóc đám cỏ hôi.
Quân-tử có thương thì bóc yếm,
Xin đừng nghi-ngoáy lỗ chôn tôi.

ĐỀ MIẾU XẦM-THÁI-THÚ (*Xuân-Hương*)

Ghé mắt trông ngang thấy bảng cheo,
Kìa đền Thái-Thú đứng cheo-leo.
Vì đây đổi phận làm giai được,
Thì sự anh-hùng há bấy nhiêu ?

THƠ DƯƠNG-VẬT (*Xuân-Hương*)

Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn,
Ban đêm không mắt sáng hơn đèn.
Đầu đội nón gia loe chóp đỏ,
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen.

QUẢ MÍT (*Xuân-Hương*)

Thân em như quả mít trên cây,
Vỏ nó xù-xì múi nó giầy.
Quân-tử có yêu thì đóng cọc,
Xin đừng mân-mó giựa ra tay.

DỖ CHỊ CHÀNG KHÓC CHỒNG (*Xuân-Hương*)

Văng-vẳng tai nghe tiếng khóc chồng,
Nín đi kẻo thẹn với non sông.
Ai về nhắn-nhủ đàn em bé :
Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung.

THÍCH VÀO MIỆNG CAU MỜI KHÁCH (*Xuân-Hương*)

Quả cau nho-nhỏ miếng giầu hôi,
Này của Xuân-Hương mới quệt rồi ;
Có phải duyên nhau thì thắm lại,
Đừng xanh như lá, bạc như vôi.

TRÁCH ÔNG CHIÊU–HỒ HẸN SAI (*Xuân-Hương*)

Sao nói rằng năm lại có ba ?
Trách người quân-tử hẹn sai ra.
Bao giờ thong-thả lên chơi nguyệt,
Nhờ hái cho xin nắm lá đa. (1)

ÔNG CHIÊU-HỒ HỌA LẠI :

Rằng dán thì năm quý có ba,
Bởi người thục-nữ tính không ra.
Ừ rồi thong-thả lên chơi nguyệt,
Cho cả cành đa lẫn củ đa.

THƠ TỬ–VẬN (*Xuân-Hương*)

Những bấy lâu nay luống nhắn-nhe,
Nhắn-nhe toan những sự gùn-ghè.
Gùn-ghè nhưng vẫn còn chưa dám,
Chưa dám cho nên phải rụt-rè.

ÔNG CHIÊU-HỒ HỌA LẠI :

Hỡi hỡi cô bay tớ bảo nhe,
Bảo nhe không được gậy ông ghè.
Ông ghè chẳng được ông ghè mãi,
Ghè mãi thì lâu cũng phải rè.

---

(1) Câu này có ý bảo ông Hồ là thằng Cuội nói dối

THƠ PHÁO (*Nguyễn-Chỉnh đời Tây-Sơn*)

Sác không vốn những cậy tay người,
Khôn-khéo làm sao buộc cũng rời.
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

CHIM BỒ CÂU (*Nghè-Tân*)

Cu hời, cu hỡi, bảo cu hay:
Cu ở đường mô cu lại đây?
Chớ cậy lồng son cùng ống sứ,
Có ngày thớt nghiến với dao phay.

ĐỀ ĐỘNG LIÊN-HOA NINH-BÌNH

(*Hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị*)

1. – Ta chẳng trêu ai chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về ở động Thiên–Thai..
Thiên-Thai chỉ có non cùng nước,
Non nước lấm vui gác truyện ngoài.

2. — Một gánh cành câu tới thạch-bàn,
Cá tuy không được chỉ ngồi gan.
Dù ai xem rỏ cười không cá,
Không cá nhưng ông đã được nhàn.

ĐỀ NÚI ĐỊCH-LỘNG NINH-BÌNH

(*Bảng-nhỡn Lê-Quí Đôn*)

岩 窗 半 啓 青 成 幕
Nham song bán khải thanh thành mạc,
石 乳 全 柔 碧 作 球
Thạch nhũ toàn nhu bích tác cầu.
潮 水 千 年 常 上 下
Triều thủy thiên niên thường thượng hạ,
溪 花 終 古 自 春 秋
Khê hoa chung cổ tự xuân thu.

GIẢI NGHĨA :

Cửa núi hé xanh, cánh màn rủ,
Nhũ đá mềm biếc như quả cầu.
Thủy trào thường nghìn năm lên xuống,
Hoa khe núi trải bao xuân thu.

GỬI TÌNH-NHÂN

Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,
Miếng tình nghẹn mãi biết làm sao.
Muốn kêu một tiếng cho to lắm:
Rằng : ối ai ôi nó thế nào !

CỜ ĐUÔI NHEO

Em như chéo vải lấy đâu vuông,
Quân-tử sao nay lại dẫy-duồng ?
Quốn mở mặc dầu khi gió hứng,
Rập-rìu sau trước trống cùng chuông.

NGỦ NGÔN

VỊNH SƯ (*Yên-Đổ*)

Đầu chọc tếch bình vôi,
Nhẩy tót lên chùa ngồi.
Ỳ-à kinh một bộ,
Lóc-cóc mõ ba hồi.
Cơm chẳng ăn cá thịt,
Ăn những oản, chuối, xôi.
Không biết câu tình dục,
Đành chịu tiếng bồ côi.

THAN CÙNG (*Tú-Xương*)

Người bảo ông cùng mãi,
Ông cũng thế này thôi.
Vợ lăm-le ở vú,
Con tấp-tểnh đi bồi.
Ai chói voi bỏ giọ,
Đời nào lợn cạo ngôi.
Khách hỏi nhà ông đến,
Nhà ông đã bán rồi.

MÙA HẠ (*Yên-Đổ*)

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết giời thực oi-ả.
Tiếng dế kêu thiết-tha,
Đàn muỗi bay tơi-tả.
Nỗi ấy biết cùng ai,
Cảnh này buồn cả dạ.
Biếng nhắp năm canh chầy,
Gà đà sớm dục-dã.

NGẪU HỨNG (*Tú-Xương*)

1. — Hán tự chẳng biết hán,
Tây tự chẳng biết tây.
Quốc-ngữ cũng mù-tịt,
Thôi thì về đi cầy.

2. — Trồng ngô và trồng đậu,
Cấy chiêm lại cấy mùa.
Ăn không hết thì bán,
Bán đã có tây mua.

3. — Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cưỡi trâu.
Cưỡi trâu thế mà vững,
Có ngã cũng không đau.

4. — Ăn lương hàm chính thất,
Thôi thôi thế cũng xong.
Vì bằng nhà-nước dụng,
Phải bồ tòa Cana nông.

TẾT TẶNG CÔ ĐẦU (*Tú-Xương*)

Mừng xuân mừng quý khách,
Khi vui lọ đàn phách.
Truyện nở như gạo vàng,
Truyện dai như chão rách.
Đồ cả bốn chân giường,
Xiêu cả một bức vách.

VỊNH ĐÔI NGỖNG

Đời nhà Đinh có sư Thuận tiến sứ Tầu qua sông. Sứ Tầu trông thấy đôi ngỗng đang lội, đọc rằng :

鵝 鵝 兩 鵝 鵝
Nga nga lưỡng nga nga,
仰 面 向 天 涯
Ngưỡng diện hướng thiên nha.

Sư Thuận không nghĩ, ứng khẩu đọc tiếp luôn hai câu rằng :

白 毛 舖 綠 水
Bạch mao phô lục thủy,
紅 棹 擺 青 波
Hồng chạo bãi thanh ba.

DỊCH NGHĨA :

Kìa xem một đôi ngỗng,
Ngửa mặt trông giời xanh.
Lông trắng phơi nước biếc,
Chân hồng rẽ sóng thanh.

ĐỀ KIỀU THU-GIANG VẼ Ở BỘ CHÉN

Một thức nước in giời,
Đò ai chiếc lá khơi ;
Non xanh cao chót-vót,
Dòng nước chầy đầy vơi.
Mảng khúc Thương-Lang hát,
Ưa tình lữ-khách chơi.
Mong cho yên sóng gió,
Qua lại mặc người đời.

VỊNH BỨC TRANH TÙNG-THẠCH (*Nguyễn bá-Dương*)

(Khi ông còn là học trò làm bài này có ý ngụ mình là giỏi, sau tất làm quan to)

石 上 青 松 百 尺 長
Thạch thượng thạnh tùng bách sich trường,
飛 花 滿 洞 水 生 香
Phi hoa mãn động thủy sinh hương,
叮 嚀 樵 子 休 輕 伐
Đinh ninh tiều tử hưu khinh phạt,
留 取 他 年 作 棟 梁
Lưu thủ tha niên tác đống lương.

DỊCH NGHĨA :

Khe đá tùng xanh trăm thước trường,
Hoa bay ngoài động nước sinh hương.
Hẹn-hò tiều-tử đừng lăm dẫn,
Lưu dề năm sau cất đống lương. (1)

ĐỀ NÚI DỤC-THÚY NINH BÌNH (*Lê-Thánh-Tôn*)

三 折 流 邊 浴 翠 山
Tam chiết lưu biên dục Thúy sơn,
孤 高 如 削 玉 峯 寒
Cô cao như tước ngọc phong hàn :
尋 來 廢 寺 凌 風 上
Tầm lai phế tự lăng phong thượng
覽 盡 荒 碑 帶 瞑 還
Lãm tận hoang bi đái minh hoàn.
穿 密 却 疑 天 地 小
Xuyên mật khước nghi thiên địa tiểu,
登 高 頓 覺 水 雲 寬
Đăng cao đốn giác thủy vân khoan ;
山 光 不 改 渾 如 昨
Sơn quang bất cải hồn như tạc,
回 首 英 雄 一 夢 間
Hồi thủ anh hùng nhất mộng gian.

DỊCH NGHĨA :

Nước chẩy ba bên núi Thúy-San,
Chon-von như vót ngọn phong hàn.
Tìm vào chùa cổ gió như thổi,
Xem hết bia tàn mắt đã han.

---

(1) Đống lương : sà, cột nhà

Vào tối còn ngờ giời đất nhỏ,
Lên cao mới biết nước mây khoan.
Sơn quang chẳng kém như ngày trước,
Sực nghĩ anh hùng giấc mộng tan.

CHỖ LỘI LÀNG NGANG (*Yên-Đổ*)

Đầu làng ngang có một chỗ lội,
Có đền ông cuội cao vòi-vọi.
Đàn bà đến đấy vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.
Ông cuội ngồi trên mỉm mép cười :
Cái gì trắng trắng như cân cúi ?
Đàn bà khép-nép đứng liền thưa :
Tôi chót hở-hang ông xá tội.
Thôi thôi con có tội chi mà,
Lại đây ông cho giống ông cuội.
Từ đấy làng ngang đẻ ra người,
Đẻ rặt những thằng nói dối.

QUỐC BIẾN (*Dực-Tôn Hoàng-Đế*)

蒼 赤 吾 民 不 幸 而
Thương sích ngô dân bất hạnh nhi,
犬 羊 腥 臭 滿 邊 陲
Khuyển dương tinh sú mãn biên thùy;
楓 庭 惟 獻 和 親 策
Phong đình duy hiến hòa thân sách.
榆 塞 忙 聞 報 捷 旗
Du tái mang văn báo tiệp kỳ,
武 將 消 愁 惟 有 酒
Võ tướng tiêu sầu duy hữu tửu,
文 臣 退 虜 更 無 詩
Văn thần thoái lỗ cánh vô thi.

天 心 如 欲 開 平 治
Thiên tâm như dục khai bình trị,
誰 是 香 骸 壓 馬 兒
Thùy thị hương hài áp mã nhi.

NHỜI BÀ MỴ-Ê

(Năm Giáp Thân (1044) vua Lê-Thái-Tôn đánh Chiêm-Thành, giết vua chiêm là Sạ-Đầu, bắt vương-phi là bà Mị-Ê về nước. Về đến sông Lý-nhân Hà-nam, vua đòi bà ra hầu ngự. Bà xấu hổ lấy chiên quấn mình rồi tự chẫm. Bài này làm nhời bà trước khi chẫm mình).

國 破 家 亡 恨 未 灰
Quốc phá gia vong hận vị hôi,
又 聞 中 使 詔 頻 催
Hựu văn trung sứ chiếu tần thôi.
堅 心 直 入 長 流 水
Kiên tâm trực nhập tràng lưu thủy,
多 謝 君 王 送 死 來
Đa tạ quân vương tống tử lai.

DỊCH NGHĨA :

Nước mất nhà tan hận chửa nguôi,
Lại nghe Trung-sứ chiếu luôn đòi.
Lòng này pha lẫn ròng sông chảy,
Trăm đội ơn vua được thác rồi !

HÁT NÓI

Hát ả đào

KIẾP NHÂN SINH

人 生 如 寄 耳
Nhân sinh như ký nhĩ,
得 意 須 盡 歡
Đắc ý tu tận hoan.
Hữu mã, hữu thuyền, hữu thủy, hữu san,
有 馬 有 船 有 水 有 山
Tức bỉnh-trúc (1) giạ du lương hữu dĩ.
卽 秉 燭 夜 遊 良 有 以
Đành vũ-trụ ấy ngô-nhân phận sự,
Cũng tiêu dao cho tuế nguyệt thêm trường.
Vân sương-sương hề thủy ương ương,
雲 蒼 蒼 兮 水 泱 泱
Phong quang ấy người sao nên phụ ?
Nhược đãi công thành danh toại độ, (2)
若 待 功 成 名 遂 度
Nhất đôi lão cốt dĩ lăng tẳng (3)
一 堆 老 骨 已 嶒 嶝
Thế thời sơn chi nam, sơn chi bắc, chi Tung, Hằng,
Chắc đâu truyện phù bình tán tụ.
Lưng bầu rượu say cổ kim kim cổ,
Một túi thơ vui hoa nguyệt nguyệt hoa.
Khi cờ vây, khi bài lá, khi tiếu ngạo, khi cầm ca,
Nhận phong vị hào hoa làm lạc thú.
Chỉ Lô Tản ngắm cùng thảo thụ,
Cuộc tỉnh say say tỉnh ai hay.
Thử xem con Tạo sau này !

---

(1) Cầm đuốc chơi đêm, ý nói người nhàn. (2) Bằng đợi lúc công thành danh toại (3) Một đống sương già đã chồng chất.

LIỆT NỮ

(Bà Nguyễn-thị-Kim vợ vua Chiêu Thống, khi Tây-Sơn ra chiếm Bắc-Hà, Chiêu-Thống chạy sang Tầu, bà theo không kịp, ẩn-núp ở chùa, nghe tin Chiêu-Thống chết, bà ra đón tang ở cửa quan, táng xong bà liền uống thuốc độc tự-tử).

Chiêu Lê-qui có nàng Tiết-liệt,
Hai mươi thu chẳng bận thù tây.
Đem tàn dung nương chốn am mây,
Đạo thần tử, tình trong phu phụ.
Vạn cổ di luân chiêu vũ trụ, (1)
萬古彝倫昭宇宙
Nhất xoang chung nghĩa đáp quân vương. (2)
一腔忠義答君王
Hai vai một gánh cương thường,
Chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí.
Đã nên đấng chung thần bất nhị,
Lại nên tài liệt nữ bất canh.
Rõ-ràng hai chữ trung, trinh.

HÀN TÍN

So tam kiệt ai bằng ngươi Hán-Tín,
Một tay thu muôn dặm nước non.
Những ngờ rằng khoán thiết như son,
Thái-Sơn như lệ, Hoàng-Hà như đái.
泰山如礪黃河如帶
Hạp tảo ngũ hồ song Phạm-Lãi, (3)
盍早五湖雙范蠡
Khước dao tam kiệt độc Trương-Lương. (4)
却教三傑獨張良

---

(1) Trong vũ-trụ vạn cổ dõi luân thường. (2) Một lòng chung nghĩa báo quân vương. (3) Sao không sớm về Ngũ-Hồ theo Phạm-Lãi (4) Để nỗi Trương-Lương hơn tam kiệt.

Đau-đớn thay điều-tận, cung-tàng,
Đầm Vân-Mộng phải mắc mưu con trẻ.
Nếu biết chữ khả hành khả chỉ.
Thời ngũ-hồ một lá cho xong,
Làm chi lúng-túng trong vòng.

CHÚC THỌ

Sang Đông-Hải vin cành nhược mộc,
Về Nam-Minh bẻ ngọn phù-tang.
Lần lên mây hỏi chú xương xương,
Dưới trần-thế được mấy trăm ông Bành-Tổ ?
Ta muốn chúc ngô-hoàng vạn thọ,
Song cách bầy mươi ba lần khói biếc thẳm xa.
Chim đại-bằng bay thẳng lại nhà,
Nhắn thanh-điểu hỏi chàng Đông-Phương-Sóc.
Cây bàn-đào bây giờ mới mọc,
Biết bao giờ ba vạn sáu nghìn tầm,
Ngô-hoàng chừng bấy nhiêu năm.

NHỚ QUÊ

Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản,
黃 鶴 一 去 不 復 返
Nhác trông lên thăm-thẳm mấy từng lâu.
Người đời xưa văng-vẳng biết về đâu ?
Tấm mây bạc xa xa còn ở đó.
Tình xuyên lịch-lịch Hán-dương tiụ, (1)
晴 川 歷 歷 漢 陽 樹
Phương thảo thê-thê Anh-vũ châu. (2)
芳 草 凄 凄 鸚 鵡 洲
Ngọn khói tan mặt nước tỏa mù-mù,
Lớp sóng vật chân đèo xô cộn-cộn ;

---

(1) Sông tinh (tạnh) man-mác vùng Hán-Dương. (2) Cỏ thơm lạnh-lẽo châu Anh-Võ

Khi gió thổi lúc bóng hồng gần rụng xuống,
Niềm hương quan tỉnh lại lúc hồn mê.
Trạnh đâu nhớ cảnh thôn quê.

MỖI NGƯỜI MỘT THÚ

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy ?
Người một ngày thời giời đất cũng một ngày.
Đã râu mày ai chẳng nam-nhi,
Tiêu-khiển mỗi người riêng mỗi thú.
人 乞 祭 餘 驕 妾 婦
Nhân khất tế-dư kiêu thiếp-phụ, (1)
士 甘 焚 死 不 公 侯
Sĩ cam phần tử bất công hầu. (2)
Cuộc nghìn thu ai dễ biết ai đâu,
Rấp cây cỏ dẫu hiền ngu thì cũng vậy.
Ngoảnh lại tang-bồng là thế ấy,
Cũng chơi nhoàng phiếm trúc giây đàn.
Trần-gian phó mặc trần-gian.

CHINH PHỤ

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, (3)
忽 見 陌 頭 楊 柳 色
Hối dao phu-tế mịch phong hầu. (4)
悔 教 夫 壻 覓 封 侯
Trống Tràng-Thành dục-dã vó long-câu,
Người trong trướng kẻ chân rừng thêm thắc-mắc.
Một chén quan hà lên phố bắc,
Ba chùng sương tuyết chỉ non cao.

---

(1) Người ăn mày chỗ đám ma còn kiêu căng với hai vợ. Truyện người nước Tề bên Tầu. (2) Người học trò chịu chết cháy không chịu phong hầu. Truyện ông Giới-Tử-Thôi đời Chiến-Quốc. (3) Chợt thấy bóng dương liễu đầu đường. (4) Phàn-nàn chồng xay đắm lối công hầu

Xếp bút nghiên ra mặt lược-thao,
Đạp gai-góc phá tan miền yên-vụ ;
Giận thân thiếp chửa nên chinh-phụ,
Vì tình nên ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ.
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Tính ngày tháng những mong tin báo-tiệp.
Tung kim chỉ hẹn ngày xưa không cải nghiệp,
Xếp kiếm cung theo việc Lý-Cha-nương ;
Cờ con trống nhỏ theo chàng.

TRẦN-ĐOÀN

Vạc Chu hầu đổi,
Trần-Hi-Di ẩn núi Họa-Sơn,
Năm mươi năm trong cõi lầm than,
Lửa văn võ chửa cạn lò đan-luyện.
何 物 老 嫗
Hà vật lão ẩu,
Nặng hai vai đôi chữ Thái-Bình.
Nhác trông vừng Tống nhật khai minh,
Mây qúi-thế cuốn từng nơi leo-lẻo.
Trần-Kiều mộng li giang sơn tiểu, (1)
陳 橋 夢 裂 江 山 小
Vân quán xuân thâm nhật nguyệt trường. (2)
雲 舘 春 深 日 月 長
Rượu một bầu, thơ một túi,
Cờ một cuộc, cầm một chương.
Cơn đắc-ý gật đầu cười ha-hả.
Chốn thành-thị mặc ai xa mã,
Chi trần bất đáo thử giang san. (3)
緇 塵 不 到 此 江 山
Mới hay tiên lại gặp tiên.

---

(1) Giấc ngủ Trần-Kiều giang sơn nhỏ
(2) Ngày xuân vân quán ngày tháng dài.
(3) Bụi dơ không đến được giang sơn này.

TỰ TÌNH

佳 人 難 再 得

Giai nhân nan tái đắc,
Chót yêu hoa nên dan-díu với tình.
Mái tây-hiên nguyệt rãi chênh-chênh,
Run-rẩy mấy xuân về oanh nhớ.
Phong lưu tài tử đa xuân tứ, (1)
風 流 才 子 多 春 思
Tràng đoạn Tiêu-Lang nhất chỉ thư. (2)
腸 斷 蕭 郎 一 紙 書
Nước sông Tương một giải nông sờ,
Cho kẻ đấy người đây mong-mỏi.
Bứt-rứt nhẽ trăm đường nghìn nỗi,
Chữ chung tình biết nói cùng ai.
Chót vì gắn bó một hai.

GIỜI CHẲNG CHIỀU NGƯỜI

Tạo-vật sinh nhân tình phú dữ,
Kìa tu-mi son phấn đã an bài.
Uầy kìa ai khéo dở trò cười,
Đem phong-nhã lộn vào trong Trịnh-nhạc.
Hồng nhan hữu phận ninh hiềm bạc, (3)
紅 顏 有 分 寧 嫌 薄
Bạch-diện đa tình hảo tá xuân. (4)
白 面 多 情 好 借 春
Dưới giăng thanh thấp-thoáng bóng nghê-thường,
Hồn tài tử cũng xiêu về cảnh-vật.
Nực cười nhẽ hiu-hiu gió hất,
Nợ phấn son mà hàn-mặc cũng long hơi.
Trời sao trời chẳng chiều người ?

---

(1) Tài tử phong lưu nhiều thú xuân.
(2) Tràng Tiêu đứt ruột một tờ thư.
(3) Hồng nhan có phận đừng e bạc.
(4) Bạch diện đa tình khéo mượn xuân.

TẶNG ĐÀO-NƯƠNG

Nực cười nhẽ khách chung thị khách,
Nghĩa tương-phùng đồng bệnh phải tương liên.
Người buồn về phận, người giận về duyên,
Tài sắc thế mà sao duyên phận thế ?
Kìa son phấn cũng là tuồng gái,
Gánh giang-sơn thôi rầy bắc lại mai đông.
Này tu-mi cũng đáng thân trai,
Nợ lều chiếu buổi sương thu nắng hạ.
Ngã vị thành danh nương vị giá, (1)
我 未 成 名 娘 未 嫁
Toán lai quân thị bất như nhân.(2)
算 來 均 是 不 如 人
Người phong-lưu mà vướng bước phong-trần,
Thôi nỗi đấy tình đây khôn xiết kể !
Này tặng biệt mấy lời ghi để,
Nợ bút nghiên ta quyết giả phen này.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay.

CHƠI XUÂN KẺO GIÀ

Nhật trầm tây lạc thủy đông lưu,
日 沈 西 落 水 東 流
Hoa khai xuân hề diệp lạc thu.
花 開 春 兮 葉 落 秋
Lần lữa mãi cũng bạc đầu tráng sĩ,
Thất thập chu nhan năng hữu kỷ, (3)
七 十 朱 顏 能 有 幾
Lão thành hối bất cập như nhân. (4)
老 成 悔 不 及 如 人

---

(1) Ta chửa thành danh nàng chửa cưới.
(2) Tính lại đều là chửa bằng ai.
(3) Bầy mươi còn khỏe ít ai được.
(4) Tuổi già hối chẳng kịp bằng người.

Nợ thỉ-cung dan-díu với giang sơn,
Thi-tửu vẽ-vời cho tuyết nguyệt ;
Nữa một mai về làng tuổi-tác,
Cuộc cầm thi phó giả mặc đương-thì.
Chơi xuân kẻo hết xuân đi.

ANH HÙNG VÔ TẬN

Kỳ phục dã anh hùng vô tận,
Hội phong vân như thủy duyên hài.
Lúc trần-ai ai đã biết ai,
Thời dĩ chi nhân giai vật sắc.
辰 己 至 人 皆 物 色
Cùng đạt nhất sinh thiên dĩ định.
窮 達 一 生 天 已 定
Lý vô tràng phú bất tràng bần.
理 無 長 富 不 長 貧
Ngán thay Y, Lã, thị hà nhân ?
Thời vị ngộ cũng canh Sần điếu Vị.
Trong thiên-hạ có đôi đường xuất-sử,
Miễn sao cho tùy nghĩa khuất thân.
Anh-hùng chi chúa trạch dân.

THẾ SỰ

世 事 多 如 夢
Thế sự đa như mộng,
Truyện trăm năm tỉnh giấc nhẫn buồn cười.
Gương nhục vinh thiên cổ vẫn còn soi,
Đường ngu-tri phải tùy cơ xuất-sử.
Tràng tiếu Lý-Tư xưng hỗn thử (1).
長 笑 李 斯 稱 溷 鼠
Mỗi đa Trang-Tầu dụ hi ngưu. (2)
每 多 莊 叟 喻 犧 牛

---

(1) Đáng cười Lý-Tư xưng Hỗn-thử, Lý-Tư nhà Tần làm nhiều điều bạo-ngược.

(2) Từng khen Trang-Tầu nói hi-ngưu, ông Trang-Chu nói học đạo vì như mổ con trâu, trước khó sau làm quen cũng dễ.

Ngắm tóc xanh tới lúc bạc đầu,
Xem hay giở cũng một tràng ồi-lỗi.
Chẳng ăn chơi thấm-thoắt giở về già,
Thiên địa cơ dam nhân mạc hội (1),
天 地 機 緘 人 莫 會
Cô tương tình tính ngụ cầm thi (2).
姑 將 情 性 寓 琴 詩
Dẫu vũ-trụ lâu-đài là ảo cả.
May gặp lúc ngoài vòng cương tỏa,
Chơi cho ran tiếng chúc với giây đàn.
Ai ơi chớ vội mơ-màng.

TRUNG THU

Tích niên trung thu nguyệt,
昔 年 中 秋 月
Kim niên trung thu nhân.
今 年 中 秋 人
Khắp đâu đâu cũng một lương-thần,
Cảnh non nước chơi ra càng thấy rộng.
Kim giạ nguyệt minh nhân tận vọng,
今 夜 月 明 人 盡 望
Bất chi thu tứ tại thùy gia ?
不 知 秋 思 在 誰 家
Trên Thanh-giang tranh vẽ một chòm nhà,
Dưới Tiên-Lãnh gương in vài chiếc lá.
Đã biết thú thời chơi cho thỏa,
Mỗi một năm một tháng một đêm thu.
Uầy làm sao có chè, có rượu. có đèn cù ?
Ờ đã đến Trung-thu rứa hử ?
Chiều lịch-sự khéo dục người quân-tử,
Khách phong tình vui mấy mặt tri-âm.
Người này giăng ấy năm năm.

---

(1) Then máy giời đất người khôn biết,
(2) Hãi đem tình tính ngụ cầm thi.

CẢNH XUÂN

Xuân sang hoa cỏ thêm tươi,
Khoe mầu quốc-sắc, nức mùi thiên-hương.

HÁT

Tiết xuân tới hơi dương đầm-ấm,
Khí phát sinh rầy thấm trên cành.
Thử tập bay bướm mới uốn mình,
Muốn học nói oanh còn lạ tiếng.
Liễu hoàn cựu-lục oanh do tĩnh (1),
柳 還 舊 綠 鶯 猶 靜
Đào thí tân-hồng điệp vị chi (2)
桃 試 新 紅 蝶 未 知
Hỏi đông phong mày liễu xanh rì,
Đượm tàn tuyết đầu non trắng xóa.
Buổi hòa lúc khi giời êm-ả,
Hội đạp-thanh sa mã dập-dìu.
Nghìn vàng một khắc xuân tiêu !

CẢNH HÈ

Hè sang tán lửa càng cao,
Khúc ca giải-uẩn lựa vào năm giây.

HÁT

Vận ống tiết vừa sang hạ,
Bính-đinh về hiệu-lệnh Trúc-Dung.
Quanh ngọn tường lửa lựu phun hồng,
Ran mặt nước tàn xen nẩy lục.
Trì đường tịnh trưởng tôn ông trúc (3)
池 塘 並 長 孫 翁 竹
Ly-lạc tề khai tỉ-muội hoa. (4)
籬 落 齊 開 姊 妹 花

---

(1) Liễu mầu xanh cũ oanh còn nín
(2) Đào phơi mầu mới bướm chưa thông,
(3) Trúc mộc rìa ao cây cao thấp.
(4) Hoa nở trên rào đóa trước sau.

Buổi thừa-lương mấy khúc cầm ca,
Trời đất cũng sinh sinh trưởng-trưởng ;
Hé mành ngọn nam phong thoảng,
Người Hi-Hoàng âu cũng dường này.
Thú mầu dễ mấy ai hay.

THÚY-KIỀU

1. Bát ngát nhẽ gió thanh giăng bạc,
Trạnh niềm đau sẽ nhớ nàng Kiều.
Phận hồng-nhan cay đắng trăm chiều,
Cơn dâu bể phải theo thời-sự.
Mình nàng nghĩ khôn đường lưỡng-lự,
Suốt năm canh nương bóng đèn tàn.
Trách ông tơ sao khéo đa đoan,
Duyên chị để mượn em chắp chỉ.
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy (1),
一 片 才 情 千 古 累
Tân thanh đáo để vị thùy thương, (2)
新 聲 到 底 爲 誰 傷
Mười lăm năm trong số đoạn trường,
Son phấn biết mấy lần chôi-rạt.
Chữ tình để dành chung kiếp khác,
Đạo sinh thành trước phải đền ơn.
Gác lời thệ hải minh sơn.

2. — So tài tình Thúy-Kiều đệ nhất,
Tiết thanh-minh đi tảo mộ hoàng-tuyền.
Ban tà-dương viếng mả Đạm-Tiên,
Theo vó ký gặp chàng Kim-Trọng.
Nằm thoắt thấy thần-nhân báo mộng,
Số cô còn nhiều nợ phong-hoa ;
Sực tỉnh cơn tưởng nỗi niềm xa,
Năm canh nguyệt ủ-ê chiều liễu yếu.

---

(1) Một mảnh tài tình lụy đeo ngàn năm.
(2) Khúc hát hay những thương vì ai.

Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu (1)
斷 腸 夢 裏 根 緣 了
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường (2).
薄 命 琴 終 怨 恨 長 。
Mối tơ vương sầy cuộc tang thương.
Người má phấn bên giời lưu-lạc.
Gẫm duyên cô mười lăm năm chếch-mác,
Phận hồng nhan nhiều nỗi gian-truân.
Trêu ngươi thay mấy tạo-nhân !

CẢNH THU

Trời thu bảng-lảng sế chiều,
Chim về ngàn ổ, buồm treo sương vàng.

HÁT

Sang thu tiết hơi kim hiu-hắt,
Mầm sen già-lữa chửa phai hương.
Sương pha chồi cúc cánh hoa vàng,
Son nhuộm rừng thông cành lá đỏ.
Lãnh vũ như ti sầu chức gia (3)
冷 雨 如 絲 愁 織 夜
Tình thiên tác chỉ nhạn thư không (4)
晴 天 作 紙 雁 書 空
Đâu đâu một trận hảo-phong,
Trên cung Quảng xa đưa hương quế.
Trời biếc biếc nước xanh xanh một vẻ,
Khen Hóa-Công khéo vẽ nên đồ.
Một năm dễ mấy mùa thu.

CẢNH ĐÔNG

Giời đông hơi giá như đồng,
Bút xe ngọn thỏ, tơ chùng phím loan.

---

(1) Giấc mộng đoạn-trường căn-duyên hết,
(2) Khúc đàn bạc-mệnh oán-hận còn.
(3) Sầu tơ mưa lạnh đêm buồn rệt,
(4) Giấy trắng giời quang nhạn vắng tin.

HÁT

Sang đông tiết hơi may lạnh-lẽo,
Hội bế-tàng chuyển máy âm-dương.
Trên loi-thoi cánh nhạn che sương,
Dưới thấp-thoáng bóng ngư câu tuyết.
Lăng vân bích lập tùng thiên sích (1)
凌 雲 壁 立 松 千 尺
Nại tuyết hoàng lưu cúc sổ khoa (2)
耐 雪 黃 留 菊 數 科
Ngoài ải-quan tuyết động sương pha,
Kẻ hào-kiệt chốn khê-kiều đắc thú.
Điểm điểm trông chừng đỉnh sấu,
Phút tin xuân đã sẽ đầu cành.
Mới hay âm cực dương sanh.

NHÂN SINH THÍGH CHÍ

Nhân sinh quý thích chí tu phú quí hà thì
人 生 貴 適 志 須 富 貴 何 時
Nhi cầm, nhi kỳ, nhi tửu, nhi thi,
而 琴 而 棋 而 酒 而 詩
Thú vui thú an bần thoát tục.
An phận thân vô nhục,
安 分 身 無 辱
Tri cơ tâm tự nhàn.
知 機 心 自 閒
Mảng vui chơi dịp phách cung đàn,
Trúc tơ nối tiếng khoan chen tiếng nhặt.
Khóm lý đào đông chật,
Chồi lan huệ xanh tươi.
Một năm mười hai tháng thảnh-thơi,
Ba vạn sáu nghìn ngày tương-thả !

---

(1) Tùng cao nghìn thước chạm mây xanh
(2) Hoàng cúc mấy giò quen tuyết trắng

CUNG OÁN

Rầu-rĩ thay chốn thâm cung,
Buồn mới gọi con hầu ra bảo.
Bút chép chữ chân ra chữ thảo,
Giấy đề thơ cảnh hóa thơ sầu.
Sâm thương những giận về nông-nỗi.
Trách ông nguyệt xe tơ bối-rối,
Xe làm sao héo-hắt người ta.
Trêu ngươi chi mấy giăng già ?

CƠ GIỜI DÂU BỂ

Cơ giời dâu bể,
Khách hồng-nhan xiết nỗi kể gian-truân.
Mang tấm son đeo đuổi khách hồng-quân,
Nhởi vàng đá dám lỗi cùng non nước.
Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc, (1)
玉 面 豈 應 埋 水 國
Băng tâm tự khả đối Kim lang. (2)
冰 心 自 可 對 金 郎
Mười lăm năm thương sót kẻ đôi phương,
Ruột tằm bực đã đành nơi chín suối.
Duyên tái ngộ bởi trời đâu đem lại,
Lửa ba thu một mối cũng rõ-ràng.
Mới hay con Tạo khôn lường !

GIAI TRƯỢNG-PHU, GÁI THUYỀN-QUYÊN

Giai trượng-phu ở cho đáng giá,
Giốc một lòng vàng đá đinh-ninh.
Bất đam hồ nhẫm tịch chi tư tình, (3)
不 耽 乎 衽 席 之 私 情
Bất nịch hồ phòng vi chi thiên ái (4).
不 溺 乎 房 圍 之 偏 愛

---

1) Mặt ngọc nhẽ nào chôn đáy nước. — Lòng băng còn khá đối chàng Kim — (3) Không đam về tình riêng chăn chiếu. — (4) Chẳng đắm về lòng yêu nơi màn trướng.

Gái thuyền quyên ở cho có ngãi,
Giốc một lòng sửa túi nâng khăn.
Bất đố kị, bất kiêu căng,
不 妬 忌 不 驕 矜
Cho vẹn chữ tùng phu xuất giá.
Trai trượng-phu khôn ngoan vì vợ,
Có chữ rằng : như sắt như cầm.
Khăng-khăng kết giải đồng tâm,

NGƯỜI ẨN DẬT

Lâm tuyền một chịch,
Hoa cỏ bốn mùa.
Cúi nhìn xem cảnh vật gồm thu,
Nọ đủ cả giang sơn tám bức.
Viễn quan sơn hữu sắc,
遠 觀 山 有 色
Cận thính thủy vô thanh.
近 聽 水 無 聲
Càng nhìn sơn-thủy hữu tình,
Xui lòng kẻ tha-hương cố-quốc.
Đầu non nọ người đi thái dược,
Cật lom khom men-móc sườn non,
Lắng tai nghe vượn ru con.

CHÚC ĐỜI BÌNH TRỊ

Long-Thành ngũ thái,
龍 成 五 彩
Gươm báu thiêng chống lại đất Hoành-sơn,
Chỉ sòng sông cạn, chỉ núi núi tan.
Nay mừng được thánh-quân lên trị.
Nhất thống sơn hà thu vạn lý (1),
一 統 山 河 收 萬 里
Phục hồi cố quốc ức dư niên (2).
復 回 故 國 億 餘 年

---

(1) Thu muôn dặm non sông về một mối,
(2) Lấy lại nước cũ hơn ức năm về trước

Thuận hồ nhân nhi ứng hồ thiên,
順 乎 人 而 應 乎 天
Thiên địa ứng nhân tâm chi sở tại.
天 地 應 人 心 之 所 在
Ra tay chống giang sơn đem lại,
Đem kinh đô về đất Phú-Xuân.
Hoành-sơn nhất đái khả dĩ vạn đại dung thân,
橫 山 一 帶 可 以 萬 代 容 身

NGA-SƠN TIỀU ẨN

Chốn Nga-Sơn tiều-phu ngụ dấy,
Thường thường ra hoán tửu dịch tàn.
Chốn thanh nhàn vui thú dưỡng thân,
So phong nguyệt vốn hằng lưu-loát.
Khi ngả nón nằm chơi hóng mát,
Bàn-bạc chơi cỗ vãng kim lai.
Khua dịp chân miệng hát ca chơi,
Nghêu-ngao chốn lâm toàn thong-thả.
Nhiệm tha triều thị, nhiệm tha xa mã, (1)
任 他 朝 市 任 他 車 馬
Chi trần bất đáo thử giang sơn.
淄 塵 不 到 此 江 山
Thiên mịch mịch thủy sàn sàn.
天 寞 寞 水 潺 潺
Sĩ hữu chí nhiệm kỳ sở thích.
士 有 志 任 其 所 適
Vui thay nhẽ thú miền toàn thạch,
Sẵn nước khe, chè núi, củi rừng.
Tính hay quạt gió đèn giăng,

TRUNG THU VỌNG NGUYỆT

Trung thu vân tĩnh xuất thương hải, (2)
中 秋 雲 淨 出 滄 海
Bán giạ lộ hàn đương bích thiên. (3)
半 夜 露 寒 當 碧 天

---

(1) Mặc ai trong triều, ngoài chợ, mặc ai lên xe xuống ngựa. — (2) Đêm thu mây tạnh giăng mọc nơi thương hải — (3) nửa đêm xương lạnh đương lúc giời xanh biếc.

Vẻ thanh soi biết mấy dậm nghìn,
Đâu là chẳng xem vừng nương bóng.
Kim giạ nguyệt minh nhân tận vọng,
今 夜 月 明 人 盡 望
Bất chi thu tứ tại thùy gia ?
不 知 秋 思 在 誰 家
Sẵn giang sơn hứng-thích mặc lân-la,
Xin chớ để giăng thanh cười khách tục.
Tửu nhất hồ, cầm nhất trương, ca nhất khúc,
酒 一 壺 琴 一 張 歌 一 曲
Hứng nam-lâu nào ai có thua ai,
Biết giăng hãi nói giăng chơi.

ĐÊM THU HỘI YẾN

1. — Hốt nhiên kim tịch hội,
忽 然 今 夕 會
Hoàn hữu cố nhân đồng.
還 有 故 人 同
Quyến giăng thanh với chén rượu nồng,
Đêm một khắc dẫu nghìn vàng chửa sứng.
Hiệu ca bất tận tôu tiền hứng, (1)
浩 歌 不 盡 樽 前 興
Cánh dục lăng tiêu thượng Quảng-Hàn. (2)
更 欲 凌 霄 上 廣 寒
Lắng tai nghe bực hát cung đàn,
Phỏng tiếc khúc Nghê-thường nào đấy.
Trong nguyệt-điện những ai lên ấy ?
Khách Tiên-nga yêu mặt thiếu-niên chăng?
Hỏi cho giáp mặt chị Hằng,
Ai lên ta hỏi chị giăng bao nhiêu cành quế, mấy từng [thang mây ?
Nghê-thường khúc ấy xưa nay,

---

(1) Khúc ca khôn hết câu cao hứng — (2) Lại muốn đè mây tới cung Quảng-Hàn.

Phọng-lưu đọ với dưới này hơn chăng ?

II.— Khách tử tự lai vô ước thúc (1),
客 子 自 來 無 約 束
Chủ nhân huống phục thái phong lưu (2).
主 人 況 復 太 風 流
Một chén thay con ngựa, mảnh cừu,
Góp giời đất vào trong phường lạo-đảo.
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
勸 君 更 盡 一 杯 酒
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.
與 爾 同. 消 萬 古 愁
Cảnh mua chung cả một giời thâu,
Tiếc bán khó để riêng người hứng thich.
Cùng đất lạ biết ai là chủ khách,
Lấy giăng thanh gió mát làm quen.
Một mầu phong nguyệt vô biên.

CHƠI HÁT NGẪU HỨNG (*Cụ Thượng Dương- Vân-Trì*)

Ngó lui ngó tới,
Có một người phong-nhã nổi thời danh.
Bấy lâu nay tình lại gặp tình,
Lời nguyện ước vẫn đinh-ninh vàng đá.
Tiên lang nhất ngộ tằng tương hứa (3)
仙 郎 一 遇 曾 相 許
Quế điện phiên hương kim kỷ hồi (4).
桂 殿 飄 香 今 幾 回
Nợ tình tình rầy lắm chị em ơi!
Đã dan-díu chót vay rồi phải giả.
Khi đón gió. khi chờ giăng, khi xem hoa, khi bẻ lá.
Điệu đồng tâm nấn-ná biết là bao.

---

(1) Khách du tự lại nào đâu ước (2) Chủ nhân vả lại rất phong-lưu. (3) Chàng tiên một gặp dường như hẹn (4) Điện quế bay hương đã mấy hồi.

Một mảnh tơ ông Tạo-Hóa hay trêu,
Duyên đầm-ấm lạt chen vào cay-ngạt.
Mặn không mặn mà nhạt thời không nhạt,
Gần không gần mà xa cũng không xa.
Có chăng ta biết sự ta.

TẶNG CÔ ĐẦU PHẨM (*Cụ Thượng Dương-Vân-Trì*)

Giạ thâm hốt ức thiếu niên sự (1),
夜深忽憶少年事
Giận hồng-quân ghen-ghét vẻ hồng-quần,
Trải nắng mưa gầy biết mấy phần xuân,
Mà son phấn cũng phong-trần thế nhỉ ?
Ý trung nhân ngô lão hĩ (2),
意中人吾老矣
Lệ Giang-châu chan-chứa bởi vì ai ?
Tân-chi cựu-hận bời bời,
Tình duyên ấy lôi thôi sao kể siết.
Ngồi hỏi khách biết chăng chẳng biết,
Thương cho tình mà lại tiếc cho tài.
Hay là nhớ nỗi chương-đài,
Sạ-hương mùi cũ, hán-hài thời xưa.
Hay là tưởng nỗi mây mưa ?

MAY RỦI

Một rủi một may là máy Tạo,
Cái khôn cái dại cũng bia trần,
Việc đã rồi nghĩ lắm lại thêm đần,
Liếc gươm chí, cắt giặc phiền từ đó.
Nằm khểnh ngâm thơ cho vợ ngủ,
Ngồi rù uống rượu với cơm chơi.
Mô-phạm con, ba đứa mũi chưa chùi,
Tiêu-khiển vẫn mấy cô đào mới nỏi.
Ngoài tai ấy tha hồ ai gọi,

---

(1) Đêm khuya sực nhớ những việc hồi còn trẻ.
(2) Bây giờ ta già vẫn nhớ người yêu-mến.

Rằng ngựa trâu vâng cũng ngựa trâu.
Nào đâu đã hẳn hơn đâu.

NỢ PHONG LƯU

Suy mới biết ở đời ai cũng hớ,
Vị tài tình nên vướng nợ phong lưu.
Kho giời chung tiêu phí thấm vào đâu,
Chơi là lãi, dẫu chưa giầu nhưng chẳng kiết.
Trả-trả vay-vay lâu cũng hết,
Co-co cỏm-cỏm chắc hơn ai.
Chỉ chịu thua tay chú thợ giời,
Khéo tỉ-mỉ nặn ra người làm múa rối.
Nào nhục, nào vinh, nào hiển-hối,
Mặt ra hề thay đổi mấy mươi phen.
Chẳng gì hơn rượu thánh với thơ tiên,
Trời đất chẳng dám ghen chi với hắn.
Thế sự phù vân hà túc vấn,
世 事 浮 雲 何 足 問
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
千 金 散 盡 還 復 來
Hay chơi giời cũng chiều người ?

TẶNG CÔ ĐÀO CÚC

Quân phi ẩn dật,
Cớ làm sao ái cúc gọi là tên ?
Gối bắc-song xem truyện Đào-Tiềm,
Nam-sơn nọ bóng rèm coi thấp-thoáng.
Mạc hiềm lão-phố thu-dung đạm (1)
莫 嫌 老 圃 秋 容 淡
Do hữu hoàng hoa vãn tiết hương (2).
猶 有 黃 花 晚 節 香

---

(1) Chớ hiềm vườn lão vẻ thu nhạt,
(2) Còn có hoa vàng tiết muộn thơm.

Mảnh thu-trinh chớ ngại lúc hàn-xương,
Năm năm hẹn trung-dương tống tửu.
Cười-cợt khách chỉ tùng-vân cựu-hữu,
Hỏi ai là trúc-hữu mai-thê ?
Giai nhân hoài bất vong hề !
佳 人 懷 不 忘 兮

TẶNG CÔ ĐÀO NGỌ

Hốt ức lục thất niên tiền sự,
忽 憶 六 七 年 前 事
Nợ phong-lưu chửa giả hương-nguyền ;
Đến bây giờ lại gặp người quen,
Nỗi lưu-lạc sự ghét-ghen là thế thế.
Thiếp tự thân khinh lang vị khí, (1)
妾 自 身 輕 郎 未 棄
Thần tuy tội trọng đế do liên. (2)
臣 雖 罪 重 帝 猶 憐
Vội chi mà tủi phận hờn duyên,
Để son phấn lũ đàn em khúc-khích.
Ý trung-nhân chỉ khả tình tương bạch,
Thôi bút nghiên sinh phách cũng đều sai.
Trông nhau nói nói cười cười.

CẢM HOÀI

Ai ôi má đỏ ra đầu bạc,
Quá ngán hơi vàng để dạ đen.
Công đèo-bòng nhận tính bấy nhiêu niên,
Luống thay cữ giăng đi tuần gió lại.
Phai thắm mùi trần ghê khéo quái,
Họp tan cuộc thế uầy là sinh.
Trời trêu ngươi sao khoảnh độc trăm vành,
Cho có mắt trắng nhiều, xanh lại ít.

---

(1) Mình thiếp dù khinh chàng không nỡ bỏ ;
(2) Tội bầy tôi dẫu nặng vua còn thương.

Thôi từ đấy nợ phong-lưu giả hết,
Giã tấm lòng cho nước chảy hoa chôi.
Người mà đến thế thì thôi,
Uầy ai tiếc ngọc để tôi đợi chờ.—

HƯƠNG-SƠN PHONG CẢNH *(Chu-mạnh-Trinh)*

Bầu giời cảnh phật,
Thú Hương-Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non nước nước mây mây,
Đệ-nhất-động là đây có phải ?
Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng chái,
Lửng-lơ khe yến cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chầy kềnh,
Khách tang-hải rật mình trong giấc mộng !
Này suối Giải-Oan, này chùa Cửa-Võng,
Này hang Phật-Tích, này động Tuyết-Quynh.
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm rệt.
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh đòi lối uốn thang mây.
Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay Tạo-hóa sẽ ra tay sếp đặt ?
Lần tràng hạt niệm : Nam-vô-phật,
Cửa từ-bi công đức xiết là bao.
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

HƯƠNG-SƠN PHONG CẢNH *(Thám-hoa Vũ-phạm-Hàm)*

Hựu hà tất Bồng châu Doanh hải.
又何必蓬洲瀛海
Tiểu sơn-lâm mà có đại-kỳ-quan.
Người tai mắt, kẻ nhân-gian,
Ai chẳng đến Hương-Sơn thì cũng tục.

Kể từ lúc bước lên đò Đục,
Liếc mắt trông đà mãn mục vâu sơn.
Lần theo một giải thanh-tuyền,
Nào ngư-phủ nhập đào-nguyên đâu cũng thế.
Mặt giời gác bóng cây xê-xế,
Tản-vân in đáy nước rành-rành.
Chim giời mấy chiếc lênh-đênh,
Cây mai-thụ rập-rềnh năm bảy lá ;
Chú tiều-tử ruổi-rong bến đá,
Lũ ngư-ông quầy cá qua cầu.
Cỏ cây san-sát một mầu,
Núi trước núi sau mình ở giữa.
Đoàn mục-thụ bóng chiều vừa ngả.
Giắt trâu về lả-tả đầu ghềnh,
Trong hang sâu thăm-thẳm một mình,
Thế mới biết sơn thủy hữu tình là chốn ấy.
Rừng một giải càng trông càng thấy,
Tẻm-tèm-tem mà bụng nghĩ mình nghiêng.
Kìa núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi Triêng,
Chưa qua núi lại thấy đò bên cạnh núi.
Thoạt trông thấy biết đâu mà bỏi,
Cầu đăng-tiên nọ chốn đăng-doanh.
Gót in đá biếc xanh-xanh,
Lòng trần-tục bỗng không thanh-thảnh nhẹ.
Cao chót-vót mấy tòa cổ-sái,
Ấy chi chi nọ chái Thiên-Trù.
Giăng trong gió mát một khu,
Ngắm phong cảnh Bồng-Hồ đâu đó tá ?
Động đào đã dan tay mở khóa,
Càng nhìn lâu càng rõ càng sinh.
Cây xanh xanh mà lá cũng xanh xanh,
Dưới một núi lại chèo quanh một núi.
Nước công-đức trong ngần không chút bụi,
Đường lên tiên dây là suối Giải-oan.

Thảnh-thơi bạch-thạch thanh-tuyền,
Thế mới biết thần-tiên là diệu-thủ.

Thơ rằng :

Bộc bố khê lưu sơn diệc vũ, (1)
曝 布 溪 流 山 亦 舞
Nhân thanh cốc ứng thạch năng ngôn. (2)
人 聲 谷 應 石 能 言
Trông lên giời nhỏ con con,
Mình ta đã lon-chon trên đỉnh núi.
Đứng núi nọ tưởng núi kia là cuối,
Bước chân lên đường núi vẫn không cùng.
Trèo qua một dịp chấn-song,
Đấy mới thực quần-phong chi đệ-nhất.
Niệm nam-vô-a-đi-đà-phật,
Mảng vui chơi mà quên mất đường xa.
Quả mai non với nước mơ già,
Trông chân-cảnh nhìn ra chân-vị.
Trong bụi rậm đàn chim thỏ-thẻ,
Dưới rừng xanh mấy chị tìm mơ.
Lá vàng man-mác ngẩn-ngơ,
Tam-quan đã tờ-mờ đâu đó phải.
Chân bước đi mặt còn ngoảnh lại,
Ước gì đường dài mãi thì hay,
Nào ngờ tiên-lĩnh giời xây,
Lối vào đã vén mây trông rõ.
Vạn trạng thiên hình vô số,
Vẫn hãi còn giấc ngủ lơ-mơ.
Xanh như mây mà đá vẫn chơ-chơ.
Trên vách phấn tờ-mờ cheo giá áo.
Này kho tiền, này kho bạc,
Nay buồng tằm, này lẫm gạo.

---

(1) Bóng dương, làn suối, non nhường múa.
(2) Người nói, hang reo, đá muốn thưa.

Phật Quan Âm thiên-tạo một tòa,
Bốn bề như gấm như hoa,
Đố ai lấy nhân-công mà vẽ được,
Dưới cầu-bạch trong veo đáy nước,
Núi bình-phong đứng trước phật-đình.
Chim gõ mõ, vượn tụng kinh,
Dục lòng khách năm canh chải-chuốt.
Dục đáo Hương-Sơn bất khả ước,
欲 到 香 山 不 可 約
Khen cho ai biết trước cũng là tiên.
Ai ơi chẳng đến cũng hèn !

HƯƠNG-SƠN PHONG-CẢNH *(Lê-Thánh-Tôn)*

Thú thiên-nhiên đâu bằng Hương-Tích,
Đủ thanh-tao cảnh lịch trăm chiều.
Người thời vui sô–nạp ngư tiều,
Kẻ thời thích yên-hà phong nguyệt.
Kho vô-tận những thế nào chưa biết,
Thú hữu-tình sơn thủy thực là vui.
Khi đăng-lâm có lối đến tận giời,
Mây dưới gót đủ đen, xanh, vàng, đỏ, trắng.
Lúc vào động ngắm sơn-quynh thạch-đẳng,
Bút thần-ngoan chưa khéo vẽ cho cùng.
Riêng một bầu sắc-sắc không-không,
Khắp mọi vẻ kỳ-kỳ quái-quái.

Thơ rằng :

Động chủ hữu linh thần bút tại, (1)
洞 主 有 靈 神 筆 在
Hóa nhi vô ý tự nhiên công. (2)
化 兒 無 意 自 然 工

---

(1) Động chủ có thiêng còn nét bút,
(2) Thợ giời vô ý khéo phô-bầy.

Khách chèo non ngảnh lại mà trông,
Lòng mến cảnh dời chân đi hóa đứng.
Chén vân-dịch nghiêng bầu uống gắng.
Bức thơ tiên mở túi liền đề.
Giải-oan ra, tẩy-tục lại thêm hay,
Thiên-trù tới, vong cơ càng thấy khỏe.
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ ?
Chẳng Bồng-Lai, Nhược-Thủy cũng Thần-Tiên.
Rõ-ràng đệ nhất Nam-thiên,
Đem đi sợ dễ thần tiên mất lòng.
Thôi thì để đấy chơi chung.

BÓNG ĐÈ CÔ-ĐẦU *(Yên-Đổ)*

Bóng người ta nghĩ bóng ta,
Bóng ta ta nghĩ hóa ra bóng người.
Tỉnh ra rồi mới nực cười,
Giấc hồ ai khéo vẽ-vời cho nên.

HÁT

Cô đào Sen là người chi-liệu,
Cớ làm sao õng-ẹo với làng nho.
Bóng đâu mày bóng đè cô,
Bỗng thấy truyện nhỏ to thêm thắc-mắc.
Cố hữu diệc vi thân ngoại vật, (1)
固 有 亦 爲 身 外 物
Toán lai đỏ thị mộng trung nhân. (2)
算 來 都 是 夢 中 人
Sực tỉnh ra nào biết truyện xa gần,
Còn văng-vẳng tiếng đàn cùng tiếng trống.
Quân bất kiến Thiên-Thai động khẩu cần tương tống.
Dẫu bóng ta ta bóng có làm sao.
Thực người hay giấc chiêm-bao ?

---

(1) Dù có cũng là thân ngoại vật,
(2) Tỉnh ra thôi cũng giấc mơ-màng

TỲ-BÀ HÀNH (*Nguyễn công-Trứ* dịch)

Lác-đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn lau hiu-hắt khí thu mờ.
Lưng giời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm trúc thêm tuôn ròng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình giả.
Lạnh-lùng dục kẻ tay đao xích,
Thành-quạnh gần xa bóng ác tà.

HÁT

Bến Tầm-Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu ;
Người xuống ngựa, khách rừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti.
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh-mông đượm vẻ gương trong.
Tiếng tỳ đâu thoảng bên sông,
Chủ khuây-khỏa lại, khách dùng-dằng xuôi.
Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá ?
Bẵng tiếng đàn nấn-ná làm thinh.
Rời thuyền nèo hỏi thăm tình,
Dong đèn chuốc rượu còn dành tiệc vui.
Mời-mọc mãi thấy người bỡ-ngỡ,
Hãi ôm dàn che nửa mặt hoa.
Vận đàn mấy tiếng dạo qua,
Khúc tuy chưa chọn, tình đà thoảng hay.
Nghe não-nuột mấy giây buồn-bực,
Nhường than niềm tấm-tức bấy lâu.
Chau mày tay gẩy khúc sầu.
Dã-dề hết nỗi trước sau muôn vàn.
Ngón buông bắt khoan-khoan riu-rặt,
Trước nghê-thường sau thoắt lục-yêu.

Giây to nhường đồ trận rào,
Tỉ–tê giây nhỏ như chiều truyện riêng ;
Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy,
Bàn ngọc đâu lần nẩy hạt châu.
Trong hoa oanh riu-rít nhau,
Nước tuôn róc-rách, chẩy mau suối ghềnh.
Nước suối mạnh giây mành ngừng-dứt,
Ngừng-dứt nên phút bật tiếng tơ.
Âm-thầm đau giận ngẩn–ngơ,
Vẻ người lặng-lẽ bây giờ càng hay.
Bình bạc vỡ tuôn dây mặt nước,
Ngựa sắt dong sàn-sạt tiếng dao.
Cung đàn chọn khúc thanh-tao,
Tiếng buông sẻ lụa lựa vào bốn giây.
Thuyền mấy lá đông tây lặng-ngắt,
Một bóng giăng trong vắt lòng sông.
Ngậm-ngùi đàn bát sếp xong,
Áo xiêm sửa dáng dậy mong dãi nhời.
Rằng xưa vốn là người kẻ chợ,
Cồn Ha-mô thú ở lân-la.
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo-phường đệ nhất chỉn đà chép tên.
Gã Thiện-Tài sợ phen dựng khúc,
Á Thu-nương ghen lúc điểm tô.
Ngũ-Lăng, Trang-Tử thướng đua,
Biết bao the thắm chuốc-mua ngón đàn.
Vành lược bạc gẩy tan dịp gỗ,
Bức quần-hồng hoen-ố rượu rơi.
Năm năm lần-lữa vui cười,
Mải giăng hoa chẳng đoái-hoài đến xuân.
Buồn em chẩy lại lo gì thác,
Lần hôm mai đổi khác hình-dong.
Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Về già phải kết duyên cùng khách thương.

Khách trọng lợi khinh đường ly-cách,
Mải buôn chè sớm tếch nguồn khơi.
Thuyền không giữ bến mặc ai,
Quanh thuyền giăng dọi, nước trôi lạnh-lùng.
Đêm thu sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ trong huê hoen vẻ phấn son.
Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu thêm nỗi nỉ-non mấy nhời.
Cùng một lứa bén giời lận-đận,
Gặp-gỡ nhau nọ sẵn quen nhau.
Từ ta kinh khuyết bấy lâu,
Tầm-Dương đất khách gối sầu hôm mai.
Thú cùng tịch khôn bài vui thích,
Tai chẳng nghe đàn-địch cả năm.
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau già chúc võ nẩy mầm quanh hiên.
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Quốc kêu sầu vượn nói véo-von.
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lầu Tần tay chuốc chén son riêng ngừng.
Há chẳng có ca rừng địch nội,
Rọng líu-lô buồn nỗi khó nghe.
Đàn tỳ bỗng lắng canh khuya,
Nhường như tiên nhạc gần kề bên tai.
Gượng ngồi lại kể chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng sếp-sửa nhời ca.
Tần-ngần nhường cảm nhời ta.
Súm ngồi bắt ngón, đàn đà kịp giây,
Bực rầu-rĩ khác thay đàn trước,
Khắp mặt nghe tuôn nước lệ rơi,
Lệ ai chan-chứa hơn người,
Giang-châu Tư-mã đượm mùi áo xanh.

CÁI MỪNG TRƯỢT (*Bà Nhàn-Khanh*)

(Quan ông để món tiền cho nhà-trò, chẳng may đêm mất trộm cả áo cả tiền. Bà làm bài này để rưỡu cô-đầu được cái mừng trượt và chế quan ông).

Thử hồi thiên hạ đô vô sự, (1)
此 回 天 下 都 無 事
Lúc thanh-nhàn vừa gặp khách ca-nhi.
Ai chiều ai ai có tiếc ai chi,
Mượn tiếng chúc giây ty mà cợt nguyệt.
Ai có biết tình chăng chẳng biết,
Túi chung tình hào-kiệt với thuyền-quyên.
Tiệc vừa xong giấc bướm nào yên,
Dậy sờ túi thì tiền đâu đó tá ?
Ngơ-ngẩn vậy chẳng tra chẳng hỏi,
Tâm-sự này biết nói làm sao ?
Thôi lấy chi ghẹo mận chêu đào,
Khách tri-kỷ mong sao thì cũng vậy.
Nhiều ít hữu tình chi đấy đấy,
Biết hoa này đừng hẹn với với đông-quân.
Bẽ-bàng thay, khách tình-nhân !

THẤT TỊCH

Chẳng biệt Iy ai dễ biết chữ tình.
Hỏi Ô-thước doành ngân khơi mấy dậm ?
Ngao-ngán nhẽ : rẽ bằng vàng, phai nét gấm ;
Ngậm-ngùi thay : chênh bóng quế, chếch gương thu.
Nhỡn xuyên tràng-đoạn vị khiên nguru, (2)
眼 穿 腸 斷 爲 牽 牛
Mười hai tháng mới đêm nay là thất-tịch.
Cung nguyệt gác dầu non chênh-chếch,
Lũ hồng-nhan còn ngất-nghểu trên lầu.
Giọt lay thay trận mưa ngâu,

---

(1) Bấy giờ thiên hạ đều vô sự.
(2) Mỏi mắt đau lòng vì chàng Khiên-nguru.

TẦM-DƯƠNG TỲ-BÀ

Tầm-Dương giang đầu gia tống khách, (1)
潯 陽 江 頭 夜 送 客
Bóng giăng thu soi tỏ bên thuyền.
Đàn tỳ-bà ai khéo gẩy cho nên,
Sui lòng khách thiên-thai luống những.
Ai-oán nhẽ bốn giây văng-vẳng,
Nỗi bất-bình như khấp, như tố, như oán, như than,
Nực cười thay cái phận hồng-nhan,
Nào những khách Ngũ-lăng đâu vắng tá ?
Vân thủy mang mang thiên ngũ giạ,
雲 水 茫 茫 天 正 夜
Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh
琵 琶 曲 曲 月 三 更
Bến Tầm-Dương cảnh ấy biết bao tình.
Chiếc thuyền những đi về trong bóng nguyệt.
Người viễn-thú biết chăng chẳng biết,
Khúc đàn này biết ngỏ cùng ai.
Giang đầu hạnh hữu khách lai.
江 頭 幸 有 客 來

XÍCH-BÍCH

Thanh phong minh nguyệt,
Tô-Đông-Pha Xích-bích chi du.
Tích phùng thu kim hựu phùng thu,
Thiên tảo hào hình nhân vị lão.
Ngô-đồng nguyệt hướng hoài chung chiếu,
Dương-liễu phong lai diện thượng suy,
Vấn nam-lâu kim giạ hà kỳ ?
Giang-sơn chỉ kiến thiên biên nhạn,
Ngọc địch nhất thanh, hàn đăng nhất chản,
Hoài giai-nhân hề bất năng vương.
Thu phong lan tú cúc phương.

---

(1) Bến Tầm-Dương canh khuya đưa khách.

NÓI HỚT (*cụ Thượng Dương-Văn-Trì*)

Thà câm từ thuở sơ sinh,
Nhớn lên nói hớt như ranh làm gì.

HÁT :

Ngó lui ngó tới,
Có một người nói hớt nổi tài-danh.
Hớt truyện người rồi lại hớt truyện mình,
Cất miệng nói đã rành câu nói hớt.
Hớt đâu có hớt,
Chua như chanh. cay như ớt, rẻo như xối,
Lại pha thêm nửa ngọt nửa bùi,
Góp khôn dại hờn vui làm một tiệc.
Ai nghe hớt biết chăng chẳng biết,
Truyện nhân tình sao xiết thị phi.
Còn nghe nói hớt làm chi.

SỢ VỢ GHEN VỚI CÔ ĐÀO OANH

(*Cụ Thượng Dương-Văn-Trì*)

Gớm cho cái nợ tình đời,
Đem gương tố-nữ đối người phong huê.
Tin xuân thỏ-thẻ đi về,
Mảng vui oanh nói mà e liễu hờn.

HÁT :

Gượm xin thưa lại :
Hỏi tình-quân rằng phải thế hay không ?
Buổi tân-chi chưa vướng lục lây hồng.
Mà phòng trong đã Hà-đông sang-sảng tiếng.
Ngắm vẻ anh hào coi cũng mến,
Kìa đố-hoa còn để truyện ngày xưa.
Chén khuyên chàng ngoảnh mặt làm ngơ,
Đừng liễu cợt giăng mờ chi thóc-mách ;
Một mai hỏi tiểu-thư mượn sách,
Giật mình về nỗi khách đa mang.
Nước đời được mấy Thúc-Lang.

TẶNG CÔ ĐÀO GÓA CHỒNG (cụ Thượng Dương-Văn-Tri)

Nghe đàn nhớ lão Chung-kỳ :
Vợ mi ở đó mi đi mô chừ ?
Sớm khuya xe tẩu phụng thờ,
Góa chồng cũng thể như chưa có chồng

Lại mượn :

Lấy ai là kẻ đồng tâm.
Lấy ai là kẻ tri-âm với nàng.
Đêm khuya luống những bàng-hoàng,
Người đi đâu vắng mà đàn còn đây ?

HÁT :

Nhân vong cầm tại,
人 亡 琴 在
Nhớ chàng Hai mà hỏi lại cô Hai.
Tiệu đây hỏi một đôi lời,
Đàn bản ấy cùng ai tơ phiếm cũ.
Hồng-phấn kỷ nhân vi quả phụ, (1)
紅 粉 幾 人 爲 寡 婦
Bạch-đầu nan lão Trác—văn-Quân. (2)
白 頭 難 老 卓 文 君
Thế thì khi gió mát, lúc trăng thanh,
Chừng bạch-tuyết dương-xuân còn tưởng nhớ.
Ngồi gượng lại hát chơi lúc nữa,
Ai trách chi tang trở sớm Bình-Khang.
Xưa nay nghề-nghiệp thế thường.

CÁI DẠI (Cụ Thượng Dương-Văn-Trì)

Trăm năm ai chẳng bạc đầu.
Mười điều ai có hay đâu cả mười.

---

1) Hồng phấn mấy người đành ở hóa.
(2) Bạc đầu khôn đọ Trác-văn-Quân

Trông giăng giăng khéo nực cười,
Nhìn hoa hoa cũng lắm lời thế ư ?

HÁT

Ngồi mà nghĩ mấy năm về trước,
Chẳng dại nào giống cái dại nào.
Rật mình tưởng giấc chim bao,
Thế mới biết ước-ao là truyện lảng.
Con Tạo khéo chêu ngươi không chán,
Chỉ xui nhau cái dại vô chừng,
Chơi cho phờ râu, cho chớn mắt, cho long giải yếm,
cho tụt giây lưng.
Còn tham tiếc lăn lưng vào cuộc dại.
Thôi thôi chớ từ đây dại mãi,
Chữ đa tình là cái vô tình.
Gặp nhau ta thử làm thinh.

TẾT GIÁN CÂU-ĐỐI (*Tú-Xương*)

Nhập thế cục bất khả vô văn tự,
入 世 局 不 可 無 文 字
Chẳng hay-ho cũng phải nghĩ một bài.
Huống chi mình đã đỗ tú-tài,
Ngày tết đến cũng phải một hai câu đối.

Đối rằng :

Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình
極 人 間 之 品 價 風 月 情 懷 [hoài;(1)
Tối thế thượng chi phong lưu giang hồ khí cốt.
最 世 上 之 風 流 江 湖 氣 骨
Viết vào giấy gián ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?
Rằng hay thì thực là hay,
Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài.
Xưa nay em vẫn chịu ngài !...

---

(1) Phẩm-giá tốt hơn người, lòng mến gió giăng.
(2) Phong-lưu nhất đời, khí cốt giang hồ.

CẬU MÁN (*Tú-Xương*)

Phong-lưu nhất ai bằng cậu mán,
Trong anh em chúng bạn kém thua xa.
Buổi loạn-ly bốn bề không nhà,
Răng không nhuộm, vợ không lấy, lụa là không mặc;
Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vặt,
Khi cao-lâu, khi cà-phê, khi nước đá, khi lại đi xe.
Sự đời mán chẳng muốn nghe.

TÀI TÌNH

Yêu những kẻ văn-nhân tài-tử,
Chót đa mang về một chữ tình.
Nghĩ nguồn-cơn thẹn với giời xanh,
Tưởng nông-nỗi giận cùng giăng bạc.
Tương thức nhất thanh song lệ lạc,(1)
相 識 一 聲 雙 淚 落
Khả liên bán điểm thấp chu huyền. (2)
可 憐 半 點 濕 朱 絃
Trách vì phận, giận vì duyên,
Duyên phận cũng vì tình nên nông-nỗi.
Dầu dạ sắt gan vàng cũng rối,
Vẩn ruột tằm bối-rối càng đau.
Tương-tư ai để cho nhau !

CHẾ THẦY ĐỒ CỒ-NHUẾ (*Nghè Tân*)

Thầy đồ Cồ là người tài bộ,
Quầy cầm thư đi giáo-thụ phủ Vĩnh–Tường,
Trước nha–môn thiết một học trường,
Dạy dăm đứa chi hồ giả giã.
Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ,
Ra hồ xen xem ả hái hoa.

---

(1) Quen nhau một tiếng đôi hàng lệ,
(2) Khá tiếc nửa vời ướt mối tơ.

Ả hớ-hênh ả để dồ ra,
Đồ trông thấy đồ ngâm ngay tức khắc :
Phong tiền lạn mạn hoa sinh sắc, (1)
風 前 爛 漫 花 生 色
Thủy diện vi mang bạng thổ thần. (2)
水 面 微 茫 蚌 吐 唇
Đồ ngâm rồi đồ đứng tần-ngần,
Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc-mắc.
Suốt năm canh đồ nằm biếng nhắp,
Những mơ-màng đồ nọ tưởng đồ kia.
Đồ đâu gặp gỡ làm chi !

ÔNG PHỖNG ĐÁ (*Yên-Đổ*)

Quê đâu tên họ là gì ?
Hỏi ra chích-chích chi-chi nực cười.
Vắt tay ngảnh mặt lên giời,
Hay còn lo tính sự đời chi đây ?

HÁT

Thấy lão đá lạ-lùng muốn hỏi,
Cớ làm sao len-lỏi đến chi đây ?
Hay là vui hoa cỏ nước non này,
Toan chen chóc dan tay vào hội lạc.
Vân sơn tự tiếu đầu tương hạc, (3)
雲 山 自 笑 頭 將 鶴
Thương hải thùy chi ngã diệc âu. (4)
滄 海 誰 知 我 亦 鷗
Thôi thôi đừng nghĩ truyện đâu đâu,
Túi vũ trụ để đàn sau gánh vác.

---

(1) Trước gió phất-phơ hoa nầy sắc.
(2) Mặt dòng thấp-thoáng hến thè môi
(3) Non mây tự riễu đầu như hạc.
(4) Bể rộng nào hay ta cũng là chim âu.

Duyên kỳ ngộ là duyên tuổi-tác,
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác.
Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu,
Nên chăng đá cũng gật đầu.

CHÁN ĐỜI (*Cao-Bá-Quát*)

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
Cảnh phù-du trông thấy cũng nực cười.
Thôi công đâu rước lấy sự đời.
Tiêu-khiển một vài chung lếu-láo.
Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu. (1)
斷 送 一 生 惟 有 酒
Trầm tư bách kế bất như nhàn. (2)
沈 思 百 計 不 如 閒
Dưới thiều quang thấp-thoáng bóng nam-san,
Ngoảnh mặt lại cửu-hoàn coi cũng nhỏ,
Khoảng trời đất cổ kim kim cổ,
Mảnh hình-hài không có có không,
Lọ là thiên tử vạn chung.

GẶP TÌNH NHÂN (*Cao-Bá-Quát*)

Tài-tử với giai-nhân là nợ sẵn,
Giải-cấu nan là chữ làm sao ?
Trải xưa nay chừng đã xiết bao,
Kìa tan hợp nọ khứ lưu đâu dám chắc.
Dai-nhân khứ khứ hành hành sắc, (3)
佳 人 去 去 行 行 色
Tài-tử chiêu chiêu mộ mộ tình. (4)
才 子 朝 朝 暮 暮 情
Uầy kìa ai, như mây tuôn, như nước chảy, như gió mát, như giăng thanh.
Lạ-lùng khéo chêu ngươi chi mãi mãi ;

(1) Suốt đời chỉ tiền đưa nhau bằng chén rượu. — (2) Nghĩ kỹ trăm đường không gì bằng nhàn. — (3) Về người giai-nhân khi đi về. — (4) Lòng người tài-tử khi hôm sớm.

Giời đất có san đi mà sẻ lại,
Hội tương phùng còn lắm lúc về sau,
Yêu nhau xin nhớ nhời nhau.
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy,
Chén đưa nhớ bữa hôm nay.

GẶP Ả ĐẦU CŨ (*Cụ Thượng Dương-văn-Trì*)

紅 紅 雪 雪
Hồng hồng tuyết tuyết.
Mới ngày nào còn chửa biết chi chi ;
Mười lăm năm thấm-thoắt có xa gì,
Chợt ngảnh lại đã đến kỳ tơ-liễu.
Ngã lãng du thời quân thượng thiếu,
我 浪 遊 辰 君 尙 少
Quân kim hứa giá ngã thành ông.
君 今 許 嫁 我 成 翁
Cười cười nói nói thẹn-thùng,
Mà bạch-phát hồng-nhan chừng ái-ngại.
Vui một thú thanh-xuân đi lại,
Khéo ngây ngây dại dại với tình.
Đàn ai một tiếng dương tranh.

ĐỦA ÔNG BẠN ĐIẾC (*Yên-Đổ*)

Trong thiên-hạ có anh giả điếc,
Khéo ngơ-ngơ ngác-ngác ngỡ là ngây.
Ai ngờ sáng tai họ điếc tai cầy,
Nỗi điếc ấy sau này em muốn học.
Tọa chung đàm tiếu nhân như mộc, (1)
坐 中 談 笑 人 如 木
Giạ bán phan viên nhĩ tự hầu. (2)
夜 半 攀 援 耳 似 猴
Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi miếng dầu, khi trà chuyên năm ba chén, khi kiểu lấy một đôi câu.

---

(1) Trong khi cười nói người như gỗ,
(2) Đêm vắng chèo leo tai tựa hầu.

Sảng một lúc lâu lâu rồi lại điếc.
Điếc như thế ai không muốn điếc,
Nỗi điếc anh ai học được ru mà.
Hỏi anh anh cứ ập-à !

TỰ TÌNH

Thợ giời sao khéo đa đoan,
Cái danh cũng ghét cái nhàn cũng ghen.

HÁT

Danh giả tạo vật chi sở kỵ,
名 者 造 物 之 所 忌
Ghét chửng chi ghét mãi ghét hoài.
Lúc tuổi xanh ai chẳng cậy tài,
Sức bay nhảy tưởng ra ngoài đào-trú.
Dẫu chàng hám trấn-đao mấy độ,
Cũng chi-chi chích-chích không nao.
Càng phong-trần danh-giá càng cao,
Dám nghĩ chèn chơi hay ác thiệt ;
Đã mang tiếng đứng trong giời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Cuộc trong đời ai chẳng làm lòng,
Nên đè-nén dầy-vò ử cũng phải.
Chớ như đã đến tuần lão-đại,
Cuộc đời trăm việc đó vâng nhường.
Chút đinh-ninh chẳng dám coi thường,
Mùi hoan-huống, nếp phong-lưu đà gác sạch.
Đem thân thế gửi miền toàn-thạch,
Bán công-danh mà mua lấy cuộc nhàn.
Cớ sao còn giữ mãi thói ghen,
Sai bắt lao-đao hành-khốn mãi.
Khả quái lão thiên đa đố thái.(1)
可 怪 老 天 多 妬 態

(1) Ghê cho trẻ Tạo ghen chi mấy.

Trẻ chẳng thương mà già cũng chẳng tha.
Bực mình phải hỏi cho ra.

MẤY KHI GẶP NHAU *(Nguyễn-công-Trứ)*

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu,
人 世 罕 逢 開 口 笑
Khách giang-hồ thường hợp thiểu ly đa.
Nay bắc nam sum họp một nhà,
Gồm đủ cả : thắng-cảnh, lương-thời, thưởng-tâm, lạc-sự.

Hào trúc ai ty dư túy hĩ, (1)
號 竹 哀 絲 予 醉 矣
Thê phong lãnh nguyệt giạ hà như. (2)
凄 風 冷 月 夜 何 如
Thú nguyệt hoa là nợ sẵn với cầm thư,
Cuộc thi tửu để riêng người phong-nhã.
Quản bất kiến : hoa lạc, hoa khai, xuân khứ đã,
Hãy chơi cho lăn-lóc đá kẻo hoài,
Kìa kìa hải giác thiên nhai.

XA CŨNG NHƯ GẦN

Trong bốn bể ai là không tri-kỷ,
Nghĩa tương-phùng tương-đắc hóa tương-thân.
Chót yêu nhau xa cũng nên gần,
Mới phải đứng văn-nhân tài-tử.
Thiên lý tao phùng bình thủy nghĩa, (3)
千 里 遭 逢 萍 水 義
Nhất chiêu khiển-khuyển tất giao tình. (4)
一 朝 繾 綣 膠 情
Người phong-lưu gặp khách thị-thành,

---

(1) Trúc tơ réo-rắt ta say nhỉ ?
(2) Giăng gió buồn teo dạ thế nao ?
(3) Nghìn dặm tao phùng duyên bèo nước, (4) Một mai gắn bó nghĩa keo sơn.

Bao xiết kể tâm tình cho xiết.
Năm ba chén chè liên tống biệt,
Một vài chung rượu cúc giải phiền.
Mới hay thanh-khí cho nên.

MỘT NGÀY LÀ NGHĨA

Ngao ngán nhẽ kẻ về người ở,
Sao kẻ về người ở dôi nơi.
Chuốc chén quỳnh say tỉnh đầy vơi,
Ròng giọt lệ bồi-hồi bát-ngát.
Nào những lúc tiếng đàn chen tiếng hát,
Nào những khi ngón phách lần cung đàn.
Bấy nhiêu lâu dan-díu biết bao tình,
Mà con Tạo lọc-lừa chi lắm nhẽ ?
Chẳng trăm năm cũng một ngày tri-kỷ.
Lúc phân kỳ ai nấy ngẩn-ngơ.
Ai ơi luống những dợi chờ.

CUỐN CHIẾU HẾT NHÂN TÌNH *(cụ Thượng Võ-Khoa)*

Sách có chữ vô tình tiễn biệt.
K ách với tình xưa quen biết chi nhau ?
Quê-quán đâu mà nhà cửa ở đâu đâu ?
Ngán vì nỗi nước lã ao bèo thêm đềnh-đoảng,
Dưới nguyệt chén quỳnh khi thắng thưởng,
Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi.
Thảm-thiết chi mà giọt ngọc tuôn rơi ?
Mai mốt đã ngược xuôi người mỗi xứ.
Cô nhạn nam phi hồng bắc khứ, (1)
孤 雁 南 飛 鴻 北 去
Nhàn vân tây vãng thủy đông lưu. (2)
閒 雲 西 往 水 東 流
Khách về nhà đã có bạn khâm-trù,
Vui-vẻ đêm thu cùng mở tiệc.
Đây cũng ôm cầm theo liễu mạch,

(1) Hồng bay sử bắc, nhạn về nam.
(2) Mây bay về tây, nước chảy bên đông.

Thú cầm ca còn lắm khách vui chơi.
Kìa kìa cá nước chim giời.

VÒNG DANH LỢI

Chen-chóc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc tùng phong nguyệt mới vui sao.
Đám phồn hoa chót bước chân vào,
Sực nghĩ lại rật mình bao kể siết.
Quá giả vãng nhi bất thuyết,
過 者 往 而 不 說
Cái hình hài làm thiệt cái thân chi.
Cuộc đời thôi thử ngẫm mà suy.
Bạn tùng cúc xưa kia là cố-cựu.
Hẹn với lợi danh ba chén tửu,
Vui cùng phong-nguyệt một câu thơ.
Truyện cổ kim so-sánh tợ bàn cờ,
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt.
Mặc sa-mã thị-thành không dám biết,
Thú yên-hà giời đất để riêng ta.
Nào ai ai biết chăng là.

QUẢN TỬ CỐ CÙNG

Tang bồng là nợ,
Đứng làm giai chỉ sợ đám công danh.
Phú-qui tương dĩ hậu ngô sinh (1).
富 貴 將 以 厚 吾 生
Bần tiện tương dĩ ngọc ngô thành. (2).
貧 賤 將 以 玉 吾 成
Cái vinh nhục nhục vinh là đắp-đổi
Thùy năng thế thượng tranh danh lợi (3),
誰 能 世 上 爭 名 利
Tiện thị nhân gian nhất hóa công (4).
便 是 人 間 一 化 功

---

(1) Giầu sang làm cho đời mình được thêm giải.

(2) Sự nghèo hèn làm cho mình nên nhiều điều hay. -- (3) Ở trên đời ai hay tranh được danh lợi. — (4) Thực là một ông giời con dưới thế-gian.

Thôi thời thôi quản tử cố cùng.
Cùng khi ấy tất là thông khi khác.
Số tảo vãn tùy cơ phú-thác,
Chớ như ai chi-chắt cũng tay không.
Chơi cho phỉ chí tang-bồng.

NHÂN SINH THÍCH CHÍ

Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,
人 生 得 意 須 盡 歡
Nào thơ, nào rượu, nào chà,
Nào là con hát, nào là tổ-tôm.
Đường tơ gẩy khúc cao sơn,
Thôi cũng mặc càn-khôn chàn qui–tị.
Mặc bần-tiện mà mặc ai phú-quý,
Hãy ăn chơi cho phỉ chí tang-bồng.

Thơ rằng :

Bất tác phong ba ư thế thượng, (1)
不 作 風 波 於 世 上
Tự vô băng thán đáo hung trung. (2)
自 無 冰 炭 到 胸 中
Buổi phong-vân chi vội tao-phùng.
Cơn đắc-táng, hội cùng-thông là thế thế.
Rồi ra nữa buổi đời người thế,
Mang công-danh mà ỷ-thị với giang-sơn.
Chơi cho rõ mặt ngang-tàng.

CỦA ĐỜI NGƯỜI THẾ

Phù sinh nhược mộng,
浮 生 若 夢
Cuộc vi hoan mấy chốc rồi-rao.

---

(1) Trên đời sóng gió đừng khua rối
(2) Trong dạ vàng than chẳng vướng-viu.

Tính đốt tay ngày tháng có là bao.
Trông liếc mắt bóng câu đà sốc-sảo.
Tiền trừ niên thiếu hậu trừ lão,
前 除 年 少 後 除 老
Duy hữu trung gian tam thập niên.
惟 有 中 間 三 十 年
Đàn một cung, cờ một cuộc, rượu một bầu, thơ ngâm
Dìu-dắt được bao nhiêu là lãi, [một túi.
Kho vô tận đầy lại vơi, không lại có.
Của giời chung giời lại lấy đi.
Chơi cũng hết chẳng chơi cũng hết,
Ngả bàn tính thử suy cho xiết,
Chớ như ai làm đứa giữ tiền chung.
Kìa như Vương-Khải, Thạch-Sùng,
Thôi cũng chớ tính lạng suy đồng chi bứt-rứt.
Còn nhiều ít hãi tiêu cho hết,
Số phong-lưu giời lại dành cho.
Can gì giữ lấy bo bo.

TỨC CẢNH

Có không không có,
Có rằng không không có cũng ừ.
Đố ai hay giời đất tự bao giờ,
Thời mới biết non sông là mấy tuổi.
Hồn-hồn nhất đại khối, (1)
渾 渾 一 大 塊
Diều diều như nghĩ quần. (2)
渺 渺 如 蟻 羣
Lọt lòng ra ai cũng có quân thân,
Nợ mang lấy lẽ lần-khân phải giả.
Cuộc cổ kim bầy ra lại xóa,
Cái tu mi dù dại cũng khôn.
Xa phương cũng một tiếng đồn.

---

(1) Lẳng-lặng một khối lớn. (2) Mỏn-mọn như đàn kiến.

TIỄN BIỆT

Đào trên mây hạnh trên giời,
Nghĩ chi cho não lòng người như tương.
Nhất ngữ mã tiền tương tặng biệt, (1)
一 語 馬 前 將 贈 別
Cầm thi tương tống cánh tương tư (2)
琴 詩 相 送 更 相 思
Ngại-ngùng thay những lúc phân kỳ,
Khách lên ngựa kẻ buồng cầm ngao-ngán.
Thương nhẽ lúc tơ tình bát-ngát,
Tâm sự này len-lén bóng thu ba.
Khi tiếng cầm tiếng điểm lân-la,
Niềm ân-ái vẫn ghi lòng vàng đá.
Tình cảnh ấy dễ dâu khuây-khỏa,
Tiệc quan-hoài tỉnh tỉnh say say.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay.

TRINH PHỤ

Con cò lận lội bờ sông,
Chị ơi hỡi chị theo chồng phải theo.
Vụ diệc vũ tùng trung chi nhất,
鶩 亦 羽 從 中 之 一
Thương cái cò lận lội bờ sông.
Tiếng nỉ-non gánh gạo đưa chồng,
Đường muôn dặm một giời một nước.
Trông bóng nhạn_bâng-khuâng từng bước,
Nghe mõ quyên khắc-khoải năm canh.
Phận tép tôm ai nỡ phụ tình,
Ơn thủy thổ phải đền cho vẹn.
Tràng tên dạn xin chàng bảo-trọng,
Thiếp dở về nuôi cái cùng con.

---

(1) Trước yên cười nói câu từ rã.
(2) Đưa tiễn cầm thi luống ngẩn-ngơ.

Cao-Bằng cách trở nước non,
Tri trong đã quỷ thần bảo hộ.
Sức bay nhẩy một phen nắng nỏ,
Đá yên nhiên còn đó chưa mòn.
Đồng-hưu nhường chép thẻ son,
Chàng nên danh-giá thiếp còn trẻ trung.
Trăm năm khăng-khít chữ đồng

ĐÁNH TỔ TÔM *(Tú-Xương)*

Bực chẳng nhẽ anh-hùng khi vị-ngộ,
Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm,
Bài chạm thành cuối cánh phỗng ầm-ầm,
Ngồi thôi chẳng bốc quân dác-dảnh,
Cũng có lúc thông chi thời bát sách,
Cũng có khi bạch đinh bốc yêu hồng.
Cất bài lên ông lão vẫn lần về,
Không đâu cả gặp kề năm bầy phỗng.
Cũng có ván tôm lèo lên chờ rộng,
Vớ phải thằng bạch-thủ phỗng tay trên.
Gớm-ghê thay đen thực là đen,
Sắc như mác cũng thua thằng vận đỏ.
May-mắn nhẽ hữu duyên năng tái-ngộ,
Bĩ-cực rồi đến hội thái-lai.
Tiếng tam-khôi chi để nhường ai,
Hết bạch lại hồng thông mãi mãi.
Nào những kẻ tay trên tớ ban nãy,
Tới bây giờ thây-lẩy dưới tay ta.
Tiếng bài cao lừng-lẫy khắp gần xa.
Bát vạn người ta ai dám dọ,
Thế mới biết tổ-tôm đen có đỏ.
Thời anh-hùng vị ngộ có lo chi.
Trước sau sau trước làm gì.

CẢNH NHÀN

Nhật trường tự tuế nhàn phương dác, (1)
日 長 似 歲 閒 方 覺
Sự đại như thiên túy diệc hưu. (2)
事 大 如 天 醉 亦 休
Cõi trần-gian rứt mực phong-lưu,
Thứ nhất thú tùng tâm sở dục.
Khi đàn thất huyền cầm, khi ca tứ thời khúc.
Khi trà kim cúc, khi rượu bạch-liên.
Cái vinh khô tố định tự thiên,
Nào ai trần-tục, nào ai tiên-cách.
Đường sĩ-hoạn cũng là trong thanh--bạch,
Cũng chẳng qua giấy rách giữ lề,
Thoảng ngoài mặc tiếng khen chê.

CẢNH PHONG LƯU

Thu thủy tràng thiên nhất sắc,
秋 水 長 天 一 色
Vẻ phong-lưu rất mực phong-lưu.
Giăng giăng bạc, gió gió vàng,
Dục lòng khách tha-hương tình khiển-hứng.
Chén rượu hoàng-hoa cơn chuếnh-choáng,
Câu thơ bạch-tuyết lúc ngâm-nga.
Bạn cùng người tuyết-nguyệt phong-hoa,
Lấy thi tửu cầm ca làm thích chí.
Cơn lưu-lạc mới trải mùi thế-vị,
Lúc phồn-hoa càng lắm vẻ xuân tình.
Tỉnh ra rồi mới giật mình.

MỐI CHUNG TÌNH

Ca-quản lâu dài ai đó tá ?
Hỏi tình kia ai đúc-chuốt cho nên.
Bận vì tình hay bận vì duyên,
Tình duyên ấy bởi đâu dan-diu.

---

(1) Ngày dài như năm nhàn mới biết ;
(2) Việc to như giời say cũng xong.

Thiên kỷ ẓinh nhân tình tiện hữu,
天 既 生 人 情 便 有
Tình trường, tình đoản, hựu tình chung.
情 長 情 短 又 情 鍾
Mối tơ-tình quấn-quit biết bao xong,
Chi để khách đa-mang thêm thắc-mắc.
Mượn thử vẽ thư-tình một bức,
Mảnh gương tình muôn kiếp soi chung.
Nợ tình biết giả bao xong,
Duyên hội-ngộ bấy nhiêu năm trước.
Thợ giời toan thu-xếp thế nào đây ?
Khách tràm anh từng nhẹ bước thang mây.
Người phong-các đã hồ tròn trong bóng nguyệt,
Mặt nhìn mặt biết chăng chẳng biết,
Tình gặp tình xuân lại thêm xuân.
Khi trà liên, khi rượu cúc, khi gió mát, khi giăng thanh.

Âu-sầu biết cùng ai san-sẻ,
Chữ chung tình là thế thế,
Mối tơ tình ai gỡ cho ra,
Yêu hoa nên phải tìm hoa.

HOA NGUYỆT

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,
有 緣 千 里 能 相 遇
Vô duyên đối diện bất tương phùng.
無 緣 對 面 不 相 逢
Cái nguyệt hoa là cái não-nùng,
Người hoa-nguyệt là người phong-nhã.
Thuở trước buồm ngư một lá,
Động Đào-nguyên vui thú-vị ra vào.
Cũng có khi Vương-mẫu hiến bàn-đào,
Đỉnh Vu-giáp chiêu vân mộ vũ.

Thiên thượng nhân-gian tằng tự thú, (1)
天 上 人 間 曾 似 趣
Nga-mi thổ phách diệc đồng cư. (2)
蛾 眉 兎 魄 亦 同 居
Chẳng phong tình ngày tháng cũng là dư,
Nguyên phú dữ tự kiền khôn mới hé.
Hỏi tố-thư ai khéo vẽ ?
Truyện Bích-câu-kỳ-ngộ thực khôn-ngoan.
Cho hay con Tạo đa đoan.

PHẬN HỒNG-NHAN (*Cao-bá-Quát*)

Tự cổ hồng-nhan đa bạc phận,
自 古 紅 顏 多 薄 分
Buồn cho ai mà lại tiếc cho ai.
Duyên tơ hồng nguyệt mỉa-mai cười,
Ngao-ngán nhẽ đào tiên lân cõi tục.
Đã khép gương loan treo giá ngọc,
Chim dầu chim thước đỗ cành mai.
Xuân còn dài duyên phận hãi còn dài,
Thử đủng-đỉnh để xem cơ tiền-định ;
Nhắn ông nguyệt sẵn cầm giây sích,
Khách giai-nhân se với khách văn-nhân.
Vinh-hoa cho lỗ phong-trần.

NHỚ NGƯỜI VIỄN KHÁCH

Người viễn-khách xa-xôi biên-tỉnh,
Vắng tri-âm trong dạ phàn-nàn ;
Vẩn-vơ trong giấc mơ-màng,
Non nước xa khơi nhường phảng-phất.

---

(1) Trên giới mặt đất dường cùng thú,
(2) Thỏ phách nga mi cũng một nhà.

Tương thân tương ái chi hà nhật,
相 親 相 愛 知 何 日
Đa tư đa tình tổn thiếu-niên.
多 思 多 情 損 少 年
Khi sương sa, khi gió hắt, lúc giăng xuyên,
Mối tình ấy biết cùng ai san-sẻ,
Sầu là thế mà tình-duyên là thế,
Nợ chung tình biết giả bao xong ?
Đời người lắm lúc long-đong !

NHỚ CHINH PHU

Trước lầu thú-phụ mưa hoàng-diệp,
Đầu ngựa hành-nhân gió tịch-dương.
Khách thiếu niên vò-võ đôi phương,
Trướng gấm sẽ động lòng nơi ải tuyết,
Vọng Trường-an phiến nguyệt, tắc châm viễn tái chi hàn y.
望 長 安 片 月 則 針 遠 塞 之 寒 衣 [(1)
Kiến phế-mạch thùy dương, tức động thú lâu chi hà tưởng.
見 廢 陌 垂 楊 卽 動 戍 樓 之 遐 想 [(1)
Ngày lần-lữa thoi đưa bóng thoáng,
Khúc tương-tư ai đặt nên lời.
Vừng trăng ai sẻ làm đôi.

CÁO QUAN VỀ NHÀ

Tiết-Phùng hưu ca lão khứ giã, (3)
薛 逢 休 歌 老 去 也
Đào-Tiềm dĩ phú-quy lai hề.(4)
陶 潛 已 賦 歸 來 兮
Chỉ vân sơn nhận lấy đường về.
Đừng theo đuổi phong-trần chi mãi mãi.
Trời đất nề-nang người khí–khái,
Nước-non bênh-vị mặt tài-tình.

---

(1) Trông mảnh giăng nơi Tràng-An đã may sẵn áo rét cho người lính nơi ải xa. — (2) Thấy cây Dương-liễu nơi đường hẻm sực nhớ nỗi xa-xôi vòm quân lính. — (3) Ông Tiết-Phùng thôi không hát câu lão khứ đã. — (4) Ông Đào-Tiềm đã làm bài qui lai hề.

Đạo-Trích lợi, Bá-Di danh,
Thú-lĩnh Đòng-Lăng ai phải chẳng ?
Thử nhắc đồng cân xem nhẹ nặng,
Chén bây giờ còn e tiếng mai sau.
Dẫu người đá cũng gật đầu.

GIẢNG THU

Nhất thiên lý sắc trung thu nguyệt,
一 千 里 色 中 秋 月
Đới kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu.
帶 妓 隨 波 任 去 留
Thơ lưng túi, rượu lưng bầu,
Tiếng ti chúc nhặt khoan doành nước biếc.
Hồng phấn ca thanh phiên bạch-tuyết, (1)
紅 粉 歌 聲 翻 白 雪
Điêu kềnh lạp ảnh túy thanh niên. (2)
雕 梁 鬢 影 醉 青 年
Gió giăng chở nặng một con thuyền,
Kho vô tận mặc dầu ai hứng-thích.
Phong-lưu ấy nghìn cân chưa sứng,
Nhác trông ra giăng đã dựng đông.
Vừng giăng đẳng-đẵng trên không,
Thiên lý huyền ca khai thắng tịch.
千 里 絃 歌 開 勝 席
Rủ-rê cùng hai ả tới đây,
Bỗng tiếng đâu tich-tịch lưng giời.
Lui gót ngọc bẽ-bàng khôn xiết kể,
Thanh-điệu hữu thời linh bạch tuyết. (3)
清 調 有 辰 聆 白 雪
Phù-danh tất cảnh ngộ hồng nhan, (4)
浮 名 畢 竟 誤 紅 顏

---

(1) Hồng phấn tiếng ca chen tuyết trắng
(2) Điêu kềnh bóng nến mệt đầu xanh.
(3) Thanh điệu có khi nghe bạch tuyết,
(4) Phù danh hết thảy rử hồng nhan.

Đương giăng thàu ném sáo quăng đàn.
Trách ông nguyệt ghẹo-chêu chi lắm tá ?
Gẫm lại phấn chưa phai, hoa chưa rã,
Vì đem vào kim-ốc há nhường ai ?
Từ đâu lỡ một lầm hai ?

NHÂN SINH NGHỊCH LỮ (*Cao-bá-Quát*)

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ,
人 生 天 地 間 一 逆
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày.
Như thoi đưa, như bóng sổ, như gang tay,
Sực nhớ chữ cổ nhân bỉnh-trúc.
Cao sơn lưu-thủy thi thiên trục,
山 高 流 水 詩 千 軸
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.
明 月 清 風 酒 一 船
Dang tay người tài-tử khách thuyền-quyên,
Chén rượu thánh câu thơ thần thích trí.
Thành-thị ấy mà giang-sơn ấy,
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong-hoa.
Bốn mùa xuân lại thu qua.

QUYẾT KHOA

Vị đạt thả đương hành tố vị (1),
未 達 且 當 行 素 位
Ẩn ưu thiên ý ngọc vu thành (2)
隱 憂 天 意 玉 于 成
Bằng chửa bằng dù yến tiếu hồng khinh,
An nghĩa mệnh chớ mầy lòng vưu-oán.
Nương nương vật hận công danh vãn, (3)
娘 娘 勿 恨 功 名 晚
Lưu đáo lai khoa dã vị trì. (4)
留 到 來 科 也 未 遲
Ngẫm anh-hùng nhỡ bước xưa kia.

---

(1) Khi chưa thành-đạt hãi nên yên phận mình. — (2) Thầm lo nhẽ giời tất nên việc — (3) chớ nên phiền công danh muộn. (4) Hãi để khoa sau cũng chưa chậm.

Lương-Hiệu, Trần-Tu là mấy kẻ ?
Mắt hãi sáng, tay hãi mềm, chân hãi khỏe.
Hội quyết khoa âu cũng có ngày,
Tuồng chi hờn gió giận mây.

ÔNG PHỖNG ĐÁ

(Cụ Phó-bảng Đồng-tỉnh Phan-văn-Ái).

Non thiêng khéo đúc nên người,
Trông chừng xảnh-xỏi khác người trần-gian.
Trải bao gió núi mưa ngàn,
Đã già già sóc lại gan gan lì.

NÓI :

Gan lì già sóc,
Há non chi mà sợ cóc chi ai !
Người là người tớ cũng là người,
Ngắm cho kỹ vẫn trạnh-vanh đầu giốc.
Tương chi tằng thức năng công ngọc, (1)
相 知 曾 識 能 攻 玉
Mạc luyện như hà khả bổ thiên. (2)
莫 鍊 如 何 可 補 天
Thôi mặc ai răng trắng răng đen,
Thế như thế cũng ngồi yên như thế vậy.
Còn giời đất hãi còn tai mắt ấy,
Lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng ?
Hãi về giã gạo ba trăng !

BẤT NGỘ THỜI *(Cao-bá-Quát)*

Chẳng lưu-lạc dễ chải mùi trần-thế,
Còn trần-ai khôn tỏ mặt công hầu.
Ngất-ngưởng thay con Tạo khéo cơ mầu,
Muốn đại-thụ hãi dìm cho lúng-túng.

---

(1) Sách có câu : « Tha sơn chi thạch khả dĩ công ngọc » nghĩa là hòn đá núi kia có thể rũa thành ngọc ; ý nói người biết làm lành bỏ dữ. — (2) Không luyện đá sao vá được giời. Sách có chữ luyện thạch bổ thanh thiên, nghĩa là luyện đá vá giời. Đây ý nói muốn làm việc gì phải công-phu.

Thân hệ bang gia chung hữu dụng, (1)
身 係 邦 家 終 有 用
Thiên sinh hào kiệt bất ưng hư (2).
天 生 豪 傑 不 應 虛
Hãng bền lòng chớ chút oán-vưu,
Thời chi hĩ ngư long biến-hóa.
Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả,
Cũng đừng đem hình-dịch lại cầu chi.
Hơn nhau cũng một chữ thì.

NGHĨ TUỔI GIÀ MÀ LO (*Nguyễn-công-Trứ*)

Gấm cho đến bất nhân là Tạo-vật,
Đã sinh người lại hẹn lấy năm.
Kể chi thằng lên bầy, đứa lên năm.
Dẫu sống ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc.
Mà bận những lợi danh vinh nhục,
Cõi phù sinh đành lắm lúc bi-hoan.
Tưởng đến khi hoa rữa trăng tàn,
Cảnh huống ấy bút thần khôn mạc,
Tế suy vật lý tu hành lạc (3),
細 推 物 理 須 行 樂
Hà dụng phù danh bạn thử thân (4).
何 用 浮 名 絆 此 身
Song bất nhân mà lại chí nhân,
Hạn lấy tuổi để ta chơi lấy.
Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lãi đấy,
Vậy ai ơi chơi lấy kẻo già,
Một năm một tuổi xuân qua.

KIM TIỀN

Phàm kim chi nhân duy tiền nhi dĩ,
凡 今 之 人 惟 錢 而 已
Hết tiền tiêu tráng-sĩ cũng nằm co.

---

(1) Thân quan hệ đến nhà nước là thân hữu dụng. — (2) giời sinh hào kiệt không phải là hư sinh. — (3) ngồi nghĩ kỹ ra không gì bằng mua vui. — (4, không dùng hư danh buộc thân này.

Chẳng khôn-ngoan cũng chẳng thân-sơ,
Có hơi kẽm mới tha hồ ngang-ngửa,
Toán lai thế sự kim năng ngữ, (1)
算 來 世 事 金 能 語
Thuyết đáo nhân tình kiếm dục minh. (2)
說 到 人 情 劍 欲 鳴
Dơ-dáng thay những mặt tài tình,
Co-quắp lắm cũng ra hình thủ-lỗ.
Nghìn vàng hết hết rồi lại có,
Chữ bất nhân tạc đồ không mòn.
Ai ôi ! giữ lấy lòng son !

GIĂNG THU

Sinh thay tiết thu thiên quang cảnh.
Khi Lạc-Hà giãi bóng tà-dương.
Một con thuyền giậy hát bên giang,
Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc,
秋 水 共 長 天 一 色
Vừng ngọc-thỏ in sông vắng-vặc,
Giữa giang tâm bóng lộn mấy từng.
Trên một giăng, dưới một giăng,
Xui lòng kẻ hữu-tình ngao-ngán.
Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn (3),
誰 把 金 杯 分 兩 段
Bán trầm thủy để bán thiên thai, (4)
半 沈 水 底 半 天 台
Vầng giăng ai sẻ làm hai.
Nửa in dưới nước nửa cài trên không.
Nước mây thăm-thẳm một giòng.

LƯ GIANG

Sinh thay mấy Lư-Giang phong nguyệt,
Nước trong xanh lẫn với sắc giời xanh.

---

(1) Tính lại việc đời vàng muốn nói. — (2) nói đến nhân tình kiếm muốn reo. — (3) ai cầm chén ngọc chia đôi đoạn. — (4) nửa chìm đáy nước nửa Thiên-thai.

Sóng nhấp-nhô toan nhảy lên ghềnh,
Bóng cỗ-thụ rung-rinh muốn lội.
Chiếc ngư-ông ra vào len-lỏi,
Buông chài hoa tựa lái bên sông.
Vạch ngàn lau tìm lối thong-dong.
Nương gậy trúc lên đường đủng-đỉnh.
Trong lữ-quán lâm-dâm đèn hạnh,
Ngoài phế-đê lấp-lánh gương thu.
Sinh thay cảnh vật sông Lư.

TÌNH LÀ DẠI

Cái tình là cái dại,
Nợ phong-lưu rước lấy mà chơi.
Nực cười thay chẳng gốc đẻ ra lời,
Đố ai rũ làm sao cho trắng khỏi.
Đám tẻ vui quanh trò múa rối,
Cuộc tỉnh say lần giấc chiêm bao.
Thôi đoái thương, phỏng nhớ lại vơ sầu.
Lần-thần, hẹn-hò giăng, van-vỉ gió.
Ấy mới biết tình-kỳ là nợ đó,
Uầy thợ giời còn vẽ ra chi ?
Thà ngu, thà ngốc, thà si.

THĂM CÔ-ĐẦU ỐM (*cụ Thượng Dương-Văn-Trì*)

Trông nấp bóng ra chừng liễu-yếu,
Bệnh đông-phong sao khéo nực cười.
Trộm nghe sương tuyết hơi hơi,
Cơm với thuốc ngày sơi độ mấy ?
Thức hay ngủ cớ sao làm vậy ?
Hãi tung màn gượng dậy làm vui.
Nét hoa kém phấn thừa cười,
Lòng chiều khách đã nguôi-nguôi thế chưa ?

Đàn cầm sắt gẩy chơi lúc nữa,
Chén hoàng-mai còn được nửa hay không ?
Nàng rằng vâng cũng chiều lòng ?

GIAI NHÂN *(Cao-bá-Quát)*

Giai nhân nan tái đắc
佳 人 難 再 得
Chót yêu hoa nên dan-díu với tình.
Mái tây hiên nguyệt gác chênh-chênh.
Rầu-rĩ lắm xuân về oanh nhớ.
Phong-lưu công tử đa xuân tứ (1),
風 流 公 子 多 春 思
Trường hận Tiêu-tương nhất diệp thi (2).
長 恨 瀟 湘 一 葉 詩
Nước sông Thương một giải nông sờ,
Cho kẻ đấy người đây mong-mỏi.
Bứt-rứt nhẽ trăm đường nghìn nỗi,
Chữ chung tình biết nói cùng ai.
Quản chi gắn-bó một hai.

CÔNG DANH *(Nguyễn-công-Trứ*

Tang bồng hồ thủy nam nhi trái (3)
桑 蓬 弧 矢 男 兒 債
Cái công danh là cái nợ-nần.
Nặng-nề thay hai chữ quân-thân,
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẽ.
Cùng khắp điền-viên vui thú-vị,
Chót đem thân-thế hẹn tang bồng.
Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,
Hết hai chữ chung trinh báo-đáp.
Một mình để vì dân vì nước,
Túi kinh luân nghìn trước để nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.

---

(1) Công tử phong lưu nhiều ý xuân. — (2) Luống giận một lá thơ sông Tiêu-Tương. (3) Tang bồng hồ thỉ là nợ người nam-nhi.

THỀ NON NƯỚC

Nhân sinh dương thế,
人 生 陽 世
Chiếc thoi đưa ba vạn sáu nghìn ngày.
Nợ phong-tình kẻ giả người vay,
Đường thiên-lý thấy hoa rơi ai chẳng nhặt.
Nghĩ thế sự lắm đường bứt-rứt,
Rắt-riu nhau vào nợ sắc chi.
Kiếp hồng-nhan đã quá nửa thì,
Mà Tạo-hóa khéo ghét-ghen chi mãi mãi ?
Ngán thay chữ thanh-xuân bất tái,
Muốn bắc thang lên hỏi chín tầng mây.
Rằng duyên rằng nợ chi đây ?
Nợ chưa giả duyên kia sao đã buộc ?
Phen này quyết chi thề non nước,
Thử xem con Tạo đặt mình nơi nao ?
Nào ai quân tử hảo cầu ?

THIÊN-THAI

Lạ-lùng thay cảnh Thiên-Thai,
Bồng-Lai khi cũng thế này mà thôi.

HÁT

Sinh thay nhẽ Thiên-Thai cảnh lạ,
Dưới Trần-ai một áng non Bồng.
Đầu non mây tỏa ngất trên không,
Cửa động gà kêu vang bóng nguyệt.
Bich xa động lý càn khôn biệt (1),
碧 沙 洞 裏 乾 坤 別
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường (2).
紅 樹 枝 邊 日 月 長

---

(1) Trong động cát biếc trông giời đất khác ngoài.
(2) Bên cành cây đỏ, ngày tháng giài.

Nước lao-đao điềm-đót khúc xinh-hoàng,
Mây lác-đác mỉa-mai con điều-thước.
Hoa hớn-hở nhị hồng chen nhị bích,
Lũ hai bên kẻ đón người đưa.
Lạ-lùng thay cảnh Thiên-Thai.

XUÂN BẤT TÁI

Tá vấn nhân gian xuân kỷ-độ ?
借 問 人 間 春 度 幾
Bóng tà-dương đã sế về tây,
Khi thanh-nhàn ngồi tính đốt ngón tay.
Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy ?
Cũng chẳng qua lần năm tháng ấy ,
Trinh mà chi mà tiết nữa mà chi.
Sau trăm năm cỏ mọc xanh rì,
Hồi tưởng lại xuân tình cũng thiệt.
Bạc-mệnh hồng-nhan thôi đã biết,
Của đời người thế có riêng ai.
Làm chi một đóa thương-đài,
Mà khe-khắt để lắm người suy-vi.
Phen này quyết mở màn phong-nguyệt,
Vạch bốn bên cho rộng mà chơi.
Nghĩ nhân gian lắm sự nực cười,
Then khóa cũng bỏ vào câu xuân-bất-tái.
Cũng có lúc tiếc xuân mà ngảnh lại.
Sao trước kia chẳng liệu cho rồi ?
Nhân-tình thế-thái ai ôi !

CHÁN ĐỜI (*Cao-bá-Quát*)

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn (1),
世 事 升 沈 君 莫 問
Yên ba thâm sứ hữu ngư châu (2).
煙 波 深 處 有 漁 舟

---

(1) Việc đời lên xuống không cần hỏi — (2) chiếc thuyền len-lỏi nơi sông khói tĩnh mịch.

Vắt tay nằm nghĩ truyện đâu đâu,
Đem mộng sự đối với quân-thân thì cũng mệt.
Duy giang thượng chi thanh phong,
惟 江 上 之 清 風
Dữ sơn gian chi minh nguyệt.
與 山 間 之 明 月
Kho giời chung mà vô tận của mình riêng,
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng,
Kẻ thành thị kẻ vui miền lâm tẩu,
Gõ dịp lấy đọc câu tương-tiến-tửu.
Quân bất kiến Hoàng-Hà chi thủy thiên thượng lai,
[bôn lưu đáo hải bất phục hồi (1).
君 不 見 黃 河 之 水 天 上 來 奔 流
「到 海 不 復 回
Làm chi cho mệt một đời.

NGÀY THÁNG THANH NHÀN (*Nguyễn-công-Trứ*)

Thị tại môn tiền náo, (2)
市 在 門 前 鬧
Nguyệt lai lâm hạ nhàn. (3)
月 來 林 下 閒
So lao tâm lao lực cũng một đoàn,
Người nhân-thế muốn nhàn sao được.
Nên phải giữ lấy nhàn làm trước,
Dẫu giời cho có tiếc cũng xin nài.
Cuộc nhân sinh chừng bảy tám chín mười mươi,
Mười lăm trẻ, năm mươi già không kể.
Thoạt sinh ra thì đã khóc chóe,
Trần có vui sao chẳng cười khì.
Khi hỉ lạc, khi ái-dục, lúc sân-si,
Chứa chi lắm một bầu n ân-dục ?

---

(1) Ngươi chẳng thấy nước sông Hoàng-Hà trên giời xuống, chầy ra bể không trở lại. -- (2) Chợ trước cửa náo-nhiệt. Sách có chữ : « Thần môn như thị » nghĩa là cửa nhà ta như chợ. — 3) Giăng lên, chơi nơi rừng. Sách có chữ: «Nguyệt minh lâm hạ mỹ nhân lai » ; bên rừng giăng tỏ mỹ nhân lại.

Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc ?
知 足 便 足 待 足 何 辰 足
Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn ?
知 閒 便 閒 待 閒 何 辰 閒
Cầm kỳ thi tửu với giang-san,
Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế.
Ngã kim nhật tại tọa chi địa, (1)
我 今 日 在 坐 之 地
Cổ chi nhân tằng tiên ngã tọa chi. (2)
古 之 人 曾 先 我 坐 之
Ngàn muôn năm âu cũng thế ni,
Ai hay hát mà ai hay nghe hát ?
Sông Sích-Bích buông thuyền năm Nhâm-Tuất,
Để ông Tô riêng một thú thanh-tao.
Chữ nhàn là chữ làm sao ?

CÔNG DANH (*Nguyễn-công-Trứ*)

Ba vạn sấu nghìn ngày thấm-thoắt,
Tự mọc răng cho đến bạc đầu.
Cõi nhục vinh góp lại chửa bao lâu,
Ngồi thử ngẫm sự đời thêm khéo quá.
Núi tự-tại cớ sao sông bất sả ?
Chim thì lông, hoa thì cánh,
Khéo công đâu thừa trừ từ nghìn trước đến nghìn sau.
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp,
Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp,
入 世 局 不 可 無 功 業
Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân.
出 母 懷 便 是 有 君 親
Mà chữ danh liền với chữ thân,
Thân đã có ắt danh âu phải có.

---

(1) Chỗ đất ngày nay ta ngồi. -- (2) Từng có người ngày xưa ngồi trước ta. Hai câu này lấy trong Tây-Xương-Ký.

Này phút chốc kim rồi lại cổ,
Có hèn gì sau chẳng bằng nay.
Râu mày kìa hỡi râu mày.

CÔNG ĐÂU MÀ NGHĨ *(cụ Thượng Nhu)*

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ,
人 生 天 地 間 一 逆 旅
Thôi công đâu mà rước lấy sự trần-gian.
Như chiêm bao, như mây nổi, như xương tan,
Cơn đắc, tàng, bi, hoan, đành có lúc.
Vài chung phong nguyệt bầu kim cổ,
Mấy khúc sơn hà túi gió giăng.
Cuộc tẻ vui vui tẻ so bằng,
Ai cõi thế chắc rằng không với có ?
Kìa Vương-Khải Thạch-Sùng thuở nọ,
Dẫu đến nay tắc lưỡi cũng là hư.
Làm chi giữ lấy khư khư ?

THANH PHONG MINH NGUYỆT *(cụ nghè Ngô-thế-Vinh)*

Giang tâm thu nguyệt bạch,
江 心 秋 月 白
Não-nùng thay khi gió mát lúc giăng thanh.
Bóng thiềm soi đáy nước long-lanh,
Quang cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch.
Vạn lãi tịch nhiên thu giạ vĩnh. (1)
萬 籟 寂 然 秋 夜 永
Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu. (2)
一 壺 瑩 爾 月 明 收
Đàn năm cung, thơ một khúc,
Cờ một cuộc, rượu một bầu,
Tiếng ca quản một vài câu khiển hứng.

---

(1) Muôn sáo êm-đềm đêm vắng ngắt,
(2) Một vừng trong mát bóng giăng thâu.

Chèo mấy mái thuyền lan lững-thững,
Bạn mấy người tài tử tiêu-dao.
Non mấy từng đá mọc so-le,
Cầu một dịp bắc ngang sông Vị-thủy.
Hội Xích-Bích nọ năm Tuất nhỉ ?
Thú phong-lưu há để một Tô-Công ?
Giăng thanh gió mát kho chung.

ĂN CHƠI *(cụ nghè Ngô-thế-Vinh)*

Nhân sinh thích trí,
人 生 適 志
Chẳng gì hơn tiền cho nhiều, vợ cho đẹp,
Đàn cho ngọt, hát cho hay ;
Nợ phong-lưu chơi hết lại vay,
Kho vô-tận không rồi lại có.
Mãn viện lý đào như hữu chủ, (1)
滿 院 李 桃 如 有 主
Bách ban hoa thảo cánh thâu thùy. (2)
百 般 花 草 更 偸 誰
Khi cung đàn, khi chén rượu, khi túi thơ.
Thu-xếp cả phiền-hoa vào một cục,
Thú-vị ấy chơi cũng tục mà chẳng chơi cũng tục,
Chơi thì chơi cho nước Tấn sang Tần,
Cho nước Sở sang Hán, cho nước Ngô sang Lào.
Biết đâu rồi chẳng chiêm bao.

MẸ MỐC *(Yên-Đổ)*

So danh giá ai bằng mẹ mốc,
Ngoài hình hài gấm vóc cũng thêm ra.
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa,
Làm thế để cho qua mắt tục.

---

(1) Đầy viện lý đào nhường có chủ. -- (2) Trăm thức hoa cỏ chẳng thua ai

Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc (1),
外 貌 不 求 如 美 玉
Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2).
心 中 常 守 似 堅 金
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Dù son-sắt êm-đềm một tiết.
Sạch n' ư nước, trắng như ngà, trong như tuyết ;
Mảnh gương trinh vằng-vặc quyết không nhơ.
Đắp tai ngảnh mặt làm lơ,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
Khôn em dễ bán dại này.

CHƠI TÂY-HỒ (*Yên Đổ*)

Thuyền lan nhè nhẹ,
Một con thuyền đủng-đỉnh giạo hồ Tây.
Sóng rập-rờn sắc nước lẫn chiều mây,
Bát-ngát nhẽ để ghẹo người du-lãm.
Yên thủy mang mang vô hạn cảm (3),
烟 水 茫 茫 無 限 感
Ngư long tịch-tịch thục đồng tâm (4).
魚 龍 寂 寂 孰 同 心
Rượu lưng bầu mong-mỏi bạn tri-âm,
Xuân vắng-vẻ biết cùng ai ngâm họa ?
Gió hây-hẩy nực mùi hương sạ,
Nhác trông lên vách phấn đã đôi bài.
Thơ ai xin họa một vài.

CHƠI CHO THÍCH (*Quan đốc Trần-lê-Kỷ*)

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nit,
Bốn mươi năm cút-kít đã về già.
Tính trong vòng cắn đá với giăng hoa,
Ba mươi năm là sắp kiệt,

---

(1) Ngoài mặt chẳng cần đẹp như ngọc. — (2) Trong lòng thường giữ như vàng thau. — (3) Khói nước man-mát cảm hạn vô cùng. — (4) Rồng cá lẳng-lặng ai là người tri-âm.

Thế mà còn đi học, đi hiệc, đi thi, đi thiếc,
Khi đỗ, khi điệc, làm quan, làm kiếc ;
Việc đời vấn-vít biết bao ngơi ?
Giời đã sinh ra kiếp làm người,
Chả chơi thì người cười ra chú vích.
Được ngày nào ta chơi cho thích,
Có phong-lưu thanh lịch mới là giai.
Thấy ai ai ta cũng ai ai,
Ai ai ấy thì ta cũng ấy.
Chớ có quở chữ dàm là chữ bậy,
Nếu không dâm sao nẩy ra hiền.
Nhủ em em chớ giữ-gìn.

MỪNG ÔNG DU-LÂM ĐỖ TIẾN SĨ (*Dương-Lâm*)

Giai nhân hà tất kiều như ngọc, (1)
佳 人 何 必 嬌 如 玉
Chữ duyên may đạp đổ phận hồng-nhan.
Kìa những người xe ngựa chan chan,
So ngón kẽ đã thua nhau ngàn với vạn.
Mai phóng hạnh tiên, tiếu hạnh vẫn, (2)
梅 放 杏 先 笑 杏 晚
Hạnh khai mai hậu, thán mai suy. (3)
杏 開 梅 後 嘆 梅 衰
Xin đừng đem tài-sắc đánh ghen chi,
Trăm năm ấy đường đi lối bước,
Nhắn những kẻ đường mây bước trước,
Sẽ rừng roi đợi kẻ sau này.
Chắc rằng ai dở ai hay?

MỪNG KHÁNH-THÀNH SINH-TỪ (*Dương-Khuê*)

Ấy ai đi nhớ sống thờ,
Tống-khê Tướng-quốc Sinh-từ kia kia.

---

(1) Người giai nhân không cần đẹp như ngọc -- (2) Mai nở trước hạnh cười hạnh muộn. -- (3) Hạnh nở sau mai chê mai già.

Tầng lâu các họa thơ đề,
Nghiễn bi thuở trước, nùng bi thuở này.

Lại mưỡu :

Giang sơn riêng thú thanh kỳ,
Có lầu, có tháp, có bia công-thần.
Giữa giời một gác khuê-văn,
Chùa tiên bên nớ, miếu thần bên ni.

HÁT :

Thừa-tướng đại danh thùy vũ-trụ (1),
丞 相 大 名 垂 宇 宙
Sinh-từ trường dữ thử giang-sơn (2).
生 祠 長 與 此 江 山
Thú vui chơi thắng-tích, kỳ-quan,
Miền thủy-nhiễu hoa-hoàn coi cũng rứa.
Ngấn tuyết-chảo vãng. hoàn, lưu, khứ,
Dịp tuần hồng nhứ-nhứ ti-ti,
Hát rằng : vô dĩ công quy,
Một tiếng trúc giây ty là một nhớ.
Hỏi lại cỏ hoa đà biết chửa ?
Nước non còn đó bởi vì ai ?
Còn sông Tô, Nhị còn dài,
Còn bia Nùng, Khán còn nhời niềm ân.
Trăm nghìn bái chúc thần-quân.

CHƠI GIĂNG (*Dương-Khuê*)

Cao sơn nhất phiến nguyệt,
高 山 一 片 月
Đã chơi giăng phải cho biết tình giăng.
Sơn chi thọ đối với nguyệt chi hằng,
San có nguyệt càng thêm cảnh sắc.

---

(1) Quan Thừa-Tướng tiếng nhớn dủ trong giời đất. — (2) Sinh-Từ còn mãi với nước non này.

Nguyệt quải hàn san thi bán bức, (1)
月 掛 寒 山 詩 半 幅
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn. (2)
山 含 明 月 酒 千 樽
Giăng chưa già núi hãy còn non,
Núi chưa khuyết giăng vẫn tròn với núi.
Rượu một bầu thơ ngâm một túi,
Góp gió giăng làm bạn với non sông.
Núi kia tạc để chữ đồng,
Giăng kia nhớ mặt anh-hùng này chăng ?
Sinh thay kia núi nọ giăng.

TẶNG CÔ ĐÀO CẦN (*Cụ Thượng Dương-Văn-Tri*)

Tiễn ai chi liễu giang-đình,
Bận ai chi mối tơ tình vương chơi.
Chắc ai đã nhớ đến lời,
Biết ai đã nhớ đến người xa-xa. ?

Lại mượu

Xin ai đừng có quên ai,
Bức hồng cân đó là lời cựu-minh.
Chiêm-bao lẩn-quất quế-đình.
Nhớ ai ai có biết tình cho ai ?

HÁT

Tình thư một bức,
Hỏi tình-nhân rằng có nhớ hay quên ?
Khách má hồng vừa mới bén hơi duyên.
Lúc tương–ngộ lại thêm phiền tương biệt.

---

(1) Giăng gác sườn non thơ nửa bức.
(2) Non lô gương nga rượu nghìn bầu.

Quân khứ lưu tình Tô thủy nguyệt (1).
君 去 留 情 蘇 水 月
Khách qui tần vọng Nhị hà vân. (2)
客 歸 頻 望 珥 河 雲
Ai nhớ ai luống những tần-ngần,
Đề quạt ước hương nguyền chờ dợi đó.
Hỏi thăm lối phù dung vườn cũ,
Hẹn hoa này chớ phụ với đông-quân.
Nào ai ngăn-đón vườn xuân.

(1) Người đi để mối tình với giăng sông Tô.
(2) Khách về từng trông ngóng mây sông Nhị

VĂN TẾ, PHÚ, KINH NGHĨA

BÀI VĂN CỦA VUA GIA-LONG TẾ ÔNG BÁ-ĐA-LỘC

Hỡi ôi !

Người nước khác mà dạ lòng chẳng khác, công non sông thể lụa đương cài ; – Ân nghĩa tròn mà báo-đáp chưa tròn, đường sống thác sớm chầy khó liệu.

Êm giấc hòe hồn đó thanh-thanh ; — Nhớ ơn trước sầu đây đìu-địu.

Thuở ta mới quyền chao nguyên-súy, bạn tóc răng vui nghĩa sơ-giao ; — Ngày ngươi vừa làm khách viễn phương, lòng vàng đá phỉ nguyền tương chiếu.

Nghĩ lúc lưng gầy bước ngặt, đình Nam-Vang, bầu Tân-lữ, phiêu-lưu cho khỏi bạo-tàn ; — Tưởng khi mặt ủ gan phiền, giời cố-quốc, bến Hậu-giang, tìm hỏi chẳng từ hiểm-yếu.

Cực đến nỗi cha con khôn giữ, gửi gia-nhi, chao quốc-bảo, giời tây phương muôn hộc ai-hoài ; – May vừa đâu nhà nước mới về, đưa ấu-tử cầu lương-bằng, đất Đông-phố một đoàn vĩnh-hiếu.

Công giáo dưỡng mấy thu khẩn-khẩn, phúc ta nhiều gần sánh tam vương ; — Nghiệp tổ-tôn nghìn thuở miên-miên, công gã giúp ngõ toàn cửu miếu.

Đạo tây-vực một miền riêng giữ, chẳng cậy ai quốc tử hoàng tôn ; — Nạn Nam-bang trăm trước mưu lo, dựa hết sức mưu mầu trước diệu.

Nhà thái-học chia ngôi tây-tịch, chải tin thành đôi buổi huân-đào ; – Dặm cô-thành hộ giá đông-cung, thêm khẳng-khái mấy lan thượng biểu.

Mưu tế-quốc kinh luân dạ đỗ, từng hay liệu địch chia đồn ; – Phép dùng binh thao lược mắt tường, chi quản xông tên rạn pháo.

Chế hỏa-xa, bầy trái-phá, rẹp lòng loạn tặc buổi long-đong ; – Đàn thiết-tử tán hoa ngân, giúp vận nước nhà khi thiếu-thốn.

Ân nặng đó mười phần công của, trước sau chọn nghĩa tiên-thi ; – Nhẽ cùng ta nghìn thuở tôn-vinh, đây đó phỉ nguyền hậu báo.

Mấy thu chấn biên-thành Diên-Khánh, tặc đảng đồn mất vía kinh hồn ; – Một trận hàng hiểm-địa Qui-nhân, cố-nhân sớm phận bào chia áo.

Ôi ! núi nhạc về thần ; – giời nam để dấu.
Giọt đồng-long ô-yết dễ đành ; — Lệ lạp-trúc sụt-sùi khôn ráo.

Giăng tối chợt ngờ nhan-sắc, mở rèm đãi khách gia-tân ; — Mây chiều ngẫm tưởng phong-nghi, thiết ỷ mong người cố-lão.

Chữ đạo-đồng sinh dưỡng, chế tâm tang con chút đáp ân ; — Câu vinh cập một tồn, tặng thái-phó ta đưa tình thảo.

Theo ý chúng nghi-lễ ngoại-quốc, khi tống chung đó, đã song sác cất hồn cầu ; — Hết lòng thành lấy lễ trung-hoa, kỳ tử-biệt đây, ngõ tạm bầy tiên tế điếu.

Trước sống đã suy tình bằng hữu, lòng trung lo sự nghiệp chung-hưng ; — Nay thác rồi nhớ nghĩa quân thần, linh còn giúp cơ-đồ tái-tạo.

Hỡi ôi ! Thương thay ! !

BÀI VĂN CỦA HOÀNG-TỬ GẢNH TẾ ÔNG BÁ-ĐA-LỘC

Hỡi ơi !

Mấy năm dư chi ngộ, tinh chửa rồi trong cuộc trinh-chu ;- Năm mươi lẻ xuân thu, sao nỡ rẽ ngoài vòng cực-lạc.

Lấy ai nhờ giúp dựng việc nhà ; — Lấy ai cậy lo chung việc nước.

Nhớ đức Thượng-sư xưa : Xuốt giải kiền-khôn , — Khỏi trên nhân-vật.

Học kinh thánh mảng theo đạo thánh, từ tây-thiên chẳng đoái công danh ; — Giữ tinh giời mong hóa dân giời, qua đông-thổ vui niềm nhân đức.

Trải năm lạnh thu sương nhiều thuở, đứng chơ gắng tiết bách tòng ; — Rửa cốt phàm nước trí một bầu, đâu đó nghiêng lòng quì-hoắc.

Duyên giải cấu liền vây cửa Bắc, yến gia-tân từng ngâm-ngợi lộc-minh ; — Vận trung-hưng chăm giúp chiều Nam, cơ liệu-địch đã sẵn-sàng hồ-lược.

Tục người khác mà tấm lòng chẳng khác, chia vàng đã rõ bạn tương-tri ; — Thù nước riêng mà tấc dạ chẳng riêng, rèn đá quyết vá giời Việt-quốc.

Ngỡ thấy nhà Lưu vận ách, đất Hứa-Xương rộng-rãi, đã khó ngăn giặc quỉ Tào-Man ; — Từng than thế Hán thiếu binh, nơi Tân-giã hẹp-hòi, lại khôn dụng đồ chim Gia-Cát.

Cùng thuyền Bá Việt, dìu-dắt đưa lá ngọc cành vàng ; — Kể nỗi gian-truân, nhục-nhằn trải non xanh bến bạc.

Ra Thổ-châu, vào Phú-Quốc, giặc sau lưng theo đuổi. cùng nhau hầu khôn chước giải nguy ; — Đồ khôi phục, liệu tá-binh, con dưới gối lìa chao, muôn việc đã đành lòng ký-thác.

Vì người mưu hết sức, ngừng lệ phân tiệc khách đông nam ; — Hiềm sự cả khác lòng, rắp mình ẩn góc giời tây-bắc.

Thức nhắp lo toàn Triệu bích, mảng tai nghe yên đảng Ngụy Lâm ; — Hôm mai nuôi dưỡng Hán chừ, rắp cánh nhẹ trông miền tử-khuyết.

Một nhà tương khánh, ơn lão-trượng xiết bao : — Thuở trước huân đào, điềm tiền-tinh sáng quắc.

Ra công giúp của, khi loạn-li từng đỡ ngặt nước nhà : -- Nối gót rỉ tai, việc chiêu-chính đã tin nhau gan mật.

Đỏ cơm trên cảm tình Cao-đế, tri cả đành giúp một cánh tay ; — Nắm gạo từng làm núi Phục-Ba, thế giặc thấy rõ đôi con mắt.

Dải Duyên-Khánh bốn bề xa-mạc, lòng bền dạ gắng, giúp đông-cung khỏe sức chống thành ; — Thu Qui-nhân một lũy Bàn-Đồ, thẻ vận màn che, khiến tây-tặc cúi đầu quay bước.

Ra Bến-Đá đưa nên bệnh quỷ, bệnh lại thêm dũ nhật dũ tăng ; — Về Kỳ-Sơn cầu chuộc thuốc tiên, thuốc khôn giúp tư nhân tư tật.

Ôi ! tôn-khách băng chừng ; — Thiên-đường nhẹ bước !

Sao khách Tử-Lăng sớm sế, đoái nhìn lệ luống mông mênh ; — Tòa nhà Quang-Vũ đeo sầu, trạnh tưởng lòng càng thổn-thức.

Chép miệng ngẫm được thành Nhạc-Bối, song thành kia dễ tạo, tuy rằng mừng chẳng lấy làm mừng ; — Vỗ về than chếch bạn tây-song, tưởng bạn ấy khôn cầu, vậy nên tiếc không nguôi nỗi tiếc.

Ngày sâu khắc mảng lo chấp-chinh, vậy càng ngày mắt Thuấn mày Nghiêu ; — Đêm năm canh chợt nhớ cố-nhân, chẳng êm dựa gối loan nệm hạc.

Cám là cám một mai đại cử, ngõ dùng mưu giết giặc, ai hầu cùng ngồi chốn át-duy ; — Thương là thương muôn dặm viễn phương, vì tình việc cho ta, chết chẳng được về nơi quê-vực.

Mồ tha hương luống gửi, chập-chùng gò đất bi-ai ; — Tin cố lý chưa thông, bảng-lảng bên giời phiêu-lạc.

Nào thuở nước Lang-Sa, thành Vọng-Các, đường xa dặm thẳm, mấy thu giời ai được gặp nhau ; — Bây giờ miền âm-giới, cõi dương-gian, kẻ mất người còn, ba tấc đất mà không thấy mặt.

Trăm mình khó chuộc, gác tia đà mất đứng tri-năng ; — Một giấc chẳng về, cung xanh lại không ai vũ-dực.

Đôi con trẻ cho mà dậy dỗ, lối cổ-nhân dấu hãi rành rành ; — Rứt nghĩa này chẳng gác về đâu, trông thiên-giới gót đà phần-phật.

Phận tân chủ sẻ-chia hai ngả, bồi-hồi xiết trạnh lòng đau ; — Tả ân tình lạo-thảo một văn, điếu tế-tạm dùng lễ bạc.

Công nặng đó của thêm nặng đó, ngàn vàng chưa dễ đền bồi ; — Còn tưởng nhau chết cũng tưởng nhau, trăm thuở hãi còn ghi-tạc.

Than ôi ! Thương thay !

Tế Phù-mã Trưởng-hậu-quân Vũ-Tính và Lễ-Bộ Thượng-Thư Ngô-tòng-Chu

(Hai ông giữ Bình-Định, Tây-sơn vây khổn, năm Tân-dậu (1801) hết nương không chống giữ được, ông Chu uống thuốc độc, ông Tính tự phần ở lầu Bát-giác, để Thế-Tổ thu lấy thành Phú-Xuân).

Than rằng :

Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng giải dạ chung thành; – Đấng anh-hùng vì nước quyên sinh, điên-bái chẳng sai lòng tiết-nghĩa.

Ngọc dù tan vẻ trắng nào phai; – Trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn để.

Nhớ hai ngươi xưa :

Thao lược ấy tài; Kinh-luân là chí.

Phù vạc Hán thuở ngôi giời chếch-lệch, chém gai đuổi lũ hung tàn; — Với xe Đường khi thế nước chông-chênh, cầm bút ra tay kinh-tế.

Mối nghĩa sánh duyên gác tia, bước gian-truân từng cậy dạ khuông-phù; — Màn kinh giúp sức cung xanh, công mông-dưỡng đã đành lòng ủy-ký.

Hậu-quân thuở chao quyền tứ-trụ, chữ ân-uy nhớn nhỏ đều phu; – Lễ-Bộ phen làm việc Chính-khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chi tiêm cừu đành giãi xuống ba quân; – Trong thành vững dạ chia lo, bề ưu-quốc đã thấu lên chín bệ.

Miền biên-khổn đòi năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế là nguy, – Cõi Phú-Xuân một trận thét uy giời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lạy về Bắc-khuyết, ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can; – Chỉ non sông dã với cô-thành, chén tân-khổ nhắp ngon mùi chính-khí.

Há rằng ngại một phen thỉ-thạch, giải trùng vây mà theo tới quân-vương; – Bởi vì thương muôn vạn tì-hưu, thà nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

Tiếng hiệu lịnh mơ-màng trước gió, ân-tin xưa, người bộ-khúc thương tâm; – Bóng tinh-trung thấp-thoáng dưới đèn, phong-nghi cũ, kẻ liêu-bằng sái-lệ.

Cơ đãng-định kịp chầy đành hẹn buổi, sót tướng-doanh sao vắng mặt thân-huân; – Phận truy-tùy gang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc bỗng thiệt tay trung chí.

Nay gặp tiết thu ; bày tuần uý-tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng , rõ cồn-hoa cũng thỏa chốn u-minh ; — Nghìn thu hà-nhạc khi thiêng, sắp mao-việt để mở nền bình-trị.

Hỡi ôi ! Thượng hưởng !

TỰ-THUẬT KÝ (*Lý-văn-Phức*)

(Lý tiên-sinh đỗ cử-nhân năm Gia-Long 18 (1819), đời Minh Mệnh (1830) sang sứ Tây khai-phục chủ-sự làm quan Quang-lộc-tự-khanh, Năm Ất-mùi (1835) phụng mệnh sang sứ Tầu, có làm tập thơ Sứ-trình)

Ở cõi giời Nam ; — Có người đất Bắc.

Dòng thi-lễ vốn Minh-triều tạt lại ; — Áng binh-qua vừa Lê-mạt xuống sinh ;

Nhờ nghĩa phương từ bé chút từng nghe, dưới sân nghiêm mắt quở tai răn, tinh du-đãng uốn dần cho nhập giáo ; — Theo học nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bèn trướng dáng sớm ôn tối học, việc tập-tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đổ-xoay vừa chán cuộc tang-thương, — Cơ bình-trị sớm rạng vừng thiên-nhật,

Khoa Đinh-mão cũng nước bầu cơm gói, tiếc lẽ đi không về luống, kỳ tứ-trường còn nhượng bảng Tôn-Sơn ; — Chốn Trường-an thì củi quế gạo châu, lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách-lý những ghi lời Tử-Lộ.

Nghề buôn bán tay không khôn vỗ ; — Bước khó-khăn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưỡi bút thay cầy, hết miền Cổ-Nhuế, lại phố Thăng-Long, nhờ lộc thánh để giúp công rèn-tập ; — Lâm thế lại dở túi nghề đãi khách, nay số Tử-vi, mai pho Dã-hạc, mượn giá thày cho đắt tiếng xem coi.

Nhân cùng tri đoản, hết nói khôn-ngoan ; — Bĩ cực thái lai, là nhờ vận-chuyển.

Trường Ất-mão may tên hương-tiến, hàng thường-lệ nối liền ba nhánh, công sinh thành đã hớn-hở mẹ cha ; — Năm Canh-thìn vâng-ứng chiếu hạ-trương, cánh tiêu-liêu gửi ghé một cành, đường vĩnh-đạt cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp chung nhờ lộc nước ; — Đầu-thăng riêng thiết nỗi nhà.

Trông quãng mây che đỉnh Hồ khuất đi, một phong thư lận suối trèo non, mở ra xem giấy thảm mực sầu, kêu giời thẳm những cắt lòng nơi lữ-xã ; — Đội vừng nguyệt chỉ quê Phần ruổi lại, hai tháng hạn nằm xương gối đất, tả chưa hết ròng thương giọt tủi, lạy mẹ già thôi trở gót chốn thần kinh.

Yên phận tôi đau kẻ nỗi gia-tình ; — Gác chữ hiếu phải trăm bề công sự.

Tài sơ thiển chực một bề tôm tép, lần-lữa mưa xương nắng nguyệt, chữ tháng ngày nên dự sổ công lao ; — Duyên tao phùng may nghìn thuở rồng mây, vẻ-vang áo mãng đai mồi, tuôn mưa móc thấm cả mình bố-tố.

Đường mây thanh-thả, khi quận khi triều ; — Bể hoạn chập-chờn, có vinh có nhục.

Vinh thay buổi ra vào bên điện bệ, phận hàn sĩ thoắt nhẩy ngôi quan cả, tuy chẳng được bảng vàng bia đá, nghĩ lại sáu, bẩy năm chừng ấy, tám chín phần đà trả nợ sách đèn. — Nhục thay khi ngồi đứng gốc hành-dương, thân á-khanh cam sánh kẻ lính già ; gượng cho qua áo muối cơm rưa, tính dồn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nỗi đủ nếm mùi cay-đắng.

Tội thần tử dẫu búa rìu cũng đáng ; — Ơn thánh minh rồi sấm sét lại qua.

Lầu Thái-Vân đâu nẩy xuống tiếng tơ, may bóng dương còn soi đến dấu bèo, nét sơn thắm sáng lòe nhà ngục-thất. — Khối bạch cốt bỗng nở dần cân thịt, nhờ hòn đất lại nắm lên ông bụt, giấc mộng tàn tỉnh cả chốn cư-đình. Trải nhục rồi mới biết thuở xưa vinh ; — được sống lại dám quản đâu là thác.

Đếm vời bể đã 6 lần thiệp-lịch, sóng gió kể bao phen chìm nổi, chắc trong mình vâng có mệnh quân vương ; Góp non sông vào mấy quyển phẩm đề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi dị-vực.

Trong sai khiến ấy là huấn-hối ; – Sức hẹp-hòi thêm được kiến-văn.

Đành tấm thân nhờ đào tạo còn dày ; -- Xếp dắc táng có bàn chi sự cũ.

Cầm tấc dạ với quỉ thần không hổ, miền thủy chung cho chớ phụ ơn trên.

Buồm thênh-thênh hầu dâng bảng hồi-sai, bút thảo gọi ghi thiên tự-thuật.

BÀI PHÚ ÔNG ĐỒ NGÔNG *(Yên-Đồ)*

Bốn cóng kê giường ; -- Vài chồng cập sách,
Cơm trắng canh ngon ; --- Ghế cao chiếu sạch.
Chữ thánh phù ; --- Câu thiền tích.

Chậu thau rửa mặt, tầm-vảo tầm-vênh ; — Điếu sứ long đờm, cóc-ca cóc-cách.

Thần Cầu-cậy sôi gà tùy thích, ông đã nên ông ; — Bụt Nam-sang oản tẻ chẳng từ, khách thời mặc khách.

Nguyên phù thầy đồ dã dả : râu ria nhẵn-nhụi, — Mặt-mũi ngông-nghênh.

Văn pha Nguyên mặc ; -- Sách học Quan-hành.

Chạy gạo chạy tiền, thất điên bát đảo ; — Làm gà làm vịt, tứ đốm tam khoanh.

Số Tử-vi tuần-tiệt đương dần, qua vòng vận hạn; -- Đất văn-học thần-đồng phụ nhĩ, may bước công danh.

Nhiên nhi : Hồn linh tinh quan ; — Khôn nhà dại chợ.

Chơi đã hay danh ; -- Cạnh còn mắc hớ.

Vài khoa thi hỏng, sót ruột tiền cơm ; — Mấy tháng công non, bấm gan thóc nợ.

Vách ông Khổng còn hòm Khoa-Đẩu, mở một vài con; — Ngõ thầy Nhan cheo túi đan-biều, bảo răm ba đứa.

Nón sơn úp ngực, đi liều đi liều ; — Bút thủy cài tai, sớn-sơ sớn-sở.

Nghĩ sểnh nhà ra thất nghiệp, cũng bặt như cười — E nằm mát ăn bát đầy, ai nuôi không hở ?

Rằng : Tôi nhà chủ, xin rước thầy ngồi ;

Giầu nước đoạn ; — Rượu chè rồi.

Bàn tiền đốn ; — Tính cơm nuôi.

Chủ rằng đạo thánh là đạo rộng ; — Thầy rằng tùy ông còntùy tôi.

Mặt chữ, điền vác hẳn lên trên, nết đâu có nết ; — chiếu hàm trượng vắt ngay ngồi giữa, ngôi đã nên ngôi.

Thầy đồ thầy lề : — Học ! trò học troẹt.

Nghịch như ma ; — Đánh như két.

Bộ Sử Đầu ; — Pho Dương-Tiết.

Mẹo hỏi lục kỳ ; — Bài ra tam kiệt.

Độ đô bình trượng ngã ; — Thiết thiết phản nhân thiết.

Chữ tứ thể lầm vài bốn lối, nét cứng như đanh ; — Sách thập khoa quên đủ mười bài, văn giơ như thép.

Mô tê răng rứa ; — dả dã chi hồ.

Hoặc cầm roi nhi quát-tháo ; — Hoặc nghe sách nhi gặt-gù.

Sừ tiên ban sứ tiên cung, bắt khoan bắt nhặt ; — Tiền diệc tặc, hậu diệc tặc, tiếng nhỏ tiếng to.

Nước chè tầu uống một vài hơi, mặt cán tàn chi thẳng ; — Thuốc lá tỉnh hút răm ba điếu, đầu tán lọng chi rù.

Dĩ nhi : Xem sách xem văn ; — Chấm bài chấm đối.

Lên mặt thầy sồ tợ băm bầu ; — Bưng mắt chủ khuyên như lòi tói.

Hạ bút xuống tô tô dậm dậm, mực chát đen sì ; — Rở bài ra đọc đọc ngâm ngâm, son hòa đỏ chói.

Lương nguyệt-đốn lại nài nhất đệ, bàn mỏng bàn giầy ; — Tiền hương-khoa toan bồ đồng-môn, thu chầy thu cối.

Dĩ nhi : Khăn bỏ đầu rìu ; — Quần soay lá tọa.

Ôm bụng nằm mèo ; — Nhe răng nói quạ.

Cầm quyển sách ngủ gà ngủ gật, đầu canh hai đã chực đi nằm ; — Lúc ra ngồi mắt trước mắt sau, cỗ bàn nhất lại toan đánh cả.

Cổ cò ngóng gái, phụng-thỉnh-như-lai ; — Tay vẹt vẽ bùa phó-lò-thiêu-hóa.

Cũng có lúc : Việc làng việc họ ; — Về cửa về nhà.

Bàn Giang-Đởm ; — Gánh Phù-Trà.

Thầy nài-nẫm thêm răm tiền nữa ; — Chủ kèo-cò đưa mấy đồng ra.

Ruột tượng thắt lưng, nguyên đồ khố giận ; — Khăn tay rắt rốn, rặt giống cau già.

Cực nỗi người mặt nước chân mây, miếng cơm chẻnh-mảng ; — Giở truyện chủ đầu cua tai muỗi, chén rượu khề khà.

Diệc hoặc : nhân khi nghỉ mát ; — Nhẹ bước thanh nhàn.

Ả kép ả đầu chi loại ; — Tổ tôm tổ tép chi gian.

Bạch-định, thập-hồng, chèo đò Phó-Duyệt ; — Xuyên tâm, thượng mã, nồi trống Hà-nam.

Toét mắt được gì, đã lờ-lờ như mất khố ; — Cúi đầu về thẳng, việc đủng-đỉnh như tựu-trường.

Đánh trống qua cửa nhà sấm ; — Đem chuông đi đấm nước người.

Gắt như con khỉ ; — Cười ngỡ đười-ươi

Rượu bứ cung-thang, múa ba-hoa chi mép ; — Văn gàn bát sách, rung chữ ngũ chi đùi.

Tốt vậy thay ! Vị nghiệm hương sư ; — Quyền-long giáo-dưỡng.

Dở linh dở quan ; — Vừa thầy vừa tráng.

Ba chìm bầy nổi, ngông dại ngông càn ; —Chín giận mười lành, tất-ta tất-tưởi.

Chữ nghĩa sau ; — Công nghĩa trước.

Há phải rằng là ; — Thôi thì bất nhược.

Gạt nước mắt khóc thầm cùng vũ-trụ, trách giời xanh bạn với bút nghiên chi ? — Hở hàm răng cười vụng với giang san, đem mặt trắng vẫy vùng son phấn nước !

Nỡ trừ công, nhất nhị như tam hề, thường-tân nguyên-đán ; -- Nhị tứ như bát hề, y-phục công dung.

Thầy cậy khôn, một li một tính ; -- Chủ sợ tốn ba cọc ba đồng...

Võng đào khiêng chấm đất chi lưng, thực đài chửa chủ?.. Rượu cúc toét cù-lì chi miệng, sao láo với ông ?

Rõ ràng quốc sĩ ; -- Thực đứng anh-hùng.

Phù khởi tích nhật chi đi dạy học giả ; -- Diệc bất quá nhất anh đồ ngông dã tai !

Viên tòng nhi ca chi viết :

Ê, thầy đồ chi hữu tác hề,
Khương chữ tốt nhi văn hay.
Truyện Thúy-Kiều kì đọc ngược hề.
Kinh tam tự kỳ biết ngay.
Thi nhân-chính ư khuyên điểm hề,
Chấn thiên-oai ư roi mây.
Ký lễ-sinh chi phát nhược hề,
Thành kỳ mục chi nan tầy.

Hễ nhà chủ chi có nuôi hề,
Tắc ngất-ngưởng nhi vi thầy.
Hễ nhà chủ chi đếch nuôi hề.
Rồi ông xem hồ chúng bay !...

VÁN TẾ SỐNG VỢ *(Tú-Xương)*

Cọn gái nhà dòng ; — Lấy chồng kẻ chợ.

Tiếng có mà không ; — Gặp chăng hay chớ.

Mặt nhẫn-nhụi, chân tay trắng trẻo. ai dám chê rằng béo rằng gầy ; — Người ung-dung, tính hạnh khoan-hòa, chỉ một mầu hay gàn hay dở.

Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười ; — Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thợ.

Gần xa nô-nức, lắm gái nhiều giai ; — Sớm tối khuyên răn, kẻ thầy người tớ.

Ông, tu-tác cửa cao nhà rộng, phó mặc tay dâu ; — Anh, lăm-le bia đá bảng vàng, cho vui mặt vợ.

Thế mà : mình bỏ mình đi, mình không chịu ở. ; — Chẳng nói chẳng rằng, không than không thở.

Hay là mình thấy tớ nay nàng Thao, mai phố Khách mà bụng mình ghen ; — Hay mình thấy tớ sáng Chàng-Lạc tối Viễn-Lai, mà lòng mình sợ.

Thôi thôi chết quách yên mồ ; — Sống càng nặng nợ.

Chữ nhất-phẩm ơn vua vinh-tứ, ngày khác sẽ hay ; — Duyên trăm năm ông nguyệt se tơ, kiếp này đã lỡ.

Mình tu cho thành tiên thành phật, để dong chơi lãng-uyền, bồng-hồ ; — Tớ nuôi con có rề có đâu, cho chọn vẹn đạo chồng công vợ !

TRUYỆN SÃI VÃI

(Lài hoạt-kê đối-thoại của tiên-nho Nguyễn-cư-Trinh soạn năm 1750)

Sãi rằng :

Mới tụng kinh vừa xuống, nghe tiếng khách dóng lên. — Ngỡ là chuông vua Hạ-Vũ chiêu hiền ; ngỡ là mõ đức thánh

nhân thiết giáo — Sãi yêu vì đạo ; sãi đẹp vì duyên — Vãi này sao nhan sắc có hơn ; sãi theo với tu hành kẻo thiệt. — Khoan-khoan chưa biết, vãi ở chùa nào ? — Thanh-tân mày liễu má đào ; đẹp-đẽ mắt sao da tuyết. — Lòng người dù thiết, thì đạo ắt gần. — Qua Tây-phương còn cách chở non thần ; sau phương trượng đã sẵn-sàng bàn phật. — Ngoài che sáo nhặt ; trong rủ màn thưa. — Lạnh đã có màn Bát-Tơ ; nực thời có quạt Thúc-Phủ. — Chiếu du trơn như mỡ ; thuốc lá ướp hoa ngâu. — Rượu hoàng cúc ngào-ngào ; chè tiên xuân phức-phức. — Sẵn đồ sẵn đạc, có vãi có thầy. — Thoát sau liêu cho gần đó gần đây, vào cùng sãi đặng tu hoài tu hủy.

Vãi rằng :

Điều sao nói ngụy, chẳng phải tinh chân. — Tu làm sao mà lo thiệt lo hơn, tu làm sao mà tham tài tham sắc — Ấy những điều bội đức. chớ tu những điều chi ?

Sãi rằng :

Sãi cũng muốn tu-chỉ. khốn thiếu đồ khí dụng — Thiếu chuông thiếu trống, thiếu kệ thiếu kinh — Thiếu sửa thiếu sanh, thiếu tiêu thiếu bạt — Thiếu bình thiếu bát, thiếu đậu thiếu tương. — Thiếu bình hoa lư hương, thiếu quần màn áo phủ — Thiếu giầy thiếu mũ, thiếu hậu thiếu y — Thiếu tiền-đường sơ-ly, thiếu thượng-phương liên đối, — Thiếu biển son bình sái, thiếu tích trượng cà-xa. — Thiếu hương thiếu hoa, thiếu sôi thiếu phật. Ấy là đồ vật, vãi hãy sắm sau. — Những việc kịp làm đầu, sãi phải toan sắm trước — Nhiễu Thượng-Hải sãi sắm một cái quần cho tốt, vải Cát-căn sãi sắm mội cái áo cho xuê. — Nón cảnh-hàn sãi sắm một cái cho sinh ghê, quạt ban-trúc sãi sắm một cây cho báu riết. — Giầy hồng-hài sãi sắm một đôi để mà đạp tuyết, khăn bích-cân sãi sắm một cái để mà bịt đầu, — Sãi lại sắm một cái khăn xanh mềm mềm, để mà buộc đầy

xưa cho ngoả — Chợ nào nhiều bạn hàng các ả, sóm nào đông bồn-đạo các dì.— Thời sãi tu lại tu đi, thời sãi tu lên tu xuống. Sãi lại sắm một cái phương trượng để sau liêu cho vắng một mình. — Trên mặt ấy rộng thênh, dưới chân thời sâu riết.

Vãi rằng ;

Sắm để làm gì ?

Sãi rằng :

Đương khi thời cơm lạt, thấy bồn-đạo vừa lên — Nghe tiểu-đồng nó đẳng-hắng lên, mấy đĩa thịt sãi thu vào đó. — Sãi lại sắm một cái vườn nho-nhỏ, ở cuối sóm xa xa.

Vãi rằng :

Sắm để làm gì ?

Sãi rằng .

Đề phòng khi bồn-đạo đẻ ra, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi vậy?— Sãi lại sắm tiền nghề để mà bỏ dấy, sáp tốt để mà đánh môi — Mắc phải khi cờ bạc thua hoài, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi lặng? — Sãi lại sắm một cái bình thuốc dáng, năm ba đạo bùa mê — Sãi lại sắm một đứa tiểu-đồng cho hay tin đi tin về, sãi lại sắm một tín-vãi cho hay nói ngon nói ngọt,

Vãi rằng :

Sắm để làm chi ?

Sãi rằng :

Phải khi gái tốt, vả lại nhiều tiền — Giữ nết-na nó chẳng đến chùa-chiền, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi vậy ?

Vãi rằng :

Lời sao nói quấy, nghe chẳng muốn nghe — Trí-tuệ thông như hoa nở bồ-đề, nhân-duyên bạc như nhị-thù ưu-bát —

Tuy rằng ngồi mật thất, song chẳng khác thông cù — Trời xa xa rộng thẳng mà chẳng mù, lưới lồng-lộng bổ thưa mà chẳng lọt — Một lời dầu lỗi thất, muôn kiếp ắt khôn đền — Vậy thì cõi thiên-đường k oan khoan chớ bước lên, chốn địa-ngục chóng chóng mau tìm xuống.

Sãi rằng :

Vãi này vụng lượng, chẳng biết hí-ngôn — Có thiên-đường thì quân-tử tu lên, có địa-ngục thì tiểu-nhân tu xuống — Hễ người quân-tử lượng, thời tu đức thắng tài — Thờ vua lo hết ngay, thờ cha lo hết thảo — Một lời nói phải nhân phải đạo ấy là tu ngôn, một việc làm chẳng hại chẳng tham ấy là tu hạnh — Lấy nhân mà tu tính, lấy đức mà tu thân — Tu minh-đức để mà tân-dân, tu tề-gia để mà trị-quốc — Ấy là trong tu-đức, tu ấy phải đạo tu — Ngoài thời tu khoan-dũ ôn-nhu, trong thời tu hoà-bình chung-chính — Tu cung tu kính, tu tín tu thành. — Đã phải đạo tu-hành; lại thêm nên phúc-chỉ — Tự-nhiên đắc lộc đắc vị, đắc thọ đắc danh — Đắc phú-quý hiển-vinh, ấy Thiên-đường là đó. — Hễ là người quân-tử độ, thời tu đến Thiên-đường ; còn như tiểu nhân dan, dều tu vào địa-ngục — Tiểu-nhân tu tục, tu những tinh phàm ; — Tu lòng bạc-ác gian-tham, tu dạ ngoan-ngu hung-bạo — Nuôi cho lớn tu tòng bất hiếu, ăn cho no tu dạ bất trung — Tu sắc lành để mà a-ý khúc-tòng, tu lời khéo để mà sức-phi văn-quá — Người hiền-ngõ tu ghét-ghen ngăn-chở, kẻ lỗi-lầm tu xoi-xỉa phô-trương — Tu lưỡi mềm để lấy của cho dầy rương, tu mưu độc để hại người cho đã giận — Đứa tiểu-nhân như dận, nó cắn máu người ta — Tu càng đầy càng nhục ông nhục cha, tu càng dầy càng hại con hại cháu — Tu vơ tu vào, tu chạ tu càn — Hễ là đứa đại-gian tu những điều bấtnghĩa — Âm vì quỉ thần sở hại, dương vì vương pháp sở tru — Ấy là tiểu-nhân tu, tu vào

nơi địa-ngục. Muốn nghe đấng tu mà thoát-tục, hãi còn trang thượng-chi chi tu — Nhớ thuở Đường Ngu, thánh xưng nhị-đế — Nhị-đế người tu kỷ mà thiên-hạ thăng-bình, tam vương người tu thân mà cơ-đồ củng-cố — Đầu những tu văn tu vũ — Trên một người tu đủ, dưới muôn họ đều vui — Hây-hẩy thọ-vực xuân-đài, tu làm vậy chẳng là thượng-chi ? — Bằng muốn xét cho cùng nhân-sự, hãi còn nhiều trung-chi chi tu — Kìa Mạc-Địch Dương-Chu, tu một việc vị-nhân vị-ngã — Nhổ mảy lông mà yên trong thiên-hạ ấy là họ Dương, tu một việc chẳng hại chẳng tham — Mài mòn đầu mà lợi có một người ấy là họ Mặc — Tu một lòng chẳng ngại, dầu những Thích-Ca tu lại, với Đạt-Ma tu qua — Tu cho tinh-chuyên là Cửu-Thập Ma-a, tu cho khổ-não là Văn-Thù Bồ-tát — Ấy là người ngoại-quốc, chọn theo thói Trung-Hoa. — Chê sự đời phú-quý vinh-hoa, muốn vui thú thanh-nhàn dật-lạc.-Nghiệm chữ kia cho sác, chữ tiên 仙 là nhất-cá-sơn-nhân ; suy chữ nọ cho chân, chữ phật 佛 là phất-chi-nhân-sự — Vậy cho nên ai giữ thời mặc giữ, ai lành thì mặc lành — Nhà hưng vong phụ-tử chẳng binh, nước trị loạn quân thần chẳng đoái-Song chẳng can-danh phạm-nghĩa, mà không dịch-tình biến-tình — Vậy nên thế-nhân tham Thiên-đường phải nói làm lành, sợ địa-ngục nên trừ thói giữ — Tuy vô-ích cũng không sinh-sự, ấy là trang chung-chính chi tu. — Còn tu mà rất ngu, hãi nhiều trang hạ-chi — Kìa như Hán-Vũ-Đế đã nên đấng Minh-vương, nọ như Tần-Thủy-Hoàng thực là trang anh-võ — Tham-lam cầu-đạo, lặn-lội tìm tiên — Mỏi sức người thiên-hạ chịu lao phiền, hao của nước nhân-dân kêu đồ-khổ — Trăm trước sưu-cầu thời có, mảy lông chứng-nghiệm vốn không — Đất Luân-Đài nhà Hán chẳng hối-ngộ trách-cung, ải Hàm-Cốc nhà Tần cũng rắp-ranh làm bạn — Hãy nhiều người như Hán, chẳng những một chi Tần — Đời nào tu cho hơn Tống-Đạo-

Quân, đời nào tu cho hơn Lương-Vũ-Đế ? — Thụ-nhục Mạc-Bắc, sao tiên chẳng ra cứu về ? Ngã-tử Đài-Thành, sao phật chẳng tới chợ nạn ? — Uổng cơ-đồ gây-dựng gian-nan, hoài sự-nghiệp tổ-tôn khai-sáng — Chu-sư đã vang lừng tên đạn,sao Tề-Nguyên còn nương án mà giảng đạo hoài-hoài ? Khiết-Đan đã vầy-vỗ trong ngoài, sao Khâm-Nhược hãi đóng cửa mà tu trai mãi-mãi ? Hư thời đã phải chết chẳng ai thương — Hễ là đạo đế-vương thì phải tu nhân-chính — Tu quyền tu binh, tu kỉ tu cương — Trên thời tu Nghiêu-Thuấn Vũ-Thang, dưới thời tu kinh-luân thao-lược — Có đâu đi bắt trước thầy sãi mà tu-trì — Lại chờ trong ban ngày mà có phép lên giời, luận đạo-trị cũng chẳng ích chi cho nước — Thấy đâu đặng phúc, đều những mang tai ; — Cứ theo mê đạo hoài-hoài, như vậy là trang bạ-trí.

Vãi rằng :

Ngỡ là sãi biết một điều tu — Hay đâu giả thói ngu, mới biết là bợm lịch — Khôn-ngoan trong-sạch, trí-tuệ từ-hòa — Thiệt vàng nọ chẳng pha, hẳn ngọc kia còn ẩn — Chẳng kiêu chẳng lận, biết kính biết nhường — Biết tiểu-nhân như cỏ rác mà dễ-dang, biet quân-tử như ngọc vàng mà yeu-chuộng — Biết kính biết trọng, biết của biết người — Sãi biết lắm chuyện đời, nói nghe chơi cũng khá.

Sãi rằng :

Vãi này cũng lạ, chớ hỏi mà sầu — Uổng năm giây đàn gẩy tai trâu, hoài muôn hộc nước sao đầu vịt — Sãi không có biết, sãi chẳng có hay — Xích cho khỏi cánh tay, kẻo mà quàng nhàm vế.

Vãi rằng :

Sãi này thất-lễ, vả lại bạc tình — Vãi tu vốn có một mình, Sãi tưởng vãi không thông thế-sự — Đã hay rằng nam tử thì có chí kinh-luân, song le đấng phụ-nhân cũng

có tài tế-thế. — Kia như Chu-Thái-Tự kinh còn tiếng đức sáng khuê-môn, nọ như Tống-nguyên-Nhân sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu Thuấn — Gái như Tạ-Đạo-Uẩn, gái mà hay vịnh tuyết thành thơ ; gái như gái Thái-Văn-Cơ, gái mà biết phân cầm nên khúc — Chương gián chúa khỏi vòng dật-dục, ấy là Đường-Từ-Huệ thứ-phi ; thơ cứu cha khỏi chốn tai-nguy, nọ như Hán Đế-Oanh thiếu-nữ — Nam-tử nhiều trang nam-tử, phụ-nhân ghê đấng phụ-nhân. Thuyền bách chôi nghìn thuở hãy nhần nhần, sách Hán đề muôn đời còn vặc-vặc — Thuyền-quyên đâu dễ kém anh-hùng, ông sãi chớ phụ chi mụ vãi.

Sãi rằng :

Rất phải rất phải, mừng thay mừng thay ! — Khát hạn luống trông mây, ôm cầm mà gặp khách — Chẳng gió cả sao hay cây cứng, không đường dài nào biết ngựa hay. — Vậy thời Sãi vén mây mù, phát dong-ngai, đặng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả — Thiếu chi điều lạ, hết mấy truyện kỳ.— Ghé tai lại mà nghe, xếch vú ra kẻo đụng ! — Sãi muốn nói một truyện xa xa cho vãi biết, trong kinh chép đã nên xe ; sãi muốn nói một truyện xa xa cho vãi nghe, trong sử chép đà nên đống — Truyện Hán, truyện Đường, truyện Tống, truyện Thương, truyện Hạ, truyện Châu — Truyện phụ-tử làm đầu-truyện quân-thần rất hệ — Sãi muốn nói một truyện, quân sử thần dĩ lễ, sãi lại e Trần Vệ phiền lòng ; Sãi muốn nói một truyện : thần sự quân dĩ trung, sãi lại sợ Mãng Tào gây oán — Sãi muốn nói một truyện : vi phụ chỉ ư từ cho vãi hẳn, sãi lại e ông Cồ-Tẩu la-ngầy; sãi muốn nói một truyện : vi tử chỉ ư hiếu cho vãi hay, Sãi lại sợ Tùy-Đường chê ngộ — Sãi muốn nói một truyện : vi nhân bất phú, sãi lại e thầy Nhan mắng rằng : ai mượn nhanh miệng mà tiến ơn. Sãi muốn nói một truyện : vi phú bất nhân, sãi lại sợ Thạch-Sùng trách rằng : sao khéo thổi lông mà tìm vết — Việc vãi thì vãi

biết, việc sãi thì sãi hay -- Gắng công phu mà tu luyện cho lâu ngày, đêm thanh-vắng sãi hãy nói cùng một truyện.

Vãi rằng :

Ông này tu-luyện, có chi anh-hùng -- Thuộc sử kinh chứa để đầy lòng, giỏi y-bát chân-truyền phải mặt -- Dẫu chẳng vạn-gia-sinh-phật, cũng là nhất-lộ-phúc-tinh -- Đời chẳng dùng cho nên trễ-nải công-danh, vận dầu gặp đặng khoe-khoang danh-giá.

Sãi rằng :

Chữ phụ-nhân nan hóa, vãi có biết là đâu ? -- Câu bên gbềnh Lã-Vọng còn chờ đợi công hầu ; cầy ngoài nội, Y-Doãn hãi mơ-mòng Nghiêu Thuấn — Bất chi nhi bất uấn, hữu dức tất hữu lân — Sớm mười hai dầu chẳng đội đầu khăn, bầy mươi mốt cũng đặng đeo tướng-ấn — Công danh chẳng tưởng vì có bệnh mình. -- Tồn ư trung bất-chính ắt chẳng lành, phát ư ngoại bất hòa thời thất-tiết. --- Bệnh này chi-thiết, có một bệnh thương : Sãi thương đấng Tam-hoàng, thương ngôi Ngũ-đế — Thương vì hiếu vì để, thương vì đức vì tài — Thương vua Nghiêu áo vải quần gai, thương vua Thuấn cầy mây quốc nguyệt — Ăn hầm-hút thương vua Võ, thương càng chi-thiết ; ở lao-tù thương vua Văn, thương rất sót-xa. — Thương ông Châu-Công, tôi nên tôi còn mắc tiếng rèm-pha ; thương đức Khổng-Tử, thánh rất thánh hãy lầm khi hoạn-nạn — Thương mấy kẻ trung thần đời Hán không tội mà chết oan ; thương những người văn học nhà Tần vô cố mà chôn sống. — Thương Gia-Cát có tài lương-đống, gặp chúa chẳng gặp thời ; thương Nhạc-Phi nên tướng ân-uy, không hòa mà bị hại — Thương đi thương lại, thương chẳng có ngần — Lúc đêm đông thương người nằm giá khóc măng. nơi bể bắc thương kẻ chăn dê uống tuyết — Thương càng chi-thiết, thương rất đỗi thương — Thương cho đủ bốn

phương, chi bằng thương mụ vãi. Thêm bệnh này khôn cãi, Sãi có bệnh hay vui : vui dưới trần-đài, vui trên đất rộng — Vui gió mát giăng thanh lồng-lộng, vui nước trong nguyệt sáng lầu-lầu — Vui ba nghìn thế giới chứa để một bầu, vui chín chục thiều-quang trải xem đôi mắt — Non Bồng-Lai sớm lướt, Sãi vui với Bát-Tiên ; núi Thương-Lĩnh chèo lên, Sãi vui cùng Tứ-Hạo — Vui nhân vui đạo, vui thánh vui hiền ; — Vui tiếng chuông dục khách mà xuôi thuyền ; vui chiếc dép đưa người mà đạp-giá. — Lánh cõi tục sãi vui thuyền Bát-nhã, rửa bụi trần Sãi vui nước ma-a — Đạo làm lành Sãi vui giáo Thích-Ca, nhân cứu chúng Sãi vui lòng bồ-tát. — Vui cho ngỏa cho nguê, chi bằng đêm thanh-vắng sãi vui cùng mụ vãi. — Song lòng này còn ngại. có một bệnh giận dai : Sãi giận phải, chẳng phải giận chơi ; Sãi giận thiệt, Sãi không giận dối -- Sãi giận Sãi nhiều lầm nhiều lỗi, khi Sãi lầm Sãi một giận hoài ; Sãi giận Sãi ít đức ít tài. tưởng tài đức Sãi càng giận thiệt — Sãi giận Sãi kinh-luân chẳng biết, Sãi giận Sãi thao-lược chẳng hay — Sãi giận Sãi xa quân-vương uổng tấm lòng ngay, Sãi giận Sãi cách cha mẹ chưa đền nghĩa thảo — Luận như nhân-đạo, Sãi luống giận căm ; nghĩ đứa thú-tâm, Sãi càng giận riết — Khi Đổng-Trác nghênh-ngang Hán-thất, Sãi giận chàng Hà-Tiến vô mưu ; thuở Khuyển-Nhung phá phách nhà Châu, Sãi giận gã Thân-hầu thất-kế — Máu sục-sục sôi dòng Vị-Thủy, giận Thương quân hành-chính chẳng lành ; thây chan-chan đầy nội Tràng-Bình, giận Bạch-Khởi ra uy rất giữ — Huệ dầu yếu giận Lã làm quái-gở ; Đường chưa thôi, giận Võ dám lăng loàn — Tội Võ đã sấp-sỉ Lộc-Sơn, tội Lã đã dắp danh Vương-Mãng — Giận quanh giận quẩn, giận chẳng hay cùng — Giận vãi sao chẳng chút mến lòng, khiến Sãi luống giận hoài mệt-mỏi — Lại thêm còn một nỗi : Sãi có bệnh hay yêu : chẳng yêu kẻ dâm kiêu, chỉ yêu người chung

chính — Luận trong chân-tình, đầu phải yêu thân ; — Suy lý hành nhân, cuối thời yêu vật — Yêu chí-thiết, yêu người nhân-đức, yêu mặn-nồng yêu kẻ tín-thành — Yêu trượng-phu lượng rộng thênh-thênh, yêu quân tử lòng ngay trác-trác — Yêu gan sắt mài mà chẳng nát, yêu lòng son nhuộm mà chẳng đen. — Yêu lỗ tai nhời trung-chính nghe quen, yêu con mắt việc cổ kim soi tỏ. — Tiết lạnh sãi yêu kỳ kỳ giỏi-giang — Con thảo cha, Sãi yêu bằng ngọc bằng vàng ; tôi ngay chúa, Sãi yêu bằng châu bằng báu — Gẫm yêu như đạo, chi hơn yêu đạo chung-dung ; so như yêu lòng, chi hơn yêu lòng bồ-tát — Yêu mà dân-trị quốc trị, chi bằng yêu hiền : yêu mà mình nên vẻ, chi qua yêu sĩ — Yêu trang tri-tuệ, yêu kẻ tài-năng — Như yêu việc lăng-quăng, chi bằng yêu mụ vãi. — Tưởng chuyện này còn dại. bệnh hay ghét ở mình : Ghét chẳng phải vô-tình. ghét thực là hữu thú — Ghét Kiệt ghét Trụ, ghét Lệ ghét U — Ghét nhân-chinh chẳng tu — ghét cương-thường nỡ bỏ — Luận như ghét cho đủ, Sãi ghét đứa bất hiếu bất trung ; luận như ghét cho cùng, Sãi ghét đứa đại-gian đại-ác — Ghét kỳ ghét quặc, ghét lạ ghét lùng — Đọc Thư-kinh ghét đảng tứ-hung, xem Tống-sử ghét bầy ngũ-quỷ — -- Ghét hoài ghét hủy, ghét ngọt ghét ngon — Ghét đứa cầu mị mà giết con, ghét đứa tham sang mà hại vợ — Ghét kẻ hay trành hảy trá. ghét người chẳng thực chẳng thà —, Ấy là ghét xưa nay mấy việc người ta, chưa bằng ghét mụ Vãi vô tình với Sãi — Lại bệnh này khôn dại, về một nỗi muốn nhiều : Muốn trên cho sánh đức Thuấn Nghiêu, muốn dưới thầy nên tài Y Lã -- Nghĩa từ-hiếu muốn chưng giường phụ-tử, câu xướng tùy muốn xử đạo vợ chồng -- Anh với em muốn dễ muốn cung, bầu với bạn muốn tín muốn thực — Người hiền-ngõ sãi muốn gần cho thiệt rịt, đứa gian tà muốn tránh cho xa-xôi. -- Mở quyển vàng tay chẳng muốn thôi, thấy

đức bạc mắt không muốn nghé — Trong làng sóm Sãi muốn sạch loài gian-ngụy, chốn quận-ô Sãi muốn trừ đảng tham-ô — Lưới thỏ giăng Sãi muốn cho củ-củ võ-phu, gót lân-chì Sãi muốn cho chân-chân công-tử — Muốn hoài muốn hủy, muốn chẳng hay cùng — Muốn kinh-bang chưa gặp vận hanh-thông, muốn độ-thế hãy ra tuồng tham-luyến — Đá Tinh-vệ muốn lấp sao cho cạn bể ? đất nghĩ-phù muốn đắp dễ nên non — Muốn sao cho đều đặng vuông tròn, chi bằng Sãi muốn tu cùng mụ vãi. — Những suy đi nghĩ lại, còn một bệnh sợ nhiều : sợ Quách-Khai hay đặt nên điều, sợ Lâm-Phủ ngọt-ngon lắm thể — Sợ sắc tốt hại ngươi Sùng phải lụy ; sợ vật kỳ vu gã Viện mắc nàn — Chị dâu sợ em vì sáu cái ấn vàng, tôi hiền sợ giặc vì một đôi ngọc trắng — Sợ giải sợ vắn, sợ ngược sợ xuôi — Thuyền họ Trương ở khô, còn sợ sóng bồ mồi; đất nhà Kỷ vốn hẹp, hãy sợ giời sập mái — Sợ giá mỏng phòng khi bước lại, sợ móc nhiều e buổi mình giầy — Dương-Quan-Tây còn sợ có bốn hay ; Bùi-ngự-sử há nhà không ba sợ — Sợ phật vắn chưa mau chân ngựa, sợ vách thưa còn lậu hơi sư — Sợ là sợ mật tuy lành mà ruồi đậu ngất-ngư, sợ là sợ hoa chẳng độc mà bướm đà mê-mẩn — Sợ quá sung quá sướng, sợ chưa giại chưa ngây — Sợ tu không trọn kiếp ông thầy, nữa rồi lại đụng nhằm mụ vãi ! — Bờ giác-ngạn dễ đà đặng lại, bởi thất-tình còn hãi năm mang — Việc cổ kim chi xiết luận bàn, lời phẫn-uất chút ra tiêu-khiển.

Vãi rằng :

Nghe qua các chuyện, ngẫm cũng hữu tình — Khen cho ông thuộc sử thuộc kinh, khen cho ông có tài có chí — Lời ăn nói thánh-hiền đạo-vị, khoa ngôn-từ nghĩa-lý văn-chương — chẳng phải kẻ tầm-thường, hẳn là trong cách-vật — Lôi-Âm-tự có tu mới thành Phật, Thiên-Thai-sơn

có đến mới nên tiên — Biết đường nào dặng thấu tây-thiên, Cậy chỉ nẻo tu cùng hôm sớm.

Sãi rằng :

Vừa vừa Vãi bợm, bớt-bớt yêu tinh — Bến mê còn nước chầy mênh-mênh, bờ giác hãy xa khơi vọi-vọi — Phương nam khôn nẻo tới, phiá bắc khó đường qua. — Nay đi đặng nhưng xa, lại sợ quân Đá-Vách — Tưởng thôi lạc phách, nhớ đến kinh hồn — Nọ giết người như run, nọ hại người như rắn — Đến đâu là tảo tận, bắt đặng ắt ăn tươi — Đã vào làng cướp của hại người, lại xuống nội đuổi trâu bắt ngựa — Hãy tu đây cho ngót, chớ tu đó làm chi. — Đừng đi mà nó bắt Vãi đi, rồi bỏ Vãi bồ-côi bồ-cút.

Vãi rằng :

Kính trung hữu thuyết, nhung-địch thị ưng — Nếu phương biên không trọn tài năng, thế nọ ắt ngày sau sinh tệ — Đạo tu lòng chẳng trễ, công mài sắt ắt nên — Mặc ai sao-lãng trăng thuyền, đạo ta ta giữ cho bền thì thôi — Thôi thời ông Sãi hãi ngồi, Tây-phương Vãi tới tìm nơi thiên-đường.

MẸ ƠI CON MUỐN LẤY CHỒNG (*Lê-quý-Đôn*)

Nói nhỏ tình riêng với mẹ, muốn sao muốn quá thế vậy ! Phù lấy chồng chi sự, người ta ai cũng thường muốn, nhi chi ư nói với mẹ.

Muốn sao muốn gớm muốn ghê,
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao ?

Tưởng khi phàn-nàn cùng mẹ rằng:

Nhất âm nhất dương, nãi thiên địa cổ kim chi đạo ; mà nghi gia nghi thất, thực thế-gian duyên kiếp chi thường.

Xa chân bước xuống cõi phù-sinh, đố ai giữ được tiếng trinh trên đời.

Ngồi một mình mà lại nghĩ duyên mình, mẹ ơi có thấu tâm tình này chăng ?

Tuổi bằng này mà không vẫn hoàn không, nhỡ quá bước long-đong sao ? hở mẹ ?

Con nghĩ rằng : xuân xanh thấm-thoắt, người ta như quá lúc chi măng ; phỏng hôn giá chi cập thời, tức chồng loan vợ phượng chi duyên, cũng quảng thái môn mi chi rạng-rỡ.

Con luống sợ tơ đỏ nhỡ-nhàng, phận những chịu long đanh chi ván.

Phỏng thanh xuân chi bất tái, tức chớp bể mưa nguồn chi hội, cũng buồn tanh ư mai-siếu chi lơ–thơ.

Sự này mẹ đã biết chưa, con nay luống những ngẩn-ngơ về chồng.

Kìa những người son phai phấn nhạt, cuộc phong-trần đã chán-trường xuân ; huống con lấy mặt hoa mày liễu chi dung nghi, chính đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt ; bởi vì ai giở-dang phận bạc, dịp chưa thông ả Chức chi Ô-kiều ; khắc-khoải rồng mây, lược không muốn chải ; khát-khao cá nước, gương chẳng muốn soi ; đêm thanh tơ tưởng khách thừa lương, chăn phi-thúy suốt năm canh rẫn-rọc. Ngồi với bóng mà lại thở-than với bóng. Mẹ ơi ! Con muốn đem ông giời xuống trần, hỏi rằng duyên kiếp nợ-nần chi không ?

Kìa những kẻ liễu yếu đào thơ, tình vân-vũ hãi còn e-ấp, huống con lấy sắc nước hương giời chi phẩm-giá, đã ngoài vòng đôi tám chi thanh xuân ; bởi vì ai ngăn đón gió đông, đàn chưa gẩy chàng Trương chi hoàn-khúc ; ước ao sứ điệp, phấn chẳng muốn tô ; mong mỏi tin hồng, vòng không muốn chuốt, ngày ngắn mơ-màng duyên bốc-phượng, gối uyên-ương thâu sáu khắc bồi-hồi ; buồn về thu mà mê-mệt

cũng về thu. Mẹ ơi ! Con muốn đem sợi tơ đào, để cho ông nguyệt xe vào cho con.

Mẹ thử xem trên giời chim kia chi liền cánh, dưới đất cây nọ chi liền cành, vật ấy cũng đèo bòng ân-ái ; nay con tủi là thân bồ liễu, giữ đầu xanh ấp một buồng không, nào người tích lục, nào kẻ tham hồng, khôn mượn kẻ dắt mối tơ bạc mệnh. Mẹ có biết : có chồng kẻ đón người đưa, không chồng đi sớm về trưa mặc lòng.

Mẹ thử xem làng bắc-lý kẻ nọ chi nghênh thê, vùng nam lân người kia chi tống nữ, người ta từng náo-nức đông tây ; nay con hồ là phận thuyền-quyên, mang má phấn nằm trong phận bạc, nào kẻ tương-tri, nào người tương-thức, biết cùng ai mà vác chữ đồng tâm. Mẹ ơi ! tuy ngồi trong cửa sổ chạm rồng, chăn loan gối phượng không chồng cũng hư.

Ý ! buồng hương lạnh-lẽo, tuy đã có áo đơn lồng áo kép, sao bằng da nọ ấp da kia, phỏng con mà già kén kẹn hom quá mù ra mưa, lờ-mờ trông bóng giăng chi quạ.

Mà duyên phận vuông tròn, thì sum vầy cành trúc tựa cành mai, riu-rít tiếng cầm chen tiếng sắt, phỏng con chẳng có tình rình bụi, lỡ ra thửa bước, lênh-đênh chôi mặt nước chi bèo.

Nghĩ nguồn cơn phàn-nàn cái số, nông nỗi này mẹ đã thấu cho chưa ?

VĂN TẾ SỐNG

(Xưa có người học-trò tỉnh Hà-Tĩnh, dan-díu với một cô ả đã lâu, tưởng rằng một hai chắp mối tơ mành, ai ngờ chim giời cá nước, không biết vì đâu mà cô ta lại lấy chồng xa già mà xấu, cậu này nghe tin, hôm cưới cô ả, cậu đặt bàn thờ giữa chợ mà tế sống cô ta. Sau cô ta phải tự-ải mà chết, còn cậu kia mấy năm sau cũng hị (cọp bắt).

Than rằng :

Vàng lộn cùng thau ; ngọc lầm với đá.

Kén khách mà không gặp khách ; nỗi vuông tròn thương

phận gái thuyền-quyên ; Trao duyên chẳng lựa mối duyên, thấy đôi lứa ngán thay cho thiên–hạ.

Thế đã đành, song còn chút chửa đành ; Lặng cũng dở, nói ra càng thêm dở.

Nhớ cô xưa :

Dự bậc nữ-trung ; vốn người lịch-sự.

Lưng eo vú dảnh, ngọc chuốt vàng chau ; má phấn răng đen, miệng cười hoa nở.

Trải lúc chơi đình nhởn quán, nhởn-nhơ giải đào yếm thắm, nét chai-lơ nhìn hết khách tài–hoa ; Đòi phen đi chợ về quê, lân-la điếu thuốc miếng giầu, đường ăn ở xiêu lòng người bạn lứa.

Ngoài phong-lưu mọi vẻ đủ rồi ; Trong khuê-khổn trăm bề giỏi cả.

Phụng-dưỡng cheo gương hiếu-kinh, nết chung trinh thay mặt nam-nhi ; Cửi canh nẻ mực kiệm-cần, đường công-tác ra tay thục-nữ.

Gần xa nao-nức, chữ sắc chữ tài ; Ong bướm sôn-sao, làng Đỏm làng Hạ.

Nhà phú hữu ao liền ruộng mẫu, những mong-mỏi duyên ưa phận đẹp, bẩy năm tròn chờ-đợi ước non sông ; Khách văn-chương tai thánh mắt hiền, những ước-ao gái sắc giai tài, mấy tháng chẫn đi về tin nhạn cá.

Dẫu lòng kia hay nghĩ hay suy ; Thời đó cũng là đôi là lứa.

Phải phận nữa kết duyên người nhất sĩ, may-mắn rồng mây gặp hội, ắt chồng loan vợ phượng sum-vầy ; Ép duyên chăng chắp mối kẻ nhi nông, sớm chưa châu rủộng cầy bừa, cũng đụn lúa kho tiền chan-chứa.

Sao cô chẳng biết đường toan liệu, chẳng nghĩ dũa so với phướn, những chắc nào trướng gấm, nào màn the, nào võng điều, nào sạo vẽ, thấy vàng son mà dục dạ mơ-màng; Vậy nên cô luống những đợi chờ, quản bao dạ cạn như đèn, cũng có khi lên huê, khi xuống nguyệt, khi trên bộc, khi trong dâu, đem sắt đá để ghi lòng cậu mợ.

Những tưởng ông tơ rành-rập đó, bực bố-kinh đành lựa chốn trâm anh ; Nào ngờ con Tạo ghét ghen gì, đưa thành thị xui vào miền biển-dã.

Giai tế hình dung xem cũng khá, tóc dễ che, da đồng điếu, phỏng chừng trong một áng mấy người này ; Tân lang tuổi tác đã bao nhiêu, hạt cau gốc, quả mướp sơ, phỏng đâu đã bốn tuần thêm lẻ nữa.

Nài mai ép chúc, nỗi căn nguyên chếch-mác bởi vì đâu ; Chê muống ôm rền, bề ân-ái phụ-phàng chi lắm nữa.

Duyên phận ngán thay cho duyên phận, trâm cài lược rắt, luống công-trình chău-chuốt bấy lâu; Chồng con sao khéo những chồng con, nón gọ quai mây, ngó hình-dạng ra chiều buồn bã.

Đành đến nước mười hai là phận, trong gia-đạo chưa có người toan-liệu, sao cô chẳng kiếm nơi gần-gụi, nỡ để mẹ thầy tuổi tác, biết lấy ai khi mưa dầu, nắng lửa, gió kép, sương đơn ? Đành quả mai ba bầy phải lo, trong hương thôn cũng có kẻ yêu vì, sao cô chẳng nghĩ đến nguồn-cơn, nỡ đem thân phận liễu bồ, reo vào nơi nước biếc, rêu xanh, cát vùi, sóng vỗ.

Hay là cô nếm thử mùi đời mặn nhạt, nên chẳng quản đồng chua nước mặn, lối sinh-nhai toan ngày tháng đủ no ; Hay là cô muốn dò dạ thế cạn sâu, chẳng tham nơi thuyền vắn chèo dài, câu thích-chí được sớm trưa nghiêng-ngửa ?

Hay là bởi mẹ thầy lẩn-quẩn, quen những thói mớ tôm sàng cá, qua lại ít nhiều ngọng miệng, ép-nồng duyên cô nông nỗi thế, nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình trung ; Hay là vì mối lái đèo bòng, chẳng nhằm khi vào lộng ra khơi, nói phô mật rót vào tai, dỗ-dành phận gái ngẩn-ngơ tình-già nhân-sự để non quyền Tạo-Hóa.

Duyên xích-thằng ước trăm năm có lẻ, phỏng một ngày, chi không nghĩ thiệt hơn ; Phận hồng-nhan hai mươi mốt tuổi tròn, chi nên tội, nỡ đưa thân đầy-đọa.

Lúc vãng-sinh đi qua miền thành-thị, cảm nỗi duyên nài phận ép, vật sầu nhân cây cỏ héo rầu-rầu ; — Buổi hồi-môn về tới chốn Vinh-giang, ngán thay vợ trẻ chồng già, cảnh liêu-khách cáy-cua cười rả-rả.

Thôi thời thôi !

Hồng ngâm chuột vọc, liễu ủ đào phai ; — mình ngọc ngâu vầy, hoa tàn phấn dã.

Mây Hồng-lĩnh khi tan khi hợp, tủi thân cô lưu-lạc nước non xa ; — Nước thủy-triều cơn ngược cơn xuôi, thương phận gái nổi chìm quê-quán lạ.

Muốn lấy nhân duyên than gì gió, gió bay cửa bể, dáng phất-phơ thêm dục mấy cơn sầu ; — Toan đem phận số trách bà giăng, giăng rọi đầu non, c iều lơ-láo không soi vào tấm dạ.

Toan quyết lẽ thời giả lẽ, duyên phong-nhã chẳng vuông tròn như trước, thời cũng đã câu vào miệng cá, khôn nỗi đưa mối chỉ sẻ làm hai ; — Tính rằng duyên lại phụ duyên tình gối chăn không êm-ấm như xưa, thời làm chi ván đã đóng thuyền, khôn lẽ cắt giải đồng chia lấy nửa.

Hoa lưu động khẩu ưng trường tại, phận hồng-nhan bao quản bước truân-chiên ; — Thủy đáo nhân gian định bất hồi, cửa xuân tỏa tha hồ ai khép mở.

Tơ một mối không vương người bạch diện, nợ tình chi mà nói, nói nữa làm chi ; — Giấy ba hàng đưa thăm chị hồng-nhan, đã đành lỡ thời thôi, thôi đành chịu lỡ.

Ai tai ! thượng hưởng !

KHÔNG CHỒNG MÀ CHỬA MỚI NGOAN (*Phạm-Thức*)

(Lấy vần : "*Gái tơ ngứa nghề sớm sao*".)

Gái. — Tuổi liễu còn xanh; duyên đẳng chưa nại.

Nỡ để hớ-hênh con tí, con hỡi là con ! Bỗng không mà nẩy ra cồn, gái đâu có gái !

Mực đà rứt mực, giữ-gìn kể đã năm khôn ; ngoan thực là ngoan, bỗng chốc hóa ra giờ dại.

Tơ. — Nguyên phù : cha mẹ sinh con cái,

Trai thì học hành biết năm ba chút ; — gái thì công cửi cho rõ đường tơ.

Gan vàng nung-nấu ; mùi đạo say-xưa.

Chữ Trinh đáng giá ngàn vàng, đuốc hoa chẳng thẹn ; mặt ngọc há reo đáy thẳm, hương lạnh như tờ.

Ngứa. — Con thực con nhà ; — Của đâu của thửa.

Đêm xuân có nhẽ cầm lòng, chẳng duyên thì nợ.

Dan tay nam bắc, bỗng không cá nước duyên ưa ; căn vặn tóc tơ, nào phải họ khoai mà ngứa.

Nghề. — Nhĩ nãi : Thảnh-thót cung đàn dục-giã nỉ-non duyên nặng ê-chề.

Cưỡi rồng sánh phượng đẹp duyên, chước lạ chước đâu có chước; — Mở mặt chau mày lắm nỗi, ghê sao ghê gớm là ghê.

Dạ thì thực dạ ; — Nghề lại quen nghề.

Sớm. — Nay lữa mai lần ; Đêm so ngày ước.

Ho mặc là ho ; — Lợm thay là lợm !

Hủy xa giấc mộng, tình tinh dạ đã trống mang ; — Đào động hé then, mong-mỏi buổi đò mai sớm,

Sao. — Ô hô ! Phòng gấm rủ là buổi nọ ; ~ Đường hoa tan-tác rầy sao ?

Đã chót làm cha cái nợ phấn son buồn nắng giữ ; — Thôi thì đù mẹ vườn hoa ong bướm rước xuân vào.

Vận hạn bởi sinh ra thế ; nết-na ai có nỡ nào ! Sinh con ai nỡ sinh lòng, tài sắc làm chi đo-đắn ; — Cũng kiếp lại đâu có kiếp, thôi đừng giầy ước mai ao.

THẦY ĐỒ ĐI TRỌ (*Tú-Xương*)

Có một cô lái ; Nuôi một thầy đồ.

Quần áo rách-rưới ; ăn uống xô-bồ.

Cơm hai bữa cá kho rau muống ; Quà một chiều khoai lang lúa ngô.

Sao dám khinh mình, thầy đâu thầy vậy ; Không biết trọng đạo, cô lốc cô lô.

Thầy đồ thầy lề ; dậy học dậy hành.

Ba quyển sách nát, Dăm thằng trẻ ranh.

Văn có hay thì đã làm quan, võng điều võng thắm ; Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ khố xanh.

Ý hẳn thầy văn dốt võ dát, cho nên thầy lần-quần loanh-quanh.

Trông thầy phong-vận, ở chốn thị-thành.

Râu rậm như chổi ; Đầu to tầy dành.

Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo ; Cũng có lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh.

Thầy ngồi chễm-chện, trò đứng bên thầy, nằm co cánh xếp mành mành.

Bạn thầy là ông bảng, ông nghè, ông hoàng, ông thám ; Con thầy là tên Uông, tên Bái, tên Bột, tên Bành.

Dạy câu kiều lẩy ; giậy khúc lý kinh.

Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép; Dạy những lúc cao lâu chiếu hát, ăn nói cho sành.

VỢ TẾ CHỒNG (*Tú-Xương*)

Hỡi thương ôi !

Con thơ vợ dại, sống càng thương mà chết lại càng thương, cửa vắng nhà thanh, nghĩ cũng khổ mà nói ra cũng khổ.

Cầu giời cầu phật, nào thiếu cầu đâu ; Tại thuốc tại thầy hay là tại số.

Nhớ chàng xưa :

Cháu giống con dòng ; Người kim chết cồ.

Tự mười tám trăng màn bảo trẻ, chi hồ giả giã, chữ đủ làm thầy ; Tới bốn ba lều chiếu quen trường, ti ngọ mùi thân, thi sao chưa đỗ.

Trừ ông cử, ông tú, ông đồ chi ngoại, phường ngựa xe điếu cháp ít chơi ; Lấy câu văn, câu thơ, câu phú làm vui, thú cờ bạc rượu chè chẳng mộ.

Cũng tưởng làm nên quan lớn, toan sự biển cờ cướp lấy, ông Từ-Ô cũng chốn anh em ; Nào ngờ già dễ văn hay, làm cho thợ Tạo chết tươi, ông Liễn-Hải cũng trong môn hộ.

Tưởng sự cửa nhà ; Thêm tình quyến cố.

Như chú Hai đã có em phụng-dưỡng, thôi cũng yên lòng; Nọ thim Năm đang lập cửa thừa-diên, nhưng chưa xong số.

Mẹ thiếp cũng già đà lẫn-cẫn, phố là làng, con là rể, ai kẻ trông nom ; Con chàng còn dại dại ngây ngây, thằng mười bốn, đứa lên ba, ai vì dạy-dỗ.

Gần đã đến mồng năm đoan-ngọ, dào dào mận mận cũng có của ngon vật lạ, chàng đã đi thiếp cũng chán-trường ; xa là tháng tám trung-thu, ngựa ngựa voi voi, những là tán giấy đèn cù, cha chẳng ở con nào vui cỗ.

Thương ôi !

Bối-rối lòng quê, vội-vàng tục-phố.

Lờ-mờ đèn tỏ một huê, sơ-sác quyển vàng vài bộ.

Nghĩ đến họ, đến hàng, đến làng, đến nước, thì trước cửa Diêm-Vương ngơ-ngẩn, chắc chàng chưa ăn cháo tái-sinh ; nghĩ có giai, có gái, có rể, có râu, thì trên lầu Thị-Kính thề-nguyền, quyết thiếp chỉ ôm cầm một độ.

Xin giữ đủ ba năm một tiết, tuần tứ cửu, ngày bách-nhật, khi giỗ đầu, lúc giỗ hết, dưới suối vàng ai hỡi xét-xoi ; — Gọi là một chén tam ngu, lá vàng giấy, nén hương thơm, lưng cơm bạc, bát canh xuông, trên dương-thế lấy gì báo-bổ.

Hỡi ôi ! thượng hưởng !

MẸ KHUYÊN CON LÚC VỀ NHÀ CHỒNG (*Lê-Qui-Đôn*)

Khuyên con giữ đạo làm dâu ; bà già nghĩ đã đến vậy. Phù con dại cái mang, nhẽ xưa nay vẫn thế vậy. Khuyên con phải kính-trọng chồng, há chẳng phải đạo lắm ru ?

Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng : trong phối định ba thường đạo cả, thực là muôn hóa chi theo ra, mà hôn nhân hai họ giao vui, há để một lời chi trách đến.

Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lắm con ạ !

Con con mẹ mà dâu dâu người vậy. Hoặc trong cửa trong nhà chi có truyện, tức yêu nên tốt, ghét nên xấu, rồi ra trách mẹ chi không răn.

Về nhà chồng phải kinh phải răn, chớ trái nhời chồng, con nhé !

Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng thì nhờ chồng nhờ con nhé. Khôn chẳng qua nhẽ, khỏe chẳng qua nhời, chớ bắt chước người đời sỏ chân lỗ mũi chi lăng-nhăng, nhủ này con, nhủ này con : đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa chi siêng-năng ; hỏi thì nói, gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha chi phải lẽ. kinh lấy đấy, răn lấy đấy. Liệu học ăn, học nói, học gói, học mở, khi anh nó hoặc ra sô-sát chi nhời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cà con kê chi kể-lể.

Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà người là dâu là con nhé! Khôn cho người ta giái, dại cho người ta thương, chớ bắt chước người thế, mặc áo qua đầu chi khủng-khỉnh, nghe chưa con ? nghe chưa con? Ăn có nơi, nằm có chốn, nhời ăn nhẽ ở chi ra tuồng : gọi thì dạ, bảo thì vâng, thờ mẹ thờ cha chi phải đạo, kinh vậy thay, lẽ vậy thay, chớ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên, cậy tài : khi anh nó hoặc có nỗi bằng bằng chi sắc, thì lạy, thì van, thì lễ phép, đừng học chi những phường đĩ-thõa, mà hoặc dây mơ dễ má chi lôi thôi.

Thế có kẻ xem chồng như đứa ăn đứa ở, thậm đến điều mày tớ chi khinh, chẳng biết rằng : ngu-xi cũng thể chồng ta, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người, chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp miệng em, sao chẳng biết xấu chàng hổ ai chi lý. Mẹ khuyên con, con giữ lấy đạo hiền, đói no cũng chịu, giầu sang cũng nhờ, chớ hoặc sinh vênh-vểnh chị môi, khi anh nó cả giận, hóa sinh sằng, mẹ con ắt phải mắc bèo trôi chi tiếng.

Thế có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thêm đến điều mày tao chi quá, chẳng biết rằng : khôn-ngoan cũng thể đàn bà, dẫu rằng vụng-dại cũng là đàn ông, bạ ăn bạ nói, lại ra điều múa dìu qua mắt thợ, sao chẳng biết gìa đòn non nhẽ chi cơ ; mẹ khuyên con giữ nết thảo-hiền,

vọt gioi cũng chịu, yêu thương cũng nhờ, chớ hoặc lộ sầm sầm chi mặt, khi anh nó nói dai càng thêm truyện, cha con ắt phải mang vớ cọc chi cười. Con ơi ! Nhập gia tùy tục, mẹ nhủ con đạo vợ chi thường, Xuất giá tòng phu con phải giữ nhà chồng chi phép.

Thôi mẹ về ! . . . .

BÀI TÁN TIẾN-SĨ (*Triều Lê-Quý Nguyễn-đình-Tố*).

Khi ra đường thì :

Lọng rập-rìu đôi ; Võng dan-díu bầy.

Gậy xừng hươu vác trước nghênh-ngang ; Giáo cồ ngỗng sua nhau lập-lẫy.

Trống tiểu-cổ tung tung lừng giọng hát, trời nghiêng một góc tưng-bừng ; Quân tiền hô chánh chánh thét ra oai, người dẹp đôi bên thây-thẩy.

Kẻ đi đường phải nghiêng nón dạo quanh ; Người ngồi quán phải nép lưng đứng dậy.

Khi vào chầu thì :

Nghiêm-trang mới dám ; Uy vệ càng ra.

Đai mặt ngọc sáng lừng đủng-đỉnh ; Ủng mũi cao cong vắt nhởn-nhơ.

Đầu đội mũ đồng cân, phảng-phất ngắm hình khác nào bụt hiện ; Lưng đeo tấm bố-tử, thướt-tha xem nhường quá ngỡ tiên sa.

Khi ra :

Vâng chịu mệnh vua ; Sửa–sang việc nước.

Kinh-luân mặc sức đảm-đang ; Khôn-khéo ra tay mực-thước.

Thét một tiếng gian-tà co cổ, ai nào dám hé ; Quát một diều nha-dịch cau mày, người nào dám sượ̣c.

BÀI PHÚ TÂY HỒ (*Trương Vĩnh-hầu*)

Xinh thay cảnh Tây-Hồ, Lạ thay cảnh Tây-Hồ.

Dám nhớ thủơ đất chia chín cõi ; Nghe rằng đây đá mọc một khu.

Trước bạch-hồ ở đấy làm hang, Long-quân gây nên vùng đại-trạch ; Sau kim-ngưu chạy về đây hóa vực, Cao-vương đầm-thấm mạch hoàng-đô.

Tên nghe gọi rằng đầm Lãng-Bạc ; Cảnh ngẫm in tinh chữ băng-hồ.

Sắc rờn rờn nhuộm thức lam xanh, ngỡ động bích chầy lên ròng leo-lẻo ; Hình rợn rợn uốn vòng câu bạc ; tưởng vừng ngân rơi xuống mảnh từ từ.

Hơn nghìn mẫu nước giời lẫn sắc ; Trải bốn bên hoa cỏ quen mùa.

Vừng đất giỗ mỏ phượng còn in, kẻ rằng đài thượng-nguyệt ; Bóng nước vắt hàm rồng chửa cạn, người gọi chén chung-tô.

Tòa thạch-tháp nọ nơi tiên để báu ; Chốn thổ-đôi kia lỗ khách chôn bùa.

Đền Mục-Lăng hương khói chẳng rời, tay lưới phép hãi ghi công bắt hổ ; Quán Trấn-Võ nắng sương nào chuyển, lưỡi gươm thần còn để dấu chém rùa.

Kìa quán thiên-niên răm-rắp ; Kìa ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhô.

Trông mơ-màng nhường Lĩnh-Thứu nơi kia, ba tổ thước cuối làng kêu chip–chip ; Nghe phảng-phất ngỡ động hoa mái nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

VĂN SÁCH (*Lê-Quý-Đôn*)

ĐẦU BÀI. — Vấn : Tục-ngữ có câu rằng :

Lấy chồng cho đáng tấm chồng,

Bõ công trang điểm má hồng răng đen.
Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham về cái bút cái nghiên anh đồ.

Phù anh đồ : dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, tằng kiến ư thời nhân chi sở tiếu, bất chi hà sở thủ như quyến-luyến ư anh đồ rư ?

Thi vị trần chi, dĩ quan kỳ ý.

BÀI LÀM

Thưa rằng : Em là con gái, nghe nói: đương sen ngó đào tơ, mong gặp hội thanh-xuân chi phải lứa, nhi giai tài gái sắc, thực là duyên cầm-sắt chi tốt đôi.

Nay vâng lời sách hỏi, ý tỉ iết nghĩ rằng :

Má đỏ hây hây, răng đen rựng rức, chẳng những đắm ư cô tú dì nho chi thệ, cũng chung tình ư chồng loan vợ phượng chi duyên ; nhi cam ngọt với quả quít hôi, em cũng liệu ba đồng một, một đồng đôi chi phải giá. Hoa đào tươi quyết không đem bán cho lái buôn ; cây gỗ lim chìm ắt chẳng đem để chôn làm cột dậu.

Ruộng liền ao cả, chú nông kia chi phi nghĩa những khoe giầu, song Vương-Khải Thạch-Sùng đã từng đấu phú, rồi cũng chơ mắt ếch ư của đời người thế chi thu.

Nghiên ruộng bút cầy, anh đồ nọ chi đa văn không ngại khó, nhi Mãi-Thần Mông-Chinh, có nhẽ tràng bần, ắt cũng dương cánh phượng ư bĩ cực thái lai chi hội.

Vả chân lấm tay bùn, nông giả nãi vũ-phu chi cục-kịch, dĩ yếm thắm quần là chi tha-thướt, chưng ấy mà mê bồng tưởng trống, sao cho cam mình ngọc để ngâu vầy.

Tai hiền mắt thánh, nho giả nãi quân-tử chi thung-dung, dĩ môi son má phấn chi nhởn-nhơ, chưng ấy mà sửa túi nưng khăn, thực mới đáng cây đồng cho phượng đậu.

Vả, còn trong trần-lụy, anh đồ là vị vũ chi giao long, may khoa thi mà danh chiếm bảng vàng, tức hôm nọ chi hàn-nho, hôm nay đã ông cử ông nghè chi đài-các, vì em mà phận đẹp chỉ đào, thì trước voi anh, sau võng thiếp, cũng thỏa đời ư võng giá chi nghênh-ngang.

Chưng thuở hàn-vi, anh đồ là ẩn sơn chi hổ báo, gặp vận thái mà ân vua sắc báu, tức ngày xưa chi hàn-sĩ, ngày nay đã quan tham quan thượng chi phong-lưu.

Vì em mà duyên ưa lá thắm, thì anh quan cả, thiếp hầu bà, cũng sướng kiếp ngựa xe chi đủng-đỉnh..

Như thế thì :

Chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen nhất thế chi thần-tiên.

Danh phận cả, bổng lộc nhiều, thế mới thỏa tam sinh chi hương-hỏa.

Dài lưng tốn vải, bây giờ đã võng đào áo gấm chi bảnh-bao ;

Ăn no lại nằm, bây giờ đã ghế chúc giường đồng chi chỉnh-chện.

Như thế thì ai mà chẳng quyến-luyến với anh-đồ ru ?

Chúng em nay : vừa độ giăng tròn, gặp tuần hoa nở, dĩ yếm thắm quần hồ vã đi vã lại, chỉ mong anh nho-sĩ chi yêu thương. Tiếng ong lưỡi én, uốn-éo trăm chiều, cũng mặc lòng thế-gian chi mai-mỉa.

Nay cẩn-thưa.

HỒNG-THI

Than rằng: ai biết chăng ai; hỏng ơi là hỏng. Việc khoa-cử khen ai khéo đặt, lừa anh hùng đến đầu bạc chưa thôi ; Áng công-danh là số phận khôn lường, trêu sĩ-tử dẫu gan vàng cũng núng.

Nhớ hỏng xưa : sách vở tờ-mờ ; Văn chương phấp-phỏng. Lúc thiếu niên nghĩ mình nhanh nhẹn, từng bút nghiên

vùng-vẫy anh em; Tới tuổi già nào biết thua chồn, dám trường ốc đua chen cùng bạn chúng.

Thấy tân-chỉ nhất nhị trường miễn-duyệt, mon-men nộp quyển vào thi ; giở cựu văn năm ba thể ra coi, chắp-chểnh luyện hơi lấy giọng.

Vợ con đành dạ, bán thóc bán bông ; đầy tớ theo chân, gánh lều gánh chõng.

Bút khách tam nguyên nhất thủ, Tứ-Lợi Chân-Đông; Cơm hàng mười bát hai quan, Hai-cơ Mỹ-Trọng.

Sắp đồ viết tối, đầy phè phè hai rưỡi lọ giầu ; — Sửa bộ quà trưa, chật ninh-nich một ngăn bánh bỏng.

Gọi đến tên co cổ vác lều ; Vào lĩnh quyển khoanh tay bỏ ống.

Chen chóc đóng ria thập-đạo, để chực nghe hơi ; Sẵn-sàng tức-tốc hai hồi, còn hòng hỏi lóng.

Thấy đầu bài mắt đỏ đồng-quang ; Cầm ngọn bút tay run lóng cóng.

Nghề sách mít lộn phèo lộn phổi, sáo mép chính-văn tập-chú lít-nhít lăng-nhăng ; Giọng văn cùn viết cối viết chầy múa mồm hậu-cổ tiền-đề, lơ-chơ lỏng-chỏng.

Thầy bóp bụng trong tràng ngồi nận, mắt chầy lì-tì ; Tớ dừng chân ngoài cửa đứng chờ, mũi xưng bong-bóng.

Đến khi : đệ nhị biển cheo, hai nghìn số trúng.

Kẻ ra miệng mếu tầy gầu ; Người đỗ mũi to bằng thúng.

Con nào biết bố ta dốt đặc, lên mặt cậu nho ; Vợ tưởng rằng thầy nó hay-ho, mầm lòng bà cống.

Đã tần-ngần như quan thị mất giải ; Lại lôi-thôi như gái đĩ già mồm.

Hỏi nhau lũ nọ người kia, ai không có ta thì co khống.

Đi quə phố phải người mỉa-móc, giả cách làm thinh ; Về tới nhà mắc vợ vò giầy, tìm đường nói trống.

Thương ôi ! thời chưa cập hành, vận còn đương húng.

Cờ tướng đương khi nước bĩ, thế phải rút xe ; Tổ tôm chưa đến hội ù, thời đừng bắt phỏng.

Trời đất còn niên này niên khác, người thi ta hãi còn thi ; –- Công-danh ai có kém ai đâu, trước hỏng sau này chẳng hỏng.

VĂN PHỔ KHUYẾN *(ông nho Côi-Trì)*

(Làng làm chùa nhờ ông viết văn-này để quyên-giáo thập. phương).

Từng mảng rằng :

Ở lành thì lại gặp lành, then báo-ứng quỷ thần khép mở ; Làm phúc ắt là được phúc, khuôn tài bồi tạo-hóa đúc tô.

Việc từ-bi xem cũng nhiệm-mầu : Đường phương tiện phải cùng san-sẻ.

Ngôn niệm :

Bản ấp. . . . . tên Long-Tự . . . . . Danh lam dấu cũ ; Thắng dịa nền xưa.

Hang Bồng-Lai Phương-Trượng mở–mang ra, tranh Ma-Hiệt sẵn gián giăng vầng thảo-thụ ; Cảnh Thứu-Lĩnh Tào-Khê thu-nhặt lại, thơ Thiếu-Lăng từng vờn-vẽ khách yên-hà.

Mõ trúc-phong lóc-cóc rạo từng hồi, dục-dã đàn chim về lắng kệ ; Khánh thạch-giản lanh-canh khua mấy tiếng, rủ-rê bầy cá đến nghe kinh.

Vẫn là tay thiên-tượng đặt bầy, muôn trượng đính Phù-Dung coi biếc-biếc ; – Nếu chẳng có nhân-công chau-chuốt, một chùng non Đầu-Xuất đứng xanh rì.

Tuy trông vào đôi chữ tịch-tà, dạ quân-tử phải ghi làm thiết-thạch ; Song nhác thấy một đường khuyến-thiện, lòng nhân nhân sao nỡ để kinh-trăn.

Rắp rủ nhau nhất độ kinh doanh, hồ thu-thủy lại thêm vầng phách thỏ ; Vì không cậy thập-phương tư-cấp, cừu thiên kim nào phải chiếc dịch-hồ.

Vậy nên :

Mượn chữ nam-vô ; Khuyên lòng cố-hữu.

Việc doanh-tạo, kẻ giúp công, người giúp của, dân Đông-Ngô Tây-Sở, nơi xa-xôi còn gắng sức nữa đồng-châu ; Lòng tín-thành, nhiều làm phúc, ít làm duyên, đã Bắc-Đẩu Nam-Tào, sổ ghi ký khắp chua tên nào lậu bút.

Vẫn là đạo không không sắc sắc ; Phải miễn mình niệm niệm tâm tâm.

Chớ nói điều phật bất cầu ai, niềm hòa-khí bỏ lạnh-lùng trong tấc đất ; Rồi thấy buổi thiên vô tư phú, bóng từ-vân che mát-mẻ cả phương trời.

Khương mấy nhà tích-thiện có thừa-lưa, dòng bách-thế dõi tuôn ra như bích-thủy ; Danh những kẻ lập công không nái-nớt, bia thiên-thu còn đứng mãi với thanh-san.

TẾ TRẬN VONG TƯỚNG SĨ (*Vũ-Lượng*)

(Quan Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành đúng tế đời vua Gia-Long Truyền rằng khi đọc xong bài này, ba tuần rượu đều cạn, bên sông có tiếng ba quân kêu khóc).

Than ôi !

Giời Dởn-Phố vận ra Sóc-cảnh, chải mấy phen lao khổ mới có ngày nay ; Nước Lô-hà chảy xuống Lư-giang, nghĩ những kẻ điêu-linh kể từ thuở nọ.

Cho hay sinh là ký mà tử là qui ; mới biết mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ.

Sót thay ! tình dưới viên-mao ; Phận trong vũ-trụ.

Ba nghìn họp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chí nam-nhi ; Hai trăm vây bờ cõi non Kỳ, cơm áo nặng giầy ơn cựu-chủ.

Liều thân cho nước, son-sắt một lòng ; Nối nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-đích bước sang miền khách-địa, hăm-hở mài nanh rũa vuốt, chỉ non Đoài thề chẳng đội giời chung; Kẻ thời tránh việt-mao, liều mệnh chốn xa trường dập dìu vươn cánh dương vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai gối đất, chung nỗi ân-ưu ; Mở xuối bắc cầu, riêng phần lao-khổ.

Trước từng trải Tiêm-La Cao-Man về Gia-Định, mới dần ra Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn phong hải lệ, giời Cao, Quang soi tỏ tấm kiên-trinh ; -- Rồi lại từ Đồ-Bàn, Nam-Ngãi lấy Phú-Xuân mà thẳng tới Thăng-Long, biết bao vũ pháo vân thê, đất Lũng, Thục lăn vào nơi hiểm-cố.

Phận truy-tùy gẫm lại cũng cơ duyên ; Trường tranh-đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa, quyết dật cờ trong trận, sót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay ; Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa ròng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền mệnh bạc, mịt-mù gió lốc, thổi dấu tha-hương ; Mặt chinh-nhân khôn vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chơi, soi chừng cổ-độ.

Ôi ! cũng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu ; Nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã chăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả đến hình hài; Những

là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch-câu xem nửa phút như không, thù dầy đội cũng cam trong phế phủ.

Phận dù không các khói đài mây ; Danh đã dậy ngàn giâu nội cỏ.

Tiếc vì thuở theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương đệm giá, những chờ xem cao thấp bực cân thường; Tiếc cho khi nhỡ bước giữa ròng, kiếp đã về cõi xuối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.

Vâng Thượng-Đức hồi loan tháng trước, đoàn ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng vây, đội ân-quang deo khắp xuống Đèo-ngang ; Mà những người từng thượng-trận ngày nay, dắp tấu công từ ngọ, vị, thân, giậu đến giờ, theo tinh tự để nằm sau lá số.

Ngọn cờ dúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui ; Dịp trống rồn hoa, chốn tươi chốn ủ.

Đã biết rằug anh-hùug thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh—liệt, cái sinh không cái tử cũng là không ; Nhưng tiếc cho Tạo-Hóa khéo vô-tình, ngàn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có.

Bản-tước nay : vâng việc biên-phòng, trạnh miền vien-thú.

Dưới trướng nực mùi trung vạc, sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh ; Trong nhà rỡ vẻ áo xiêm, trạnh nghĩ buổi tấm cừu hong trước gió.

Bâng-khuâng kẻ mất với người còn ; Tưởng-tượng thầy đâu thì tớ đó.

Nền phủ-định tới đây còn sốc-nổi, ngụ lòng một lễ, chén rượu, thoi vàng ; Chữ giữ đồng gẫm lại vốn đinh-ninh, khắp mặt ba quân, cờ đào áo đỏ.

Có cảm thông thì tới đó khuyên mời ; Dù linh-thinh hãy nghe lời dạy giỗ.

Trưởng chinh-triến hoặc là oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước, người sau, hàng trên, lớp dưới, khao-thưởng rồi, sẽ tấu biểu-dương cho ; — Hội thăng-bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ hóa, con côi, an tập hết, cũng ban tuần-tuất đủ.

Hồn phách đâu đều ngày tháng Thuấn Nghiêu ; Hài cốt đó cũng nước non Thang Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc thăng trầm chưa rõ, thiêng thời về cố quận, để hương thơm lửa sáng, kiếp tái-sinh lại nhận cửa tiền-quân ; — Miền tôn thân dù sinh tử chớ nề, thiêng thì giúp Hoàng-Triều, cho bể lặng sông trong, duy vạn kỷ chửa rời ngôi bảo-tộ.

Hỡi ơi ! thượng hưởng !

THẦY ĐỒ ĐI TRỌ *(Phó-Bảng Phan-văn-Ai)*

Quân bất kiến :

Núi Đọi đẳng kia ; Sông Lê bên nọ.

Có một thầy đồ hề kỳ mũi lõ.

Nón dứa, giầy gia ; áo lương, quần lụa.

Giọng pha nguyên-mặc, bài truyện, bài kinh ; Hơi luyện Đường-nhân, câu thơ, câu phú.

Gặp hội phong vân long hổ, nhà nước mở khoa ; Giở nghề bút nghiễn văn-chương, thầy đồ đi trọ.

Trọ ở đâu à ? Rằng ở tỉnh nhà.

Mặt rửa chi chậu thau bể đá ; Đít ngồi chi trường-kỷ ghế hoa.

Phong-lưu quen thói thị-thành, chốn thanh-lịch đãi người thanh-lịch ; nhà cửa quanh năm vắng-vẻ, mẹ đàn bà con cũng đàn bà.

Đồ vui được chốn thanh-nhàn, tiếng thì mặc tiếng ; chủ cũng yêu người văn-tự, ta lại gặp ta.

Ư thị, mượn cái đĩa ngô ; bầy trăm cau khô.

Viết : tôi anh đồ, xin trọ nhà cô.

Gánh tủ sách ; quẩy hòm đồ.

Này khăn này áo ; này thầy này trò.

Sẵn-sàng nước rót cơm bưng, ba đồng một tháng ; Bè-bẹt rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đôi hồ.

Tường đông ai khéo xoay vần, mắt Kim-Trọng đôi bên ngấp-nghé ; Cửa sổ gió đưa phấp-phới, đàn Tương-Như mấy khúc nhỏ to.

Phù dĩ : Hương lửa gần quen ; Tăm hơi chẳng quản.

Một đây một đấy ; Nên bầu nên bạn.

Thầy đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài ; Nhà chủ mở ngôi hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyển tân-thanh chi truyện, đọc lại thêm vui ; Vài thiên Trịnh, Vệ chi âm, ngâm mà chẳng chán.

Khởi bất dĩ : cô thì buôn-bán ; tôi thì học hành.

Nhời ăn tiếng nói ; nấu sử sôi kinh.

Ngày sáu khắc ; đêm năm canh.

Say vì nết, mệt vì tình.

Dù ai hẹn ngọc thề vàng, giời cao bể rộng ; Mặc kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát giăng thanh.

HỎNG THI (*Tú-Xương*)

Đau quá đòn ghen ; nóng hơn lửa bỏng.

Hồ bút hồ nghiên ; tủi lều tủi chõng.

Nghĩ đến chữ nam nhi đắc chí, thêm nỗi thẹn-thùng : Ngâm đến câu quyền-thổ chùng lai, nói ra ngập-ngọng.

Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói thế mà thiêng ; nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài Bảng-nhỡn Thám-hoa, nhỡ ra cũng hỏng.

Có một thầy : rốt chẳng rốt nào : chữ hay chữ lỏng.

Nghiện chè, nghiện rượu, nghiện cả cao lâu ; Hay hát, hay chơi, hay nghe xuống lỗng.

Quanh năm phong-vận, áo hàng tầu, ô Nhật-Bản xanh ; Ra phố xênh-xoang, quần cát-bá, giầy Gia-Định bóng.

Giá cứ trăm nghề đèn sách, thì mười lăm mười sáu đỗ tự bao giờ ; Chỉ vì quen lối thị-thành, nên một tuổi một già, hóa ra lóng-đóng.

Tú dốt bảng giữa năm giáp-ngọ, nổi tiếng đầu trò ; Con nhà nghề ở đất Vị-Xuyên, ăn phần cổ nọng.

Năm vua Thành-Thái mười hai ; Lại mở khoa thi Mỹ-Trọng.

Kỳ đệ tam văn đã viết rồi ; Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.

Thầy chắc hẳn văn-chương có mực, mượn khách xem giò ; Cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.

Sáng đi lễ phật, còn kỳ này kỳ nữa thế là xong ; Đêm dậy vái giời qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ, bảng nhỏ có tên ; Ngoại hàm còn trống.

Kẻ đến sáng vẫn còn được chấm, bảng cót nghênh-ngang ; — Người ngồi khuya tên hãi được vào, áo dài lụng-thụng.

Thi là thế, học hành là thế, tri-kỷ cùng ai ; Người ở đây, hồn phách ở đâu, than thân với bóng.

Thôi thờ thôi ; sách vở mập-mờ ; Văn chương lóng-ngóng.

Khoa trước đã chầy ; Khoa sau hẳn chóng.

Ý có kẻ lo-toan việc nước, vua chửa dụng tài ; — Hay thiếu người dậy-giỗ đàn em, giời còn bắt hỏng.

BÀI PHÚ CẢI LƯƠNG HỒI NƯỚC TA MỚI DUY-TÂN

(Cụ nghè Liên-Bạt)

Anh em ơi ! Anh em ơi !

Xoay vần cuộc thế ; Khép mở cơ giời.

Nghĩ cho hết lẽ ; Khôn mới ăn người.

Sóng cạnh tranh lai-láng dưới hoàn-cầu, người muốn nọ, kẻ muốn kia, không ai giống đâu. sống một nết, chết một tật ; Đường giao-thiệp mở-mang trên đại-lục, khôn cũng nhiều, dại cũng lắm, trông đó thì biết, người ba đấng của ba loài.

Giống nòi chia sắc vàng, sắc trắng, sắc đỏ, sắc đen, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu, ai nấy cũng là riêng bụng nghĩ ; Công việc đủ nghề học, nghề cầy, nghề buôn; nghề thợ, của anh anh mang, của nàng nàng sách, ngồi không há chịu để tay quai.

Mật ít ruồi nhiều, nghĩ người ta đương ra sức đua tranh, khéo đâu đất bỏ hoang, của sẵn mang dâng, cây đồ còn toan đào đứt gốc , — Quít làm cam chịu, tại kẻ trước hóa bây giờ vất-vả, may thay giời mở lối, cơn mê chợt tỉnh, rượu ngon nay đã nếm qua mùi.

Bụng nghĩ hay việc làm mới hay, nhức tinh-thần đừng giữ mãi thói si, lừ-khừ như ông từ vào đền, trông chiều dễ ngán ; Khi trước khác bây giờ lại khác, đổi ăn mặc đừng theo chi lối hủ, lượt-thượt như lễ sinh mất vợ, ngó bộ buồn cười.

Chẳng thầy sao mày làm nên, kìa cao-đẳng, kìa sơ-giáo, sự học-hành một bụng khuyên răn, sao cho sáng suốt ; Có tiền mua tiên cũng được, nào chung-châu, nào biên-tỉnh, việc bán buôn trăm đường mở rộng, chớ ngại xa-xôi

Thợ may ăn dẻ, thợ vẽ ăn hồ, sao bằng người giữ bụng tín ngay, lợi lớn là hơn, của nhặt thấm chi đồ tẹp-nhẹp ;

Đi giác sắm bầu, đi câu sắm rỏ, huống chi sự học nghề chế tạo, đồ làm phải đủ, tay không chưa dễ tỏ mười mươi.

Nói truyện sinh nhai, bực làm trên trước phải dè-dùng, chồng ăn chả, vợ ăn nem, kẻ dưới tội chi không phi-phá ; Xem trong đoàn-thể, buổi mới cốt phải cho chung bụng, ông nói gà, bà nói vịt, việc chi thì để bỏ lai-nhai.

Có khôn thì vẽ cho nhau, chớ nghĩ rằng ta dối, mà rước ma cũ, nạt ma mới ; Muốn hay phải giữ cho chọn, đừng chơi những kẻ hư, mà dở lợn lành chữa lợn toi.

Ăn quả nhớ kẻ giồng cây, mấy nghìn năm đức Thuấn ân Nghiêu, mang nặng trên vai, báo-đáp sao cho đền được nguyện ; Có bột mới gột nên hồ, ba vạn quyển rừng Âu bể Á, in sâu trong não, văn-minh rồi mới dựng ra tài.

Đạo tri-giao cốt phải chọn người, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng ; Đường cư-sử sao cho biết lối, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Có chồng như rồng có vây. trăm năm vẹn đạo sướng-tùy, án ngọc ngang mày, lễ phải giữ thường ai chẳng nể ; Con có cha như nhà có nóc, một mực trăm bề hiếu-dưỡng, vẻ ban quanh gối, lòng trên trông xuống cũng thêm vui.

Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo, dám khuyên ai biết nghĩ biết lo, đứng lại vững chân thì hẳn được ; Đương đi đường quang bước quàng đường rậm, kìa những kẻ vẽ khôn vẽ khéo, làm ra lỡ bước sợ không rồi.

Đói cho sạch, rách cho thơm, há như ai đục nước béo cò, chẳng nghĩ con cái mình, nặng tay rìu búa ; Ăn có nhai, nói có nghĩ, chớ toan sự mù giời bắt két, gặp khi thời vận thế, lên mặt cân đai.

Bước công danh vui lắm cũng lo nhiều, trong lưng đã chắc hơn ai, đom đó ngọn che, đừng háo-hức chi nghề kiếm cá ; Đường danh lợi vinh kia mà nhục đó, có miếng

thì mang lấy tiếng, múa tay trong bị, khéo mê-man chi sự ăn sôi.

Thảm đến ai vạch lá tìm sâu, được lòng đất mất lòng đò, nghĩ sao cho phải ; Hay chi việc dán xành ra mỡ, buộc cổ mèo, cheo cổ chó, đến thế thì thôi.

Xanh vỏ đỏ lòng chẳng nghĩ chi áo chúa cơm vua, ở chùa đốt chùa, kể nghĩa lý chi đồ láo-lấc ; Chôn rau cắt rốn, ai chẳng có quê cha đất tổ, ngồi thúng cất thúng, có thủy chung mới là kẻ hẳn-hoi.

Một cột làm chẳng nên rừng, phải đùm nhau cho nên việc tốt tươi, ăn cây nào rào cây nấy ; Hai thưng cũng vào một đấu, hễ biết tính sợ chi cơn túng tiu, ăn bữa hôm, lo bữa mai.

Lối dụng tài đã bỏ hết hư khoa, thôi những anh hay thi, hay phú, hay kinh nghĩa, hay sách văn, đứt đuôi nòng nọc Đường tiến hóa cốt tìm ra thực hiệu, kìa những kẻ nào mũ, nào giầy, nào ba toong, nào ô máy, tốt mã dẻ cùi.

Dậu đổ bìm leo, cũng tại mình còn trách chi ai, mơ màng thác ngủ sống say, gương hủ-tục kia đà cheo áp mặt ; Tre già măng mọc, lẫn hơn trước còn mong ở lại, hâm-hở tìm khôn học khéo, chuông tự do dạy đã đánh vang tai.

Nghĩ cho xa sự thế cũng buồn cười, có khác chi đâu, tò vò nuôi con nhện ; Đứng chưa vững sức, mình còn phải nhón, chớ vội rằng được, châu chấu đá ông voi.

Bao giờ to lớn hãng hay, mèo nhỏ bắt chuột con, sức ấy xem ra đừng có gượng ; Mấy kẻ ngọt ngon chửa vững, tiền thực mua của giả, sự kia xét kỹ kẻo mà sai.

Giầu làm kép, hẹp làm đơn, cơ-cực đường nào, liệu thế đắn-đo là kẻ phải ; Nhặt che mưa, thưa che gió, phong-trần hội ấy, ra tay soay-sửa dáng tài--giai.

Chớ như ai há miệng chờ ho, có cấy có trông, có giồng có ăn, ra sức sửa-sang, nền hưng-vượng có khi xây vững

móng ; Suy mới biết dứt tay hay thuốc, học ăn, học nói, học gói, học mở, nhanh chân mau bước, bể trầm-luân cũng vượt qua vời.

Thấy ai mà ngay thực mới nên tin, đi ra hỏi già. về nhà hỏi trẻ ; Nghĩ mình có u-mê chi chẳng biết, miếng ngon nhớ lâu, nhời đau nhớ đời.

Việc hồi thiên há một chốc xong ngay, bụng nghĩ cho sâu, dừng láo nháo như cháo mấy cơm, sợ khi nát bét ; Lòng ái quốc dẫu trăm năm ghi đó, tay cầm cho vững, kẻo lanh tranh như hành không muối, chưa dễ ăn ai.

Xin đừng đương mắt trông nhau, lắm sãi không ai đóng cửa chùa, phong-hội ấy, nước non này, cũng lo toan cho hết sức ; Thôi đừng già mồm nói khoác, mười voi không được một bát sáo, chí khí to, công việc lớn, sao cho chắc chắn được như lời.

Cuộc Viêm-Bang tuy dâu bể lắm phen, đông có mây, tây có sao, muôn sức phù-trì, gặp lúc mở-mang ra cũng dễ; Giống Hồng Lạc cùng anh em một họ, sống ở làng, sang ở nước, mấy câu gắn bó, khuyên ai thong-thả nghĩ mà coi.

TRỊNH-KIỂM DỊ PHAN-QUẬN-CÔNG THƯ

(Phan-Quận-Công lánh nạn tới Bắc-Ninh, chiêu-mộ hào-kiệt, uy-danh lừng-lẫy, Trịnh-Kiểm đưa thư này muốn toan thu-dụng).

Từng mảng :

Đứng hào-kiệt sở yêu vì nghĩa, nghĩa nào trọng hơn nghĩa quân thần ; Đứng anh-hùng sở cảm vì ân, ân nào thâm hơn ân phụ tử.

Dù so lại nghĩa dài ân hậu ; Khá gồm cùng đất rộng giời cao.

Bằng tớ nay :

Ngôi ở Nguyên-Lương ; Độ thường khoát-đạt.

Cơm Bình-Nguyên nuôi khách, tóm sĩ hiền túi chật thoát dùi ; Vàng Trịnh-Bá mua người, xum tài-tử lồng chim cánh dim.

Đứng kiện-vũ đều về hung-lạc ; Sĩ trí-năng hết ở phạm vi.

Bằng ngươi :

Ngoài giữ chân tay ; Trong làm lòng dạ.

Dòng tuy khác Trịnh Trần hai họ, tớ lên đền vương-thất. người ra cửa tướng-quân ; Duyên xẩy ưa Hồ Việt một nhà, tớ nhớ nghĩa tiêu-phòng, ngươi kết duyên quế-tịch.

Tớ vốn lấy nghĩa nhân hai chữ ; Ngươi thì nên trung nghĩa mười phần.

Dực-Đức vốn đã mến ông Lưu, những mừng rỡ hùm kia mọc cánh ; Diên-Mao lại chẳng vì thiếp Hán, khéo vẽ vời rắn nọ thêm chân.

Trăm miệng rèm khôn cấm khôn bưng ; Nghiêng tai thánh dễ nghi dễ hoặc.

Đường-Vương giúp Lý-Công hi-đấu, tớ chở-che hết sức chàng Hai ; Tống-Hoàng nghi Dương-sứ mưu tư, tớ gánh-vác nặng lòng chùa Tám.

Con cò chợt thò-lò thấy bẫy ; Cánh hồng bèn thăm-thẳm lánh xa.

Lời tớ nguyền bạch nhật thanh thiên, ngươi canh-cánh hằng ghi dạ ấy ; Lời ngươi rõ đan như thiết khoán, tớ đinh-ninh còn nhớ dạ này.

Trượng-phu tu ý khi tương kỳ ; Quân-tử vị hiềm nghi nên khích.

Chu-nguyên-Tể vốn cầm một tiết, còn lao-đao trong thuở lưu ngôn ; Hán-Giáng-Hầu há có hai lòng, cũng man-mác mấy điều nghi-tự.

Xưa lễ ấy nay thường lễ ấy ; Ngươi lòng nào tớ có lòng nào.

Rầy dưới đời còn thế tam phân, ngươi cần giữ tận tâm sở sự ; may trong bể nên công một mối, tớ nhớ lời giữ quốc đồng-hưu.

Dù ai đen bạc biến rời ; Phó mặc xanh vàng soi-xét.

Cần thư

BÀI HỊCH LÊ-DUY-MẬT ĐÁNH TRỊNH

(Ông là con thứ mười một vua Lê-dụ-Tôn. Ông thấy chúa Trịnh chuyên-quyền, ông mới làm bài này, định khởi nghĩa, chẳng may việc tiết-tộ không xong, ông phải trốn vào Thanh-Hóa, chiếm-cứ Thạch-Thành đánh Trịnh. Sau bị bọn Hoàng-Ngũ-Phúc làm mưu phản-gián, ông bị thua, đem vợ con lên đàn tự-tử),

Hịch rằng :

Đấng văn-tôn văn-tử, thù cha ông chi để đội giời ; Người vương-thổ vương-thần, lòng trung nghĩa phải toan vì nước.

Nhớ từ thuở :

Đất Lam-Sơn khởi nghĩa ; Vua Thái-Tổ ra uy.

Rút gươm thiêng chém quách Liễu-Thăng ; Lên ngôi báu dựng đồ Nam-Việt.

Trọc tóc lại nên dài tóc, đầu đội ơn công-đức vô cùng : Trắng răng đổi được đen răng, miệng đọc chữ thái-bình hữu tượng.

Ca Lê-Luyện chắp tay hớn-hở ; Khúc Nghiêu-cù múa bụng nhởn-nhơ.

Trần-Tung giở mặt mặc Trần-Tung, nào chuyển nhân tâm tư Hán ; Mạc-thị mống lòng dầu Mạc-thị, khôn ngăn thiên-hạ quy Châu.

Giữa giời Nam vận mở trung-hưng ; Trong đất Tống mượn tay Nguyễn-tướng.

Nguyễn, công ấy giạ-tràng xe cát ; Trịnh, việc chi tu-hú để nhờ.

Trước ra tuồng chùm cửi loạn ngành, đã hũng-hĩnh như chuột xa chĩnh gạo ; Sau quen thói bồ câu tranh tổ, lại hung-hăng như châu húc nhà thần.

Mặt Mãng-xà nhắm vạc Tây-kinh ; Nhòm Tháo-quỷ thèm ngôi Đông-Hán.

Vẽ chân rắn những loài xiểm-nịnh, anh-hùng miệng ngậm bồ hòn ; Thêm lòng lươn sinh sự nề-hà, thiên-hạ đầu vo quả ké.

Thảm-khắc mấy rán xành ra mỡ ; Oan-khốc chi gắp lửa bỏ tay.

Nhân dân thổ địa cõi bờ xưa, chi để xa hang tặc-tử ; Xã-tắc sơn-hà nền-nếp cũ, sao cho vào túi gian-phu.

Này dầu mà chẳng sớm liệu toan; oan-gia ấy biết bao giờ giả ? Vậy phải liều mình vượt bể, gắng sức chèo non.

Chữ khâm-sai xương nhuộm lá cờ ; Đàn quy nghĩa gió lay con mác.

Lúp-túp một thành một lữ, tro tàn bếp Hạ thổi phù-phù ; Mở-mang tấc đất tấc dân, thanh gươm cũ Lưu mài sáng sáng.

Chín thu giời mơ-tưởng ; năm canh nguyệt mơ-màng.

Lội nội Tầu, hươu chửa bẻ sừng, vào lưới vắng người hào-kiệt ; Tắm sông Sở, khỉ còn đội mão, ra tay thiếu kẻ anh hùng.

Tổ-công tông-đức phụ chi ai ; Trung-nghĩa thần-dân sao lảnh mặt.

Kẻ chịu Hoàng ân khi sáng nghiệp, có giời, có đất, có nhi tôn ; Người nhờ hồng-phúc thuở trung-hưng, còn nước còn non, còn tước lộc,

Người vẫn là người cõi Việt ; Đất nào chẳng dất nhà Lê. Ngôi thiên-vương chim phượng ngắn lông, trông thấy cũng nên sa nước mắt, Tặc-quân chắc miệng tằm ăn lá, xem vào sao chẳng ngứa buồng gan?

Xác liu-điu nào phải con rồng, Lửa lém-đém chen gần bóng ác.

Cấy lúa chớ dung loài má khác; — Ăn quả nên nhớ kẻ giồng cây.

Gà Lữ kia cứng cổ được ai, máu Lữ-Sả làm nhơ chợ Hán ; Chó Hồ nọ nhăn nanh cắn chủ, bụng Lộc-Sơn thêm nhóp gươm Đường.

Xin đừng ỷ thế băng-sơn ; Phải liệu cùng lòng tả-đản.

Nhà Đại-Hạ mái nghiêng nghiêng xuống, dương sức chống cột giường ; Ròng Trung-Lưu đương quẩn-quẩn chôi, ra tay cầm bánh lái.

Buộc yên ngựa chớ tham của Tháo ; Hội vườn đào đừng phụ nghĩa Lưu.

Thu gio nước Cối, nước Tần, gặp thuở khi khu bền dạ sắt ; Lướm bếp ngươi Phùng ngươi Đặng, trong khi thảng-thốt cháy gan vàng.

Hoặc tới quân môn ; Hoặc thông tin-sử.

Bạn-trạng chỏ sông Hoàng, non Thái, ai phụ ai mặc quỷ thần soi : Bình-định sao khoán sắt thơ son, đức báo đức, duy giời đất biết.

Mấy sự thủy-trung cậy yết. Xin người quy nghĩa nghe cùng.

BÀI TỰA TRUYỆN KIỀU *(Chu-mạnh-Trinh)*

今使。緣締贈扇。遼陽不歸叔
Kim sử, duyên đề tặng phiến, Liêu-Dương bất qui thúc
父之喪。變起賣絲雷州卽辦
phụ chi tang, biến khởi mãi ty Lôi-Châu tức biện

窕民之案。則瑟琴好合。骨肉
oan dân chi án, tắc sắt cầm hảo hợp cốt nhục
團圓。碧玉長留。紫釵不斷。烟
đoàn viên, bích ngọc trường lưu, tử thoa bất đoạn, yên
花商客。何來買笑之金。聲教
hoa thương khách, hà lai mại tiếu chi kim. Thanh giáo
外臣。終阻歸降之甲。何以表
ngoại thần, chung chở quy hàng chi giáp ; Hà dĩ biểu
閨人之孝行。見俠女之機權。
khuê nhân chi hiếu hạnh, kiến hiệp nữ chi cơ quyền.
乃知事非曲則不奇。遇愈屯
Nãi chi sự phi khúc tắc bất kỳ, ngộ dũ chuân
而乃顯。卿眞達者。須知蒼昊
nhi nãi hiển. Khanh chân đạt giả, tu chi thương hiệu
之憐才。我亦云然。莫怨紅顏
chi liên tài. Ngã diệc vân nhiên, mạc oán hồng nhan
之無分。獨是未通媒妁。先訂
chi vô phận. Độc thị vị thông môi chước, tiên đính
私盟。一墜繁花。便成結習。或
tư minh, nhất trụy phiền hoa, tiện thành kết tập. Hoặc
者謂水蕩雲流之態。論而爲
giả vị thủy đãng vân lưu chi thái, luận nhi vi
枝迎葉送之風。不知紅杏出
chi nghênh diệp tống chi phong, Bất chi hồng hạnh xuất
牆。未付香心於粉蝶。霜鋒斂
tường, vị phó hương tâm ư phấn điệp, sương phong liễm
恨。恐延禍事於池魚。勵鏡裏
hận, khủng diên họa sự ư trì ngư. Lệ kính lý
之冰霜。度愁邊之歲月。無瑕
chi băng sương, độ sầu biên chi tuế nguyệt. Vô hà
之璧。價可重於連城。已逝之
chi bích, giá khả trọng ư liên thành, dĩ thệ chi
波。夢猶回於洛浦。試平情而
ba, mộng do hồi ư lạc-phố. Thí bình tình nhi

著論。宜略迹而原心。又況十
trước luận, nghi lược tích nhi nguyên tâm. Hựu huống thập
首新詩。冠入斷長之集。四絃
thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập; tứ huyền
宮怨。譜成薄命之音。覺悽凉
cung oán, phổ thành bạc mệnh chi âm, dác thê lương
其惱人。復娉婷而顧影。花應
kỳ não nhân, phục dinh đình nhi cố ảnh, hoa ưng
輸艷。柳欲憎嬌。參北部之風
thâu diễm, liễu dục tăng kiều, tham bắc bộ chi phong
騷。笑啼亦韻。擅南朝之粉黛。
tao, tiếu đề diệc vận, thiện nam chiêu chi phấn đại,
濃淡相宜。固宜諸老鐘情。遍
nùng đạm tương nghi, cố nghi chư lão chung tình. biến
名姓於裙邊袖角。遂使千秋
danh tính ư quần biên tụ dốc; toại sử thiên thu
記事。採風流於剩粉殘脂。嗟
kỷ sự, thái phong lưu ư thặng phấn tàn chi. Ta
乎小謫風塵。幾遭魔孽。情天
hồ, tiểu trích phong trần, kỷ tao ma nghiệt, tình thiên
浩渺。海恨蒼茫。隨風之絮何
hạo diểu, hận hải thương mang. Tuỳ phong chi nhứ hà
依。墜溷之花無賴。干卿甚事。
y, trụy khổn chi hoa vô lại. Can khanh thậm sự,
替古偏愁。然而聽月夜之琵
thế cổ thiên sầu; nhiên nhi thính nguyệt gia chi tỳ
琶。青衫易濕。唱隔江之玉樹。
bà, thanh sam dị thấp; sướng cách giang chi ngọc thụ.
白鬢添花。由來名士佳人夙
bạch mấn thiêm hoa. Do lai danh sĩ giai nhân túc
世有花嚴之刼。休怪青山黃
thế, hữu hoa nghiêm chi kiếp. Hưu quái thanh sơn hoàng
土。千古同淪落之悲。僕本多
thổ, thiên cổ đồng luân lạc chi bi, bộc bổn đa

情。感 深 同 調。未 悟 空 花 於 色
tình, cảm thâm đồng điệu. Vị ngộ không hoa ư sắc
界。偏 憐 幻 夢 於 春 場。金 屋 阿
giới, thiên liên ảo mộng ư xuân tràng. Kim ốc a
嬌。漫 著 半 空 之 想。美 人 芳 草。
kiều, mạn trước bán không chi tưởng; mỹ nhân phương thảo,
憑 招 隔 代 之 魂。偶 興 筆 以 抽
bằng chiêu cách đại chi hồn. Ngẫu hứng bút dĩ chừu
思。遂 逐 囘 而 想 詠。言 之 長 也。
tư, toại chục hồi nhi tưởng vịnh. Ngộn chi trường dã,
藉 當 客 窻 聽 雨 之 談。靈 之 來
tạ đương khách song thính vũ chi đàm; linh chi lai
兮。或 在 洛 浦 凌 波 之 夜。
hề, hoặc tại Lạc-phố lăng ba chi giạ.

BÀI DỊCH: *(Đoàn-Qui)*

Ôi! giá thử ngay khi trước Liêu-Dương cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma chay; quan lại công-bằng, án Viên-ngoại tỏ ngay tình oan uổng; thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu-lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười, mà chắc rằng biên thuỳ một cõi nghênh-ngang, ai xui được anh hùng cởi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thục-nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ-quyền. Thế mới biết người khôn thì hay gặp gian-truân, truyện đời khéo lắm trò quanh-quẩn.

Con Tạo-Hoá vốn thương yêu tài sắc, nàng đà biết thế hay chưa? Khách má hồng đừng giận nỗi giăng giá, ta cũng khuyên lời phải chẳng. Chỉ vì một nỗi mối-manh chưa có, thề-thót đã nhiều, giăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi. Cũng có người bảo tại nước chầy mây chôi lỡ bước, nên cành đưa lá đón quen thân, nào biết đâu bông hạnh nở ngoài tường chưa để con ong qua tới. Cho có muốn lưỡi dao liều với mạng, lại sợ thành cháy vạ lây. Tấm lòng này như

tuyết như gương, mối sầu nọ qua ngày qua tháng. Ngọc kia không vết, giá liên thành khôn xiết so bì, nước đã chôi xuôi, hồn cựu-mộng hãi còn vơ-vẩn.

Bàn cho thực phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn-trường mười khúc, trúc tơ phong nhã, hồ cầm một trương; câu thần vẳng giọng tiêu-tao, bóng ngọc tưởng chiều não-nuột, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh; vậy nên khách chung tình say truyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão; người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau còn nhặt cái phấn hương thừa.

Than ôi! một bước phong trần, mấy phen chìm nổi, trời tình mù-mịt, bể giận mông-mênh. Sợi tơ mành theo gió đưa đi, cành hoa rụng chọn gì đất sạch. Ai dư nước mắt khóc người đời xưa, thế mà giống đa tình luống những sầu chung, giọt lệ Tầm-Dương chan-chứa. Lòng cảm-cựu ai xui thương mướn, nghe câu ngọc-thụ não-nùng, cho hay danh sĩ giai nhân cùng kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ để riêng ai lưu-lạc đau lòng! Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa lầm-cầm, con hồn xuân mộng bâng-khuâng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương-thảo hú viá thuyền-quyên. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kể còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thảnh-thót mưa thu. Hỡi ôi! hồn còn biết hay chăng, bóng hoàn-bội tưởng ra vào lạc-phố!

SẨM

SẨM CÔ ĐÀO

I. — Anh như tấm vóc đại hồng, em như kim chỉ thêu rồng nên chăng ? Nhất chờ, nhì đợi, tam mong, tứ tưởng, ngũ nhớ, lục thất bát mong, cửu thập tìm. Em thương ai con mắt lim-rim, chân đi thất-thểu như chim tha mồi. Tối hôm qua vật đổi sao rời, tiếc công gắn bó tiếc lời giao-đoan. Lời thề xưa đã lỗi muôn vàn, mảnh gương còn đó phím đàn còn đây. Chót vì đàn đã bén giây, chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta ! Chén son nguyện với trăng già,— Càn khôn đưa lại một nhà vui chung. Đường xa-xôi xin chớ ngại-ngùng — Xa lời xa tiếng nhưng lòng chẳng xa. Nguyện với giăng già !

II. — Thiếp nay thi-lễ con nhà, thấy chàng mĩ-mạo nết-na dịu-dàng. Cho nên lòng muốn đa mang, biết rằng quân-tử có màng hay không ? Ngẫm duyên kỳ-ngộ tương-phùng ; lứa đôi ai lại đẹp bằng Tương-Như? Cầu-hoàng một khúc lẳng-lơ, Trác-văn-Quân phải ngẩn-ngơ long sầu. Vì đâu nên lấy được nhau ? Nếu không duyên nợ có đâu thế này. Đôi ta nay gặp nhau đây, ba sinh âu hẳn nợ này chẳng không ? Xin chàng hãi quyết đành lòng, nưng khăn sửa túi má hồng tựa nương. Họa may than lộn với vàng·

III. — Trách thân vả lại giận giời, trách chàng quân-tử ở ra người thờ-ơ. Phòng không để thiếp đợi-chờ, năm canh vò-võ những là thở-than. Nào khi họp mặt chén vàng, non nguyền biển hẹn tưởng anh chàng chẳng quên. Ai ngờ ra dạ bạc đen, say bên nhan-sắc bỏ bên ngãi-tình. Để cho em vò-võ một mình. Tương-tư khắc-khoải bệnh thất-tình đầy vơi. Trách thân nên lại giận giời !

IV. – Ai ôi ! nghĩ lại kẻo già, đừng tham-lam nữa để mà mệt thân. Đời người sống được bao lăm, sớm lo tối nghĩ mình tầm sác ve – Sao bằng phong nhã đủ bề, thị thành cũng lịch, giang khê cũng mầu. Trí tài ai kém ai đâu, mảng vui non nước một mầu xanh xanh. Ra chi của-cải thế tình, mà đua khôn-khéo mà tranh sang giầu. Đào-Tiềm Lã-Vọng tích đâu, thanh-nhàn sánh với công hầu ai hơn ? Vui thay nước trí non nhân !

V. — Đêm hôm qua vắng-vặc trăng rằm, thấy anh qua cửa em nằm không yên. Mê anh chẳng phải mê tiền, thấy anh lịch sự có duyên dịu-dàng. Trông thấy anh em những mơ-màng, ước gì đây đấy phượng hoàng kết đôi. Thấy anh chưa kịp ngỏ lời, ai ngờ anh đã vội dời gót loan. Làm cho em mơ-mẩn canh tàn, chiêm–bao trông thấy được anh chàng cạnh bên. Có chăng duyên ngộ ngẫu nhiên,

IV. — Trách duyên vả giận giăng già, xe tơ lầm-lỗi hóa ra chỉ mành. Biết ai than-thở sự tình, chẳng qua mình lại biết mình mà thôi. Lấy chồng gặp phải kẻ tồi, cho nên lòng những bồi-hồi đắng cay. Cả ngày chè rượu xưa say, khi nay thuốc phiện khi mai tài bàn. Nói ra mang tiếng phũ-phàng, Nín đi áo-não can-tràng xiết bao ! Cũng thì phận gái má đào, người thì gặp được anh hào đảm-dang. Mình thì cũng dự phấn hương, gặp nơi lêu-lổng chẳng thương chút nào. Cắn răng chịu biết làm sao ?

VII. – Â ý a, ai ơi, lửng đầu cầu, Lược thưa biếng chải, gương tầu biếng soi. Cái giá huê bỏ vắng không ai ngồi, buồng nhang bỏ vắng mặc người quay tơ. Cô thương nhớ ai ra ngẩn vào ngơ, đêm quên giấc ngủ ngày mơ trận cười, Đêm năm canh sáu khắc đức anh chàng ơi. Chàng cười nửa miệng thiếp tôi vui nỗi gì.

VIII. – Cái thằng chồng em nó chẳng ra gì, tổ-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang. Nói ra xấu thiếp hổ chàng, nó giận

nó phá tan-hoang cửa nhà. Nói đây có chị em nhà, còn năm ba sợi một và cây bông. Bán đi giả nợ cho chồng, còn ăn hết nhịn cho phỉ lòng chồng con. Em đắng cay ngậm quả bồ-hòn, con nhà gia thế lấy chồng con kém người. Tạc bia lên để thế-gian cười, con nhà thi-lễ lấy phải người đần-ngu.

IX. — Sáng giăng suông vắng-vặc cái đêm hôm rằm, — Nửa đêm là đêm về sáng chứ mới giăng bằng là ngọn cây tre. — Anh chót yêu em cho chọn chứ bên một bề. — Để em là em thơ-thẩn chứ mới ngồi kề giăng bóng giăng. — Cái sự-tình này ai thấu chăng là cho chăng ? -- Để em là em thề nguyện với bóng giăng em chịu sầu. — Cái mối tương-tư một dịp chứ đôi ba cầu, bắc nam hai ngả chịu sầu đôi ba nơi. — Chim khôn chết mệt về mồi. — Nó kêu déo-dắt ghẹo người tình-nhân. — Bấy lâu nay vắng-vẻ .Châu Trần, Để em tạm chút chơi xuân kẻo già.

X. — Thiếp khen ai chỉ nẻo đưa đường, để anh khéo biết quê nàng ở đây. Ông tơ hồng bà nguyệt xe giây, xe cô mình lấy anh đây cũng vừa, Đôi mươi mười tám đương thì, xin anh có ngỏ điều gì sẽ hay, chàng ơi nghe thiếp điều này, cửa nhà gia-thế phó giầy mặc tôi. Vợ chồng ta kết tóc ở đời.

XI — Sông kia nước chẩy đôi giòng, Đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào ? Muốn tắm mát thì lên ngọn con sông Đào, muốn ăn xim chín thì vào rừng xanh, Đôi tay vít cả đôi cành, quả chín thì hái quả xanh thì đừng. Ba bốn năm nay anh ăn ở trên rừng, chim kêu vượn hót nửa mừng anh lại nửa lo. Sa chân lỡ bước xuống đò, reo mình xuống xập chớ lo nỗi gì.

MỤC HẠ VÔ NHÂN (*Yên-Đổ*)

Chúng anh đây mục hạ vô nhân,
Nghe em nhan sắc lòng xuân ánh não-nùng.

Dù em má phấn chỉ hồng,
Dửng dừng dưng anh chẳng thèm trông làm gì.
Lấy anh anh cho đi trước để làm vì,
Tay thì dắt-diú, tay thì quàng vai.
Vén tay sờ chỗ em ngồi,
Em thời chẳng thấy, anh thời thở-than.
Bâng-khuâng như mất lạng vàng,
Cái sênh, cái trống, cái đàn ai mang ?
Ai ơi thương kẻ giở-dang,
Miệng ca tay gẩy khúc đàn tương-tư.
Chẳng yêu chẳng nể chẳng vì,
Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành.
Một duyên, hai nợ, ba tình,
Chữ duyên chi vướng, mối tình ai mang !
Kẻo còn đi nhớ về thương,
Kẻo còn để mối tơ vương bên lòng.
Đôi ta chút nghĩa đèo bòng,
Dẫu mòn con mắt tấm lòng dám sai.
Ngại-ngùng những bước trông gai,
Trần-gian nhỡn-nhục nào ai biết gì.
Chữ tình là chữ chi chi,
Yêu nhau phải bảo đường đi lối về.
Đôi ta đã chót nhời thề,
Gần xa dắt-díu đi về có đôi.
Đến đâu người đứng ta ngồi,
Khi đàn khi hát những người chung-quanh,
Tới nơi những chốn thị-thành,
Đôi bên hàng phố dắp danh đón mời.
Đố ai biết chốn chợ giời,
Dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên.

SONG THẤT LỤC BÁT

BÀI TỰ TÌNH (*Cao-bà-Nhạ*)

(Ông Cao-bá-Đạt và ông Cao-bá-Quát là hai anh em nổi tiếng văn chương, thần Siêu thánh Quát. Ông Nhạ là con ông Đạt, năm Tự-Đức thứ 6 (1854) gặp gia biến, trốn ở hạt Mỹ-Đức, được tám năm bị bắt giam ngục, làm bài tự tình này)

Tỉnh giấc mộng ngâm câu ký vãng,
Trải tám thu ngày tháng như thoa.
Chiếc thân tựa gối quan-hà,
Nỗi niềm tâm-sự giăng già thấu chăng ?
Thơ cao-ẩn tay đẳng nên tập,
Bức linh-đài bút rập vào tranh.
Bâng-khuâng mình tiếc cho mình
Xa xa nói với xanh xanh dãi lòng.
Ngòi Đức-thủy khoi dòng kinh-sử,
Phả Cao-Dương treo chữ tấn-thân.
Dõi đời khoa bảng xuất thân,
Trăm năm lấy chữ thanh-cần làm bia,
Đèn Mông-Chính canh khuya một ngọn,
Màn Trọng-Thư năm trọn nửa vây.
Chim hồng mong chắp cánh mây,
Năm xe kinh sử một tay vẽ-vời.
Lửa Thái-Ất đêm soi Lưu-Hướng,
Cầu Thăng-Tiên ngày tưởng Tràng-Khanh.
Gót chân coi nhẹ Vân-trình,
Văn-chương dốc túi, công-danh dật cờ.
Nền thế-nghiệp đã nhờ gia-ấm,
Miền họa-đồ lại lắm thiên-ân.
Trước sau trải mấy mươi lần,
Môn phong vẫn giữ trung cần dám sai,
Ngẫm tiên-phụ nửa đời khổ-tiết,
Để mai sau một ít vi-danh.

Hoạn-giai nhỏ mọn đã-đành,
Trong vòng l'hù Lịnh phẩm-bình còn khen.
Dấu trung-ẩn in miền mây trắng,
Chữ mục-dân bóng dựng non vàng.
Bức tranh cheo chữ tuần-lương,
Ngư-dương hát lúa, Hà-dương vịnh đào.
Giá cầm-hạc so vào Triệu Biện,
Thư phụng-hoàng đưa đến Mao-Khanh.
Móc-mưa ơn đội thánh minh,
Thánh-minh hai chữ góp danh với đời;
Vườn Lý-Bạch chưa vui đào mận,
Nhà Tử-Văn nổi trận phong-ba.
Thương ôi ! hảo sự tiêu-ma,
Tấm lòng băng-tuyết phút hòa trần-ai.
Mảnh bạch-ngọc thiêu người khách-tử,
Lưỡi đoản-đao cắt chữ phù-sinh.
Nhân-gian ai kẻ thương tình,
Trăm năm công-luận phẩm-bình về sau.
Nỗi gia-thất mặc dầu Tạo-Hóa,
Đàn nhi-tôn gửi cả nhân-gian.
Ơn sâu dám quản thân tàn,
Còn mong gió cáo hồn oan lại về.
Bình dẫu phá còn lề cốt-cách,
Gương dù tan vẫn sạch trần-ai.
Thương thay một khóm hàn mai,
Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng.
Giấc vinh nhục sinh không một thoảng,
Bia thị-phi để tạc còn dài.
Thế-gian kẻ khóc người cười,
Muôn đời để sạch, muôn đời để rơ.
Cuộc phù thế thờ-ơ mệnh-bạc,
Chốn già đài chếch-mác lòng son.
Quyết mình há tưởng đến con,

Tưởng khuôn phúc thiện ngẫm còn về sau.
Phó ngạnh-tích mặc dầu sinh-tử,
Chắc Lý đình dạy chữ hiếu trung.
Cho nên lòng cũng đành lòng,
Dẫu khi biến cố còn trong luân thường .
Mối tâm-sự để gương non nước,
Mảnh huyết-tình rãi trước thần-minh,
Cầu kia ai gọi Tân-tình,
Chiếc bia Trụy-Lệ rành-rành bên sông.
Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
Phù-sinh một sợi tơ mành,
Giữ-gìn di-thể như hình thiên-kim.
Nhạn sa nước, nỗi chìm bể khổ,
Yến e cung, tìm đỗ cây lành.
Đường ngang những sợ chông-chênh,
Khăng khăng quyết giữ tấm thành như sơn.
Áo Bạch-nữ dầu cơn mưa nắng,
Khăn Ô-luân đội nặng gió sương.
Cành mai chếch-mác càng thương,
Câu thơ tang-tử dữa đường càng đau.
Ngàn non Thái một mầu mây bạc,
Giạt chân bèo lưu-lạc bể oan.
Gập-ghềnh từng bước gian-nan,
Một vùng khách-địa muôn vàn thương tâm.
Lòng hiếu-dưỡng trăm năm đã lỡ,
Lời di-danh hai chữ còn mang.
Trong khi biến, chẳng khác thường,
Đến đều cùng quá lại càng kiên-trinh,
Thu nước mắt gia-tình biếng cạn,
Thấm mồ-hôi vận-hạn lâu qua.
Tràng-đình ngảnh lại xa-xa,
Khỏi cầu Chiết-liễu ai là cố-nhân ?

Ghê chân bước phong trần mới trải,
Nặng lòng son sơn hải chưa dành ;
Nước mây mình biết cho mình,
Giời dành tuế-nguyệt, đất dành điền-viên.
Thú thôn-ổ : ao nghiên, ruộng chữ,
Mầu giang sơn : cơm-sử, áo-kinh,
Pha hòa hai chữ trọc thanh,
Đổi mùi lữ-khách, thay hình hàn-nho.
Người mến cảnh giang-hồ nên thú,
Cảnh yêu người tân chủ phải duyên.
Lần hồi trong tám chín niên,
Gối nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Vườn riêng lấy cỏ cây làm bạn,
Năm dài xem yến nhạn bay qua.
Song hồ ngày tháng lân-la,
Một hai hoàng-quyển, năm ba tiểu-đồng.
Tráp Vĩnh-Thúc, tay phong, tay mở,
Tập Thiếu-Lăng, câu lựa, câu ngâm.
Thờ-ơ thân-thế phù-trầm,
Khi dong trước gió, khi nằm dưới giăng.
Khuôn tạo-hóa dẫu rằng phong sắc,
Nợ phù-sinh phó mặc bi-hoan.
Thôn cư riêng thú bàn-hoàn,
Đem thanh giải chọc, đem nhàn giải ưu.
Túi Tư-mã dở câu thánh-phú,
Vườn Đào-Am quyền chủ thần-hoa.
Mấy phen điểm-xuyết yên-hà,
Cúc mươi lăm khóm, mai và bốn cây.
Giấc thanh-giạ cơn say cơn tỉnh,
Ngày lưu-niên khi lạnh khi nồng.
Phần-du nẻo Bắc ngừng trông,
Nước non cách mấy mươi trùng xa xa.
Câu lữ cảm lệ hòa nét mực,

Chữ gia tình thấm tắt lòng son.
Mắt trông Vương-Sán đã mòn,
Tay đề Hướng-Tú vẫn còn ngẩn-ngơ.
Tình ly biệt thờ-ơ gấp lại,
Mối ưu-sầu gỡ mãi chưa xong.
Lối oan chót mấy năm dòng,
Ngày mong chữ gấm, đêm mong chiếu vàng.
E đất khách lỡ đường la vỗng,
Khép cửa sài dám lỏng gót chân.
Bao nhiêu những sự xa gần,
Hư không phó mặc bụi trần bay đi.
Chữ nghĩa lý lòng ghi dạ tạc,
Điều thị-phi mắt nhác tai che.
Cô-trung quyết giữ lời thề,
Đề hồn di-thể đi về cho an.
Nước Châu-thủy đầy chàn buổi sáng,
Mây Na-sơn bảng-lảng ban chiều.
Có ai qua lối Hoạn-kiều ?
Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi-ai.
Tình kiều-tử hôm mai đằng-đẵng,
Hồn quan-sơn mưa nắng rầu-rầu.
Xa trông tầm-tã giọt châu,
Gần trông phải gượng mối sầu ngậm cay.
Gối vò-võ đèn khuây đêm vắn,
Cửa lơ-thơ rèm chắn ngày thâu ;
Cảm-hoài khi lựa mây câu,
Nghêu-ngao đồng-tử tiêu sầu năm ba ;
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy.
Đầu ngón tay máu chẩy pha son.
Người đau phong cảnh cũng buồn.
Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai.
Mối tâm sự rối mười phần thảm,
Gánh gia-tình nặng tám năm dư.

Khi ngày mong bức xá-thư,
Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.
Hương thề-nguyện khói nồng trước gió,
Tờ tố-oan mở ngỏ giữa giời.
Tờ oan kể hết bao lời,
Hương thề sao chửa thấu nơi cửu-trùng ?
Ngẫm đời trước vốn không oan-trái,
Sao kiếp này vướng mãi gian-truân ?
Lo xa thôi lại nghĩ gần,
Thôi ngơ-ngẩn sớm, lại chẳn-chọc khuya.
Ngơ-ngẩn nhẽ đường kia nỗi nọ,
Ngao-ngán thay phận nhỏ sầu to,
Một mình riêng những đắn-đo,
Thường tình nhi nữ khôn giò nông sâu.
Thôi dĩ-vãng đã không kéo lại,
Còn tương-lai liệu phải đền-bồi.
Hoạ may cảm-động đến giời,
Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.
Dẫu đầy kiếp phong-trần dám xá,
Dãi được lòng khuyển mã là vinh.
Một là mở tấm đan-thành,
Hai là rửa tiếng nguyệt-bình chê bai.
Để tiên-tổ ngậm cười chin xuối,
May gia-khương còn nối về sau.
Hay ra lại rạng cơ cừu,
Hèn ra sơn thủy tiêu sầu cũng khoan.
Cho nên nỗi gian nan xá kể,
Liệu rồi ra tìm thế gỡ dần.
Thôn-trang tìm thú ân-cần,
Một phần thê-tử, hai phần thảo-hoa.
Tưởng khuây-khỏa ngày qua tháng tới,
Bỗng hãi-hùng gió thổi mưa chan.
Nổi chìm chìm nổi bể oan,

Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy.
Nặng kiếp trước vỏ-giầy chi mãi?
Ngẫm tình này oan-trái sao cân?
Nghĩ thân mà ngán cho thân.
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi!
Chữ bạc-mệnh, ai ơi sót với,
Câu đa-gian, giời hỡi thấu chăng?
Gớm thay! ngọn lửa đốt rừng,
Dập tàn tàn lại bừng bừng bỗng không.
Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng,
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi.
Ngựa hươu thay đổi như chơi,
Dấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay.
Gây ra sự : chia cây rụng lá,
Để cho ai : chìm cá giạt bèo.
Năm ba kẻ thước người hèo,
Ngỗ Nhan lôi cái đan-biều đập tan.
Gà éo-óc vừa tàn giấc mộng,
Nhặng vo-ve sực động hồn kinh.
Tiểu-đồng thổn-thức chung quanh.
Thê nhi lăn-lóc bên mình khóc-than.
Phút nửa khắc muôn ngàn thê-thảm,
Trong một mình bầy tám biệt-ly.
Ngảnh vào ái-ngại thê-nhi,
Ngảnh ra án cũ cầm thi ngại-ngần.
Lay ngọn cúc gió dẫn lăn-lóc,
Thấm cành mai sương khóc chan-hòa.
Trông hoa đau-đớn cùng hoa,
Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình.
Áo sốc-xếch nửa manh chắp-nối,
Tóc loăn-xoăn trăm mối bòng-bong.
Sầu dài chia nửa vào song,
Bước ra dùng-dắng lại trông giở vào.

Hồn khuê-phụ lao-đao lặng ngắt,
Người hương-quan quanh-quất thương thay !
Bèo mây lỡ bước từ đây,
Nước non tiễn khách là ngày hai nhăm.
Đau-đớn nỗi kẻ thăm người hỏi,
Ngẩn-ngơ buồn miệng nói chân đưa.
Giọt phiền lai-láng như mưa,
Rượu nồng chẳng nhắp say-sưa những sầu.
Bẻ cành liễu ngâm câu ly-hợp,
Khuất ngàn dâu qua lớp đoản-tràng.
Bước sầu ai vẽ giữa đàng,
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.
Sương thấm lối gập-ghềnh từng bước,
Gió lần cành sao-xác tai nghe.
Đoái trông cầu quán so-le,
Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.
Mòn con mắt nẻo xa đẳng-đẵng,
Chồn bước chân dặm thẳng ngùi-ngùi.
Sông quanh chín khúc mấy hồi,
Con đường man-mát mười thôi nhọc-nhằn.
Cầu Ô-mễ mấy lần mây lại,
Ngàn Hương-Sơn một giải núi đưa ;
Lối này lạc bước từ xưa,
Ai ngờ thơ-thẩn bây giờ lại đây.
Bóng thấp thoáng yến bay buổi tối,
Tiếng mau thưa quyên gọi dậm trường.
Những là sợ gió e sương,
Thương thân chua-sót, nghĩ đường xa-xôi ;
Chuông Cổ-tự điểm hồi rộn dục,
Trống quan-thành vừa lúc sưu-không.
Sầu kia ai kể siết lòng,
Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày.
Gông ba thước ai bầy nên nợ,
Cũi một gian khéo giở ra trò,

Mới qua là kẻ văn-nho,
Bỗng nay đổi dạng từ-đồ bởi đâu !
Tấm-tức nỗi ngậm sầu nuốt giận,
Thồn-thức thay thở vắn than dài.
Đến nay mới rõ thói đời,
Giả tình trước mặt, đối lời sau lưng.
Trận gió thổi vang lừng trống giục,
Lối bụi mù chen-chúc quân gian,
Tảm vai quẩy nặng người oan,
Gần xa trăm miệng đồn vang phố-phường.
Bên năn-nỉ người thương người hỏi,
Ngoài sôn-sao kẻ nói kẻ cười.
Phong-tao ra dạng con người,
Dịu-dàng nét mặt ra loài văn-nhân.
Nỡ đầy đọa phong-trần nặng kiếp,
Để tơ vương oan-nghiệt lạ đời.
Đã đầy một đóa hoa mai,
Phẩm-tiên lưu-lạc trần-ai lạ-lùng.
Nhờ nhật nguyệt soi trong can phế,
Xin giang sơn giãi vẻ tâm trường.
Nặng lòng chân-trọng lời thương,
Thương nhau là khách qua đường biết sao.
Qua cửu-mạch cao-cao cửa đỏ,
Trông lục-nhai lồ-lộ gác vàng.
Những quen só-sỉnh điền-trang,
Hãi-hùng nghi-vệ công-đường viển-vông.
Mặt bảo-kính soi lòng ki-lữ,
Đuốc linh-tê thấu chữ kỳ-oan.
Bức tranh vẽ bước gian-nan,
Thanh-thiên bạch-nhật niềm-đan giãi trình.
Nay phó xuống đông-thành tạm trú,
Mai truyền sang bắc-lộ duổi ra.
Thân sao như gánh hàng hoa,

Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều.
Người đất khách phó liều mưa nắng,
Thuyền sông mê chở nặng biệt-ly.
Tràng-đê một dải xanh rì,
Nước chôi đỏ thắm, mây đi trắng ngần.
Hồn phần-tử mười phần lưu-lạc,
Cõi phong-ba mấy hước nổi chìm.
Sóng đào kêu mãi không im,
Giọt xương rã-rích hầu êm lại tràn.
Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái, (*Ái-mộ*)
Cây mau thưa ngảnh lại huyện Gia. (*Gia-Lâm*)
Thương tâm này nước non nhà,
Cảnh còn như cũ người đà khác xưa.
Đường lần-lút gió đưa mưa rước,
Cõi phong-trần mây ngược nước xuôi.
Sông sầu một gốc chia đôi,
Lối sầu trăm dặm một thôi đoản tràng.
Ô chếch-chếch xế ngang non bạc,
Sếu xa-xa bay lạc ngàn xanh.
Giang-sơn thêm nặng li-tình,
Giang-thành vừa sớm, sơn-thành lại hôm.
Giời hầu tối hơi lam giục-giã,
Mây kéo cơn tầm-tã sa mưa.
Ơn trên thấm-thía cho chưa,
Ơn giời trước đã mau thưa đượm-nhuần.
Vì đầy kiếp phong-trần cho bõ,
Cũng xét tình oan-khổ mới nao.
Dẫu rằng đất thấp giời cao,
Người còn trăm miệng lẽ nào một thân.
Nghe Hiến-chỉ truyền ran lịnh-tiến,
Dục tinh sương đối diện công-đình.
Thực hư may được rành rành,
Mười tay mười mắt phân-minh giữa giời.

Việc yêu quái tăm hơi mù-mịt,
Điều oan-vu xương thịt báo-đền.
Lạc đàn trong bấy nhiêu niên,
Nào ngờ thất-giáo cho nên lụy mình.
Loài đồng-khí đã đành nặng nợ,
Lòng bỉnh-di sao nỡ bỏ hoài?
Ngón tay còn có vắn dài,
Huống chi lành giữ lòng người khác nhau.
Sóng bình-địa trước sau trùng-điệp,
Gió phi-tai đơn kép dầy-vò.
Càng ngày hoạn-nạn càng to,
Cha con cùng một chuyến đò bể oan.
Một chiếc bóng giang-san dãi-tỏ.
Bấy nhiêu lâu thôn-ổ ân-cần.
Nhỡ-nhàng đến bước gian-truân,
Dẫu là hiền-trí khôn phần nài sao.
Lánh cho khỏi tanh-tao là qui,
Giữ được điều liêm-sỉ là hay,
Lòng kia đen, trắng, gian, ngay,
Gió giăng bầu-bạn lâu nay biết lòng.
Đã chắc hẳn đứng không thẹn bóng,
Nào tưởng đâu lá bỗng ngược cành.
Chắc rằng gắn bó đan-thành,
Chút thân chẳng bận hôi tanh mảy-mày.
Sao đến nỗi tai bay vạ lạc,
Thà bỏ thân đáy nước, cành cây.
Thân sao thân đến thế này,
Mấy năm dũ sạch một ngày bụi dơ.
Ơn tiên-thế bao giờ báo-đáp,
Nợ phù-sinh mấy kiếp đền-bồi.
Phù-sinh thôi thế thì thôi,
Dẫu thân chuộc lại cũng đời bỏ đi.

Sao gia-vận biến-di đến thế,
Nào tiên-nhân tích-lũy để đâu ?
Cao cao xanh ngắt một mầu,
Biết rằng có thấu nguyên-đầu cho chăng ?
Chữ khổ-tiết khăng khăng cầm chắc,
Nợ đa-truân dẳng-dặc cố theo.
Trước sau vẫn chút bấy nhiêu,
Nặng vì cốt nhục phải liều phát-phu.
Tình phụ-tử cay chua đến ruột,
Nỗi thất-gia đau buốt tận xương.
Từ nay nhắn-nhủ thế-thường,
Ai ơi ! xin chớ ngâm chương mộng-hùng.
Hồn nghĩa-lý chơi dong mây bạc,
Lệ văn-chương sái lạc suối vàng.
Mai sau còn kẻ tình thương,
Vài thiên ai-cảm, mấy chương phẩm-bình.
Luống tích-thiện sao không phùng-thiện,
Chưa minh-oan lại đến hàm-oan!
Băng-hồ rơi xuống lầm-than,
Thà cho một chén tân-toan đi đời.
Khi lên xuống Tam-Thai, Bích-Lạc,
Lúc đi về Ngũ-Nhạc, Huyền-Đô.
Thoảng không trăm giận nghìn lo,
Trải chân bến khổ, qua đò sông mê.
Còn vướng nỗi đề-huề nhiều ít,
Nỡ liều thân vĩnh-quyết sao đành.
Tiên-phần còn gửi mây xanh,
Sót thân lưu-lạc phù-bình bấy lâu.
Nợ Đại-tạo mai sau khoan-thải,
Chút hiếu-trung may lại báo-đền.
Cho nên ngậm tủi nuốt phiền,
Cắn răng cố nhịn muôn nghìn thương tâm.
Nhà Huyên bấy nhiêu năm lưu-lạc,

Chân bèo trôi một bước một đau.
Hoặc là thấu đến cao sâu,
Tấm lòng tấc cỏ mai sau còn rành.
Lại còn nỗi gia-đình tự-tục,
Đau-đớn lòng cố, phục, cù, lao.
Phúc xưa mòn-mỏi thế nào ?
Chút dòng thanh-bạch nỡ nào mất không !
Chút đau-đớn khuê phòng gối lẻ,
Bỗng vì đâu chia rẽ mối tơ.
Liễu-bồ đôi chút cành thơ,
Bao giờ bìu-díu, bao giờ bồng-mang.
Đã cay-đắng nhiều đường rộn-rã,
Lại nhục-nhằn đến cả vợ con.
Mấy năm chút nghĩa ôn-tồn,
Gieo đào, trả mận lòng còn bâng-khuâng.
Đường kia nọ nửa chừng bề-bộn,
Nỗi trước sau trăm món ngổn-ngang.
Mắt kia thác cũng còn gương,
Hồn kia muốn dứt còn vương nỗi này.
Đành tiền-kiếp chịu đầy lầm-cát,
Mong tái-sinh nhờ hạt móc-mưa.
Phúc nhà còn mảnh sợi tơ,
Họa may báo-đáp còn chờ về sau.
Thân nghĩ lại cùng-sầu đã chán,
Số sui ra vận-hạn khôn đành.
Ví liều quyết chẳng tiếc mình,
Sạch mình đã vậy, thế tình còn nghi.
Khuôn Tạo-hóa dẫu nguy còn phúc,
Tấm linh-đài khỏi nhục là vinh.
Bo-bo hãy gắng lấy mình,
Bấy lâu gìn-giữ sao đành liều đi.
Xin Tạo-Hóa phù-trì chớ bỏ.
Để thế-gian xem rõ kẻo lầm.

Đen nào dơ được đan-thầm ?
Sầu nào ngăn được cao-ngâm dõi ngày ?
Gần mùa hạ chim bay đuổi thỏ,
Rắp đầu thu ngọn gió cuốn mây.
Lọt then ngày tháng hơi may,
Đồng-hồ thảnh-thót vơi đầy năm canh.
Nam-cai khuất non xanh man-mát,
Thái-hàng xa mây bạc lần-vần.
Hồn bay ngàn dặm cũng gần,
Trong năm mươi khắc năm lần thấy cha.
Chợp sực thức, la-đà gối bị,
Nằm, lại ngồi, rầu-rĩ chiếu manh.
Hóa-công khéo giữ nhàn-tình,
Đem người yên-thủy bó vành lao-lung.
Đem lầm đục rẩy trong băng-tuyết,
Rắc bụi trần điểm vết khuê-chương.
Then mau khóa kín một đường,
Hồ thân loan hạc, ra tuồng chó dê.
Chiếc ngựa trắng đi về góc bể,
Đàn chó xanh lẻ-tẻ bên giời.
Một mình với bóng là hai,
Rèm buông mỏng-mảnh, song cài so-le.
Mòn con mắt đi về hương-lĩnh,
Ngỏ tấm lòng với mảnh phù-vân.
Phù-vân đem lại cho gần,
Gửi về hương-lĩnh ân-cần mấy câu.
Ngồi tựa gối rãi sầu với gió,
Mới đâu chừng đêm nọ tới nay.
Hơi may héo-hắt từ đây,
Giang-nam phong-vị độ này ra sao ?
Năn-nỉ với hai sao bên Hán,
Giải tràng giang giời hạn đông tây.
Hai sao soi biết nạn này,

Xin cho thất-tịch cùng ngày đoàn-viên.
Vừng giăng trước về miền vân-thủy,
Soi những người thiên lý tương-tư.
Đi qua vườn cũ lơ-thơ,
Thử xem án cũ cầm thư thế nào ?
Trông đàn yến bay cao phấp-phới,
Sịch then song gọi với trước mành.
Tiện đây nhờ gửi chữ tình,
Chờ xuân nhắn gửi chim xanh còn chầy.
Tình nam bắc thâu ngày qua tháng,
Sầu biệt-ly vơi sáng đầy chiều,
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Cậy ai về nẻo Thước-Kiều hỏi tin.
Quanh mao-quật gió hiên, giăng mái,
Giải tình–giang rượu sớm thơ chiều.
Nào thơ nào rượu rập–rìu,
Trông giăng tựa gió đìu-hiu một mình,
Những say tỉnh Bắc-Kinh mưa gió,
Vẫn mơ-màng phòng cũ chiếu chăn.
Gối sầu cách áng mây Tần,
Băn-khoăn tay áo chân quần ở đây.
Án nọ nưng ngang mày sớm tối,
Nay tháng ngày no đói với ai.
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần-lư sực nhớ đến mùi Giang-Nam.
Kìa ngọn núi in làm bút-giá,
Nọ đám mây mở lá thi-bình.
Bút xưa trang điểm chữ tình,
Bình-thi cuốn gửi Hồ-Đình bấy lâu.
Tưởng thư-viện những sầu cách-diễn,
Nghĩ hoa-viên càng ngán xa xôi.
Giếng vàng một tiếng thu rơi,
Quan-sơn nghìn dặm, mấy hồi tương-tư.

Rắp mượn cá đem thư thăm hỏi,
Thoắt nghe chim tựa gối ngẩn-ngơ.
Trông hoa luống nặng tình xưa,
Tiếc hoa luống ngại nắng mưa dãi-dầu.
Dễ khuây-khỏa trăm sầu ngàn giận,
Những xụt-xùi thở ngắn than dài.
Biệt-ly ai kể xiết lời,
Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.
Người đưa rượu hỏi thăm Bàn-Trạch,
Kẻ say giăng tìm khách Đào-Chu.
Nào ai chang-điểm mầu thu,
Hoa vàng chén bạc tạc-thù với ai ?
Miền Dứu-Lĩnh tin mai gắn-bó,
Đỉnh Cô-sơn mối gió đợi-chờ.
Muốn mang chén rượu câu thơ,
Lạnh-lùng trong tuyết, hững-hờ dưới giăng.
Chồi tiểu-bạch vừa chừng hơn thước,
Tay chủ-nhân ngày trước vun giồng,
Dẫu khi xương-tuyết lạnh-lùng,
Xa-xôi dám phụ tấm lòng kiên-trinh.
Mây vô-định bay quanh ngoài mái,
Trăng hữu-tình soi lại trước sân ;
Non đông tin-tức cách ngần,
Tường-vi rầy đã mấy lần khai-hoa?
Nhắn hỏi tiễn xuân là mấy khóm,
Vẻ tiên-hồng trang-điểm dường nào ?
Lầu-trang gió bỗn giăng chào,
Kim-thoa đưa nhớ, tiễn đau, cắt buồn.
Vườn thược-dược thâu mòn cửa trúc,
Rẫy ba-tiêu chen-chúc song hồ.
Biệt-ly vắng ngắt cảnh thu.
Thanh-cư ai vẽ nên đồ Võng-Xuyên.
Nhắn hỏi đến mộc liên hai ngọn,

Phóng tin hoa gần-gận gió may.
Hoa kia hãi nhắn thư này,
Buổi thu còn vắng người say trước đình.
Tiếng tất-xuất bên mình dục-dã,
Ngọn trà-mi trước giá lơ-thơ.
Buổi thu chớ ngại công chờ,
Con ong cái kiến ỡm-ờ giới thay.
Nhờ tin gió hỏi cây thạch-lựu,
Thu hầu sang hạ-cửu gần qua.
Đan-tân còn chút gọi là,
Giữ-gìn băng-ngọc đừng pha bụi trần.
Đường hoa trải mùi xuân lác-đác,
Cánh loan-tiên bay lạc lối ngoài.
Với ai khoe tía khoe tươi,
Chậu vàng ngần-ngại những người nghiên-xương.
Tưởng sơn-trúc thạch-hương đã ngán,
Hỏi hồ-đào long-nhãn càng đau.
Hồng-mai rã-rích giọt châu,
Hững-hờ sương tảo, giãi-dầu sương cam,
Góp trăm mối đem làm tâm sự,
Tính trăm hoa đầy cả gió xương.
Chập-chờn say tỉnh giữa đường,
Hoa kia có biết đoạn-trường này chăng?
Nỗi ly-hận nói-năng sao xiết,
Tình tương-tư nào biết bao nhiêu.
Tính xem ly-biệt ít nhiều,
Thương cho mai cúc nặng điều tương-tư.
Nhờ trận gió gửi thư thăm hỏi,
Mượn bóng giăng giãi nói ân-cần.
Giá đành phong-nguyệt chủ-nhân,
Nỡ nào đầy-đoạ phong-trần sót-thương.
Xin hoa chứa phong-quang như cũ,
Chủ-nhân còn đoàn-tụ có khi.

Trả cho sạch nợ lưu-ly,
Tân-toan rửa hết đến kỳ cam-lai.
Gửi tình trọng thay lời thương nhớ,
Cậy đồng tâm lo đỡ ít nhiều.
Có khi lau-chuốt đan biều,
Khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây.
Lúc thanh-hạ đặt bầy giá bút,
Buổi rồi-dài lau chuốt án thơ.
Dưới đèn giở thước xe tơ,
Sửa-sang áo rét đợi-chờ thu qua.
Tình khuê-các gần xa lắm nỗi,
Người quan-sơn sớm tối một mình.
Trông về giời bể mông-mênh,
Lúc đi còn vướng mối tình tư-qui.
Ngàn nam-mẫu vừa khi canh-tác,
Dải tây-giang ngọn nước đầy vơi.
Dưới giăng thuyền chúc thảnh-thơi,
Phong-lưu năm ngoái là người năm nay.
Xếp tình cũ từ đây trở lại,
Hoài công đâu kể mãi việc nhàn.
Đã đành hội, biệt, bi, hoan,
Mặc khuôn Tạo-Hoá tuần-hoàn nghĩ chi.
Chữ thông-tắc phải tùy sở ngộ,
Lẽ thị phi không hổ với đời.
Chiếc thân đứng giữa cõi người,
Trên giời nhật nguyệt, dưới giời sơn xuyên.
Chứa trong bụng đầy thiên kinh-sử,
Đội trên đầu nặng chữ quân-thân.
Bầu băng giá ngọc trắng ngần,
Dẫu dầm giọt nước phong-trần chẳng hoen.
Lối kim cổ là miền liêm sỉ,
Bia thị-phì còn để nhục-vinh.
Mắt tai hiền truyện thánh kinh,

Lẽ đâu cầm độc ô danh quan thường.
Nhờ Tạo-Hóa rộng đường phúc-trạch,
Giăng thiên-la vét sạch hung-ngoan.
Một phen cười với thế–gian,
Rồi ra tùy ngộ nhi an xin đành.
Hãy đem món thường-tình xếp lại,
Tạm tinh đều thế-trái để ra.
Đêm đêm lạy hỏi giời già,
Thân này ô-chọc hay là thanh-cao ?
Còn trên thế ít nhiều dư-phúc,
Chắc linh-đài chín khúc đan-tâm.
Hóa cơ vẫng phục chẳng lầm,
Để cho tác-thiện lục-trầm lẽ đâu ?
Thu nước mắt nghĩ câu thận-độc,
Rong ngọn đèn ngâm khúc mạc-ai.
Bút nghiên tiêu-khiển ngày giài,
Chẳng vì tâm khổ bỏ hoài quang-âm.
Nhân thong–thả lại ngâm quốc-ngữ,
Đem thủy–chung tình-tự nói năng.
Nôm-na câu được câu chăng,
Đỡ khi buồn-bã lại dâng một cười.

KHÓC BẠN LÀ CỤ NGHÈ VÂN-ĐÌNH *(Yên-Đổ)*

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man-mác ngậm-ngùi lòng ta !
Nhớ từ thuở đăng-khoa ngày trước,
Lúc sớm khuya tôi bác cùng nhau.
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong cơn gặp-gỡ biết đâu duyên giời.
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng xuối nghe róc-rách lưng đèo ;
Có khi từng gác cheo-leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh-tương ôm-ấp bầu xuân.
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông-bích điểm phần trước sau.
Buổi dương-cửu cùng nhau hoạn-nạn,
Phận đầu-thăng chẳng dám than giời.
Tôi già bác cũng già rồi
Biết thôi thôi thế thì thôi mới là !
Những đi lại tuổi già thêm nhác,
Gặp nhau ba năm trước một lần ;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh-thần chưa can.
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày.
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe tôi bỗng chân tay rụng-rời.
Ai chả biết chán đời là phải,
Sao vội-vàng đã mải lên tiên ?
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,
Thơ muốn viết đắn-đo chẳng viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.
Gương kia cheo những lững-lờ,
Đàn kia muốn gẩy ngẩn-ngơ tiếng đàn.
Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương.
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu mang lấy hai hàng chứa-chan !

NÓI CHUA

(Xưa có cô con gái ai trêu ghẹo cũng hay nói chua, họ mới tức, đồn phao rằng cô bán nam bán nữ, không có gì, cô ta tức không sao được, gần nhà cô có ông đồ biết vậy mới làm bài này, nhận làm chân phù thủy để chiêu hồn hộ cho cô).

Tự tình rằng :

Khi canh cửi lúc ngồi thong-thả,
Ngẫm sự đời buồn-bã gớm-ghê ;
Âm dương lấy đấy mà suy,
Côn-trùng còn có huống chi lọ người.
Gớm rác tai những lời trò-truyện,
Khéo đem lời nói đến những câu.

Thơ rằng :

Chém cha cái số má hồng châu,
Nghĩ đến càng thêm lắm nỗi sầu ;
Dệt cửi quăng đi còn có nhẽ,
Gieo thoi ném lại nghĩ không đâu.

Gớm thay !

Gan người dạ thế sâu khôn xiết,
Bảo nhau rằng : « Tit-tịt có chi » !
Tai thấp-thoáng, dạ hồ nghi,
Dành dành chẳng biết cái gì mọc đây.
Khi thong-thả mặt giầy ngắm lại,
Lúc thanh-nhàn tay gãi thử xem.
Rành-rành múi mít đôi bên,
Lùm-lùm chai úp là miền hạ thôn.
Cỏ rêu mọc xanh om cửa tiá,
Lá cờ bay đỏ khé sông đào ;
Môi giầy miệng rộng chán cao,
Đủ đồ tướng-pháp anh-hào nghi-dung.
Ấy rõ thực lá vòng rầy-rậy,
Rằng lương-nhân trông thấy gớm-ghê.
Há như lá trúc lá che,
Mà cười, mà ngắm, mà đè, mà hôn.
Ấy có đồ chững-chàng là thế,
Mà người ta oẻ-ọe rằng không.

Nín thì tức, nói thẹn-thùng,
Phải đồ bán chợ mà hòng phô-trương.
Mà đại-đề như phường tơ kén,
Mà vén màn quần bầy-biện đồ ra.
Để trình những khách gần xa,
Thử xem cho biết rằng là có không.
Nhưng mà lại vào dòng quí tướng,
Bộ râu sồm quai nón phất-phơ.
Màn quần che kín sớm trưa,
Tuyết sương chẳng quản, nắng mưa chẳng từng.
Hoặc có lúc hớ-hênh khuya sớm,
Hoặc ai mà trộm nghé mới hay.
Ví mà đem để sánh bầy.
Thất kinh vía quỷ, xa bay hồn phàm.
Nhân nay buổi thanh nhàn phẫn chí,
Quyết mời anh phù-thủy chiêu-hồn.
Để mà phán bảo ôn-tồn,
Khuyên ai rằng có lại đồn rằng không.
Quyết gan đợi anh-hùng cát-sĩ,
Lúc bấy giờ sẽ hé phòng thâu.
Thiếp nay rãi kể tình đầu,
Không không có có mặc dầu miệng ai.
Anh-tài ới hỡi anh-tài !.

ƯU PHỤ TỪ 優 婦 詞 (*Yên Đỗ*

東 鄰 家 有 優 人 住
Đông lân gia hữu ưu nhân chú,
夜 半 優 人 語 優 婦
Giạ bán ưu nhân ngữ ưu phụ :
我 亦 辰 常 做 好 官
Ngã diệc thời thường tố hảo quan,
如 何 人 皆 不 我 懼
Như hà nhân giai bất ngã cụ ?

優婦大怒罵其夫
Ưu phụ đại nộ mạ kỳ phu :
爾年既老何大愚
Nhĩ niên kỷ lão hà đại ngu !
幸哉昏暮人不識
Hạnh tai hôn mộ nhân bất thức,
人或識之貽妾羞
Nhân hoặc thức chi di thiếp tu.
世間驚人但有二
Thế gian kinh nhân đãn hữu nhị ;
一能生人一能死
Nhất năng sinh nhân nhất năng tử.
爾既不能生死人
Nhĩ ký bất năng sinh tử nhân,
如何人人皆懼爾
Như hà nhân nhân giai cụ nhĩ.
且也爾家本貧寒
Thả dã nhĩ gia bản bần hàn,
朝夕俳優求一餐
Chiêu tịch bài ưu cầu nhất san.
俳優人將且不懼
Bài ưu nhân tương thả bất cụ,
何況爾爲俳優官
Hà huống nhĩ vi bài ưu quan.

NAM-PHONG DỊCH

Xóm bên đông có phường chèo chọ,
Đến nửa đêm gọi vợ truyện trò :
Rằng: « Ta thường làm quan to,
Sao người coi chẳng ra trò trống chi ? »
Vợ cả giận mắng đi mắng lại ;
« Tuổi đã già sao dại như gì.
Đêm hôm người chẳng biết chi,
Người như biết đến thiếp thì hổ thay.

Đời có hai điều này nên sợ :
Sống chết người quyền ở tại tay.
Thế mà chàng đã chẳng hay,
Còn ai sợ đến phường này nữa chăng ?
Vả chàng vẫn nhì-nhằng túng-kiết,
Sớm hôm chèo kiếm chác qua thì.
Tướng chèo còn chẳng ra chi,
Huống hồ quan nhọ khác chi thằng hề. »

LỜI GÁI HÓA 嫠婦詞 (*Yên-Đổ*)

(Có người mời cụ ra làm quan, cụ làm bài này, thác là lời gái hóa để chối từ.)

君不見里中嫠婦愁獨宿
Quân bất kiến lý trung ly phụ sầu độc túc,
營食謀衣日不足
Doanh thực mưu y nhật bất túc.
鄰媼見之憐饑寒
Lân uẩn kiến chi liên cơ hàn,
室家使與少年續
Thất gia sử giữ thiếu niên tục.
少年壯大嗜慾廣
Thiếu niên tráng đại thị dục quảng,
嫠婦疲病筋力衰
Ly phụ bì bệnh cân lực suy.
供給使令不稱意
Cung cấp sử linh bất sứng ý,
縱然見合終必離
Túng nhiên kiến hợp, chung tất ly.
再醮本爲饑寒謀
Tái tiếu bản vi cơ hàn mưu,
不免饑寒爲可恥
Bất miễn cơ hàn vi khả sỉ.
況復不聞父母言
Huống phục bất văn phụ mẫu ngôn,

私 奔 便 爲 鄰 里 鄙
Tư bôn tiện vi lân lý bỉ.
嗟 嗟 鄰 媼 愛 何 爲
Ta ta lân uẩn ái hà vi,
愛 之 則 是 謀 則 非
Ái chi tắc thị mưu tắc phi.
饑 寒 只 應 布 米 給
Cơ hàn chỉ ưng bố mễ cấp,
縡 婦 再 醮 非 所 宜
Ly phụ tái tiếu phi sở nghi.

NAM-PHONG DỊCH

Chàng chẳng biết gái này gái hóa ?
Buồn nằm xuông xuông cả áo cơm.
Khéo thay cái mụ tá ơm,
Đem chàng tuổi trẻ ép làm lứa đôi.
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
Gái già này sức vóc được bao ?
Muốn sao mà chẳng được sao,
Trước tuy sum họp, sau nào được lâu.
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
Chẳng ngờ rằng đói rách hổ ngươi.
Vốn xưa cha mẹ dận nhời,
Tư bôn lại phải kẻ cười người chê.
Hỡi mụ hỡi thương chi thương thế ?
Thương thì hay nhưng kế chẳng hay.
Thương thì gạo vải cho vay,
Lấy chồng thì gái già này xin van !

ĐÁNH CỜ NGƯỜI (*Xuân-Hương*)

Chàng với thiếp canh khua dần-dọc,
Đét-đồn lên đánh cuộc cờ người.

Hẹn rằng đấu trí mà chơi,
Cấm ngoại-thủy không ai được biết ;
Nào tướng-sĩ giàn ra cho hết,
Để đôi ta quyết chi một phen.
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,
Hai quân ấy chơi nhau đà đã lũa.
Thoạt mới vào chàng liền nhẩy ngựa,
Thiếp vội-vàng vén phứa tịnh lên.
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bi thiếp liền gảnh sĩ.
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú-di vào cung.
Thiếp đương mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ đùng ra chiếu.
Chàng bảo chịu thiếp rằng chửa chịu,
Thua thì thua quyết niu lấy con.
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại dở bàn son quân ngà.

BÀI CHIÊU HỒN *(Cụ Nguyễn-Du)*

Tiết tháng bẩy mưa dầm sùi-xụt,
Toát hơi may lạnh-lẽo xương khô.
Não người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường Bạch-dương bóng chiều man-mác,
Dịp Đường-lê lác-đác sương sa.
Lòng nào lòng chẳng thiết-tha,
Cõi dương còn có nữa là cõi âm.
Trong trường giạ tối-tăm giời đất,
Có khôn thiêng phảng-phất u-minh.
Thương thay thập-loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh-đênh quê người.
Hương lửa đã không nơi nương-tựa,
Hồn mồ-côi lần-lữa mấy năm.

Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu.
Tiết đầu thu lập đàn giải-thoát,
Nước tĩnh-đàn sái hạt dương-chi.
Muôn nhờ đức Phật từ-bi,
Giải-oan cứu khổ cùng về tây phương.
Cũng có kẻ tính đường yêu-hãnh,
Trí những lăm cất gánh non sông.
Nói chi đương buổi tranh hùng,
Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau.
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở,
Khôn đem mình làm đứa sất-phu.
Giầu sang càng nặng oan-thù,
Máu tươi lai-láng, sương khô rụng-rời.
Đoàn vô-tự lạc-loài nheo-nhóc,
Quỷ không đầu đón khóc đêm mưa,
Cho hay thành bại là cơ,
Mà cô-hồn biết bao giờ cho tan.
Cũng có kẻ màn loan trướng huệ,
Những cậy mình cung quế phòng hoa.
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
Phận đã đành châm gẫy bình rơi.
Khi sao đông-đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương.
Đau đớn nhẽ không hương không khói,
Luống ngẩn-ngơ trong cõi rừng xim.
Thương thay tay yếu chân mềm,
Càng năm càng héo một đêm một dài.
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son sống thác ở tay.
Kinh-luân găm một túi đầy,

Đã đêm Quản, Nhạc, lại ngày Y, Chu.
Thịnh-mãn lắm oán-thù càng lắm,
Trăm loài ma mồ nấm trung quanh.
Nghìn vàng khôn đổi được mình,
Lầu cao viện hát tan-tành còn đâu.
Kẻ thân-thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước nén nhang.
Cô-hồn thất-thểu giọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.
Kìa những kẻ bài binh bố trận,
Đổi mình vào lấy ấn nguyên-nhung.
Gió mưa sấm-sét đùng đùng,
Rãi thây trăm họ làm công một người.
Khi thất-thể tên rơi đạn lạc,
Bãi trường-xa thịt nát máu chôi.
Mênh-mông góc bể bên giời,
Nắm xương vô-chủ biết nơi chốn nào ?
Giời xâm-xẩm mưa gào gió thét,
Khí âm huyền mờ-mịt trước sau.
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu điếu—tế, nào đâu chưng—thường?
Cũng có kẻ tình đường chí-phú,
Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn.
Ruột gia không kẻ chi thân,
Dẫu làm nên để dành phần cho ai.
Khi nằm xuống không ai nhắn-nhủ,
Của phù-vân có cũng như không.
Sống thời tiền chẩy bạc dòng,
Thác không đem được một đồng nào đi.
Khóc ma mướn thương gì hàng sớm,
Hòm gỗ ra bó đóm đưa đêm.
Ngẫn-ngơ trong quãng đồng chiêm,
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu ?

Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,
Dấn mình vào thành-thị lân-la.
Mấy thu lìa cửa lìa nhà,
Văn-chương đã chắc đâu mà chi thân.
Dọc hàng-quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nấng kiêng-khem.
Vội-vàng liệm sấp chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ láng giềng người dưng.
Bóng phần tử xa trừng hương khúc,
Bãi tham ma kẻ giọc người ngang.
Cô hồn nhờ gửi tha hương,
Gió giăng hiu-hắt, lửa hương lạnh-lùng.
Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm mây chạy xế gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa ròng,
Đem thân chôn rấp vào lòng kình nghê.
Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh che chín dạn hai vai.
Gặp cơn mưa nắng khí giời,
Hồn đường phách xá lạc loài nơi nao ?
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bỏ cửa nhà gồng-gánh việc quan.
Nước khe cơm vắt gian-nan,
Rãi-rầu nghìn dặm, lầm than một đời.
Buổi chiến-trận mạng người như dác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập-lòe ngọn lửa ma chơi,
Tiếng oan văng vẳng tối giời càng thương.
Cũng có kẻ nhỡ-nhàng một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.
Ngẫn-ngơ khi dở về già,
Ai chồng con tá biết là cậy ai ?
Sống đã chịu một đời phiền não,

Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.
Đau-đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu ?
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Rõi tháng ngày hành khất ngược xuôi.
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan.
Cũng có kẻ mắc đoàn tù giạc,
Gửi mình vào chiếu rách một manh.
Nắm xương chôn rấp góc thành,
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi.
Kìa những đứa tiểu-nhi tấm bé,
Lỗi giời sinh lìa mẹ lìa cha.
Lấy ai bồng bế sót-sa,
U-ơ tiếng khóc thiết-tha nỗi lòng.
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối,
Cũng có người xẩy cỗi xa cây.
Có người leo giếng đứt giây,
Người chôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn-tinh thủy-quái,
Người thì phải nanh hổ ngà voi.
Có người hay đẻ không nuôi,
Có người xa-xẩy, có người khốn-thương.
Gặp phải lúc đi đường nhỡ bước,
Cầu nại-hà kẻ trước người sau.
Mỗi người một nghiệp khác nhau.
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ ?
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn xuối chân mây,
Hoặc là điếm cỏ bóng cây,
Hoặc là quán nọ cầu này bơ-vơ.
Hoặc là nương thần-từ phật-tự,
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông.

Hoặc là trong quãng đồng không,
Hoặc lá gò đống, hoặc vùng lau-che.
Sống đã chịu một bề thảm-thiết,
Ruột héo khô da rét căm-căm,
Rãi-rầu trong mấy muôn năm,
Thở-than dưới đất, ăn nằm trên sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt giời lần-thần tìm ra.
Lôi-thôi bồng trẻ giắt già,
Có khôn-thiêng nhẽ lại mà nghe kinh.
Nhờ phép Phật xiêu-sinh tịnh-độ,
Phóng hào-quang cứu khổ độ u.
Rắp hòa tứ hải quần chu,
Não-phiền chút sạch-oán-thù rửa không.
Nhờ đức Phật thần-thông quảng-đại,
Chuyển pháp-luân tam giới thập-phương.
Nhơn-nhơn Tiêu-Diện-Đại-Vương,
Linh-kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.
Nhờ phép phật uy-linh dũng-mãnh,
Trọng giấc mê khua tỉnh chiêm bao.
Mười loài là những loài nào ?
Gái giai già trẻ đều vào nghe kinh.
Kiếp phù-sinh như hình như ảnh,
Có chữ rằng: «vạn cảnh giai không».
Ai ai lấy Phật làm lòng,
Tự-nhiên xiêu-thoát khỏi trong luân hồi.
Đàn chẩn-tế vâng lời phật giáo,
Của có chi bát nước nén nhang,
Gọi là manh áo thoi vàng,
Giúp cho làm của ăn đường thăng thiên,
Ai đến đấy dưới trên ngồi lại.
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu,
Phép thiêng biến ít thành nhiều,

Trên nhờ Tôn-giả chia đều chúng sinh.
Phật hữu tình từ-bi phổ-độ,
Chớ ngại rằng có có không-không.

BÀI CA VỢ CHỒNG NGÂU *(Tú Xương)*

Tục truyền tháng bẩy mưa ngâu,
Con giời lấy chú chăn trâu cũng phiền.
Một là duyên hai thời là nợ,
Sợi xích-thằng ai gỡ cho ra.
Vụng-về cũng thể cung-nga,
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.
Hay là sợ muộn chồng chăng tá ?
Hơi đâu mà kén cá chọn canh.
Lấy ai ai lấy cũng đành,
Dẻ giời đâu cả đến anh áo buồm.

HÒA LẠC CA *(Tuý-Lý-Vương)*

(Đức Tuý-Lý-Vương ngự chiếc Hoà-lạc ra cửa Thuận, giữa đường bị sóng gió, đức Tự-Đức phải cho năm chiếc thuyền ra cứu thoát, về ngài làm bài này).

Trời nam vừa thủa thái-bình,
Non hùm bặt dấu, biển kình biệt tăm.
Ngày bữa rằm tiết hè đang thịnh,
Vâng chiếu rồng tuần-hạnh Thuận-An.
Pháo-đài bẩy tiếng sấm vang,
Thuyền chèo tách sóng, cờ phan cuốn giời.
Dạy giữa giời chạo ca một khúc,
Trấn-Hải-Thành bỗng chốc đã lên.
Theo chầu sánh hiệp bạn tiên,
Đầy thuyền Hoà-Lạc chỉ miền thương-ba.
Nửa bình trà một và cuốn sách,
Người tương-tri là khách tri âm.
Khói tùng, lông thỏ âm-thầm,

Mỉa-mai Lý Quách, sướng-ngâm Mạnh Hàn.
Mặt bàng-hoàng đến vừa bãi cát,
Đủng-đỉnh chờ gió mát giăng lên,
Anh em quanh-quất hai bên,
Chung thơ năm Đậu, liền miền ba Khương.
Nặng tình thương nhớ Đề-Hòa cảm,
Trăm năm thề chẳng dám chút sai.
Lần-hồi chèo thẳng sông dài,
Biết bao cảnh vật trong ngoài hơn vui.
Sông Phổ-Lợi một hồi vừa khỏi,
Đoái Bao-La vọi-vọi so-le.
Mấy giời khôn dễ chước dè,
Chớp ngày lửa chảy, mây hè mực un,
Gió vù vù cát bay đá chạy.
Sáu hiệp mờ tiếng lại vo vo.
Gió càng to sóng càng to,
Mấy neo cũng đứt, mấy đò cũng xiêu.
Lúc hiểm-nghèo cậy lòng trung-tín,
Nỗi dật-dờ dào đến dào lui.
Bỗng nhưng cơ-hội giời xui,
Nửa hình thuyền dắc, rạch mòi sóng qua.
Đã là ba chiếc ra buộc-rắt,
Xem thế dường chưa chắc vào đâu.
Dậm xa nhường thể ai tâu,
Thêm năm thuyền nữa lại sau mới rồi.
Mới cùng nhau mừng vui hớn-hở,
Ơn chin chùng đất chở giời che.

BÀI HÁT CỒ-BỒN CỦA TRANG-TỬ

(Nực cười cho kẻ quạt mồ, ghẻ thay cái gái lấy vồ đập xăng).

堪 嗟 浮 世 事
Kham ta phù thế sự,
有 如 花 開 謝
Hữu như hoa khai tạ.

妻 死 我 必 埋
Thê tử ngã tất mai,
我 死 妻 必 嫁
Ngã tử thê tất giá.
我 若 先 死 時
Ngã nhược tiên tử thòi,
一 場 大 笑 話
Nhất tràng đại tiếu hoại.
田 被 他 人 耕
Điền bị tha nhân canh,
馬 被 他 人 跨
Mã bị tha nhân khóa,
妻 被 他 人 戀
Thê bị tha nhân luyến,
子 被 他 人 罵
Tử bị tha nhân mạ,
以 此 慟 傷 情
Dĩ thử đỗng thương tình,
相 看 淚 不 下
Tương khan lệ bất hạ.
世 人 笑 我 不 悲 傷
Thế nhân tiếu ngã bất bi thương,
我 笑 世 人 空 斷 腸
Ngã tiếu thế nhân không đoạn trường.
世 事 若 還 哭 得 轉
Thế sự nhược hoàn khốc đắc chuyển,
我 亦 千 愁 淚 萬 行
Ngã diệc thiên sầu lệ vạn hàng.

(NAM-PHONG-DỊCH)

Này thế sự có vui đâu tá,
Nở rồi tàn hoa nọ khác chi,
Vợ mà thác ấy ta vì. . .
Ta mà thác ấy vợ đi lấy chồng.

Quá ra nữa ta riêng thác trước,
Thực lắm trò nhem-nhuốc khó coi.
Ruộng người cầy, ngựa người nuôi,
Con người mắng-mỏ, vợ người yêu-đương.
Nghĩ nông-nỗi tấm thương nhường thế,
Nhìn nhau xem hạ lệ hay không ?
Đời cười ta tính khi ngông,
Tự coi đạo vợ nghĩa chồng như chơi.
Ta lại dám cười đời ít biết,
Chỉ một niềm thảm-thiết sót-xa.
Vi bằng thế-sự sẩy ra,
Khóc mà lại được đây ta khóc rồi.

LỤC-BÁT

BÀI VIẾNG QUAN HOÀNG-RIỆU.

Một cơn gió thảm mưa sầu,
Đúc-nung gan sắt rãi-rầu lòng son.
Chữ trung đã rắp vuông tròn,
Quyết đem gửi cái tàn hồn cỏ cây.
Giời cao bể rộng đất giầy,
Núi Nùng sông Nhị chốn này còn ghi.
Thương ôi ! trong buổi lưu-ly,
Tấc riêng ai cũng thương vì người trung.
Rủ nhau tiền góp của chung,
Đưa người ra táng ở sau học-đường.
Thiết-tha nghĩ, ngẫn-ngơ nhường,
Lả-tơi thành-quách, tồi-tàn cỏ cây.

(*Thiếu mất mấy câu*)

Ngán thay cho cái phong-trần,
Tiếc thay cho kẻ trung-thần lắm thay !
Vì ai nên nỗi nước này,
Để người danh-tiết biết ngày nào quên.
Giải Nhị-Hà, cõi Long-Biên,
Trăm năm tiêu cốt để nghìn người trông.

CHẾ BÁC ĐỒ MẮC LỪA GÁI (*Yên-Đổ*)

Anh đồ ới hỡi anh đồ,
Mặt dỗ như tổ, da khô như xành.
Ngoài ba mươi tuổi xuân sanh,
Duyên sao sớm định rắp ranh những ngày.
May sao may khéo là may,
Gặp anh Hai-Cạo chao tay một nàng.
Trông người lịch-sự giỏi-dang,
Hỏi người quê quán họ hàng nơi nao.

Thưa rằng : « Thiếp ở Từ-Cao,
« Rằng Phan là họ, rằng Cảo là tên ;
« Bước nhà gặp buổi truân-triên,
« Cánh bèo mặt nước sông Tiền ngược xuôi.
« Hay đâu duyên sự bởi giời,
« Bách tùng nhờ bóng gửi người đẳng la.»
Thầy nghe cô nói sót-sa,
Ngọt-ngào đầu lưỡi, đậm-đà lỗ tai.
Con người thực cũng là người,
Tiền thời phỏng mất độ vài bốn quan,
Ít tiền mua được của ngon,
Máu tham thầy mới phát-hoàn anh Hai.
Từ ngày gặp liễu chương-đài,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Khi gối xếp, khi chăn bông,
Khi khăn bỏ giọt, khi mùng thắm che.
Khi chén rượu khi cuộc chè,
Khi vui hớn-hở giấc hòe tỉnh say.
Nắng mưa lần-lữa tháng ngày,
Cô tiêu đã lắm, thầy vay cũng nhiều.
Yêu người người lại chẳng yêu,
Chiều hoa hoa lại chẳng chiều mới căm.
Có đêm thanh vắng bóng hằng,
Thầy đương giở chén, cô băng vội nằm.
Giời vừa dở trống canh năm,
Vớ đôi áo mỏng với dăm áo giầy.
Thầy đương giở giấc nào hay,
Tỉnh ra cô đã bỏ thầy cô đi.
Duyên đâu gặp-gỡ làm chi,
Người đâu điên-đảo thế thì biết đâu.
Hớt-hơ hớt-hải tìm nhau,
Dạo quanh cửa trước cửa sau đi tìm.
Tìm em như thể tìm chim,

Rừng xanh núi đỏ biết tìm vào đâu.
Tìm em như thể tìm trâu,
Đồng kia bãi nọ biết đâu mà tìm.

GIỚI QUÂN SĨ CA (*Tiến-sĩ Nguyễn-hữu-Tạo*)

Nghìn xưa dậy phép hành quân,
Việc quân nên lấy chữ nhân làm đầu.
Công danh là chữ về sau,
Những đồ tiểu lợi hay đâu mà hòng.
Chinh-phu mấy kẻ tương tòng,
Miếng cơm tấm áo cũng trong cao giầy.
Binh đao chừng mấy tháng nay,
Ân trên che-chở, nghĩa thầy sót-thương.
Rấn thân vào cuộc chiến-trường,
Nghĩ người gối đất nằm xương sót tình.
Bên giời chửa dẹp lửa binh,
Biết bao gai góc đã đành lầm-than.
Nào nơi nhà cửa xương tan,
Trông ra thấy những gio tàn khói bay.
Nào nơi đồng nội cỏ cây,
Trâu bò lạc luống, bừa cầy vắng tanh.
Nào nơi hàng quán họp-hành,
Sạc-sào góc chợ, chông-chênh bên đường.
Nào nơi thuyền khách thông-thương.
Mái chèo cắm dọc, cánh buồm vắt ngang.
Kìa ai hay lũ nón vàng,
Trách ai ra cũng một phường tham-si.
Tài mà chi, lợi mà chi,
Chờ cho hết giặc còn gì là dân.
Nhiễu-nhương biết mấy mươi lần,
Tinh phần sợ giặc hơn phần sợ quan.
Ngọn cờ cheo chữ chiêu-an,
Binh qua rồi nữa cơ hàn làm sao ?

Của ai xin chớ tơ-hào,
Kẻo e chinh-chiến biết bao giờ rồi.
Hoặc là lấy của làm mồi,
Dử cho vào lưới, vào rồi mất ra.
Hoặc là tiếc của sót-sa,
Thấy người nặng gánh nó ra nó liều.
Hoặc là ngõ vắng đường heo,
Binh quan lên trước, giặc theo sau rồi.
Hoặc là dặm vắng đường dài.
Mặt trong bòn của, mặt ngoài vướng chông.
Khuyên nhau một sức một lòng,
Ra tay dịch-khái đền công truy-tùy.
Máu tham nào có hay gì,
Đã mòn vai gánh lại bia miệng cười.
Của người là cái nợ đời,
Của thần kia dẫu đền mười chửa yên.
Câu thề nhớ lấy đừng quên,
Đem nhời khẩu-thiệt thay quyền phủ-cân,
Phòng khi quan pháp vô thân,
Cái gươm vi-mệnh cũng gần không xa.

BÀI SAI TỒ-TÔM

Nhang hoa thỉnh :

Thầy sai quan tướng chi-chi,
Cửu-vạn bát-sách tướng thì ù ngay.
Tôm lèo tướng đã đến đây,
Bốn ông thua hết một thầy được ăn.
Thầy sai quan tướng thất-văn,
Tam-vạn tam-sách nó dần vào phu.
Tướng tôm tướng đã hạ ù,
Bốn ông chịu phép phải thua một thầy.
Thầy sai bạch-định bài này,
Hai mươi tướng cái trắng rầy lại đen.

Phải quân ông lão bốc lên,
Sinh ra kinh-cố làm phiền các cô.
Thầy sai quan tướng thư phù,
Trong tay thầy sẵn mười phu thập-hồng.
Phen này chắc được như không,
Thò tay bốc nọc phải ông cụ già.
Trong lòng thầy nghĩ sót-sa,
Dơ đùi vỗ vế chịu là ù-xuông.
Bài thầy mười ván được dồn,
Trong tay thầy sẵn ván tôm ván lèo.
Chẳng may gặp lúc đen nghèo,
Bốc quân trong nọc quẳn-quèo như lươn.
Trông lầm thầy tưởng thất-văn,
Tam-vạn bát-sách chắc rằng được ăn.
Hay đâu giống nó quèo-quẳn,
Trông ra hóa chú cửu-văn rõ-ràng.
Dô hời dô hỡi dô khoan,
Thầy trình bốn cụ thầy sang chèo đò.
Tướng đâu tướng chẳng thư phù,
Cái ma tổ-tép làm thua bài thầy

VỊNH THỦY-TIÊN.

Than ơi sắc nước hương giời,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ?

HÁT ÔNG GIỜI (*Tú-Xương*)

Ta lên ta hỏi ông giời :
Trời sinh ta ở trên đời làm chi ?
Biết chăng cũng chẳng biết gì,
Biết ngồi nhà hát, biết đi ả-đầu !
Biết thuốc lá, biết chè tầu,
Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi.

HÁT ÔNG GIĂNG *(Tú-Xương)*

Ta lên ta hỏi ông giăng,
Hoạ là ông có biết chăng sự đời.
Ông to ông ở trên giời,
Hẳn ông soi khắp nước người nước ta.
Năm châu cũng một ông mà,
Kể ra thì lại mỗi nhà mỗi ông.

SÔNG LẤP NAM-ĐỊNH *(Tú-Xương)*

Sông kia rầy đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa chỗ giồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Dật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.
Việc đời nghĩ đến mà lo,
Giầu sang có phận, đói no có giời.
Ai ơi chơi kẻo già đời!

CÂU NGÂM *(Nguyễn-công-Trứ)*

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa giời mà reo.
Giữa giời vách đá treo-leo,
Ai mà chịu rét thì chèo với thông.

HÀ-NỘI TỨC CẢNH *(cụ Thượng Dương-Vân-Trì)*

Phất-phơ ngọn chúc giăng tà,
Tiếng chuông Chấn-Võ, canh gà Thọ-Xương.
Tịt-mù khói tỏa ngàn sương,
Dịp cầy An-Thái, mặt gương Tây-Hồ.

LỜI HẸN (*cụ Thượng Dương-Vân-Trì*)

Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Lần-lần lữa-lữa rầy-rầy mai-mai.
Có ai ta cũng thế này,
Không ai ta cũng như ngày có ai.

HỎI THĂM BẠN Ở HƯNG HÓA (*Cụ Thượng Dương-Vân-Trì*)

Nhớ xưa bạn cũ dặn rằng;
Xem tranh Đông-Phố, đợi giăng Tây-Hồ.
Từ vui núi Chúc sông Lô,
Hạc đâng rượu cúc, đàn du giấc hòe.
Có phen nhắn hỏi đi về,
Có thư xích-tố, có chè thanh-xuân.
Có lời hẹn với tình-quân,
Nhớ nhau lại có khi gần được nhau.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE

Quyển thứ hai đang in

Monsieur Le Résident Supérieur au Dépôt légal. – Deux exemplaires "Vân-Lân bảo giám" par Trần-Trung-Viên" Tirage exact de mille exemplaires.

Hanoï le 3 Juin 1921

P. Le Directeur

NGHIÊM-HAM-AN QUAN
HANOI